CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

*****

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA CHỈ: XÃ NỘI BÀI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2025

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

*****

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA CHỈ: XÃ NỘI BÀI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Bản chỉnh sửa lần 01)

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Tokhu Hà

Hà nội, tháng 09 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii
DANH MỤC BẢNG v
DANH MỤC HÌNH vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở.....1
2. Tên cơ sở 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....3
3.1. Công suất của cơ sở.....3
3.2. Công nghệ của cơ sở.....4
3.3. Sản phẩm của cơ sở 5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 5
4.1. Nguồn cung cấp điện của cơ sở.....5
4.2. Nguồn cung cấp nước của cơ sở.....6
4.3. Nhu cầu sử dụng hoá chất 6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....7
5.1. Vị trí địa lý của khu vực thực hiện cơ sở 7
5.2. Các hạng mục công trình chính của cơ sở.....8
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 14
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....14
2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường 14
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 15
1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....18
1.3. Xử lý nước thải.....22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....43
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường 43
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....45
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....46
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. 47
6.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.....47

6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định 48
7. Các nội dung thay đổi so với Bản cam kết bảo vệ môi trường 61
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 64
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 64
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 65
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 65
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....66
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 67
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án 67
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....67
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....68
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 69

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

B

BOD	:	Nhu cầu ôxi sinh hóa
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường

C

COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CP	:	Chính phủ
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Quản lý chất thải nguy hại

D

DO	:	Ôxi hòa tan

G

GHCP	:	Giới hạn cho phép
GP	:	Giấy phép
GPMT	:	Giấy phép môi trường
GTVT	:	Giao thông vận tải
GXN	:	Giấy xác nhận

H

HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải

K

KĐT	:	Khu đô thị
KK	:	Không khí
KT-XH	:	Kinh tế - Xã hội

N

NĐ	:	Nghị định
NM	:	Nước mặt

P

PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy

Q

QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
QH	:	Quốc hội

S

STNMT	:	Sở Tài nguyên và Môi trường

SNNMT	:	Sở Nông nghiệp và Môi trường
T		
TCCP	:	Tiêu chuẩn cho phép
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TT	:	Thông tư
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng trong nước
U		
UBND	:	Ủy ban nhân dân
V		
VSLĐ	:	Vệ sinh lao động
X		
XLNT	:	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1.1-Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất của Cơ sở.....3
Bảng 1.2-Tổng hợp các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của Cơ sở.....4
Bảng 1.3-Lượng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải 7
Bảng 1.4-Tọa độ các điểm của khu đất cơ sở.....8
Bảng 3.1-Thông số kỹ thuật các công trình thuộc tuyến thu gom nước mưa 16
Bảng 3.2-Thông số kỹ thuật các công trình thuộc tuyến thu gom nước thải 20
Bảng 3.3-Thông số kỹ thuật của bể tự hoại và tách mỡ tại Cơ sở.....24
Bảng 3.4-Thông số kỹ thuật các bể xử lý nước thải.....29
Bảng 3.5-Thông số kỹ thuật thiết bị của các bể xử lý nước thải.....29
Bảng 3.6-Nhu cầu hoá chất dùng cho hệ thống XLNT 32
Bảng 3.7-Khối lượng, chủng loại CTR CNTT phát sinh 45
Bảng 3.8-Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh.....45
Bảng 3.9-Một số sự cố về quá trình xử lý 49
Bảng 3.10-Một số sự cố máy móc, thiết bị và biện pháp ứng phó.....52
Bảng 3.11-Các nội dung của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với Bản cam kết bảo vệ môi trường 62
Bảng 4.1-Tiêu chuẩn nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT của Cơ sở.....64

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1.1-Mặt bằng tổng thể của Cơ sở.....3
Hình 1.2-Quy trình triển khai và vận hành Cơ sở 4
Hình 1.3-Sơ đồ cân bằng nước của Cơ sở 6
Hình 1.4-Vị trí Cơ sở trên bản đồ vệ tinh (Google Earth).....7
Hình 1.5-Một số hình ảnh các khu nhà của Cơ sở 13
Hình 3.1-Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của cơ sở 15
Hình 3.2-Hình ảnh hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở 17
Hình 3.3-Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở 18
Hình 3.4-Sơ đồ dẫn xả nước thải sau xử lý của HTXL NT ra nguồn tiếp nhận.....20
Hình 3.5-Sơ thoát nước thải sau HTXL NT ra nguồn tiếp nhận 21
Hình 3.6-Hình ảnh mương thoát nước hiện trạng cạnh Cơ sở 21
Hình 3.7-Quy trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của Cơ sở.....22
Hình 3.8-Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 22
Hình 3.9-Quy trình xử lý nước thải của cơ sở.....25
Hình 3.10-Sơ đồ mặt bằng thiết bị hệ thống xử lý nước thải 26
Hình 3.11-Một số hình ảnh về hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở 42
Hình 3.12-Một số hình ảnh kho lưu giữ CTNH của Cơ sở 46

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà
- Địa chỉ: Thôn Đông Lai, xã Nội Bài (trước đây là xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn), thành phố Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: Phạm Thị Thu Hà - Chức vụ: Giám Đốc
- Số điện thoại: 043 751 2046 - Fax: 043 751 2046
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100957353 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03/01/2024.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà
- Địa điểm thực hiện: Xã Nội Bài (trước đây là xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn), thành phố Hà Nội.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 ngày 28/5/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp cho Cơ sở, cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/6/2015;

+ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 728/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp cho Cơ sở;

+ Văn bản số 1714/SXD-QLXD ngày 17/3/2022 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

+ Giấy phép xây dựng số 38/GPXD ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cấp cho Cơ sở.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 05/2011/GXNCK-UBND ngày 31/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cấp cho cơ sở Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

- Các văn bản pháp lý khác:

+ Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500;

+ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết xây

dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500;

+ Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Cơ sở;

+ Văn bản số 46/CV-QLĐT ngày 26/6/2009 của Phòng quản lý đô thị huyện Sóc Sơn về việc thỏa thuận công tác thoát nước phục vụ triển khai cơ sở Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

+ Văn bản số 1737/SNNMT-QLMT ngày 28/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường của dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà".

Sau khi Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội có hướng dẫn thủ tục môi trường cho Cơ sở, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (GPMT) của Cơ sở và nộp Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn để được thẩm định. Trình tự thủ tục đã tiến hành như sau:

+ Ngày 16/5/2025, Chủ cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp GPMT của Cơ sở tại UBND huyện Sóc Sơn (Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả mã hồ sơ H26.34-250516-0023);

+ Ngày 13/6/2025, Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn ban hành Quyết định số 4507/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở;

+ Ngày 16/6/2025, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND tiến hành khảo sát thực tế khu vực thực hiện của Cơ sở;

+ Ngày 23/6/2025, Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn có Văn bản số 1451/UBND-NNMT về việc hoàn thiện, chỉnh sửa bổ sung báo cáo đề xuất cấp GPMT và hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan.

- Quy mô của cơ sở:

+ Loại hình hoạt động: Khu chăm sóc và nghỉ dưỡng cho người cao tuổi.

+ Quy mô theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Theo Giấy chứng nhận đầu tư, Cơ sở có tổng mức đầu tư là 100,0 tỷ đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Đầu tư công số: 58/2024/QH15, Cơ sở có quy mô là tương tự dự án nhóm C.

+ Căn cứ theo số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Cơ sở có quy mô tượng tự Dự án nhóm III (Cơ sở có phát sinh nước thải ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức).

+ Cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT cho Cơ sở: Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì giấy phép môi trường của Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp

phép của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Căn cứ Văn bản số 1737/SNNMT-QLMT, GPMT của Cơ sở thời điểm này được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 55 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Do đó, nội dung báo cáo đề nghị cấp GPMT được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục X của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Hình 1.1-Mặt bằng tổng thể của Cơ sở

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

- Quy mô công suất của cơ sở: Cơ sở sẽ chăm sóc, phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cho khoảng 500 người cao tuổi.

- Cơ sở được xây dựng trên khu đất khoảng 15ha tại xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội. Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được Sở Quy hoạch và Kiến trúc xác nhận có các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Bảng 1.1-Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất của Cơ sở

STT	Chức năng sử dụng	Diện tích (m^2)
1	Đất xây dựng công trình của cơ sở	7.500
2	Đất làm đường giao thông, sân vườn, đường dạo	22.500
3	Đất đồi rừng	120.000
	Tổng	**150.000**

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cho phần diện tích đất xây dựng công trình, làm đường giao thông, sân vườn, đường dạo của cơ sở:

Bảng 1.2-Tổng hợp các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của Cơ sở

STT	Chức năng sử dụng	Diện tích (m^2)	Tầng cao (tầng)	Mật độ (%)
1	Khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi	13.000	2	31
	- Đất xây dựng công trình	***4.000***	*2*	
	- Đất xây dựng sân chơi, hồ nước, vườn hoa, sân bãi	*9.000*		
2	Khu chăm sóc đặc biệt	2.500	2	40
	- Đất xây dựng công trình	***1.000***	*2*	
	- Đất xây dựng sân vườn, lối đi	*1.500*		
3	Khu câu lạc bộ người cao tuổi	2.870	1-2	35
	- Đất xây dựng công trình	***1.000***	*1-2*	
	- Đất xây dựng sân vườn, chòi nghỉ	*1.870*		
4	Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên	4.450	1-3	34
	- Đất xây dựng công trình	***1.500***		
	- Đất xây dựng sân vườn	*2.950*		

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

3.2. Công nghệ của cơ sở

- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà triển khai và vận hành Cơ sở theo quy trình như sau:

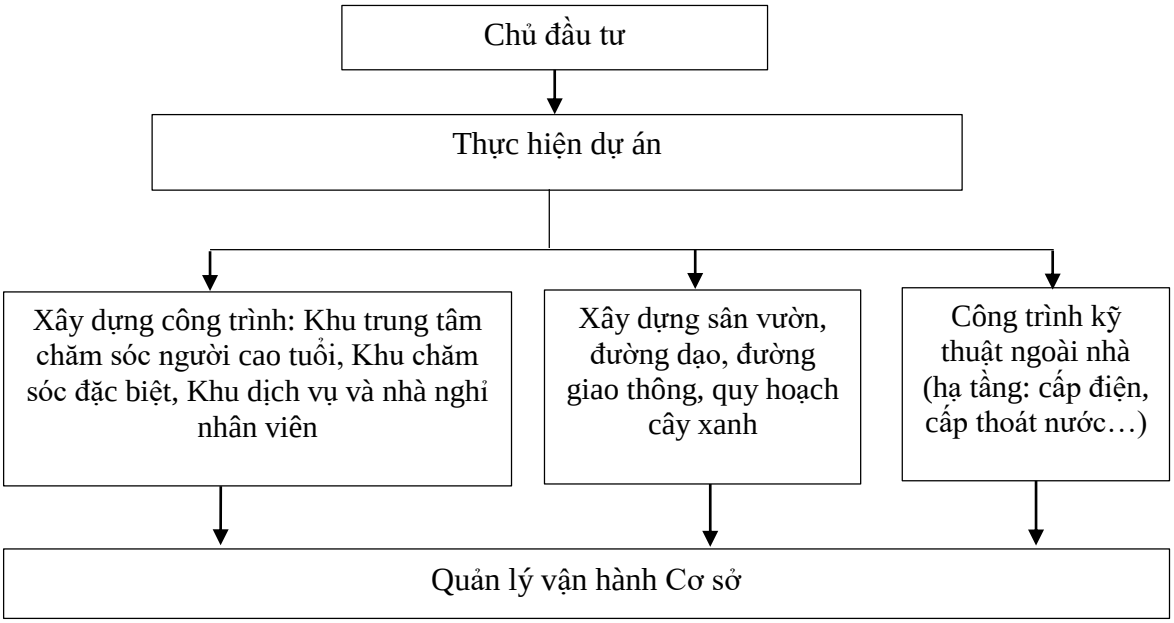

Hình 1.2-Quy trình triển khai và vận hành Cơ sở

Cơ sở không có công nghệ sản xuất, với đặc thù là khu nhà ở, dịch vụ và chăm sóc người cao tuổi, nên khi đi vào hoạt động Cơ sở chỉ có quá trình quản lý, vận hành các

khối nhà và dịch vụ chăm sóc trong trung tâm. Giai đoạn này, Chủ cơ sở đóng vai trò đơn vị đầu tư kinh doanh các khu dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật và khách hàng là những người có nhu cầu sử dụng các dịch vụ của trung tâm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở bao gồm các khu nhà dịch vụ gồm: Khu nhà trung tâm chăm sóc người cao tuổi, khu nhà chăm sóc đặc biệt và khu nhà dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên. Trung tâm dự kiến sẽ chăm sóc, phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cho 500 người cao tuổi. Kết hợp các dịch vụ vui chơi giải trí cho người cao tuổi trên cơ sở duy trì, bảo vệ và phát triển rừng, hình thành khu sinh thái rừng.

- Mức độ tiện nghi sinh hoạt ở mức tốt, phù hợp với tiêu chuẩn một khu nghỉ dưỡng cho người cao tuổi.

- Công trình chính bao gồm các khu chức năng như:

+ Khu đón tiếp;

+ Khu nghỉ ngơi;

+ Khu giải trí với các phòng thư viện, đọc sách, phòng ăn, hội họp, các câu lạc bộ thơ văn, khiêu vũ, ẩm thực, dưỡng sinh,...

+ Hệ thống massage, vật lý trị liệu liên hoàn trong nhà.

- Công trình ngoài trời gồm các khu:

+ Khu sân vườn cây cảnh với vườn cây thuốc nam, vườn thi ca, vườn cây,…

+ Khu thể thao ngoài trời: dự kiến sẽ xây dựng sân quần vợt, cầu lông.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Cơ sở đơn thuần là xây dựng các khu nhà phục vụ mục đích nghỉ ngơi, không có hoạt động sản xuất nên hầu như không tiêu thụ nhiên liệu trong quá trình vận hành. Nhiên liệu sử dụng nếu có chỉ nhằm phục vụ cho hoạt động của máy phát điện dự phòng khi có sự cố cắt điện hoặc có kế hoạch cắt điện luân phiên các khu vực trong thành phố trong thời kỳ cao điểm. Những khả năng này đều rất ít xảy ra, vì vật nhu cầu sử dụng nhiên liệu của cơ sở rất là thấp.

4.1. Nguồn cung cấp điện của cơ sở

- Nguồn điện phục vụ cho hoạt động của cơ sở được cấp bởi hệ thống cấp điện của Công ty Điện lực Sóc Sơn.

- Nguồn cấp điện được cấp từ trạm biến áp Sóc Sơn 110/22KV 2x63 MVA ở phía Bắc khu vực quy hoạch.

- Nguồn cung cấp điện của công trình là điện 3 pha 4 dây 380/220V được lấy từ nguồn điện trung thế hiện có của khu vực. Việc truyền dẫn điện trung thế từ nguồn tới trạm điện sử dụng cáp ngầm trung thế cách điện XLPE, ruột đồng, có đặc tính chống thấm dọc và có đai thép bảo vệ cơ học.

- Ngoài ra còn có nguồn điện dự phòng lấy từ máy phát điện dự phòng cung cấp cho các phụ tải quan trọng như: nhà đa năng, bơm nước, chữa cháy và sinh hoạt,… khi nguồn điện chính bị gián đoạn.

4.2. Nguồn cung cấp nước của cơ sở

a. Nguồn cấp nước sạch của cơ sở

Nguồn cấp nước sinh hoạt của cơ sở được lấy từ nguồn nước sạch do Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội cung cấp.

b. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở bao gồm: Nước sinh hoạt của nhân viên, người cao tuổi, nước dùng để tưới cây, rửa đường dự báo tổng số lượng nước sử dụng cho hoạt động của cơ sở ước tính như sau:

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt bao gồm nước cấp cho như cầu vệ sinh cá nhân Theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500, định mức nước cấp sinh hoạt cho một người là 200 lít/người/ngày. Quy mô số người theo quy hoạch là khoảng 500 người. Như vậy nước cấp cho hoạt động sinh hoạt là:

$$Q_{sh} = 200 \text{ lít/người/ngày x } 500 \text{ người} = 100 \text{ m}^3\text{/ngày.}$$

- Nước phục vụ tưới vườn hoa, định mức nước cấp cho hoạt động tưới vườn hoa là 3 lít/m^2 sàn/ngày.

$$Q_t = 3 \text{ lít/m}^2 \text{ sàn/ngày x } 9000 \text{ m}^2 = 27 \text{ m}^3\text{/ngày.}$$

- Nước phục vụ rửa đường, sân bãi định mức nước cấp cho hoạt động rửa đường, sân bãi của cơ sở là 0,5 lít/m^2 sàn/ngày.

$$Q_r = 0{,}5 \text{ lít/m}^2 \text{ sàn/ngày x } 7180 \text{ m}^2 = 3{,}6 \text{ m}^3\text{/ngày.}$$

Tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất của cơ sở là:

$$Q = Q_{sh} + Q_t + Q_r = 100 + 27 + 3{,}6 = 130{,}6 \text{ m}^3\text{/ngày.}$$

Sơ đồ cân bằng nước của Cơ sở như sau:

- 100 m^3 nước cấp sinh hoạt. - 27 m^3 nước cấp tưới cây - 3,6 m^3 nước cấp rửa đường, sân bãi. **Tổng lượng nước cấp: 130,6 m^3/ngày đêm**	→	- 100 m^3 nước thải sinh hoạt (100% nước cấp SH) - 0 m^3 nước thải hoạt động tưới cây - 0 m^3 nước thải từ hoạt động rửa đường. **Tổng lượng nước thải: 100 m^3/ngày đêm**

Hình 1.3-Sơ đồ cân bằng nước của Cơ sở

4.3. Nhu cầu sử dụng hoá chất

Cơ sở không sử dụng các nguyên liệu do không quá trình sản xuất sản phẩm mà chỉ sử dụng các nguyên, nhiên liệu, hóa chất cho hệ thống XLNT công suất 120 m^3/ngày đêm là chủ yếu. Việc sử dụng hóa chất cho quy trình xử lý nước thải được thực hiện tự động hoàn toàn, định lượng sử dụng hóa chất được cài đặt trong hệ thống điều khiển.

Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống XLNT theo tháng được thống kê theo bảng dưới đây:

Bảng 1.3-Lượng hóa chất của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hoá chất	Đơn vị	Khối lượng	GHI chú
1	Mật rỉ đường	kg/tháng	20	Bể thiếu khí
2	Javen 10 % (kg/m^3) – Nồng độ 0,03	kg/tháng	75	Dùng cho công đoạn bể khử trùng

(Nguồn: Sổ hướng dẫn vận hành HTXL nước thải của Cơ sở)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý của khu vực thực hiện cơ sở

- *Vị trí địa lý của cơ sở*

Cơ sở Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại Khu E, xã Nội Bài (trước đây là xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn), Thành phố Hà Nội được triển khai xây dựng trên Khoảng 19, đất rừng phòng hộ lâm trường Sóc Sơn tại thôn Đông Lai, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, có tổng diện tích đất khoảng **15ha**. Vị trí, ranh giới của cơ sở như sau:

- Phía Đông: Giáp đường 35;
- Phía Tây: Giáp đất núi đồi, gò rừng;
- Phía Bắc: Giáp đất núi đồi, gò rừng;
- Phía Nam: Giáp đất núi đồi, gò rừng.

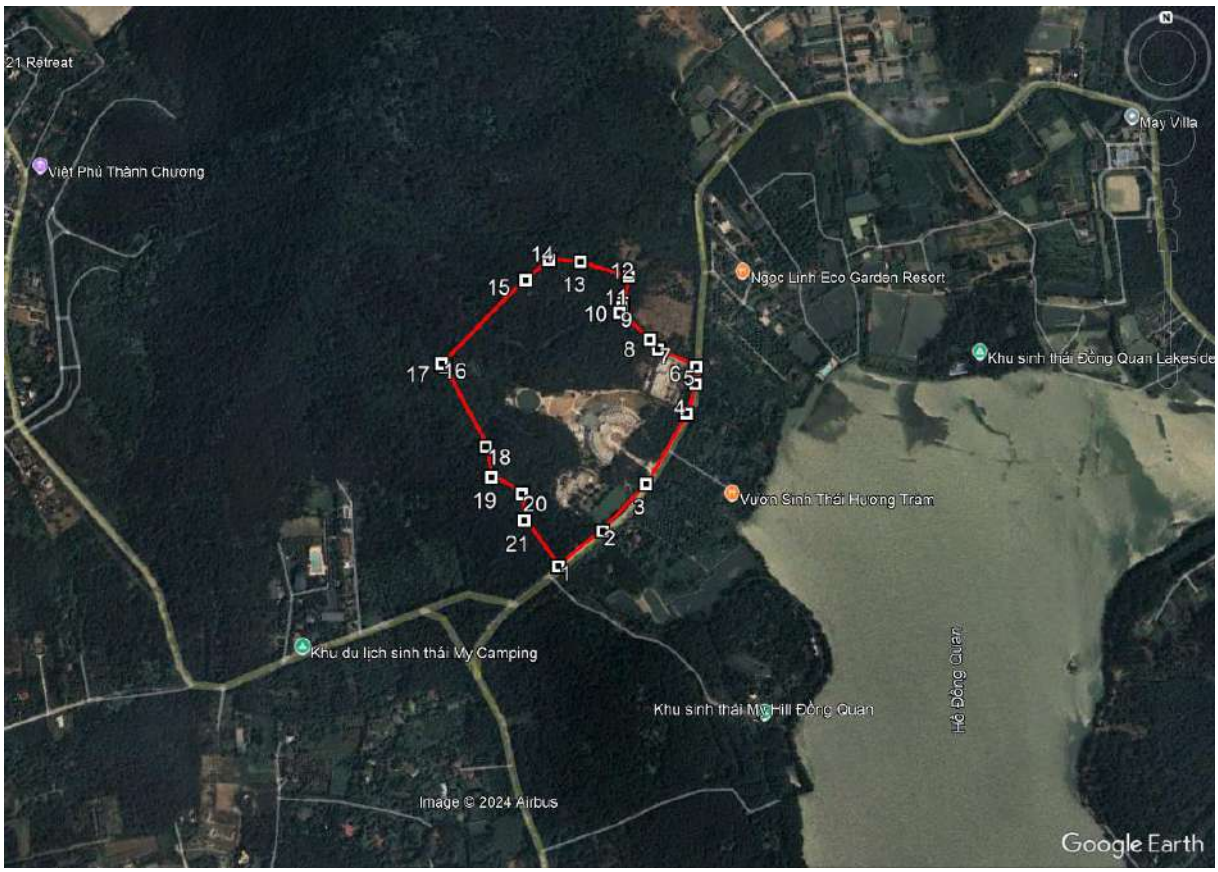

Hình 1.4-Vị trí Cơ sở trên bản đồ vệ tinh (Google Earth)

- Toạ độ các điểm mốc giới của khu đất cơ sở được nêu trong bảng sau:

Bảng 1.4-Tọa độ các điểm của khu đất cơ sở

Điểm	**Tọa độ VN – 2000** *(kinh tuyến trục 105°00, múi chiếu 3°)*	
	X(m)	Y(m)
1	2353022,62	584109,12
2	2353082,78	584191,53
3	2353165,15	584273,64
4	2353290,68	584353,66
5	2353344,56	584372,50
6	2353376,34	584375,42
7	2353409,77	584306,91
8	2353428,06	584292,27
9	2353477,96	584238,10
10	2353489,24	584243,16
11	2353496,16	584245,33
12	2353545,60	584258,28
13	2353571,96	584169,86
14	2353571,55	584111,19
15	2353530,36	584066,37
16	2353381,59	583911,73
17	2353375,69	583917,46
18	2353235,20	583985,61
19	2353181,47	583993,74
20	2353151,62	584047,35
21	2353104,62	584050,05
S=150.000m^2		

- *Hiện trạng khu đất xây dựng cơ sở*

Khu đất thực hiện cơ sở là khu đồi rừng nằm trong vùng đất có cảnh quan thiên nhiên phong phú gồm hệ thống đồi núi, hồ nước, rừng cây…

5.2. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

5.2.1. Các khu dịch vụ

- *Khu trung tâm*

Khu trung tâm cao 2 tầng và 1 tum thang, tổng diện tích sàn xây dựng 7.984m^2,

chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái **14,75m** Chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến mái 14,75m. Bố trí mặt bằng gồm sảng - lễ tân, bếp ăn, các phòng nghỉ, phòng trực. Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang và 07 thang bộ và 04 thang máy. Trong đó:

- Khu vực tiền sảnh, lễ tân: diện tích khoảng **336m^2**.

- Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng **3.730m^2**, chiều cao **3,6m**.

- Tầng 2: Diện tích xây dựng khoảng **3.874m^2**, chiều cao **3,6m**.

- Tầng tum: Diện tích xây dựng khoảng **44m^2**.

- *Khu chăm sóc đặc biệt*

Khu chăm sóc đặc biệt cao 02 tầng và 01 tum thang, gồm 3 đơn nguyên, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng **1.999m^2**; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái **10,2m.** Bố trí mặt bằng gồm các phòng nghỉ, phòng trực. Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang và 03 thang bộ và 01 thang máy. Trong đó:

- Khu vực tiền sảnh, lễ tân: diện tích khoảng **30m^2**.

- Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng **994m^2**, chiều cao **3,6m**.

- Tầng 2: Diện tích xây dựng khoảng **975m^2**, chiều cao **3,6m**.

- *Khu Dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên*

Khu Dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên cao 1-3 tầng gồm 3 đơn nguyên, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng **2.924m^2**; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 13,8m. Bố trí mặt bằng gồm các phòng nghỉ khép kín. Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang và 03 thang bộ và 01 thang máy. Trong đó:

- Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng **1.407m^2**, chiều cao **3.6m**.

- Tầng 2: Diện tích sàn xây dựng khoảng **953m^2**, chiều cao **3,6m**.

- Tầng 3: Diện tích sàn xây dựng khoảng **564m^2**, chiều cao **3,6m**.

Kết cấu móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT; hệ thống đài, giằng móng bằng BTCT; Kết cấu thân sử dụng giải pháp khung BTCT chịu lực, sàn bằng BTCT đổ toàn khối.

Hệ thống kỹ thuật các khu đều được đồng bộ bao gồm: Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, thông gió, phòng cháy chữa cháy.

5.2.2. Công trình phụ trợ

- *Đường giao thông nội bộ*

- Cổng vào cơ sở kết hợp xây dựng tuyến đường rộng 9m, lòng đường rộng 7m, lề 2 bên 1,0m. Kết cấu mặt đường bê tông asphal, hè lát gạch, bó vỉa, đan rãnh bằng tấm bê tông xi măng đúc sẵn.

- Trục trung tâm rộng 12m gồm mặt đường rộng 8m, giải phân cách giữa rộng 2m, lề mỗi bên rộng 1,0m. Kết cấu mặt đường bê tông asphal, hè lát gạch, bó vỉa, đan rãnh bằng tấm bê tông xi măng đúc sẵn.

- Các đường nội bộ: Chủ yếu là đường dạo, xây dựng bám sát nền hiện trạng, chiều rộng 3,5m, tại những đoạn tuyến có độ dốc lớn được xây dựng thành bậc thang kết hợp với chòi nghỉ. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Bãi đỗ xe: Tại cổng chính bố trí bãi đỗ xe rộng 200m^2, phía sau khu trung tâm bố trí 2 bãi đỗ xe kết hợp với sân vườn, cây xanh.

- *Cung cấp điện cho hệ thống chiếu sáng ngoài nhà*

- Cung cấp điện chiếu sáng ngoài nhà được cung cấp bằng một đường độc lập với các công trình trong khu vực trạm điện.

- Cung cấp điện cho toàn bộ công trình được lấy từ trạm điện đến các tủ điện tổng đặt ở góc cầu thang tầng 1 của các khối nhà.

- Cung cấp điện từ trạm điện đến các bảng phân phối điện của khu vực nhà bằng các tuyến cáp lõi đồng, cách điện XLPE/DSTA/PVC chôn ngầm cách cốt sàn nền 0,75m

- Cung cấp điện cho hệ thống chiếu sáng ngoài nhà bằng hệ thống cáp ngầm lõi đồng cách điện XLPE/DSTA/PVC chôn ngầm cách cốt san nền 0,75m.

- Nguồn cung cấp điện dự phòng của công trình được cung cấp bởi máy phát điện Diesel tại chỗ đảm bảo cung cấp điện liên tục.

- *Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà*

- Hệ thống chiếu sáng cho khuôn viên và vườn cây xanh

- Hệ thống đèn trang trí và chiếu sáng đường đi dạo, khu bể phun nước

- Hệ thống chiếu sáng khu vực cổng chính chỗ bãi đỗ xe

- Hệ thống chiếu sáng sân tennis, cầu lông

- Hệ thống chiếu sáng bảo vệ quanh khu vực hàng rào.

- *Hệ thống cấp nước sinh hoạt*

- Nhà chính đa năng: Chọn bơm cấp nước lên bể mái Q = 15 m^3/h – H = 40m (1 bơm làm việc - 1 bơm dự phòng), ống đứng cấp nước lên bể mái D50, bơm được đặt ở chế độ bơm tự động, bơm sẽ được tự động làm việc khi thể tích nước sinh hoạt trong bể mái còn W = 3 m^3 và bơm sẽ tự động ngắt khi bể mái đầy hoặc khi thể tích nước sinh hoạt trong bể ngầm nhỏ hơn 54 m^3.

- Nhà nghỉ dưỡng nhỏ: Chọn bơm cấp nước lên bể mái Q = 1l/s – H = 30m (1 bơm làm việc - 1 bơm dự phòng), ống đứng cấp nước lên bể mái D20, bơm được đặt ở chế

độ bơm tự động, bơm sẽ được tự động làm việc khi thể tích nước sinh hoạt trong két nước gần hết và bơm sẽ tự động ngắt khi bể mái đầy.

- *Hệ thống chống sét*

- Chống sét – nối đất: Chống sét cho công trình bằng hệ thống các kim thu sét và dây nối lắp trên các kết cấu nhô cao và bờ của mái nhà (dùng cho khối nhà nghỉ dưỡng). Hệ thống này được nối xuống hệ thống nối đất bằng dây dẫn sét. Điện trở của hệ thống nối đất chống sét phải ≤ 10 Ω. Hệ thống chống sét chống tia tiên đạo sớm gồm hai hệ thống kim thu sét bán kính bảo vệ 18m cho khối nhà chính. Tất cả các vỏ kim loại của tủ điện, hộp aptomat, các kết cấu kim loại phải được nối vào hệ thống nối đất an toàn. Hệ thống này độc lập với hệ thống nối đất chống sét và có giá trị điện trở phải ≤ 4 Ω.

- Hệ thống chống sét:

+ Bộ tiếp nhận – bằng thu lôi: Dùng thu lôi và thép dẹt mạ thiếc nóng 25 x 4 làm bộ tiếp nhận.

+ Dây dẫn xuống đất: Lợi dụng 2 cây cột thép chính ϕ≥ 20 phía ngoài đầu cột của kết cấu làm dây dẫn xuống đất, việc nối tiếp 2 cây cột thép này dùng hàn điện, đoạn dưới cùng nối với dây tiếp địa.

+ Cọc tiếp địa: lợi dụng cốt thép chính của móng cột và cổ móng công trình để làm cực tiếp địa, điện trở tiếp địa không lớn hơn 1.

+ Giải pháp điện vi cân bằng và chống sét: Cấu kiện kết cấu công trình và cốt thép trong bê tông phải nối liền với nhau và nối liền với dây dẫn xuống đất.

+ Lợi dụng hai thanh cốt thép không nhỏ hơn ϕ 20 của dầm giằng vòng ngoài mỗi tầng hàn thành một vành đai khép kín và nối với dây dẫn xuống đất.

+ Phải nối liền các khối kim loại khá lớn như lan can kim loại trên tường ngoài các tầng từ 30m trở lên, cửa kim loại với vành đai khép kín.

+ Cốt thép trên mái của công trình phải hàn thành mạng không lớn hơn 10 x 10m hoặc 12 x 8m và nối liền với dây dẫn xuống đất.

- Các loại đường ống kim loại ra vào công trình phải nối với hệ thống tiếp địa.

Một số hình ảnh của Cơ sở:

Hình ảnh khu trung tâm

Hình ảnh khu chăm sóc đặc biệt

Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên

Hình 1.5-Một số hình ảnh các khu nhà của Cơ sở

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Tại thời điểm Cơ sở lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (tháng 8/2025), Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Do đó, báo cáo căn cứ theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong quyết định nêu rõ mục tiêu tổng quát là: "*chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp, hài hoà với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu*".

2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Môi trường không khí khu vực chỉ bị tác động bởi khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông và máy phát điện; mùi hôi từ khu vực tập kết rác thải và hệ thống xử lý nước thải. Tuy nhiên, lượng khí thải phát sinh từ các hoạt động này không nhiều, dễ khuếch tán vào không khí, mặt khác cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu ngay tại nguồn nên khả năng tác động đến môi trường không lớn vì vậy chất lượng môi trường không khí tại khu vực đảm bảo khả năng tiếp nhận, khuếch tán các chất ô nhiễm phát sinh từ cơ sở.

2.2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải

Theo văn bản số 46/CV ngày 26/06/2009 của Phòng quản lý đô thị UBND huyện Sóc Sơn về việc thoả thuận công tác thoát nước phục vụ triển khai cơ sở Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà. Tại cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và người cao tuổi trong quá trình sinh sống, toàn bộ nước thải sinh hoạt này được thu gom về HTXL nước thải công suất 120m^3/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột B trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước của khu vực trên tuyến đường 35 xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a. Hệ thống thu gom thoát nước mưa tại Cơ sở

Hệ thống thu gom nước mưa của Cơ sở hoàn toàn tách biệt với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa từ 3 khu vực: Khu trung tâm, khu chăm sóc đặc biệt, khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của các khu, sau đó thoát ra vườn trong khu vực cơ sở.

Hệ thống thu gom nước mưa của các khối nhà trong cơ sở được thiết kế độc lập và có sơ đồ thu gom tương tự nhau, cụ thể như sau:

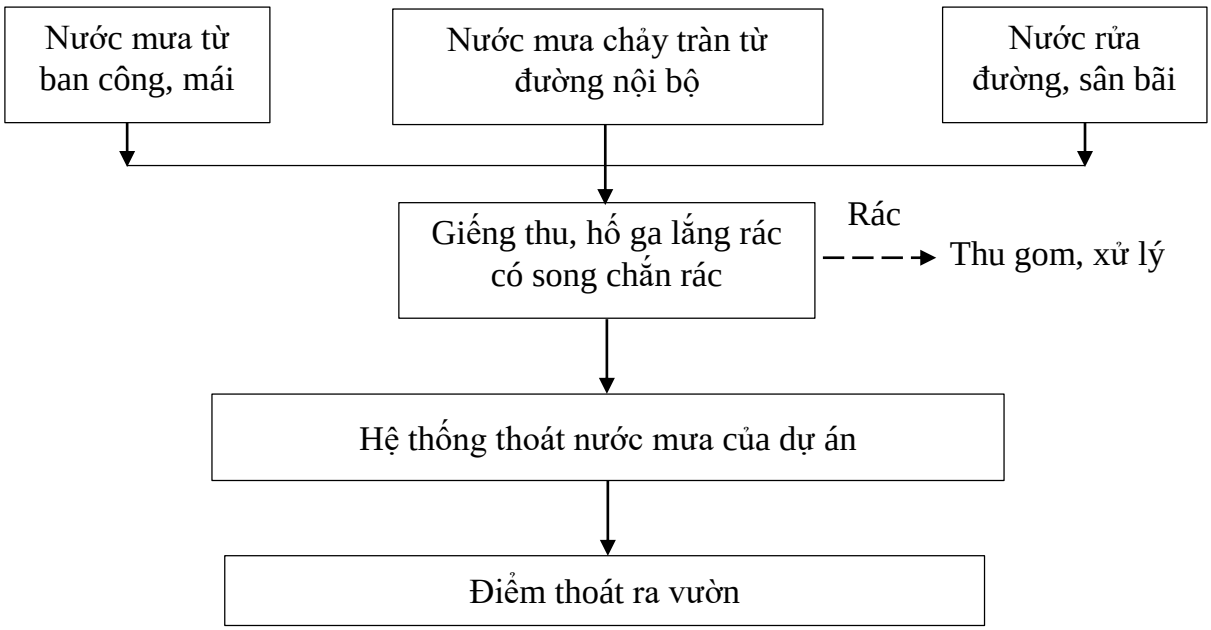

Hình 3.1-Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

Phương án thu gom thoát nước mưa của cơ sở như sau:

- **Khu trung tâm:**

- Nước mưa từ mái của toà nhà sẽ được thu gom vào các ống đứng PVC D90, sau đó sẽ được dẫn xuống hố ga dưới mặt đất theo ống PVC D110 thoát vào hệ thống thu gom nước mưa của tòa nhà.

- Nước mưa chảy tràn khu Trung tâm được thu gom vào các hố ga thoát nước mưa cùng với nước thu mái thoát ra vườn bằng đường cống D200 qua 03 điểm.

- **Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên:**

- Lượng nước mưa từ mái và nước mưa chảy tràn tại khu dịch vụ và nhà nghỉ của nhân viên sẽ được thu bằng hệ thống đường cống D200 (trên hệ thống có bố trí 05 hố ga lắng cặn, cát) và các hệ thống rãnh hở (kết cấu bê tông, R x H = 0,2 x 0,15 m). Lượng

nước mưa được thu gom tại toà khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên sẽ được chảy ra vườn qua 02 điểm.

- **Khu chăm sóc đặc biệt:**

- Lượng nước mưa từ mái và nước mưa chảy tràn tại khu nhà chăm sóc đặc biệt sẽ được thu gom vào các rãnh hở (kết cấu bê tông, R x H = 0,2 x 0,15 m) sau đó thoát vào hệ thống đường cống D200. Lượng nước mưa được thu gom tại khu chăm sóc đặc biệt sẽ được thoát ra vườn tại 01 điểm.

- Để hạn chế mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn trôi theo nước mưa vào môi trường, cơ sở đã tiến hành bê tông hóa và các hố ga được bố trí song chắn rác, thường xuyên quét dọn và vệ sinh các tuyến đường, khu vực. Định kỳ nạo vét bùn tại các hố ga để tránh tình trạng ô nhiễm, tắc nghẽn cống, hố ga thoát nước.

b. Các hạng mục chính, thông số kỹ thuật của mạng lưới thoát nước mưa

Thông số kỹ thuật các công trình thuộc tuyến thu gom nước mưa được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.1-Thông số kỹ thuật các công trình thuộc tuyến thu gom nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I. Khu Trung tâm			
1	Hố ga chữ nhật (L x B = 2 x 1,2m)	Cái	12
2	Hố ga vuông (B = 1,2m)	Cái	6
3	Ống D90	m	650
4	Ống D110	m	560
5	Cống D200	m	194
6	Điểm thoát ra vườn	Điểm	03
II. Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên			
1	Hố ga vuông (B = 1,2m)	Cái	5
2	Cống D200	m	75
3	Rãnh hở kết cấu bê tông (R x H = 0,2 x 0,15m)	m	79
4	Điểm thoát ra vườn	Điểm	02
III. Khu chăm sóc đặc biệt			
1	Hố ga vuông (B = 1,2m)	Cái	1
2	Hố ga chữ nhật (L x B = 4,5 x 1,9m)	Cái	2

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
3	Cống D200	m	43
4	Cống D500	m	48
5	Rãnh hở kết cấu bê tông (R x H = 0,2 x 0,15m)	m	45
6	Điểm thoát ra vườn	Điểm	01

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

Một số hình ảnh rãnh thu gom, hố ga thoát nước mưa của cơ sở:

Hình 3.2-Hình ảnh hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

a. Hệ thống thu gom nước thải tại Cơ sở

Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của Cơ sở được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Cụ thể:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ nhà vệ sinh và nước thải thoát sàn, nước rửa chân tay của nhân viên, người cao tuổi trong cơ sở. Phương án thu gom thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở như sau:

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Toàn bộ lượng nước thải sau bể tự hoại cùng với nước rửa (lavabo, thoát sàn) sẽ được thu gom về HTXL nước thải của Cơ sở để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nước thải khu nhà bếp qua chắn rác tự chảy xuống bể tách mỡ sau bể tách mỡ nước thải sẽ được hệ thống thu gom nước thải qua đường ống D200-D300 về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm để xử lý.

Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở được thể hiện trong hình sau:

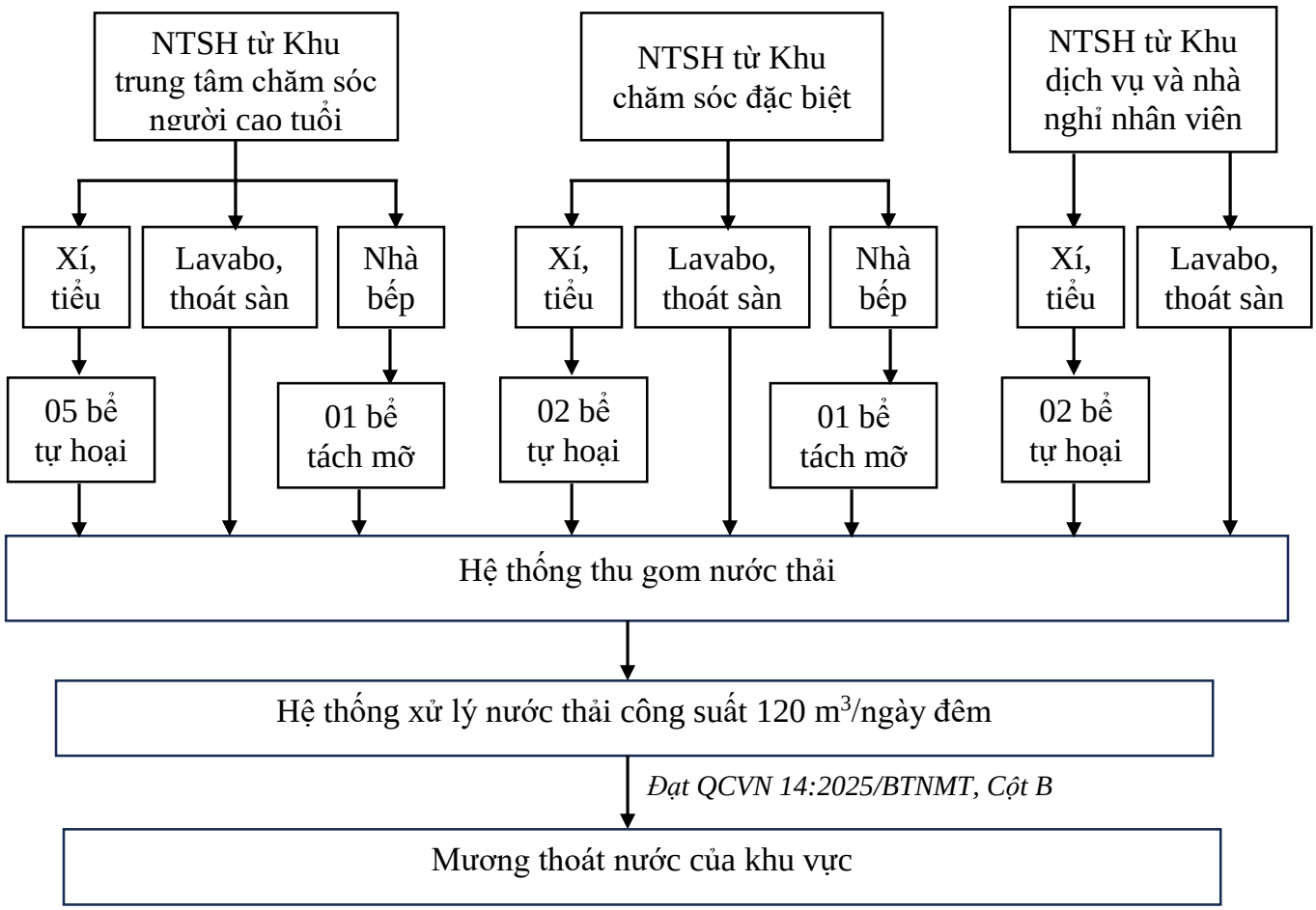

Hình 3.3-Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở

Phương án thu gom nước thải của cơ sở như sau:

- **Khu Trung tâm:**

- Nước thải từ xí, tiểu từ các nhà vệ sinh khu trung tâm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Toàn bộ lượng nước thải sau 05 bể tự hoại (tổng dung tích 64 m^3) sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D125, sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200-300 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- Nước thải từ lavabo, thoát sàn khu trung tâm được thu gom bằng đường ống PVC D110, sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200-300 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- Nước thải nhà bếp khu trung tâm qua chắn rác tự chảy bằng đường ống PVC D125 xuống bể tách mỡ (dung tích 18 m^3), sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200-300 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- **Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên:**

- Nước thải từ xí, tiểu từ các nhà vệ sinh khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên được thu gom xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 16 m^3). Toàn bộ lượng nước thải sau 02 bể tự hoại sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D125, sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- Nước thải từ lavabo, thoát sàn khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D60, sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- **Khu chăm sóc đặc biệt:**

- Nước thải từ xí, tiểu từ các nhà vệ sinh khu chăm sóc đặc biệt được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Toàn bộ lượng nước thải sau 02 bể tự hoại tại khu chăm sóc đặc biệt (tổng dung tích 20 m^3) sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D125, sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- Nước thải từ lavabo, thoát sàn khu chăm sóc đặc biệt sẽ được thu gom bằng đường ống PVC D110, sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

- Nước thải khu nhà bếp khu chăm sóc đặc biệt qua chắn rác tự chảy qua đường ống PVC D125 xuống bể tách mỡ sau bể tách mỡ (dung tích 12 m^3), sau đó nước thải qua đường ống HDPE D200 dẫn về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm.

b. Các hạng mục chính, thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom nước thải

Khối lượng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của cơ sở đã được xây dựng được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.2-Thông số kỹ thuật các công trình thuộc tuyến thu gom nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I. Khu Trung tâm			
1	Hố ga chữ nhật (L x B = 2 x 1,2m)	Cái	10
2	Hố ga vuông (B = 1,2m)	Cái	9
3	Ống HDPE D200	m	89
4	Ống HDPE D300	m	252
5	Ống PVC D125	m	351,6
6	Ống PVC D110	m	51
II. Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên			
1	Hố ga vuông (B = 1,2m)	Cái	2
2	Hố ga chữ nhật (L x B = 2 x 1,2m)	Cái	5
3	Ống HDPE D200	m	57
4	Ống PVC D125	m	147,4
III. Khu chăm sóc đặc biệt			
1	Hố ga vuông (B = 1,2m)	Cái	3
2	Ống HDPE D200	m	146
5	Ống PVC D125	m	107,1
6	Ống PVC D110	m	53,5
8	Ống PVC D90	m	6,9
9	Ống PVC D60	m	4,5

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

c. Thoát nước thải sau xử lý

Toàn bộ nước thải của cơ sở được đưa về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 120 m^3/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột B xả vào nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến Đường 35, xã Nội Bài cạnh Cơ sở. Vị trí đấu xả nước thải: Tọa độ: X= 2353156; Y= 584250. *(theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00, múi chiếu 3°).*

Nước thải sau HTXL nước thải đạt quy chuẩn đầu ra theo đường ống xoắn HDPE D160 dẫn xả vào mương thoát nước cạnh cơ sở.

Sơ đồ hệ thống dẫn xả thải của HTXL nước thải như sau:

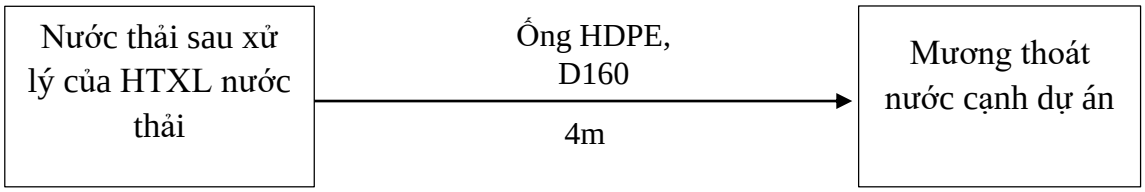

Hình 3.4-Sơ đồ dẫn xả nước thải sau xử lý của HTXL NT ra nguồn tiếp nhận

Hình 3.5-Sơ thoát nước thải sau HTXL NT ra nguồn tiếp nhận

Hình 3.6-Hình ảnh mương thoát nước hiện trạng cạnh Cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải của Cơ sở

Hiện nay, Cơ sở đã xây dựng 09 bể tự hoại và 02 bể tách mỡ, kết cấu BTCT để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi đưa về HTXL nước thải công suất 120 m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ của cơ sở được thể hiện ở hình sau:

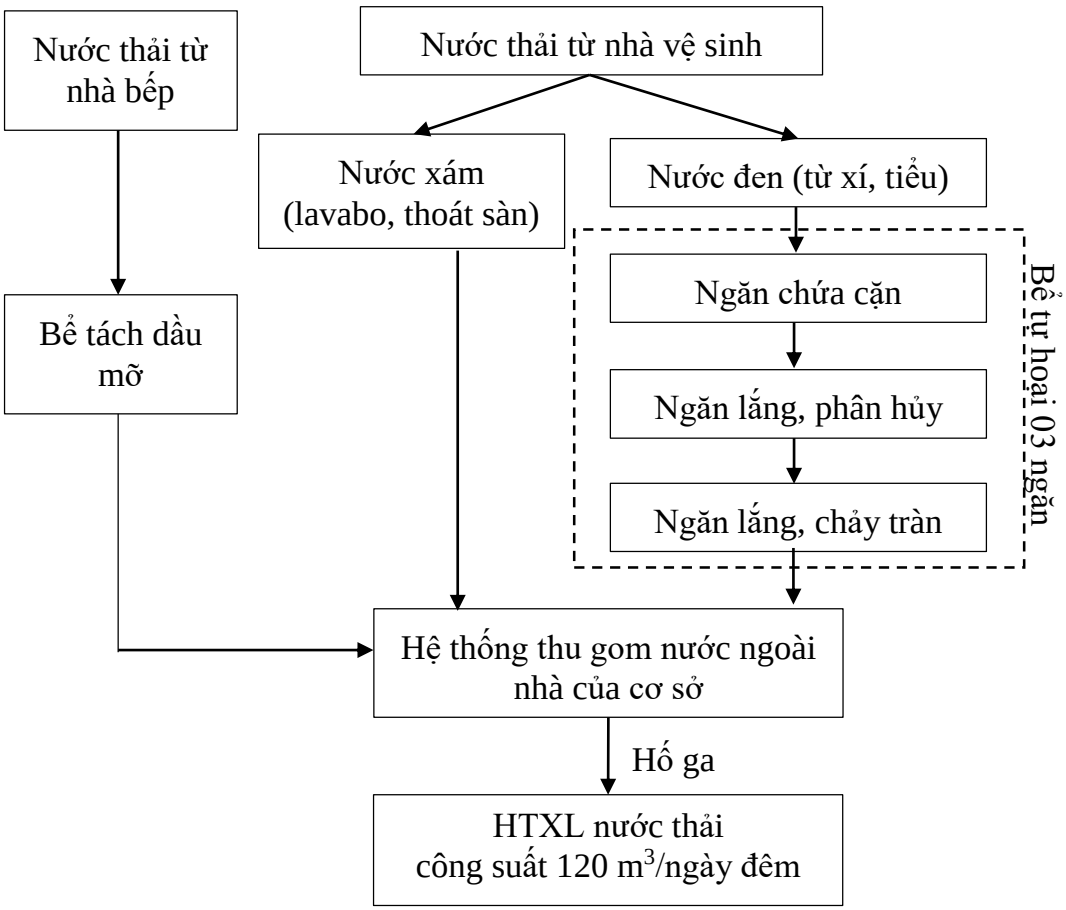

Hình 3.7-Quy trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của Cơ sở

- *Bể tự hoại*

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn: ngăn chứa cặn – ngăn lắng – ngăn lọc.

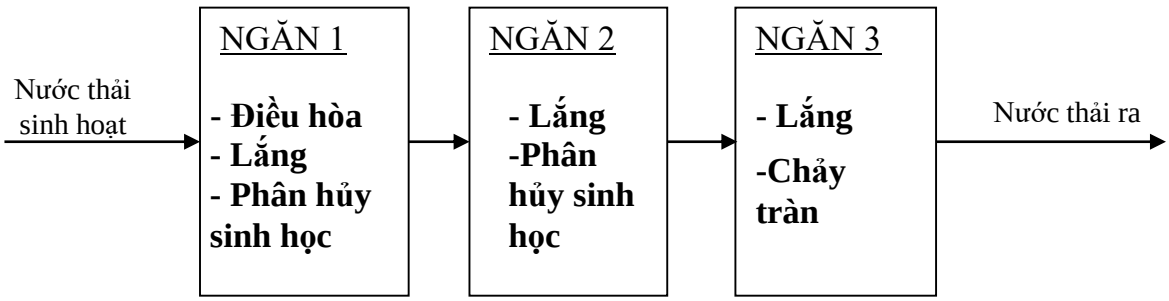

Hình 3.8-Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

- Ngăn chứa cặn: Nước thải từ các thiết bị xí, tiểu được dẫn bằng đường ống về

ngăn chứa cặn ở bể tự hoại. Sau quá trình phân hủy, các chất thải này sẽ biến thành bùn, riêng đối với các loại rác thải khó phân hủy sẽ đọng lại. Ngăn chứa này có không gian diện tích lớn nhất, bằng 2 ngăn kia cộng lại bởi đây là nơi chứa đựng chất thải từ khi chưa được phân hủy.

- Ngăn lắng: Những chất thải không thể phân hủy được ở ngăn chứa sẽ được đưa vào ngăn lắng (ví dụ như: kim loại, tóc, vật cứng,…). Ngăn lắng cũng sẽ chiếm thể tích 1 phần, bằng ngăn lọc trong cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.

- Ngăn lọc: Ngăn này có chức năng lọc các chất thải còn đang lơ lửng. Nếu cấu tạo bể phốt 03 ngăn được chia thành 4 phần thì ngăn lọc chiếm thể tích 1 phần trong tổng thể tích.

Thuyết minh công nghệ:

Bể tự hoại hoạt động chủ yếu dựa vào quá trình lắng cặn, lên men cặn lắng. Do tốc độ nước chảy qua bể rất chậm (thời gian lưu của nước trong bể từ 1-3 ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh: dưới tác dụng của trọng lực bản thân các hạt cặn (bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể và các chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Do đó, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh.

Các ngăn xử lý dòng hướng lên đảm bảo sự tiếp xúc trực tiếp của dòng nước thải với lớp bùn đáy bể (chứa quần thể vi khuẩn kỵ khí). Kết quả của quá trình lên men cặn là sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy thành các chất đơn giản gồm H_2O, các khí CO_2, CH_4,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

Nước thải từ xí, tiểu sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng BOD_5, COD và SS giảm đáng kể nhưng vẫn không đạt tiêu chuẩn. Vì vậy, nước thải này sau khi được xử lý bằng bể tự hoại sẽ được thu gom cùng với nước thải công nghiệp từ các nhà xưởng về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để tiếp tục xử lý.

- *Bể tách mỡ*

- Bể tách mỡ gồm có 02 ngăn:

Nước thải từ khu vực bếp được thu gom đưa vào ngăn chứa thứ nhất để tách mỡ, khối lượng riêng của dầu mỡ sẽ nhỏ hơn nước nên dầu mỡ sẽ nổi lên trên. Tại ngăn này, thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước. Còn phần nước trong sau khi mỡ và dầu đã tách ra lại tiếp tục đi xuống đáy bể và chảy sang ngăn nước xả.

Nước thải sau bể tách dầu mỡ sẽ được thu gom về HTXL nước thải để tiếp tục xử lý.

Dầu mỡ thải sẽ được thu gom định kỳ và xử lý như rác thải sinh hoạt. Chủ cơ sở sẽ

ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

Thông số kỹ thuật bể tự hoại và tách mỡ được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.3-Thông số kỹ thuật của bể tự hoại và tách mỡ tại Cơ sở

STT	Hạng mục	Số lượng	Thể tích (m^3)	Đặc điểm kỹ thuật
I. Khu trung tâm chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi				
1	Bể tự hoại 1	01	16	Bể tự hoại 3 ngăn
2	Bể tự hoại 2	01	12	
3	Bể tự hoại 3	01	20	
4	Bể tự hoại 4	01	8	
5	Bể tự hoại 5	01	8	
6	Bể tách mỡ	01	18	Bể tách mỡ 2 ngăn
II. Khu chăm sóc đặc biệt				
1	Bể tự hoại 1	01	8	Bể tự hoại 3 ngăn
2	Bể tự hoại 2	01	12	
3	Bể tách mỡ	01	12	Bể tách mỡ 2 ngăn
III. Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên				
1	Bể tự hoại 1	01	8	Bể tự hoại 3 ngăn
2	Bể tự hoại 2	01	8	

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

1.3.2. Công trình xử lý nước thải

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà
- Đơn vị Tư vấn QLDA & TVGS: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Thái Bình Dương.
- Đơn vị thiết kế, thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Môi trường TNT Việt Nam

Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có công suất 120 m^3/ngày đêm nằm trên khu đất hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ. Hệ thống xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột B, trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

1.3.2.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý theo quy trình công nghệ sau:

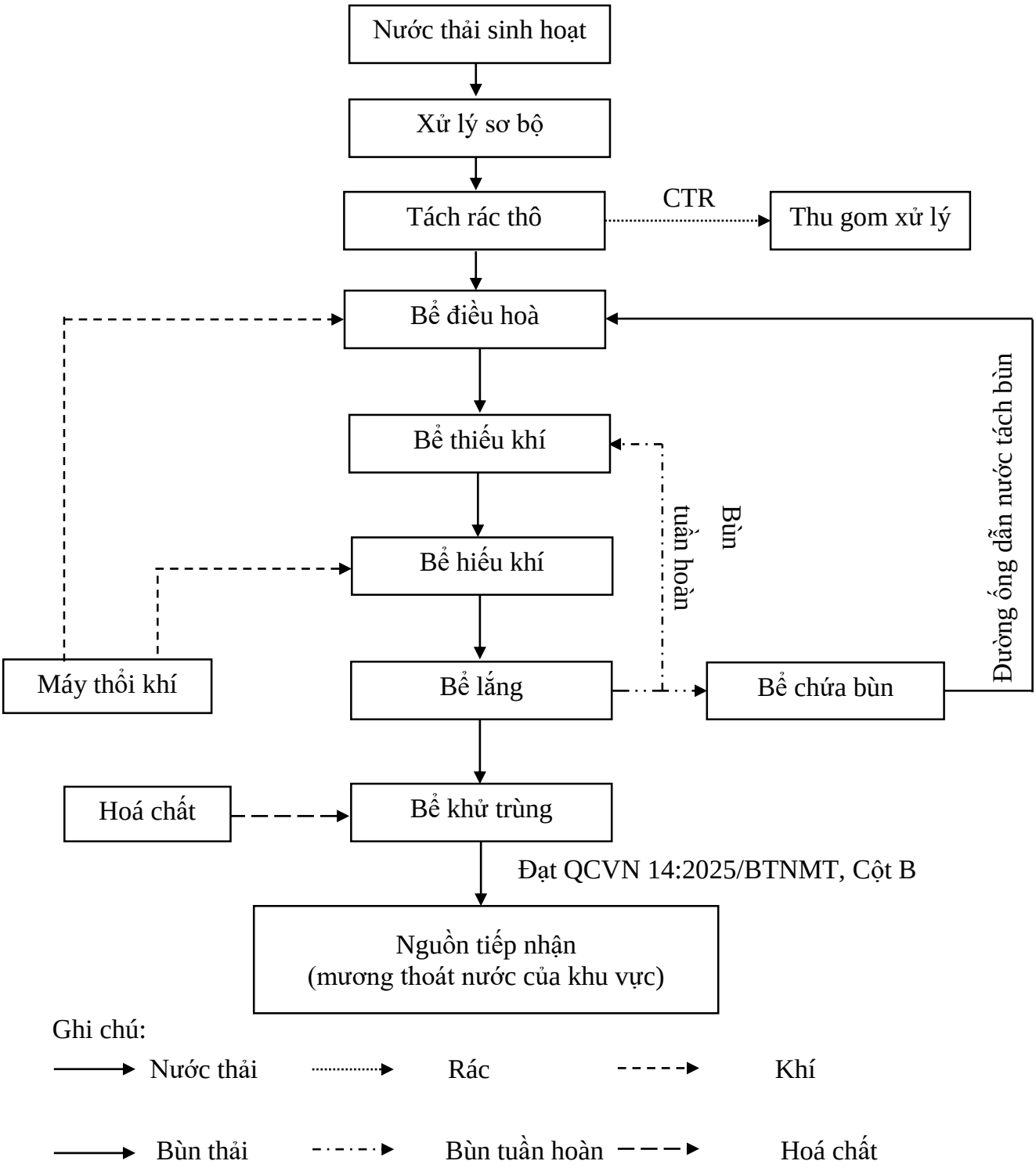

Hình 3.9-Quy trình xử lý nước thải của cơ sở

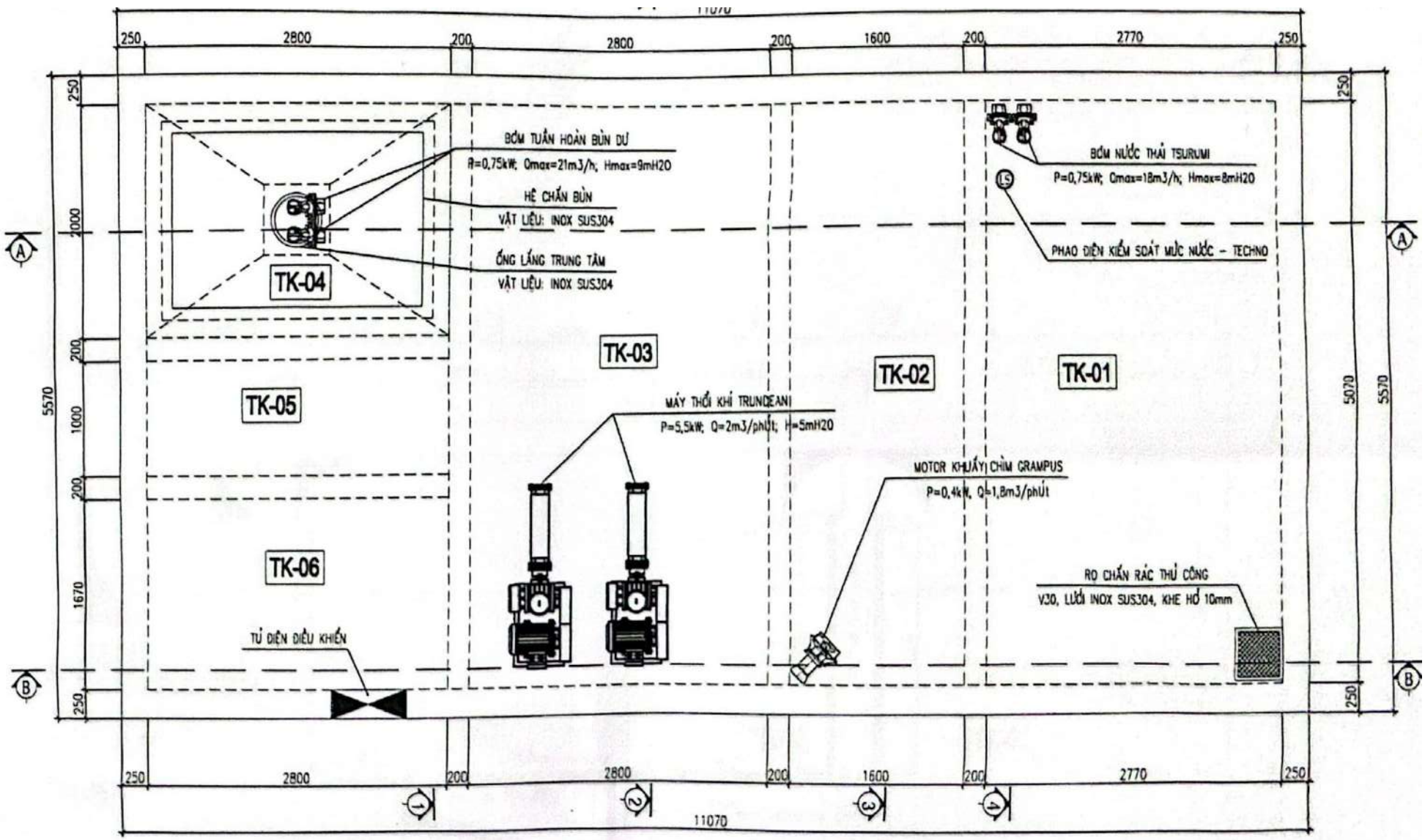

Hình 3.10-Sơ đồ mặt bằng thiết bị hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

Tách rác thô:

Nước thải sẽ được thu gom được đưa qua thiết bị tách ra thô để loại bỏ các chất thải rắn thô có kích thước lớn nhỏ có trong nguồn nước thải, làm giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của chúng đối với các công đoạn xử lý phía sau. Sau đó nước sẽ được chảy vào bể điều hoà.

Bể điều hoà (TK-01):

Bể điều hoà có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau, đồng thời phân hủy một phần các chất ô nhiễm có trong nước thải như BOD (phân huỷ 10%). Tại bể điều hoà có lắp đặt hệ thống phân phối khí nhằm cung cấp oxy và xáo trộn đều nước thải trước khi vào các công trình xử lý phía sau đồng thời có thể xử lý được mùi sinh ra từ nước thải do môi trường kị khí sinh ra.

Nước thải sau khi tập trung tại bể điều hoà, 02 máy bơm nước thải bơm nước vào bể sinh học thiếu khí (TK-02).

Bể thiếu khí (TK-02):

Tại bể thiếu khí, trong điều kiện thiếu khí hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.

Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu Oxi, các loại vi khuẩn này sẻ khử Nitrat Denitrificans sẽ tách oxi của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa:

$NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow N_2O \rightarrow N_2\uparrow$

Khí Nito phân tử N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài. Như vậy là Nito đã được xử lý.

Quá trình Photphorit hóa:

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

Cũng tại đây hóa chất dinh dưỡng (như Methanol) cũng sẽ được châm vào để bổ sung dưỡng chất cho quá trình khử nitơ.

$$NO_3^- + CH_3OH \Rightarrow CO_2 + N_2 + H_2O + OH^-$$

Bể thiếu khí được trang bị các máy khuấy chìm nhằm đảo trộn đều bùn và nước thải. Nhằm tăng hiệu quả của quá trình khử nitrat. Nước thải sau đó sẽ tự chảy sang bể xử lý hiếu khí (TK–03)

Bể hiếu khí (TK-03):

Tại bể hiếu khí nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 mg/l – 4 mg/l để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ. Tại đây nhờ quá trình phân hủy các chất hữu cơ dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí xử lý toàn bộ các chất hữu cơ. Hiệu suất xử lý đạt 80% - 90% tổng lượng BOD có trong nước thải.

Quá trình xử lý này gồm 2 quá trình xử lý:

Dùng vi sinh vật hiếu khí kết hợp với oxy để chuyển hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nước thành tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào). Quá trình được mô tả chỉ tiết bằng phương trình sau:

$$C_{18}H_{19}O_9N + 0,74NH_3 + 8,8O_2 => 1,74C_5H_7NO_2 + 9,3CO_2 + 4,52H_2O$$

Dùng oxy trong không khí để oxy hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước để chuyển hoá thành các hợp chất khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^-. Quá trình được mô tả chỉ tiết bằng phương trình sau:

$$C_{18}H19O9N + 19,5O_2 =>18CO_2+ 9H_2O + H^+ + NO_3^-$$

Quá trình xử lý này chủ yếu sử dụng các chủng vi sinh vật như: Chủng VSV Nitrosomonas, Nitrobacter.

Để đảm bảo quá trình phát triển của vi sinh vật hiếu khí cũng như quá trình khử BOD và nitơ trong nước, bổ sung thêm hệ giá thể MBBR, hóa chất dinh dưỡng và hệ thống bơm tuần hoàn từ bể hiếu khí (TK-03) về bể thiếu khí (TK-02).

Bể lắng (TK-04):

Hỗn hợp bùn nước từ bể hiếu khí sẽ được dẫn sang bể lắng. Bùn được lắng xuống đáy bể, phần nước trong được chảy tràn qua máng vào bể khử trùng (TK-05). Phần bùn lắng được hệ thống gạt bùn thu xuống dưới đáy dốc của bể lắng và được bơm bùn bơm tuần hoàn trở lại bể thiếu khí (TK-02) để đảm bảo nồng độ MLSS được ổn định. Phần bùn dư từ bể lắng được sinh ra từ quá trình xử lý sinh học được hút định kỳ về bể chứa bùn (TK-06).

Khi bùn ở bể chứa bùn thì bể sẽ có chức năng giữ cặn và lên men cặn lắng. Sản phẩm phân huỷ từ cặn lắng là nước và các chất khí. Nước sau quá trinh tại bể phân huỷ bùn sẽ được dẫn chảy tràn sang hầm chứa. Các thành phần cặn lắng khó phân huỷ sẽ định kỳ hút và vận chuyển đến bãi vệ sinh thích hợp. Cặn lắng sau khi phân huỷ, Nước được bơm về bể điều hoà (TK-01) định kỳ.

Bể khử trùng (TK-05):

Nước sau khi lắng qua bể lắng được đưa sang bể khử trùng, thời gian khử trùng khoảng 15-30 phút bằng javen. Tại đây dưới tác dụng của Javen khử trùng các vi khuẩn độc hại sẽ được xử lý (coliform, Ecoli…) trước khi nước được thải ra môi

trường. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột B (Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

1.3.2.2. Thông số kỹ thuật các công trình và thiết bị

Thông số kỹ thuật các bể trong hệ thống xử lý nước thải được thể hiện tại bảng dưới đây:

Bảng 3.4-Thông số kỹ thuật các bể xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Thông số bể xử lý								
		Dài (m)	**Rộng** (m)	**H nước** (m)	**H xd** (m)	**S** (m^2)	**Số bể**	**V nước** (m^3)	**V xd** (m^3)	**T lưu** (h)
1	Bể điều hòa	2,77	5,07	2,4	4,2	14,04	1	33,71	58,98	6,75
2	Bể thiếu khí	1,60	5,07	4,0	4,2	8,11	1	32,45	34,07	6,49
3	Bể hiếu khí	2,80	5,07	3,95	4,2	14,2	1	56,09	59,64	11,22
4	Bể lắng	2,80	2,00	3,90	4,2	5,60	1	21,84	23,52	4,37
5	Bể khử trùng	2,80	1,00	3,60	4,2	2,80	1	10,08	11,76	2,02
6	Bể chứa bùn	2,80	1,67	3,90	4,2	4,68	1	18,25	19,66	3,65

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

Thông số thiết bị của các bể trong hệ thống xử lý được thống kê tại bảng dưới đây:

Bảng 3.5-Thông số kỹ thuật thiết bị của các bể xử lý nước thải

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
I. Bể điều hoà (TK-01)				
1	**Rọ chắn rác thủ công** Xuất xứ: TNT - Việt Nam Vật liệu: V30, lưới inox SUS 304 Khe hở: 10.0 mm ± 1.0 mm	Bộ	01	Việt Nam
2	**Bơm nước thải** - Xuất xứ: Tsurumi – Nhật Bản - Mã hiệu: 50PU2.75-53 - Công suất: 0.75kW - Lưu lượng: 18m^3/h max - Điện áp: 3 phase/50Hz/380 V - Cột áp : 8mH2O	Cái	02	Nhật Bản
3	**Hệ thống phân phối khí thô** Xuất xứ: Tiền Phong - Việt Nam Vật liệu: Nhựa uPVC - C2 Vật tư phụ: Đai ôm ống; tắc kê....	Hệ	01	Việt Nam
4	**Phao điện kiểm soát mức nước** - Xuất xứ: Tecno – F.A.E.S - Italia	Cái	01	EU/G7

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
	- Loại phao: Phao quả (phao nổi) dây dài 7m - Nhiệt độ vận hành: -20 đến 80°C - Điện áp: 10(4) A/250V - Cấp bảo vệ: IP68			
II. Bể thiếu khí (TK-02)				
1	**Motor khuấy chìm** - Xuất xứ: Grampus – Taiwan - Mã hiệu: RM – 3052 - Công suất: 0.4kW - Điện áp: 3 phase/50Hz/380 V - Lưu lượng: 1,8 m3/phút	Cái	0,1	Đài Loan
2	**Hệ thống phân phối khí thô:** Xuất xứ: Tiền Phong - Việt Nam Vật liệu: Nhựa uPVC - C2 Vật tư phụ: Đai ôm ống; tắc kê....	Hệ	01	Việt Nam
3	Hệ thống hướng dòng, giá đỡ: Tổ hợp hộp: 50x50x2mm Vật liệu: Inox SUS 304	Bộ	01	Việt Nam
III. Bể hiếu khí (TK-03)				
1	**Hệ thống phân phối khí tinh:** Bao gồm 40 đĩa thổi khí tinh: - Xuất xứ: SSI – Mỹ - Mã hiệu: ECD270 – E (vành đĩa màu đen) - Đường kính: 9" - Vật liệu: Màng EPDM F053A (bằng cao su màu đen) - Kiểu kết nối: 3/4" MNPT Nipple Dải lưu lượng: 0-12(Sm^3/h) Phụ kiện: đai ôm, tắc kê, cút, tê...	Hệ	01	EU/G7
2	**Máy thổi khí:** Đầu máy thổi khí: - Xuất xứ: Trundean – Taiwan - Mã hiệu: TH – 65 - Lưu lượng: 1-1,82m^3/phút - Cột áp: 5mH2O Động cơ: - Xuất xứ: Toàn Phát – Việt Nam	Cái	02	Đài Loan

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
	- Công suất 5,5kW			
IV. Bể lắng (TK-04)				
1	**Ống lắng trung tâm và hệ giá đỡ:** Xuất xứ: TNT - Việt Nam Vật liệu: Inox SUS 304	Hệ	01	Việt Nam
2	**Hệ chắn bùn:** Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: Inox SUS 304	Hệ	01	Việt Nam
3	**Bơm tuần hoàn bùn, bơm bùn dư:** - Xuất xứ: Tsurumi – Nhật Bản - Mã hiệu: 50PU2.75-53 - Công suất: 0.75kW - Lưu lượng: 21m3/h max - Điện áp: 3 phase/50Hz/380 V - Cột áp : 9mH_2O	Cái	02	Nhật bản
V. Hệ thống điện và đường ống công nghệ				
a. Hệ thống điện điều khiển, điện động lực				
1	**Hệ thống điện điều khiển:** Vỏ tủ điện: loại để trong nhà Hệ thống được điều khiển Auto/MAN Đồng hồ đa năng, Đèn báo, Nút điều khiển, dừng khẩn cấp… Thiết bị điện hãng LS hoặc Idec,...	Hệ	01	Tổ hợp
2	**Hệ thống điện động lực:** Ống chôn ngầm: ống xoắn HDPE / PVC - Cáp động lực: Cu/XLPE/PVC - Cadisun… htđ Ống sun luồn dây điện	Hệ	01	Việt Nam
b. Hệ thống đường ống công nghệ, van và phụ kiện				
1	Đường ống dẫn khí: Phần ống ngập trong nước và ống dưới mặt đất: ống u.PVC, C3 Phần trên mặt đất: ống thép mạ kẽm	Hệ	01	Việt Nam /Asia
2	Đường ống dẫn nước, bùn và hóa chất vật liệu: u.PVC Loại: C3	Hệ	01	Việt Nam

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
3	Hệ thống van (van chặn...) và phụ kiện: Van cổng, van 1 chiều lá lật: van bướm, van nhựa (van bi hoặc van tay gạt Phụ kiện: đai ôm, tắc kê, cút, tê,…	Hệ	01	Việt Nam /Asia

(Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

1.3.2.3.Hoá chất, chế phẩm vi sinh sử dụng cho vận hành XLNT

Các hoá chất sử dụng trong 01 tháng cho HTXL nước thải của Cơ sở với khối lượng dự kiến như sau:

Bảng 3.6-Nhu cầu hoá chất dùng cho hệ thống XLNT

STT	Hóa chất	Ký hiệu	Đơn vị	Khối lượng	Công đoạn
1	Mật rỉ đường	-	Kg/tháng	20	Bể thiếu khí
2	Javen 10 % (kg/m^3) – Nồng độ 0,03	NaOCL	Kg/tháng	75	Khử trùng

(Nguồn: Sổ hướng dẫn vận hành HTXL nước thải của Cơ sở)

Điện năng tiêu thụ: 3.800 kWh/tháng.

1.3.2.4. Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

A. *Công tác kiểm tra, chuẩn bị trước khi vận hành*

Kiểm tra chung:

- Kiểm tra hệ thống thiết bị đang để trong trạng thái "Tự động" hay trong trạng thái "Điều khiển bằng tay" (Các nút công tắc trên tủ điện đang ở trạng thái Auto hay MAN), kiểm tra nguồn điện cấp cho các tủ điều khiển trong nhà điều hành trung tâm.
- Kiểm tra trạng thái hoạt động của các bể
- Kiểm tra các van chặn của đường ống cấp khí, đường ống bơm nước, đường ống hút bùn:

+ Quan sát mực nước tại bể điều hòa;

+ Đảm bảo là điện được cấp tới các tủ động lực và tủ điều khiển tại chỗ (đủ điện áp, đèn báo pha);

+ Đảm bảo dung dịch hóa chất phải đủ ngập ống hút trong hệ thống hóa chất;

+ Kiểm tra hệ thống báo mức nước;

+ Kiểm tra các đèn báo tại nút bấm điều khiển của các máy (để kiểm tra phát hiện sự cố).

Chuẩn bị hóa chất sử dụng:

- Trước khi vận hành hệ thống phải chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu cần thiết của hệ thống như hóa chất cung cấp cho quá trình vận hành. Luôn có kế hoạch thống kê dự trữ đủ hóa chất sử dụng không để tình trạng thiếu hóa chất vận hành làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý của hệ thống.

- Kiểm tra các thùng chứa hóa chất xem đã đến lúc phải pha thêm hóa chất cho việc vận hành không.

- Đảm bảo nguyên tắc an toàn lao động trước khi làm việc, pha chế hóa chất.

- Đảm bảo luôn có nguồn nước sạch cạnh khu vực pha chế hóa chất.

- Tuyệt đối không tự ý pha chế hóa chất vào ca trực đêm.

- Nắm rõ nguyên lý pha chế các loại hóa chất trong hệ thống, đảm bảo pha đúng nồng độ, số lượng cần thiết.

Các điều kiện và nguyên lý vận hành:

Đối với hệ thống xử lý sinh học

Khởi động kỹ thuật:

- Kiểm tra hệ thống cung cấp điện cho toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra hóa chất cần cung cấp và mực nước trong các bể.

Khởi động hệ thống sinh học:

- Các thông số cần xem xét: COD, BOD, N, P,...

- Thể tích sinh khối: thể tích bùn lắng sau 30 phút.

- Chỉ số thể tích sinh khối: SVI (mg/l) = thể tích sinh khối lắng/hàm lượng sinh khối.

- Tải trọng hữu cơ.

- Tải sinh khối: F/M = (COD (kg/m^3)xQ(m^3/ngày)/ V bể (m^3)xMLSS (kg/m^3)

- Tải trọng nước bề mặt: là lượng nước chảy vào bể lắng trong một giờ trên 1m^2 bể lắng.

- Thời gian lưu trung bình của sinh khối: tuổi của sinh khối.

B. Quy trình vận hành hệ thống

b.1. Chế độ vận hành tự động

- Bơm chìm điều hòa 01, 02:

Các khóa điều khiển hệ thống ở vị trí "Auto".

+ Trong bể điều chỉnh đặt 01 cảm biến mức: LS1 mức nước chống cạn.

+ Khi mức nước bể dâng vượt quá mức thấp LS1 thì bơm làm việc (Bơm chìm điều hòa làm việc tự động theo cài đặt PLC (theo chế độ 1 máy chạy, 1 máy nghỉ và thay đổi luân phiên).

Khi mức nước bể giảm thấp dưới LS1 thì dừng tất cả các bơm đang chạy.

- Máy khuấy chìm:

Các khóa điều khiển hệ thống ở vị trí "Auto".

Máy khuấy chìm làm việc tự động theo cài đặt PLC (theo chế độ mỗi ngăn 1 máy chạy, 1 máy nghỉ và thay đổi luân phiên).

- Máy thổi khí:

Các khóa điều khiển hệ thống ở vị trí "Auto".

Máy thổi khí làm việc tự động theo cài đặt PLC (theo chế độ 2 máy chạy, 1 máy nghỉ và thay đổi luân phiên).

- Bơm hồi lưu 01 và 02:

Các khóa điều khiển hệ thống ở vị trí "Auto".

Bơm hồi lưu làm việc tự động theo cài đặt PLC (theo chế độ 1 máy chạy, 1 máy nghỉ và thay đổi luân phiên).

- Bơm hóa chất khử trùng (Bơm định lượng):

Các khóa điều khiển hệ thống ở vị trí "Auto".

Bơm hóa chất khử trùng làm việc tự động theo cài đặt PLC (theo chế độ 1 máy chạy, 1 máy nghỉ và thay đổi luân phiên).

b.2. Chế độ vận hành bằng tay tại tủ điều khiển

Chế độ điều khiển bằng tay được sử dụng khi mạch tự động không làm việc hoặc chạy bơm kiểm tra sau sửa chữa dưới sự thao tác và giám sát của nhân viên vận hành.

Các khóa điều khiển hệ thống ở vị trí "Man".

Thao tác khởi động, dừng bơm, đóng mở các van trên hệ thống thì thực hiện thao tác xoay các khóa điều khiển:

- Xoay khóa điều khiển sang vị trí "On": Chạy máy, mở van.
- Xoay khóa điều khiển sang vị trí "Off": Dừng máy, đóng van.

b.3. Hình thức giám sát tại tủ điều khiển HTXL nước thải

- Giám sát qua đèn: Các trạng thái làm việc cũng như báo lỗi của hệ thống.
- Giám sát tại màn hình: Hiển thị trạng thái làm việc của các bơm, máy khuấy, máy thổi khí, bơm định lượng

b.4. Trạng thái sẵn sàng làm việc của hệ thống

- Hiện trường khu vực trạm bơm, trạm xử lý nước thải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng không có vật lạ gây cản trở quá trình làm việc của hệ thống.
- Các van tay ở trạng thái mở.
- Các aptomat cấp nguồn ở trạng thái đóng. Các đèn tín hiệu làm việc bình thường.
- Các bơm, các van và sensor đo mức nước ở trạng thái sẵn sàng làm việc.
- Không có tín hiệu bảo vệ tác động. Mạch điều khiển hệ thống ở trạng thái sẵn sàng làm việc.
- Hệ thống thông gió, chiếu sáng trạm bơm, trạm xử lý nước thải làm việc bình thường.

b.5. Thiết lập trạng thái điều khiển tại chỗ HTXL nước thải

- Các van tay tại trạm xử lý nước thải ở trạng thái mở.
- Các aptomat cấp nguồn tại các tủ điều khiển ở trạng thái đóng. Các đèn tín hiệu làm việc bình thường.
- Không có tín hiệu bảo vệ tác động. Mạch điều khiển hệ thống ở trạng thái sẵn sàng làm việc.
- Các bơm, các van, sensor đo mức nước ở trạng thái sẵn sàng làm việc.
- Trạng thái các khóa điều khiển:

Tủ điều khiển:

- Chuyển khóa (Auto\Man) sang vị trí "Man".

b.6. Thiết lập trạng thái điều khiển tự động HTXL nước thải

- Các van tay tại HTXL nước thải ở trạng thái mở.
- Các aptomat cấp nguồn tại các tủ điều khiển ở trạng thái đóng. Các đèn tín hiệu

làm việc bình thường.

- Không có tín hiệu bảo vệ tác động. Mạch điều khiển hệ thống ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

- Các bơm, các van, sensor đo mức nước ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

- Trạng thái các khóa điều khiển:

Tủ điều khiển

- Chuyển khóa (Auto\Man) sang vị trí "Auto".

b.7. Trình tự khởi động ở chế độ bằng tay

- Thiết lập trạng thái điều khiển tại chỗ như mục e.

Thao tác khởi động hệ thống bằng tay

Thao tác khởi động HTXL nước thải bằng tay

- Kiểm tra mức nước trong bể điều hòa đảm bảo chạy bơm chìm.

- Kiểm tra và thực hiện đầy đủ các thao tác chuẩn bị HTXL nước thải vào làm việc.

b.8. Trình tự khởi động ở chế độ tự động tại tủ điều khiển tại chỗ

Thao tác khởi động hệ thống bằng tay

- Thiết lập trạng thái điều khiển tự động như Điều g.

Khởi động HTXL nước thải

- Các bơm chìm điều hòa 1, 2 được làm việc tự động bằng tín hiệu của cảm biến mức nước trong điều chỉnh (LS1). Cảm biến mức nước sẽ phát hiện mức nước và gửi tín hiệu đến module đầu vào DI của PLC, qua chương trình logic PLC đưa tín hiệu xuất ra module DO đi khởi động bơm.

C. Chương trình đào tạo, chuyển giao và hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị

c.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cán bộ vận hành HTXL: sau khi nghiệm thu hoàn thành hệ thống, đơn vị thiết kế HTXL nước thải sẽ tổ chức đào tạo cho 03 cán bộ vận hành hệ thống XLNT. Các nội dung đào tạo bao gồm: Giới thiệu hệ thống XLNT, Công nghệ xử lý, các thiết bị xử lý, quy trình vận hành hệ thống, quy trình ứng phó sự cố trong quá trình vận hành hệ thống.

c.2. Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng

c.2.1 Hướng dẫn bảo trì:

- **Bảo trì hệ thống điện điều khiển:**

- Thực hiện giám sát, kiểm tra, vệ sinh và tiến hành đo đạc các thông số xem có phù hợp với các chỉ số ghi trên nhãn máy hay không. Các thông số gồm: dòng điện, điện áp, độ cách điện và độ ồn… nhằm phát hiện kịp thời các nguyên nhân có thể dẫn đến hư hỏng máy;

- Độ ồn của các thiết bị được lắp chìm trong chất lỏng là 70 dB. Với các thiết bị được lắp trên mặt thoáng thì độ ồn không vượt quá 80 dB;

- Độ cách điện cho phép đối với các thiết bị dùng điện trong lưới điện hạ thế là ≥ 01 MΩ;

- Điện áp tăng cho phép không vượt quá 10% đối với điện áp ghi trên nhãn máy

và sụt áp không quá 2 %/100V;

- Dòng điện không vượt quá dòng điện ghi trên nhãn máy;

- Phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các thiết bị để quá trình giải nhiệt và tản nhiệt được tốt hơn

Bảo trì hệ thống đường ống công nghệ xử lý nước thải

- Dùng bơm xịt rửa áp lực vệ sinh tất cả các ngăn bồn bể, các thiết bị bơm chìm nước thải, hệ thống đường ống công nghệ, tấm lắng lamen...;

- Kiểm tra, vệ sinh ngăn chắn rác hàng tuần; súc rửa, xả đáy bồn hóa chất.

Bảo trì máy bơm chìm

- Cách ly bơm chìm khỏi nguồn cung cấp điện;

- Kéo bơm chìm lên khỏi hố bơm hoặc bể. Đối với các thiết bị có trọng lượng <30 kg thì trực tiếp dùng tay kéo lên, đối với các thiết bị > 30 kg phải dùng pa lăng kéo lên. Nghiêm cấm không được sử dụng cáp điện của bơm nước thải để kéo bơm lên.

- Kiểm tra, vệ sinh sạch sẽ bơm và guồng bơm. Dùng tay quay nhẹ để xác định xem vòng quay của bơm có trơn và nhẹ nhàng không hoặc có tiếng rít do ma sát không. Nếu có tiếng kêu bất thường phải tiến hành tháo guồng bơm và xử lý;

- Đảm bảo độ nhớt cần thiết của dầu động cơ. Đo độ cách điện của bơm (pha với pha, pha với vỏ bơm).

Bảo trì máy thổi khí và máy khuấy

Trong xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học hiếu khí thì máy thổi khí đóng một vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng đến quá trình xử lý chính của hệ thống nên việc bảo trì, bảo dưỡng máy thổi khí rất là cần thiết để hệ thống nước thải luôn hoạt động ổn định. Chúng ta có thể kiểm tra và bảo trì theo những mục sau:

- Kiểm tra áp suất đồng hồ áp lực;

- Bảo đảm giá trị áp suất thể hiện trên đồng hồ áp lực ≤ thông số áp lực in trên nhãn máy. Chỉ khi nào có nhu cầu kiểm tra áp lực ta mới mở van phía trước đồng hồ áp lực, bình thường van nhỏ này "Thường Đóng". Đồng hồ áp lực rất dễ bị hỏng do nhiệt hoặc những rung động trong khi máy chạy. Cách tốt nhất là khoá van vào đồng hồ áp lực hoặc tháo đồng hồ áp lực ra khỏi máy đem cất;

- Kiểm tra dầu nhớt bôi trơn;

- Bảo đảm xả hết dầu (dầu bôi trơn) cũ trước khi đổ dầu mới, đổ mới vào đến ngang mực giữa của đồng hồ dầu (nằm ở bên hông hộc dầu, làm bằng thuỷ tinh để ta có thể thấy được lượng dầu trong máy);

- Khi máy ở trạng thái nghỉ phải bảo đảm lượng dầu ở ngang mực giữa của đồng hồ dầu.

+ Nếu ta đổ dầu quá nhiều: dầu trong máy sẽ bị nóng hoặc bị rò ra ngoài;

+ Nếu ta đổ dầu quá ít: máy sẽ bị ồn, nhông đầu cốt sẽ bị nóng, "cháy nhông".

Chú ý: có thể sử dụng loại dầu xe gắn máy thông thường (dầu 40)

- Bơm mỡ cho vòng bi:

Tốt nhất là bơm mỡ ngay sau khi tắt máy. Cho máy chạy khoảng 15 phút sau khi

bơm mỡ và lau sạch lượng mỡ thừa bị trào ra. Phải dùng mỡ chịu nhiệt. Đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất để chọn loại mỡ thích hợp với máy.

- Dây đai:

+ Kiểm tra nếu dây đai quá căng, vòng bi sẽ bị nóng; ngược lại quá chùng, dây đai sẽ rất mau hỏng;

+ Xác định khoảng dây đai trong (L): L là đoạn dây đai nằm giữa nhưng hoàn toàn không tiếp xúc với 2 pulley. Tác động 1 lực P = 3kgf (máy nhỏ dùng 3 dây đai) hoặc P = 9kgf (máy lớn dùng 5 dây đai) vào giữa khoảng dây trống theo phương thẳng đứng;

+ Chỉ số lực như trên được áp dụng cho dây đai mới. Trong trường hợp điều chỉnh dây đai cũ, giảm 12% lực tác động trên. Khi thay dây đai, nên sử dụng dụng cụ mới.

• Căng dây đai sao cho giá trị đặt trên dây đai tương đương với công thức:

= 0,016 x L (mm). Tốt nhất là sử dụng đồng hồ đo độ căng (Tension meter).

• Vì dây đai mới rất nhanh chùng sau khi được căng chỉnh lần đầu, kiểm tra lại độ căng của dây đai trong thời gian đầu chạy máy hoặc trong thời gian đầu sau khi thay dây đai.

- Ống hãm thanh đầu ra/ đầu vào:

+ Kiểm tra để đảm bảo không có đồ vật gây nghẽn trong ống hãm thanh (gạch, đá, dụng cụ thi công…). Nếu có quá nhiều bụi bên trong, phải vệ sinh sạch sẽ.

+ Điều kiện không khí đầu vào cho máy: Không khí sạch -15^{0}C ÷ 40^{0}C;

+ Vệ sinh bộ lọc gió đầu vào.

+ Nếu ống hãm thanh không được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ, các vật liệu cách âm bên trong có thể bị bong ra, trở thành vật thể gây tắc nghẽn.

- Ngoài ra chúng ta phải kiểm tra toàn bộ các bulong, đai ốc xem có hư hỏng hay không. Thông thường trong khoảng thời gian hoạt động dài ngày, các bulong có xu hướng bị nới lỏng do sự rung động của máy.

Lịch bảo trì thiết bị chính

- **Máy bơm chìm:**

STT	LỊCH BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ	CÔNG TÁC CẦN LÀM
1	Hàng ngày	Hàng ngày khi vận hành bơm nên kiểm tra bơm có đẩy nước lên được hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước cần kiểm tra lần lượt các nguyên nhân sau: - Nguồn điện cung cấp có bình thường không; - Cánh bơm có bị chèn bởi các vật lạ hay không; - Động cơ bơm có bị cháy hay không; Khi bơm phát ra tiếng kêu lạ cũng cần ngừng bơm ngây lập tức và tìm các nguyên nhân để khắc phục các sự cố như trên.
2	Hàng tuần	Hàng tuần phải đo độ cách điện của bơm. Máy hoạt động được bình thường khi độ cách điện của nó lớn hơn 1MW.
3	Hàng tháng	Hàng tuần phải đo độ cách điện của bơm. Máy

		hoạt động được bình thường khi độ cách điện của nó lớn hơn 1MW.
4	Hàng quý	Kiểm tra tổng thể máy như: độ cách điện. dòng làm việc, lưu lượng, công suất máy thực tế.
5	Hàng năm	Hàng năm cần kéo bơm lên kiểm tra tổng thể để bảo dưỡng bơm. Kiểm tra lần lượt như sau: Kiểm tra dầu cách điện. phốt thủy lực và cơ khí (hydraulics and mechanical seal) Trong trường hợp cần thay dầu cách điện thì loại dầu sử dụng l AGIP ARNICA 32. hay ESSO MARCOL 82 hay tương đương.

- Máy thổi khí:

STT	LỊCH BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ	CÔNG TÁC CẦN LÀM
1	Hàng ngày	Kiểm tra mực dầu. Kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ.
2	Hàng tuần	Làm sạch bộ lọc đầu hút. Làm sạch các bộ phận bên ngoài máy thổi khí. Thử van an toàn bằng tay để xem xét nó có bị kẹt hay không.
3	Hàng tháng	Kiểm tra độ rò của toàn bộ hệ thống khí. Kiểm tra dầu bôi trơn và thay thế nếu cần thiết.
4	Hàng quý	Thay dầu nhớt. Kiểm tra đồng hồ áp lực. Kiểm tra và vệ sinh bộ phận giảm thanh (tiêu âm) ở đầu đẩy.
5	Hàng năm	Thay dây curoa. Thay van 1 chiều cao su ở đầu đẩy.

- Máy khuấy chìm:

STT	LỊCH BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ	CÔNG TÁC CẦN LÀM
1	Hàng ngày	Hàng ngày khi vận hành máy nên kiểm tra cánh quạt có quay hay không (nước sẽ đảo theo chiều quay của cánh khuấy) Khi máy khuấy hoạt động nhưng không đảo trộn được nước cần kiểm tra lần lượt các nguyên nhân sau: Nguồn điện cung cấp có bình thường không. Cánh khuấy có bị chèn bởi các vật lạ hay không. Động cơ khuấy có bị cháy hay không. Khi máy phát ra tiếng kêu lạ. cũng cần ngừng ngay lặp tức và tìm các nguyên nhân để khắc phục các sự cố như trên
2	Hàng tuần	Hàng tuần phải đo độ cách điện của máy khuấy. Máy hoạt động được bình thường khi độ cách điện của nó lớn hơn 1MW.
3	Hàng tháng	Hàng tuần phải đo độ cách điện của máy khuấy. Máy hoạt động được bình thường khi độ cách

		điện của nó lớn hơn 1MW.
4	Hàng quý	Kiểm tra tổng thể máy như: độ cách điện. dòng làm việc. lưu lượng. công suất máy thực tế.
5	Hàng năm	Hàng năm cần kéo máy khuấy lên kiểm tra tổng thể để bảo dưỡng. Kiểm tra lần lượt như sau: Kiểm tra dầu cách điện. phốt thủy lực và cơ khí (hydraulics and mechanical seal)

c.2.2. Chương trình bảo dưỡng

Bảo dưỡng được lên chương trình

- Vận hành hệ thống có hiệu quả phụ thuộc vào việc bảo dưỡng thường xuyên. Hệ thống phải được bảo dưỡng ba tháng một lần do một nhân viên bảo dưỡng chuyên nghiệp có đủ khả năng thực hiện. Bảo dưỡng thường xuyên liên quan đến việc định kỳ tẩy cặn quá dày và lớp váng được tạo từ máy. Tần suất tẩy phụ thuộc vào tải lượng của hệ thống;

- Các phần tiêu thụ của máy thổi như phin lọc khí và các màng chắn cần được thay thế thường xuyên. Khoảng cách thay thế các phần này là 12 tháng.

Những điều cần lưu ý trong thời gian bảo hành

- Cử cán bộ vận hành chuyên nghiệp đến kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị;
- Điều chỉnh lượng khí, lượng nước và cài đặt chế độ máy bơm nước từ hố ga vào thiết bị;
- Công tác kiểm tra bao gồm: thăm, xem, vớt rác (nếu có);
- Lấy mẫu phân tích và dự báo chất lượng nước cho người sử dụng;
- Hướng dẫn người sử dụng cách vận hành, bảo dưỡng thiết bị.

Trách nhiệm của người sử dụng

- Cử cán bộ có khả năng tiếp nhận chuyển giao công nghệ;
- Phối hợp với nhà sản xuất vận hành thiết bị trong thời gian nhà sản xuất vận hành.
- Tuân thủ các hướng dẫn của nhà sản xuất;
- Không tự động điều chỉnh lượng khí, lượng nước và cài đặt lại chế độ máy bơm nước từ hố ga vào thiết bị mà chưa có sự đồng ý của nhà sản xuất;
- Khi mất điện liên tục 2 ngày và khi có sự cố xảy ra cần thông báo kịp thời cho nhà sản xuất;
- Tiếp tục vận hành thiết bị khi hết thời gian vận hành của nhà sản xuất.

Kiểm tra trước khi vận hành

Kiểm tra và đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thiết bị có thể tiếp cận được và không có gì ngăn cản việc bảo dưỡng;
- Nước mặt được rút hết ra khỏi thiết bị (trong trường hợp ngập nước);
- Thiết bị được đổ đầy nước, mức nước, và mỗi bộ phận hoạt động đúng chức năng;
- Không có hỏng hóc bể, đường ống, hoặc các bộ phận khác;
- Không bị rò rỉ không khí trong đường ống khí đã kết nối đúng.

Trình tự bảo dưỡng thường xuyên

Kiểm tra những dấu hiệu sự cố sau:

- Bất kỳ dấu hiệu hỏng rõ ràng đối với hệ thống;
- Tạo vũng bề mặt hoặc đất bùn xung quanh thiết bị hoặc khu vực xử lý;
- Mùi khác thường xung quanh thiết bị;
- Kiểm tra máy thổi khí để đảm bảo mọi bộ phận và các lỗ thoát sạch sẽ và khô ráo;
- Đảm bảo rằng máy thổi khí vận hành đúng và vệ sinh phin lọc hoặc thay thế phin lọc, nếu cần thiết;
- Thu gom một mẫu nước thải đã xử lý và kiểm tra mẫu;
- Chắc chắn rằng ống nước đầu vào không bị kẹt và kiểm tra mức xỉ bọt của mỗi ngăn để hút bọt nếu cần thiết;
- Đo độ dày tích tụ cặn của mỗi buồng và tiến hành hút bùn nếu cần thiết;
- Đo định mức tái tuần hoàn. Đảm bảo lượng nước tuần hoàn lại bằng 2 đến 6 lần lưu lượng nước đầu vào tùy theo chất lượng nước đầu ra;
- Kiểm tra bọt khí có phân bố đồng đều trong suốt buồng sục khí hay không;
- Cho đầy Javel (hoặc clo) và điều chỉnh mức hòa tan phù hợp;
- Đóng tất cả nắp đường đi vào.

Điều chỉnh cân bằng sục khí

- Hệ thống sục khí được chia ra thành hai phần. Cân bằng lưu lượng khí giữa phần bên phải và bên trái có thể điều chỉnh bằng van kiểm soát cân bằng sục khí. Các bọt khí cần được phân bố đều trong suốt các ngăn sục khí;

- Bằng mắt thường quan sát mức lưu lượng khí ở mỗi bên thiết bị để xác minh lưu lượng bằng nhau. Nếu có sai lệch rõ ràng về lưu lượng khí giữa hai bên, điều chỉnh van kiểm soát cân bằng sục khí sao cho lưu lượng khí bằng nhau.

Điều chỉnh định mức tái tuần hoàn

- Định mức tải tuần hoàn cần xấp xỉ 2 đến 6 lần phần nhiều định mức lưu lượng vào. Nếu có thể đạt được dung tích lưu lượng vào hàng ngày, tính toán định mức tái tuần hoàn thích hợp đi theo.

- Quan trọng

Quá nhiều tái tuần hoàn có thể khuấy hoặc quấy trong buồng lắng và các chất rắn chảy vào buồng thiếu khí. Hơn nữa, hiệu suất xử lý có thể bị suy giảm và có thể gây mùi.

Đo định mức tái tuần hoàn

- Khi đo định mức tái tuần hoàn, chắc chắn không có dòng chảy vào hệ thống và mực nước tại mức nước thấp (LWL). Nếu mực nước cao hơn mức nước đó, đợi cho đến khi nó tụt xuống mức nước thấp. Định mức tái tuần hoàn được tăng lên một cách đáng kể khi mực nước ở trên mức nước thấp.

Mặc dù định mức tái tuần hoàn có thể điều chỉnh được tới một số mức độ bằng van kiểm soát tái tuần hoàn, đo định mức dòng chảy thực tế tại cuối ống tái tuần hoàn trong buồng lắng bằng cách sử dụng một cốc đo.

Phần trên của cuối ống tái tuần hoàn bị cắt như thể hiện trên hình vẽ ở bên phải. Điều chỉnh van kiểm soát tái tuần hoàn sao cho mực nước trong ống ở giữa rìa ngang cuối ống và đường chỉ thị.

Nếu định mức tái tuần hoàn đã tăng đáng kể từ đợt bảo dưỡng cuối cùng, điều này có thể chỉ ra rằng ống sục khí bị tắc.

Tách bùn

Bùn chủ yếu tập trung tại khoang yếm khí. Tách bùn yêu cầu loại bỏ các chất rắn tích tụ khi có một hoặc nhiều điều kiện sau đây:

- Hiệu suất xử lý sinh học bị suy giảm nghiêm trọng do lượng dầu hoặc hoá chất thừa can thiệp vào hoạt động của vi khuẩn;
- Váng hoặc cặn hình thành quá mức trong ngăn lắng lọc;
- Mực nước dâng bất bình thường;
- Váng hình thành quá mức trong ngăn lọc yếm khí và một lượng lớn các chất rắn chảy vào ngăn lọc tiếp xúc hiếu khí;
- Lớp bùn ở đáy ngăn lọc yếm khí tạo thành tới đáy của dụng cụ lọc, sàn giá thể.

Cách kiểm tra lượng bùn

Bước 1.	Mở nắp thiết bị.
Bước 2.	Cho ống thăm bùn vào ống đứng của thiết bị (van của ống thăm để chế độ mở).
Bước 3.	Đóng van ống thăm bùn.
Bước 4.	Nhấc ống thăm bùn lên.
Bước 5.	Đo lượng bùn trong ống thăm.

Quy trình tách bùn

Bước 1.	Tắt tất cả các bộ phận điện.
Bước 2.	Mở nắp thiết bị
Bước 3.	Loại bỏ váng và cặn hình thành trên dụng cụ lọc trong các ngăn lọc. **QUAN TRỌNG!** Nếu bùn được bơm ra trước khi váng/cặn trên dụng cụ được loại bỏ, váng được rút vào trong dụng cụ lọc khi mực nước sụt .
Bước 4.	Cài ống hút mềm vào ống đứng. Loại bỏ bùn từ đáy của các ngăn trong khi rửa dụng cụ lọc và thành ngăn bằng nước áp lực cao.
Bước 5.	Đổ nước vào thiết bị tới mực nước thấp.
Bước 6.	Bật tất cả các bộ phận điện.

Một số hình ảnh về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

Tách rác thô

Máy khuấy chìm

Máy thổi khí và tủ điện

Bể lắng

Tổng thể HTXL nước thải

Hình 3.11-Một số hình ảnh về hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên cơ sở để hạn chế các tác động do bụi, khói thải các phương tiện giao thông. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ mặt trời chiếu xuống mặt đất, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm bức xạ phản xạ, giảm nhiệt độ của không khí, hấp thụ tiếng ồn. Sóng âm truyền qua các dải cây xanh sẽ bị suy giảm năng lượng, mức cường độ âm thanh giảm đi nhiều hay ít phụ thuộc vào mật độ lá cây, kiểu lá và kích thước của cây xanh và chiều rộng của dải đất trồng cây. Các dải cây xanh sẽ có tác dụng phản xạ âm, do đó làm giảm mức ồn.

- Khu vực đỗ xe được thiết kế thông thoáng nhằm đảm bảo khả năng thông gió của các tầng.

- Bố trí hợp lý khu vực để xe, phân luồng giao thông; phân định làn xe ra và làn xe vào; kẻ vạch sơn chỉ dẫn; dùng hệ thống biển báo và nhân viên bảo vệ hướng dẫn luồng xe. - Xây dựng nội quy đỗ xe tại tầng hầm, quản lý chặt chẽ các phương tiện giao thông ra vào khu vực để xe để giảm thiểu khả năng nổ máy xe trong tầng hầm.

- Điều phối phương tiện hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong khu vực cơ sở cùng thời điểm.

- Bố trí hệ thống quạt hút khí thải tại mỗi tầng hầm. Hệ thống thông gió bãi đỗ xe sẽ bù đắp không khí sạch, khí tươi được tràn vào tự nhiên qua tháp lấy gió, đường dốc hoặc cấp bởi các quạt cấp gió tươi độc lập cho vùng.

2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

Cơ sở có sử dụng 01 máy phát điện (dự phòng) công suất 1250KVA sử dụng nguyên liệu dầu DO, có vỏ cách âm tiêu chuẩn chống ồn (vỏ thép dập nguội 2-5mm, sơn tĩnh điện, chất liệu cách âm là cao su lưu hóa 3mm). Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động trong trường hợp khi gặp sự cố mất điện, rất ít khi xảy ra. Trong quá trình vận hành chủ cơ sở định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và sử dụng nhiên liệu sạch (dầu DO đạt tiêu chuẩn) nhằm đảm bảo máy phát điện luôn ở tình trạng tốt nhất để hạn chế tối đa các tác động gây ra.

2.3. Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt là hệ thống kín, giúp hạn chế phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.

Đối với các nắp bể của các bể xử lý trong hệ thống xử lý nước thải sẽ nắp gioăng cao su để đảm bảo mùi từ các bể này không phát sinh ra ngoài môi trường.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Phương án phân loại, thu gom, phân loại

3.1.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh rác thải sinh hoạt:* Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên về khách nghỉ dưỡng tại cơ sở.

Thành phần chủ yếu của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: bao bì các loại, sành sứ thủy tinh, polymer, giấy văn phòng, túi nilon, chai lọ, vỏ hoa quả, thức ăn thừa... Những loại rác này sẽ được thu gom, phân loại và đem đi xử lý.

Ước tính lượng rác thải phát sinh trung bình khoảng 0,5 kg/người ngày. Tổng số cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở là 500 người nên lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 500 × 0,5 = 250 kg/ngày (tương đương **91,3 tấn/năm**).

- *Phương án thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt:* Chất thải rắn sinh hoạt tại khu nhà trung tâm chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi, khu nhà chăm sóc đặc biệt và khu nhà dịch vụ và nhà nghỉ của nhân viên sẽ được lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy, sau đó được vận chuyển ra bãi tập gần khu vực HTXL nước thải.

- *Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ cơ sở đã thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương vận chuyển, xử lý chất thải hàng ngày theo quy định, đảm bảo lượng chất thải không lưu chứa lâu ngày tại khu vực. Tần suất chuyển giao chất thải sinh hoạt là 01 lần/ngày.

3.1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Nguồn phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở chủ yếu phát sinh từ hoạt động vận hành HTXL nước thải.

** Bùn thải từ HTXL nước thải*

Khối lượng bùn thải (Bùn 100% không có nước) của hệ thống xử lý nước thải được tính theo công thức sau:

$G = Q \times (0,8 \times SS + 0,3 \times S) \times 10^{-3}$

(Nguồn: Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải – Trịnh Xuân Lai – Nhà xuất bản Xây dựng – 2009)

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng nước thải cần xử lý (m^3/ngày), Q = 120 m^3/ngày.

+ SS: Hàm lượng cặn lơ lửng đầu vào (mg/l hay g/m^3).

+ S: Hàm lượng BOD5 đầu vào (mg/l hay g/m^3)

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại chỗ bằng bể tự hoại thì SS trước khi vào hệ thống xử lý dao động 160 mg/l (hàm lượng SS trước khi vào bể tự hoại trung bình khoảng 500 mg/l, hiệu suất lắng 70% và khống chế đầu ra So nhỏ hơn 60 mg/l)

Như vậy, lượng bùn sinh ra khi xử lý nước thải là:

$G = 120 \times (0,8 \times 150 + 0,3 \times 60) \times 10^{-3} = 17,52$ kg/ngày

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành hệ thống thì 80% lượng bùn này được hồi lưu từ bể lắng về bể thiếu khí nên lượng bùn thải bỏ vào khoảng 3,5 kg/ngày. Lượng bùn thải khác (cát, vật liệu thô…) từ bộ phận tách rác được ước tính vào khoảng 15 kg/ngày. Như vậy, lượng bùn thải từ HTXL nước thải được tính toán vào khoảng **18,5 kg/ngày**.

Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng định kỳ đến hút vận chuyển đi xử lý theo quy định. Tần suất hút dự kiến tối thiểu 03 tháng/lần.

** Bùn nạo vét từ hệ thống cống thoát nước mưa và nước thải*:

Bùn thải phát sinh từ các hố ga trên hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải: Ước tính lượng bùn thải phát sinh khoảng 0,75 tấn/tháng. (tương đương 9,0 tấn/năm).

Tổng hợp khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR CNTT) phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất (kí hiệu là TT-R)). Cụ thể như sau:

Bảng 3.7-Khối lượng, chủng loại CTR CNTT phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn từ HTXL nước thải	6.752
2	Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa, nước thải	9.000
	Tổng khối lượng	**15.752**

- Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Bùn cặn từ đường rãnh thoát nước thải, nước mưa định kỳ vào các đợt vệ sinh nạo vét hệ thống cống thoát nước mưa, thu gom nước thải sẽ thu gom, và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

Bùn thải từ HTXL nước thải được hút định kỳ với tần suất 03 tháng/lần.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Tình hình phát sinh chất thải nguy hại tại cơ sở

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Bảng 3.8-Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	19 02 06	100
3	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	5
4	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	20
5	Pin thải	Rắn	16 06 12	50
	Tổng			**185**

4.2. Công trình, biện pháp thu gom và lưu trữ, xử lý CTNH

- Biện pháp thu gom CTNH:

+ Phân loại CTNH, không để chung CTNH với các loại rác thải khác;

+ Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom và đựng trong thùng chứa có nắp đậy, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Bên ngoài các thùng chứa có ghi tên, mã nguy hại, dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định và được lưu chứa trong kho chứa CTNH của cơ sở.

- Biện pháp lưu giữ CTNH: Chất thải rắn nguy hại của cơ sở phát sinh ít và khối lượng không cố định và không thường xuyên. Toàn bộ chất thải này được thu gom và lưu giữ tại kho chứa CTNH có diện tích 5m^2. Kho chứa CTNH được thiết kế tuân thủ theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Biện pháp xử lý CTNH: Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Quá trình chuyển giao đã được kê khai theo bộ chứng từ CTNH.

- Chủ cơ sở đã tiến hành lập, sử dụng, lưu giữ và quản lý chứng từ CTNH, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý CTNH theo quy định.

Hình 3.12-Một số hình ảnh kho lưu giữ CTNH của Cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong hoạt động của cơ sở, tiếng ồn phát sinh từ các nguồn sau:

- Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.
- Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Khu vực máy phát điện dự phòng (không thường xuyên).

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn từ hệ thống điều hoà của các toà nhà: Lựa chọn máy mới hoàn toàn, có công nghệ tiên tiến, lắp đặt một lớp vật liệu ngăn tiếng ồn từ khu vực máy nén bên trong dàn nóng, đồng thời lắp đặt các thanh chắc tại cục nóng của điều hoà.

- Sử dụng máy phát điện dự phòng được bố trí ở phòng riêng biệt có các giải pháp cách âm, giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh. Được đặt trên một bệ đỡ với 4 chân đế được gắn lò xo giảm sóc nhằm giảm chấn động phát sinh. Phần cuối của chân đế được gắn với nền bằng lớp đệm cao su dày 5cm. Nền nhà chứa có kết cấu bê tông xi măng rắn chắc.

- Đối với tiếng ồn, rung động phát sinh từ hệ thống XLNT: chủ yếu phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc thiết bị (máy bơm, máy thổi khí, máy khuấy,...). Do đó, cần lựa chọn các máy móc thiết bị đạt chuẩn khi lắp đặt. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm đảm bảo máy móc thiết bị nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, từ đó hạn chế mức độ phát sinh tiếng ồn.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

- Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn).

- Độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

6.1.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành HTXL nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành HTXL nước thải phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không

để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của HTXL nước thải.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về việc sử dụng nước tiết kiệm; thực hiện thu gom rác thải theo quy định, không xả thải vào các đường thu gom nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

6.1.2. Biện pháp ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động HTXL nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa HTXL nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của HTXL nước thải và phải dừng hoạt động của HTXL này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ cơ sở thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua HTXL nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng HTXL để khắc phục, xử lý.

6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định

Khi sự cố xảy ra, các hành động xử lý sự cố môi trường phải tuân theo nguyên tắc ưu tiên đảm bảo nước thải đầu vào đúng theo thiết kế lên hàng đầu. Quá trình ứng phó sự cố phải luân tuân thủ các quy định về an toàn và bảo hộ lao động.

Quy trình phản ứng sự cố tải lượng ô nhiễm đầu vào vượt quá thiết kế tuân theo các bước sau:

b.1) Phát hiện và thông báo

Thông báo ngay lập tức đến cán bộ phụ trách Hệ thống XLNT và Chủ cơ sở.

Tùy tình hình của sự cố, Chủ cơ sở sẽ quyết định tự khắc phục hoặc thông báo với

các cơ quan chức năng để cùng phối hợp khắc phục sự cố.

b.2) Tiếp cận hố thu nước thải đầu vào, nhanh chóng lấy mẫu phân tích để xác định chính xác các chỉ tiêu vượt theo thiết kế.

b.3) Điều chỉnh quy trình vận hành nhằm nâng cao khả năng xử lý các thông số đang vượt quy chuẩn theo quy định. Xác định các hiện tượng, nguyên nhân và biện pháp xử lý trong từng bể xử lý theo bảng hướng dẫn sau:

Bảng 3.9-Một số sự cố về quá trình xử lý

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
I. Cụm bể sinh học		
1. Giảm hiệu quả nitrat hoá	Tuổi bùn giảm đáng kể xuống dưới 3-4 ngày	Kiểm tra hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng của hệ thống nhằm đảm bảo rằng không có hiện tượng xả thải nào xảy ra.
	Một lượng lớn thành phần độc tố có trong dòng vào. (Đôi khi có thể quan sát thấy do sự thay đổi màu của dòng thải thô, chưa qua xử lý)	Lấy mẫu dòng thải vào và phân tích các thành phần độc tố, chẳng hạn như Crôm.
	Lượng ôxi trong bể sục khí thấp, làm cho quá trình nitrat hoá không thực hiện được.	Kiểm tra xem nếu ôxi hoà tan trong bể sục khí nhỏ hơn 2mg Ôxi/l thì phải tăng thời gian sục khí. - Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể Oxic
2. Giảm hiệu quả khử nitrat hóa.	Nồng độ ôxi hoà tan trong dòng hồi lưu tới vùng thiếu khí là quá cao	Giảm sục khí sao cho nồng độ ôxi hoà tan trong dòng hồi lưu nhỏ hơn 0.2 mg/l.
	Nồng độ Nitrat trong dòng hồi lưu tới vùng kỵ khí là quá cao hoặc tăng lên. Nguyên nhân có thể do quá trình tăng lên của Tổng Nitơ Kendal trong dòng vào.	Kiểm tra lại nồng độ Nitrat trong dòng hồi lưu từ bể hiếu khí và điều chỉnh dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể thiếu khí.
	Đảo trộn dòng trong bể kém	Tăng cường đảo trộn bằng cách tăng thêm máy khuấy chìm hoạt động
3. Bùn có màu nâu sẫm	Thời gian lưu chất rắn trong bể phản ứng là quá dài.	Kiểm tra hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng, và tăng xả thải bùn.

hoặc màu đen.	Mức ôxi hoà tan thấp.	Kiểm tra nồng độ ôxi hoà tan và nếu thấy thấp thì cần tăng cường sục khí. - Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể.
4. Tích tụ váng bọt màu nâu trên bề mặt bể phản ứng	Bọt váng có chứa vi sinh vật dạng sợi phát triển trong quá trình xử lý.	Thay đổi các hình thức sục khí sao cho có thể liên tục tách bọt ra khỏi bể sục khí. - Xịt phá vỡ bọt bằng đầu phun nước. - Giảm nồng độ hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng bằng cách tăng xả thải trong một thời gian cho đến khi tình hình được cải thiện.
	Mức ôxi hoà tan trong bể sục khí thấp do tải lượng COD lớn có trong dòng tuần hoàn từ bể phản ứng, bể nén bùn…	Tăng mức ôxi hoà tan.
	Tuổi bùn quá ngắn dẫn tới nồng độ hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng thấp.	Tăng tuổi bùn Phân tích dòng vào xem có bất cứ sự thay đổi trong các thành phần đầu vào hay không.
5. Váng hoặc bọt trắng trên bề mặt bể hiếu khí (Oxic)	MLSS quá thấp.	Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M.
6. Có rất nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể hiếu khí (Oxic) bọt bị kết thành khối.	Một số đĩa phân phối khí bị tắc	Điều chỉnh van tay mở to cho thông đĩa phân phối khí sau đó điều chỉnh lại
II. bể lắng		
Chỉ số thể tích bùn hoà tan cao dẫn đến tình trạng các chất rắn được đưa vào bể lắng tăng.	Tuổi bùn có thể quá dài hoặc quá ngắn.	Thay đổi tuổi bùn sẽ thay đổi được hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng.
	Nồng độ ôxi hoà tan trong bể sục khí thấp.	Tăng cường sục khí
	Phần thiếu khí là quá lớn.	Thay đổi dòng đầu vào sao cho nước thải đã qua bể lắng có thể đưa đến vùng thiếu khí.
	Nếu nồng độ Nitrit từ bể phản ứng thiếu khí vượt quá 1-3 mg Nitơ/l	Giảm quy mô của vùng thiếu khí.

	khí vào vùng hiếu khí sẽ tạo bùn khối.	
	Bể lắng bị quá tải thuỷ lực.	Giảm tỷ lệ tuần hoàn hiếu khí.
Nồng độ chất rắn ở dòng xả ra cao.	Tỷ lệ tuần hoàn chu trình lắng là quá thấp.	Bổ sung Clo vào bùn hoạt tính
	Xuất hiện các dòng nhỏ do dòng chảy bị chia cắt.	Kiểm tra dòng chảy đến bể lắng và giảm dòng nếu có thể.
	Tải lượng chất rắn trong bể lắng quá cao.	Tăng tỷ lệ tuần hoàn.
	Nồng độ hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng quá cao.	Giảm hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng trong bể sục khí.
	Bông keo bị phá vỡ.	Giảm sục khí.
Bùn nổi lên bề mặt bể lắng.	Tuổi bùn quá non.	Tăng tuổi bùn (GiảmF/M đến 0,09)
	Xuất hiện hiện tượng khử nitơ trong bể lắng do thời gian lưu bị kéo dài.	Giảm cường độ khuấy trộn và chảy rối trong các kênh dẫn truyền.
Bùn chuyển sang màu đen, có khí bay lên và mùi khó chịu.	Bùn phân huỷ trong bể lắng.	Giảm nồng độ nitrat đưa vào bằng cách khử nitơ bổ sung trong bể thiếu khí.
Bùn tuần hoàn quá đặc gây tắc ống.	Bùn tích tụ trong bể lắng quá nhiều.	Ngăn chặn quá trình khử nitơ bằng cách giảm tuổi bùn hoặc tỷ lệ sục khí.
Bùn lấy ra rất loãng.	Tấm gạt của tay cào bùn bị mòn hoặc hư hỏng nên bùn không được thu về phễu.	Vệ sinh bể lắng và kiểm tra xem tay cào bùn có bị vướng gì không.
	Bùn được đưa ra khỏi bể lắng quá nhanh.	Tăng tỷ lệ tuần hoàn. - Tăng cường sục khí trong bể phản ứng. - Giảm hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng.
Váng bọt tích tụ trên mặt bể.	Tấm gạt tay hớt váng bọt bị mòn.	Thay thế tấm gạt cao su.
	Phễu thu váng bọt bị tắc.	Dùng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc ống thoát ra.
	Tần suất xả thải không phù hợp.	Tăng tần suất xả thải.

b.4) Rà soát lại nước thải sau xử lý sơ bộ của từng khối công trình nhằm xác định nguồn phát thải của tòa nhà nào đang vượt chuẩn đối với nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải, từ đó kịp thời bóc tách xử lý riêng khối công trình gặp sự cố.

b.5) Căn cứ vào các thông số đang vượt tiêu chuẩn, kiểm tra lại toàn bộ quy trình xử lý nước thải đang vận hành để kịp thời điều chỉnh hóa chất, thời gian lưu, lượng cấp khí… nhằm nhanh chóng đưa nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

b.6) Liên tục kiểm tra chất lượng nước đầu ra để đánh giá hiệu quả của quá trình ứng

phó sự cố. Quy trình ứng phó chỉ kết thúc khi nước thải đầu ra đạt quy chuẩn.

b.7) Sau khi sự cố được kiểm soát, lập báo cáo đánh giá tình hình khắc phục sự cố để lưu thông tin cũng như làm căn cứ rút kinh nghiệm cho các sự cố tương tự (nếu có).

Để hạn chế xảy ra sự cố tải lượng ô nhiễm đầu vào vượt quá thiết kế, chủ đầu tư cần áp dụng số biện pháp kiểm soát sau:

Thường xuyên kiểm tra bể tự hoại của các tòa nhà, trường học… để đánh giá hiệu quả xử lý sơ bộ của các khối công trình này.

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị để đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định, đạt hiệu quả cao trong xử lý nước thải.

Định kỳ lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý.

6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hỏng hóc máy móc thiết bị

Khi sự cố xảy ra, các hành động xử lý sự cố môi trường phải tuân theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên là đảm bảo sửa chữa hoặc thay thế máy móc thiết bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất, đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đáp ứng được các yêu cầu theo quy định hiện hành của pháp luật. Quá trình ứng phó sự cố phải luân tuân thủ các quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Quy trình phản ứng sự cố hư hỏng máy móc thiết bị tuân theo các bước:

b.1) Phát hiện và thông báo

Thông báo ngay lập tức đến cán bộ phụ trách HTXL nước thải sinh hoạt và Chủ cơ sở.

Tùy tình hình của sự cố, Chủ cơ sở sẽ quyết định tự khắc phục hoặc thông báo với các cơ quan chức năng để cùng phối hợp khắc phục sự cố.

b.2) Tiếp cận khu vực xảy ra sự cố, đánh giá nhanh tình hình về mức độ hư hỏng

b.3) Thực hiện khắc phục sự cố dựa vào mức độ hư hỏng. Trường hợp nhẹ sẽ tiến hành sửa chữa tại chỗ theo hướng dẫn ở bảng dưới đây:

Bảng 3.10-Một số sự cố máy móc, thiết bị và biện pháp ứng phó

Hiện tượng	Nguyên Nhân	Biện pháp xử lý
I. Động cơ		
1. Tiếng ồn hoặc rung bất thường.	Ổ bi bị hỏng.	Tra dầu mỡ/thay thế ổ bi
	Trục hoặc cánh quạt bị tắc	Kiểm tra / sửa chữa
	Giá, khung đỡ bị lỏng	Kiểm tra / xiết chặt bu lông giá, khung đỡ.
	Khớp nối bị hỏng.	Kiểm tra / thay thế khớp nối
2. Quá nhiệt (nóng)	Quạt/lỗ thông hơi bị hỏng hoặc tắc	Sửa chữa / thay thế quạt
	Tấm tản nhiệt bẩn	Vệ sinh động cơ

Hiện tượng	Nguyên Nhân	Biện pháp xử lý
	Bộ phận truyền động quá tải.	Kiểm tra xem có bất cứ bộ phận chuyển động nào bị tắc hoặc hộp số truyền động nào bị hỏng không.
3. Bị ngắt liên tục.	Bộ phận thiết bị quá tải	Kiểm tra tải trên thiết bị
	Hạng mục truyền động bị hỏng hoặc tắc (hộp số, cánh quạt…)	Kiểm tra/sửa chữa các bộ phận bị hỏng.
	Động cơ (cách điện) bị hỏng.	Kiểm tra / thay thế động cơ.
	Đặt dòng cắt không chính xác.	Kiểm tra /điều chỉnh dòng cắt.
II. Hộp số/Hộp giảm tốc		
1.Tiếng ồn/ rung bất thường	Bộ phận truyền động bị hỏng (cánh quạt, bánh công tác)	Kiểm tra/sửa chữa các bộ phận
	Khớp nối đầu vào/ đầu ra bị hỏng.	Kiểm tra / thay thế khớp nối
	Dầu/ mỡ tra không đủ	Kiểm tra / đổ đầy dầu mỡ
	Hư hỏng bên trong	Thay thế hộp số
2. Quá nhiệt	Dầu/mỡ tra không đủ	Kiểm tra / đổ đầy dầu mỡ
	Tải bất thường (cao)	Kiểm tra xem có hiện tượng tắc ở đâu không…
	Bộ phận làm mát (cánh tản nhiệt …) bị bẩn	Vệ sinh cánh tản nhiệt hộp số
3. Dầu mỡ rò rỉ từ gioăng/phớt dầu.	Gioăng bị hư hỏng hoặc có khiếm khuyết.	Thay thế gioăng
	Ống thông gió bị tắc.	Vệ sinh ống thông gió
	Dầu mỡ được tra quá nhiều	Xả dầu mỡ đến đúng mức qui định.
III. Bể lắng		

Hiện tượng	Nguyên Nhân	Biện pháp xử lý
1. Tay cào bùn không quay	- Mất điện	- Kiểm tra nguồn điện cấp vào - Kiểm tra cổ góp điện - Kiểm tra bộ khởi động điện của công tắc ngắt điện khẩn cấp/an toàn tại động cơ.
	- Bộ truyền động bị tắc	- Kiểm tra xem có bất cứ điểm tắc nghẽn nào trong vòng quay không. - Kiểm tra xem có bất cứ điểm tắc nghẽn nào trên đáy bể không. - Kiểm tra xem tay cào bùn có bị mắc vào thành bể không
	Bộ truyền động bị hỏng	Nếu động cơ quay, kiểm tra hộp số.
IV. Máy thổi khí		
1. Điện áp cao	Điện áp DC trên mạch điện chính cao hơn giá trị đã cài đặt	Kiểm tra dòng điện và Restart
2. Mô tơ hỏng, biến tần hòng	Đã xảy ra sự thiếu hụt trên cuộn dây động cơ.	Báo cáo
3. Biến tần bị quá tải	Điều khiển bảo vệ quá dòng của biến tần bị khởi động bởi nhiệt do điện	Hạ thấp nhiệt độ phòng và
4. Bất thường trên điểm cuối của đầu vào	Phát hiện lỗi khi vượt mức RPM tối đa.	Reset
5. Phát hiện mô tơ bị rơi ra hoặc bị tuột ra	Ra khỏi phạm vi của tần số trong mô tơ PM được kiểm tra phát hiện n8-62, và điện áp thiết lập thấp khoảng 5-10%	Kiểm tra ổ trục động cơ xem có bị bó hay không. Báo cáo

Hiện tượng	Nguyên Nhân	Biện pháp xử lý
6. Quá dòng	Dòng điện lớn hơn giá trị cài đặt	Báo cáo
7. Điện áp thấp	Kiểm tra điện áp, nếu điện áp phát hiện thấp hoặc nếu phát hiện khi máy thổi khí tắt.	Kiểm tra điện áp và Restart
8. Sự bất thường của áp suất làm việc	Khi áp suất thấp hoặc áp suất cáo được phát hiện. Nhưng chỉ áp suất cao là được cài đặt để phát hiện.	Đóng mở van và Restart
9. Lỗi dòng thấp	Dòng thấp có thể bị cài đặt bởi Q1- 03	Đóng mở van và Restart
10. Lỗi điện áp cao	Dòng cao có thẻ bị cài đặt bởi Q1- 04	Đóng mở van và Restart
V. Bơm chìm		
1. Không khởi động được	Mất điện	Liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện cho toàn HTXL.
2. Chạy nhưng dừng ngay lập tức	Sụt điện áp đáng kể.	Kiểm tra lại nguồn điện và liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện để kiểm tra và cung cấp đủ nguồn điện.
	Đấu sai pha của động cơ	Kiểm tra điểm đấu và công tắc từ
	Đấu nối mạch điện sai	Kiểm tra mạch điện
	Nối sai mạch điều khiển	Đấu lại dây cho đúng
	Nổ cầu chì	Kiểm tra và thay đúng loại cầu chì
	Công tắc từ sai	Thay đúng loại công tắc từ
	Mực nước không ở mức phao chỉ định	Nâng cao mực nước
	Phao không ở mực nước phù hợp	Di chuyển phao tới mức nước khởi động thích hợp
	Phao không hoạt động	Sửa chữa hoặc thay thế
	Có vật lạ làm tắc bơm	Làm sạch rác bẩn,vật lạ

Hiện tượng	Nguyên Nhân	Biện pháp xử lý
	Cháy động cơ	Sửa chữa hoặc thay thế
	Ổ trục động cơ hỏng	Sửa chữa hoặc thay thế
3.Vận hành nhưng máy bơm dừng sau một thời gian chạy	Việc vận hành khô kéo dài làm cho thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng máy bơm	Nâng cao mực nước dừng bơm
	Nhiệt độ nước cao làm thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng máy bơm	Làm giảm nhiệt độ nước
4. Máy bơm không chạy. Lưu lượng nước không đạt	Đảo ngược chiều quay	Chỉnh đúng chiều quay
	Sụt điện áp đáng kể	Liên hệ với đơn vị quản lý điện để giải quyết
	Vận hành máy bơm 60Hz ở tần số 50Hz	Kiểm tra nhãn mác bơm
	Cột áp xả cao	Tính toán lại và điều chỉnh
	Tổn thất trên đường ống lớn	Tính toán lại và điều chỉnh
	Mực nước vận hành thấp gây nên tình trạng hút khí vào	Nâng cao mực nước hoặc hạ cốt máy bơm
	Rò rỉ đường ống xả	Kiểm tra, sửa chữa
	Tắc đường ống xả	Loại bỏ rác ra
	Có rác trong ống hút	Loại rác ra
	Có rác làm tắc máy bơm	Tháo bơm và lấy rác ra
	Mòn cánh bơm	Thay cánh bơm
5. Quá dòng	Dòng điện và điện áp mất cân bằng	Liên hệ với công ty điện lực và đề ra giải pháp
	Sụt điện áp đáng kể	Liên hệ với công ty điện lực và đề ra giải pháp
	Đấu sai pha của động cơ	Kiểm tra điểm đấu và công tắc từ
	Vận hành bơm 50Hz ở tần số 60Hz	Kiểm tra nhãn mác máy bơm

Hiện tượng	Nguyên Nhân	Biện pháp xử lý
	Ngược chiều quay	Chỉnh đúng chiều quay
	Cột áp thấp. Vượt quá lưu lượng nước	Thay bơm có cột áp thấp hơn
	Có rác làm tắc bơm	Tháo bơm và lấy rác ra
	Ổ trục động cơ bị mòn hoặc bị hỏng	Thay ổ trục
6. Bơm bị rung, vượt quá độ ồn cho phép	Ngược chiều quay	Chỉnh lại chiều quay
	Bơm bị tắc	Tháo bơm và lấy rác ra
	Đường ống có tiếng dội	Cải tạo đường ống
	Van chặn bị đóng quá chặt	Mở van chặn

b.4) Trường hợp hư hỏng nặng, kiểm tra trong kho chứa xem có thiết bị thay thế không, nếu có tiến hành thay thế ngay. Trong trường hợp không có sẵn trong kho thiết bị dự phòng, cần nhanh chóng liên hệ mua máy móc thiết bị để thay thế.

b.5) Kiểm tra thông số kỹ thuật, chất lượng máy móc thiết bị đã sửa chữa hoặc thay mới. Khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu theo quy định.

b.6) Trong thời gian đầu vận hành trở lại, thường xuyên theo dõi, kiểm tra các máy móc thiết bị vừa bị hư hỏng để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra cũng như đánh giá mức độ an toàn của những máy móc thiết bị này.

b.7) Sau khi sự cố được kiểm soát, lập báo cáo đánh giá tình hình khắc phục sự cố để lưu thông tin cũng như làm căn cứ rút kinh nghiệm cho các sự có tương tự (nếu có).

Để hạn chế khả năng xảy ra các sự cố trên, quá trình vận hành cần thực hiện các biện pháp sau:

Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải như bơm nước thải đầu vào, bơm tuần hoàn bùn, máy thổi khí cho hệ thống xử lý sinh học đều có thiết bị dự phòng.

Với các thiết bị đặt chìm (đặt dưới đáy bể) như bơm chìm, Chủ cơ sở đều đầu tư hệ thống ròng rọc để có thể dễ dàng nâng bơm lên trong quá trình sửa chữa.

Các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải được bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà cung cấp, nhằm đảm bảo hoạt động ổn định cũng như kịp thời phát hiện để sửa chữa và thay thế các thiết bị đã bị xuống cấp.

Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải đều được kết nối với Aptomat để tránh hiện tượng chập điện, cháy nổ.

6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố phát sinh mùi hôi nồng nặc

Mùi hôi phát sinh chủ yếu do hai nguyên nhân sau:

Tại khu vực tiền xử lý, đã lắp đặt các chụp hút để đưa luồng khí về hệ thống xử lý khí thải bằng tuyến ống kín. Tuy nhiên, khi tuyến ống này bị nứt, thủng có thể dẫn tới tình trạng phát sinh mùi chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh. Trong trường hợp

này, nhanh chóng vá vết nứt lại bằng các thiết bị và vật liệu chuyên dụng. Sau đó rà soát, kiểm tra lại toàn bộ tuyến ống thu gom khí thải, đặc biệt là các mối hàn, vết vá.

Hệ thống xử lý mùi gặp sự cố, không hấp thụ được hết dòng khí ô nhiễm trước khi xả thải ra môi trường xung quanh. Trong trường hợp này, nhanh chóng kiểm tra hệ thống châm hóa chất, quạt hụt, vật liệu hấp thụ.

Để hạn chế các sự cố về mùi hôi, trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom khí, các vật liệu hấp thụ để kịp thời thay thế khi hết tuổi thọ sử dụng.

6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ nước thải tại các bể xử lý

Khi xảy ra sự cố trên, cần nhanh chóng ngừng xử lý nước thải, tích nước thải chưa qua xử lý vào bể điều hòa. Cùng với đó, nhanh chóng vá lại những chỗ rò rỉ bằng các loại vật liệu nhanh khô, chống được axit và chịu được áp lực nước lớn.

Sau khi sự cố được khắc phục, cần cho HTXL nước thải vận hành trở lại với công suất nhỏ, sau đó tăng dần công suất để theo dõi các điểm bị rò rỉ nước thải, kịp thời khắc phục khi sự cố tiếp tục xảy ra.

Khi HTXL nước thải đã đi vào hoạt động ổn định trở lại, Chủ cơ sở vẫn thường xuyên theo dõi các vết rò rỉ và toàn bộ các bể xử lý, kịp thời phát hiện những vấn đề bất thường để có thể nhanh chóng xử lý, khắc phục sự cố.

6.6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tắc nghẽn đường ống thu gom nước thải

Trong trường hợp này, Chủ cơ sở cần nhanh chóng áp dụng một số biện pháp sau:

- Thông báo cho các doanh nghiệp xả thải vào các tuyến thu gom đang bị tắc nghẽn hạn chế hoặc tạm thời ngừng xả thải;
- Nhanh chóng khơi thông dòng chảy tại các điểm đang tắc nghẽn;
- Trong trường hợp nước thải chảy tràn trên bề mặt: cần áp dụng các biện pháp thu gom thủ công để thu gom nước thải chảy tràn vào các thùng chứa và vận chuyển về HTXL nước thải.

Ngoài ra, để hạn chế sự cố trên có xảy ra, chủ đầu tư cần thường xuyên kiểm tra các tuyến cống thu gom, định kỳ cạn vét và khơi thông dòng chảy.

6.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố về hóa chất

Khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất tại khu vực chứa hóa chất hoặc khu vực pha chế hóa chất, người phát hiện ra sự cố cần xem xét tình hình, nếu tràn đổ số lượng nhỏ có khả năng tự khắc phục nội bộ thì thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo với nhân viên trong cùng ca trực để phối hợp thực hiện;
- Thực hiện các nội dung theo Bảng hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất gây ra;
- Sau khi khắc phục, báo cáo ngay cho bộ phận quản lý của HTXL nước thải và người chịu trách nhiệm an toàn hóa chất – môi trường, đồng thời phối hợp tìm hiểu nguyên nhân để phòng ngừa.

Trong trường hợp hóa chất rò rỉ, tràn đổ mà không tự khắc phục được, thực hiện các nội dung sau:

- Báo ngay cho Chủ dự án và người có liên quan, đồng thời báo động toàn đơn vị ứng phó với sự cố;

- Chủ dự án hoặc người có trách nhiệm được phân công trực tiếp chỉ huy xử lý sự cố hóa chất. Trong trường hợp cần hỗ trợ, gọi ngay đến các đơn vị như đội bảo vệ, đội PCCC của khu vực để được hỗ trợ giúp đỡ;

- Thực hiện các nội dung theo Bảng hướng dẫn chi tiết về các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất gây ra;

- Sau khi xử lý các sự cố, xác định nguyên nhân gây ra sự cố, thực hiện các biện pháp khắc phục đối với môi trường và sức khỏe.

6.8. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

(1) Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ:

- Bố trí biển cảnh báo cấm lửa tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ.

- Bố trí hệ thống tiếp địa, chống sét.

- Có đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động. Khoảng cách an toàn PCCC và lối thoát nạn đảm bảo theo đúng quy định.

- Bố trí sơ đồ thoát hiểm tại khu vực dễ quan sát.

- Hệ thống cấp điện cho cơ sở và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

- Đầu tư mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại chỗ như các bình cứu hỏa, máy bơm nước cứu hoả, lắp đặt biển báo.

- Tập huấn định kỳ công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở, nêu chi tiết các nhiệm vụ mà người lao động cần thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Ban lãnh đạo cơ sở đi kiểm tra công tác PCCC toàn bộ cơ sở định kỳ để có các biện pháp ngăn ngừa kịp thời các khu vực có nguy cơ cháy nổ.

- Lãnh đạo cơ sở thường xuyên nhắc nhở cán bộ, nhân viên hiểu rõ quyền và nghĩa vụ trong công tác PCCC, có chế độ khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể thực hiện tốt và xử lý nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm công tác PCCC.

(2) Biện pháp phòng cháy các thiết bị điện:

- Các motor điện đều có hộp che chắn bảo vệ, đảm bảo không cho dung môi, nước hoặc vật dễ cháy rơi vào;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện trong các toà nhà. Hộp cầu dao phải kín, cầu dao phải tiếp điện tốt.

(3) Biện pháp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC

Cơ sở đã xây dựng Nội quy PCCC với những nội dung sau:

- Điều 1: Việc phòng cháy và chữa cháy là nghĩa vụ của mỗi công dân.
- Điều 2: Mỗi công dân phải tích cực đề phòng không để tai nạn cháy xảy ra đồng thời chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện để khi cần chữa cháy kịp thời và hiệu quả.
- Điều 3: Phải thận trọng trong việc sử dụng lửa, các nguồn nhiệt, hóa chất và các chất dễ cháy, nổ độc hại, phóng xạ. Triệt để tuân theo các qui định về phòng cháy, chữa cháy.
- Điều 4: Cấm câu mắc, sử dụng điện tùy tiện, sau giờ làm việc phải kiểm tra lại các thiết bị tiêu thụ điện. Chú ý đến đèn, quạt, bếp điện trước lúc ra về, không để hàng hóa, vật tư áp sát vào bóng đèn, dây điện. Phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kỹ thuật an toàn trong sử dụng điện.
- Điều 5: Vật tư, hàng hóa phải xếp gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ, kiểm tra và cứu chữa khi cần thiết. Không dùng khóa mở nắp phuy xăng và các dung môi dễ cháy bằng sắt, thép.
- Điều 6: Khi giao nhận hàng, xe không được nổ máy trong kho, nơi chứa nhiều chất dễ cháy và khi đậu phải hướng đầu xe ra ngoài.
- Điều 7: Trên các lối đi lại nhất là ở các lối thoát hiểm không để các chướng ngại vật.
- Điều 8: Các cá nhân có thành tích phòng cháy, chữa cháy sẽ được khen thưởng, người nào vi phạm các điều quy định trên tùy trách nhiệm nặng nhẹ mà bị xử lý từ thi hành kỷ luật theo quy định của pháp luật.

(4) Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố cháy nổ

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện xử lý theo các bước cơ bản sau:

- Xác định nhanh điểm cháy.
- Báo động để mọi người biết.
- Ngắt điện khu vực bị cháy.
- Báo cho lực lượng PCCC đến.
- Sử dụng các phương tiện PCCC sẵn có để dập cháy.
- Cứu người bị nạn.
- Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn: bảo vệ và tạo khoảng cách chống cháy lan.

(5) Định kỳ hàng năm, cơ sở phối hợp với Cảnh sát PCCC trong khu vực diễn tập phòng ngừa sự cố cháy nổ cũng như tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên tại cơ sở.

6.9. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do thiên tai

Hướng dẫn, phổ biến, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai cho toàn bộ cán bộ, nhân viên và khách trong Cơ sở để nâng cao khả năng ứng phó tại chỗ, chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

Theo dõi, giám sát các dữ liệu về khí tượng, thủy văn, thủy văn công trình, các dữ liệu khác về thiên tai trong phạm vi quản lý; cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố do thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng và tại khu vực lân cận có khả năng làm

gia tăng rủi ro thiên tai.

Xác định, tổng hợp các khu vực trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm, xung yếu đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng trước mùa lũ hằng năm.

Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho cán bộ, nhân viên và khách trong cơ sở về diễn biến thiên tai, trọng điểm xung yếu về phòng, chống thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình hạ tầng, khu vực lân cận có nguy cơ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến an toàn trong khu vực.

7. Các nội dung thay đổi so với Bản cam kết bảo vệ môi trường

Cơ sở đã được xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 05/2011/GXNCK-UBND ngày 31/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn. Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường của cơ sở thực hiện theo đúng bản cam kết đã được phê duyệt, tuy nhiên cơ sở có một số thay đổi và được trình bày như sau:

Bảng 3.11-Các nội dung của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với Bản cam kết bảo vệ môi trường

<table>
<tr><th>TT</th><th>Tên công trình</th><th>Phương án đề xuất trong Bản cam kết bảo vệ môi trường</th><th>Phương án điều chỉnh, thay đổi</th><th>Đánh giá các nội dung thay đổi</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải</td><td>- Quy trình công nghệ: nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Bể trung hòa → Bể Aeroten → Bể lắng → Thải ra môi trường</td><td>- Quy trình công nghệ: nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Tách rác thô → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Thải ra môi trường
- Bổ sung thiết bị tách rác thô, bể thiếu khí và bể khử trùng.</td><td>- Đánh giá việc bổ sung các bể/thiết bị vào HTXL nước thải:
+ Thiết bị tách rác thô: giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của rác có kích thước lớn đối với các công đoạn xử lý phía sau.
+ Bể thiếu khí: tăng hiệu quả xử lý N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.
+ Bể khử trùng: loại bỏ các vi khuẩn độc hại (coliform, Ecoli…) trước khi nước được thải ra môi trường.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thông số các bể trong hệ thống xử lý nước thải</td><td>
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên bể</th><th>Số lượng</th><th>Dung tích (m^3)</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Máy bơm</td><td>1</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bể trung hòa</td><td>1</td><td>60</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bể Aeroten</td><td>1</td><td>6</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Bể lắng</td><td>1</td><td>30</td></tr>
</table>
</td><td>
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Hạng mục</th><th colspan="9">Thông số bể xử lý</th></tr>
<tr><th>Dài (m)</th><th>Rộng (m)</th><th>H nước (m)</th><th>H xd (m)</th><th>S (m^2)</th><th>Số bể</th><th>V nước (m^3)</th><th>V xd (m^3)</th><th>T lưu (h)</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Bể điều hòa</td><td>2,77</td><td>5,07</td><td>2,4</td><td>4,2</td><td>14,04</td><td>1</td><td>33,71</td><td>58,98</td><td>6,75</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bể thiếu khí</td><td>1,60</td><td>5,07</td><td>4,0</td><td>4,2</td><td>8,11</td><td>1</td><td>32,45</td><td>34,07</td><td>6,49</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bể hiếu khí</td><td>2,80</td><td>5,07</td><td>3,95</td><td>4,2</td><td>14,2</td><td>1</td><td>56,09</td><td>59,64</td><td>11,22</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Bể lắng</td><td>2,80</td><td>2,00</td><td>3,90</td><td>4,2</td><td>5,60</td><td>1</td><td>21,84</td><td>23,52</td><td>4,37</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Bể khử trùng</td><td>2,80</td><td>1,00</td><td>3,60</td><td>4,2</td><td>2,80</td><td>1</td><td>10,08</td><td>11,76</td><td>2,02</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Bể chứa bùn</td><td>2,80</td><td>1,67</td><td>3,90</td><td>4,2</td><td>4,68</td><td>1</td><td>18,25</td><td>19,66</td><td>3,65</td></tr>
</table>
</td><td>- Thông số các bể được điều chỉnh cho phù hợp với quy trình công nghệ, đảm bảo nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn cho phép.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Quy mô</td><td>Cơ sở bao gồm 04 công trình:</td><td>Cơ sở thực hiện xây dựng 03 công trình:</td><td>- Cơ sở không thực hiện xây</td></tr>
</table>

TT	Tên công trình	Phương án đề xuất trong Bản cam kết bảo vệ môi trường	Phương án điều chỉnh, thay đổi	Đánh giá các nội dung thay đổi
	xây dựng	- Công trình tại Khu trung tâm; - Công trình tại Khu chăm sóc đặc biệt; - Công trình tại Khu câu lạc bộ; - Công trình tại Khu dịch vụ và nhà nghỉ cho nhân viên.	- Công trình tại Khu trung tâm; - Công trình tại Khu chăm sóc đặc biệt; - Công trình tại Khu dịch vụ và nhà nghỉ cho nhân viên.	dựng công trình Khu câu lạc bộ theo Văn bản số 336/KL-SD&PTR ngày 19/6/2023 của Chi cục kiểm lâm và định hướng trồng thêm cây khu vực này đảm bảo phát triển sinh thái rừng.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Các nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi.

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên.

Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu chăm sóc đặc biệt.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 120 m^3/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

01 dòng nước thải đề nghị cấp phép: Nước thải sau xử lý từ HTXL nước thải sinh hoạt công suất 120 m^3/ngày đêm của Cơ sở được dẫn xả vào mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến Đường 35 xã Nội Bài (trước đây là xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn), thành phố Hà Nội.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép tại QCVN 14:2025/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Bảng 4.1-Tiêu chuẩn nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT của Cơ sở

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	°C	**5 - 9**
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/L	**≤ 35**
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	Pt-Co	**≤ 90**
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	**≤ 60**
5	Amoni ($N\text{-}NH_4^+$), tính theo N	mg/L	**≤ 8,0**
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	**≤ 30**
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	**≤ 6,0**
8	Tổng Coliform	MPN/100mL	**≤ 5.000**
9	Sunfua (S^{2-})	mg/L	**≤ 0,5**
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	**≤ 15**
11	Chất hoạt động bê mặt anion	mg/L	**≤ 5,0**

1.5. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến Đường 35 xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X= 2353156; Y= 584250 *(theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$00, múi chiếu 3^0).*

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: liên tục 24h/ngày.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không phát sinh khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của HTXL nước thải sinh hoạt công suất 120 m^3/ngày đêm.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tọa độ đại diện X = 2353161; Y = 584242 (*theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 00$, múi chiếu 3^0*).

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Giá trị cho phép (dBA)		**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Ghi chú**
6 giờ - 21 giờ	**21 giờ - 6 giờ**		
70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

Giá trị cho phép (dB)		**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Ghi chú**
6 giờ - 21 giờ	**21 giờ - 6 giờ**		
70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có)

Cơ sở không thuộc đối tượng đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo Văn bản số 1737/SNNMT-QLMT ngày 28/4/2025, việc lập giấy phép môi trường đối với Dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 168 Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 55 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Theo đó, Cơ sở được áp dụng là Dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành, mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện như đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (Phụ lục X).

Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại Cơ sở chưa đi vào hoạt động và hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở chưa vận hành nên kết quả hoạt động và tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở sẽ được tổng hợp và báo cáo ở các giai đoạn tiếp theo.

Trong 02 năm gần nhất, trước thời điểm lập báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường (tháng 09 năm 2025), Cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải:

- Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: HTXL nước thải sinh hoạt của cơ sở, công suất thiết kế 120 m^3/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

+ Tại bể điều hoà, đầu vào HTXL nước thải sinh hoạt;

+ Tại đầu ra sau bể khử trùng HTXL nước thải sinh hoạt.

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ khi được cấp giấy phép môi trường.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở sẽ giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của HTXL nước thải sinh hoạt theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Bảng 4.1 của Báo cáo.

- Tần suất lấy mẫu: Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của HTXL nước thải sinh hoạt.

- Đơn vị dự kiến thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích:

+ Tên đơn vị dự kiến: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ mới Hà Nội

+ Địa chỉ VP: Số 125, 127 Nguyễn Khang, Yên Hòa, Hà Nội

+ Tel: 0246.290.9868

+ Email: Congnghemoihanoi@gmail.com

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu VIMCERTS 238.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

2.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy chuẩn áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí dự kiến cho hoạt động quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở là: 20.000.000đ *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).*

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà chủ Cơ sở "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà" đã được Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 05/2011/GXNCK-UBND ngày 31/3/2011, Cơ sở được thực hiện tại xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

Chúng tôi xin cam kết:

Những nội dung, số liệu nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn đúng sự thật.

Quá trình vận hành HTXL nước thải sinh hoạt đúng theo thiết kế, vận hành thường xuyên, không lắp đặt đường ống xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào.

Nước thải sau xử lý từ HTXL nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 14:2025/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Các công trình thu gom, lưu chứa chất thải rắn đã được bố trí đầy đủ, đảm bảo việc thu gom xử lý trong quá trình vận hành cơ sở. Bùn cặn của hệ thống xử lý nước thải được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Cam kết việc thu gom, quản lý lưu trữ chất thải phát sinh tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025). Khu vực chứa CTNH đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Chủ cơ sở cam kết gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi vận hành thử nghiệm theo quy định.

Thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát, kiểm soát môi trường vào nguồn tiếp nhận trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

Khắc phục sự cố kịp thời, có trách nhiệm báo cáo đến các cơ quan chức năng ở địa phương để giải quyết nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu tới nguồn tiếp nhận nước thải, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc xả nước thải của HTXL nước thải sinh hoạt gây ra.

Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Cam kết thực hiện giám sát môi trường định kỳ, thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đến môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1.1	**CÁC GIẤY TỜ, VĂN BẢN PHÁP LÝ**
PHỤ LỤC 1.2	**BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
PHỤ LỤC 1.3	**CÁC CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN, CÔNG NHẬN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ XỬ LÝ**
PHỤ LỤC 1.4	**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
PHỤ LỤC 1.5	**BẢN SAO GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

PHỤ LỤC 1.1
CÁC GIẤY TỜ, VĂN BẢN PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0100957353

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 11 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 20 tháng 01 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: NGỌC HA CO., LTD.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *04.37512046* Fax: *04.37512046*

Email: *ngocha2013@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM LƯƠNG BẰNG	Số 36, Phố Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	58.000.000.000	58,000	034058002482	
2	PHẠM THỊ DUNG	Số 41 ngõ 61 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	21.000.000.000	21,000	012045394	
3	PHẠM HỮU CHÍ	A3, tập thể A25, tổ 4 , Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	21.000.000.000	21,000	034060000863	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THỊ THU HÀ Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *18/08/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001186001073*

Ngày cấp: *09/06/2014* Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 36, Phố Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 36, Phố Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Xuân Thịnh

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

0100409160000002

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0100957353 do Phòng Đăng ký Kinh doanh số 03 – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19/11/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/02/2015

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 46 đường Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

CB 888615

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

-Địa chỉ sử dụng đất: Khoảng 19, đất rừng phòng hộ Lâm Trường Sóc Sơn, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
	Khu A, Khu B, Khu C, Khu D, Khu E	141.851	Sử dụng riêng	Thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà (trong đó 7.346 m2 đất gồm: Khu A, Khu B, Khu C, Khu D được xây dựng công trình)	Từ ngày 22/02/2012 đến ngày 28/5/2059	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
	Khu F	6.662	Sử dụng riêng	Nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ giao quản lý, chống lấn chiếm theo quy hoạch, tuyệt đối không được xây dựng công trình, khi Nhà nước và Thành phố thu hồi phải bàn giao lại theo quy định	Thuê hàng năm	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

- Số tờ, số thửa sẽ được hiệu chỉnh khi có bản đồ địa chính chính quy.
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà được miễn 100% tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện dự án trong thời hạn được thuê đất (từ ngày 22/2/2012 đến hết ngày 28/5/2059) theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01121000297 do UBND thành phố Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28/5/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29/6/2015.
- Giấy chứng nhận này được cấp theo các Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 22/2/2012, số 4448/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TUQ.CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số vào sổ cấp GCN: CT 02495

Nguyễn Hữu Nghĩa

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Theo Trích lục bản đồ tỷ lệ 1:2000 số 69/TĐ-16 do
Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 25/3/2016

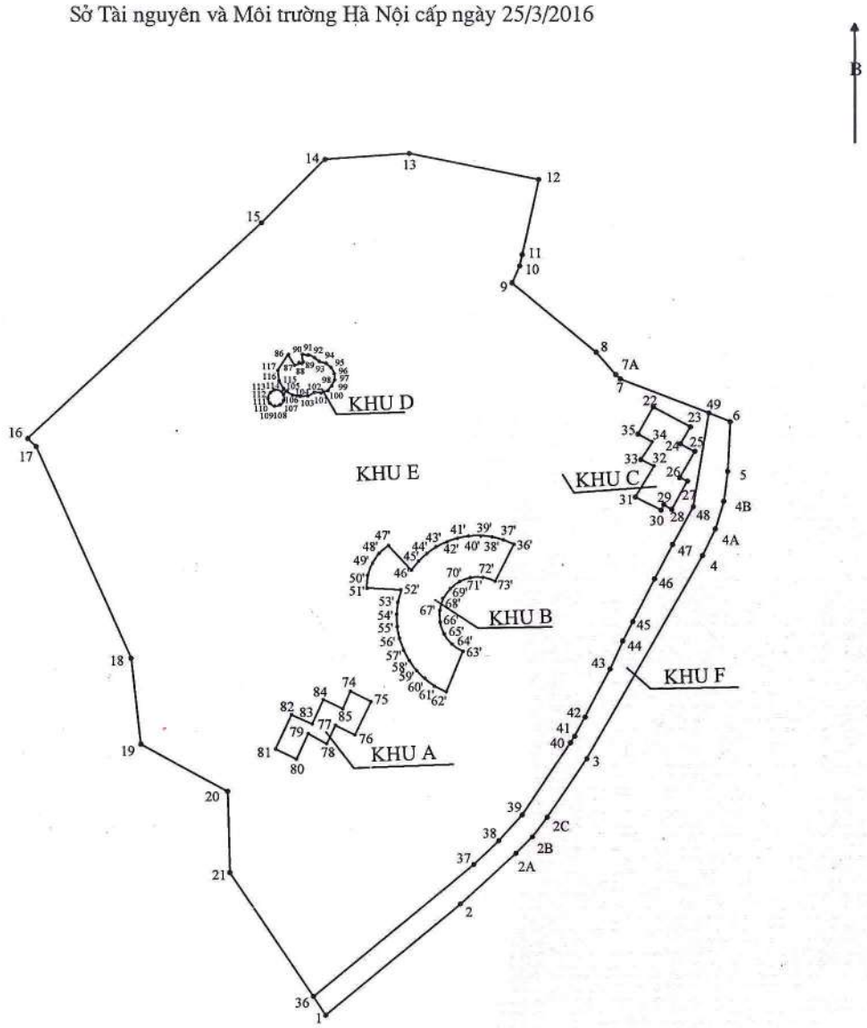

IV. Những thay đổi và cơ sở pháp lý	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số : 01121000.257

Chứng nhận: ngày 28 tháng 5 năm 2009

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 22/2007/QĐ-UBND ngày 09/02/2007 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Quy định về quy trình giải quyết một số thủ tục hành chính trong quản lý các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 5172/UBND-KH&ĐT ngày 31/7/2008 của Uỷ ban nhân dân thành phố chấp thuận địa điểm nghiên cứu lập và triển khai thực hiện dự án Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi Ngọc Hà;

Căn cứ hồ sơ đề nghị UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà của công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà;

Xét Báo cáo số 544 /BC-KH&ĐT ngày 20 tháng 5 năm 2009 của sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội,

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ.**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 073216 của công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà do phòng Đăng ký kinh doanh số 2 - sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu 19/11/1999, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 30/12/2008;

- Đại diện bởi: Ông Nguyễn Thanh Dũng - Chức vụ: Giám Đốc.
- Sinh ngày: 31 tháng 8 năm 1965.
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
- Chứng minh nhân dân số 012465975 cấp ngày 22/10/2003 tại Công an thành phố Hà Nội.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P6 B3, tập thể Phân viện Hà Nội, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân - Hà Nội.

- Chỗ ở hiện nay: Số 107, ngõ 14 Vũ Hữu - Thanh Xuân - Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau :

Điều 1. Tên dự án đầu tư:

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng khu chăm sóc và nghỉ dưỡng thường xuyên cho người già kết hợp các dịch vụ vui chơi giải trí cho người cao tuổi, trên cơ sở duy trì, bảo vệ và phát triển rừng, hình thành khu sinh thái vườn rừng.

- Quy mô diện tích sử dụng đất (dự kiến) 15 ha; trong đó diện tích đất được phép xây dựng 7.500 m^2, diện tích rừng phòng hộ giữ nguyên, tổ chức trồng thêm, chăm sóc, quản lý và bảo vệ hơn 14 ha.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Trong khu đất có diện tích khoảng 15 ha thuộc khoảnh 19, đất rừng Lâm trường Sóc Sơn, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

Điều 4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 65,0 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Vốn tự có: 31,0 tỷ đồng.

+ Vốn huy động khác: 34,0 tỷ đồng.

Điều 5. Tiến độ thực hiện dự án (dự kiến): 24 tháng, được chia thành 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1: Kể từ lúc được bàn giao mặt bằng xây dựng sẽ đầu tư 35 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phụ trợ.

- Giai đoạn 2: đầu tư 30 tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị, hoàn thiện các công trình đưa vào trung tâm hoạt động.

Điều 6. Thời hạn hoạt động của dự án kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư: 50 năm.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án: Nhà đầu tư được ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, các quy định của pháp luật có liên quan và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 *(hai)* bản gốc, Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư cấp trên cơ sở đề nghị của nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư có trách nhiệm tiếp tục hoàn chỉnh thủ tục quy hoạch xây dựng và thực hiện đầy đủ các thủ tục chuẩn bị đầu tư, triển khai đầu tư xây dựng, khai thác dự án theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Pháp lệnh chăm sóc sức khoẻ; Quy chế ban hành kèm theo Quyết

định số 186/2006/QĐTTg ngày 14/8/2006 của Thủ thướng Chính phủ; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan; các quy định của Thành phố; ý kiến của Bộ Y tế; Các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc đối với dự án. Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện dự án đầu tư sau khi đã hoàn tất các thủ tục nêu trên.

Trong quá trình kinh doanh, khai thác Dự án nếu vi phạm phải chịu xử lý theo quy định hiện hành./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Văn Bình

Nơi nhận:
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Y tế; Ngân hàng Nhà nước;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư (5 bản), Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Quy hoạch - Kiến trúc, Cục thuế TP Hà Nội;
- UBND huyện Sóc Sơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Số: 01121000297

Chứng nhận lần đầu: Ngày 28 tháng 5 năm 2009

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 29 tháng 6 năm 2015

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009; Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/ 01/ 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 28/5/2009 cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà tại Bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ngày 02/8/2014, hồ sơ kèm theo nộp ngày 28/8/2014 và các hồ sơ nộp bổ sung ngày18/5/2015, ngày 03/6/2015;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 565 /BC-KH&ĐT ngày 17 /6/2015 về việc chấp thuận điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà,

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Mã số doanh nghiệp: 0100957353; đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 11 năm 1999; đăng ký thay đổi lần thứ 9: ngày 12 tháng 2 năm 2015.

Đại diện bởi: Ông Phạm Hữu Chí - Chức vụ: Giám đốc.

Sinh ngày: 21 tháng 12 năm 1960.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số 034060000863 cấp ngày 07/01/2015 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A3, tập thể A25, tổ 4, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: P2702, Tòa nhà T2, Khu căn hộ Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 ngày 28/5/2009 do UBND thành phố Hà Nội cấp với nội dung sau:

Điều 1. Các điều khoản sau đây của Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 ngày 28/5/2009 do UBND thành phố Hà Nội cấp được điều chỉnh như sau:

Điều 4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 100,0 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Vốn tự có: 31,0 tỷ đồng.

+ Vốn huy động khác: 69,0 tỷ đồng.

Điều 5. Tiến độ thực hiện dự án (dự kiến): Từ tháng 5/2009 đến quý IV/2017, trong đó:

+ Thời gian hoàn thành chuẩn bị đầu tư đến ký Hợp đồng thuê đất: Từ tháng 5/2009 đến tháng 10/2012;

+ Thời gian xây dựng, mua sắm lặp đặt trang thiết bị và hoàn thành đi vào hoạt động: từ tháng 10/2012 đến quý IV/2017.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Người cao tuổi; Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND Thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật có liên quan và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong đó, bao gồm cơ chế cho thuê đất: Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa được miễn 100% tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện dự án trong thời hạn được thuê đất (từ ngày 22-02-2012 đến hết ngày 28-05-2059).

Điều 2. Mọi điều khoản khác của Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 ngày 28/5/2009 do UBND thành phố Hà Nội cấp vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ và 01(một) bản lưu tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Sau khi được UBND Thành phố cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, nhà đầu tư cần liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan để khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh Quyết định cho thuê đất; thực hiện các thủ tục để được miễn tiền thuê đất trong thời hạn thuê đất, thực hiện các thủ tục khác để hưởng các ưu đãi (nếu có) theo quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố và có trách nhiệm hoàn thành toàn bộ dự án theo tiến độ đã cam kết.

Trong quá trình thực hiện đầu tư và kinh doanh khai thác dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật pháp liên quan; tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo theo Nghị định 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ và Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố.

Nghiêm cấm thực hiện việc chuyển nhượng dự án và huy động vốn không đúng quy định của pháp luật dưới mọi hình thức để triển khai dự án; trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sửu

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH & ĐT, LĐTB&XH, TN&MT, TC, XD;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Chủ tịch UBND TP Hà Nội (để b/c);
- Văn phòng UBND TP: CVP/PCVP Đỗ Đình Hồng;
- Các Sở: KH&ĐT (05 bản), LĐTB&XH, TN&MT, TC, XD;
- Các ngành: Cục thuế, Cục Thống kê, Hải quan, Công an thành phố Hà Nội;
- UBND huyện Sóc Sơn;
- UBND xã Quang Tiến;
- Lưu VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 14461 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND Thành phố về việc thu hồi 148.513m2 tại khoảnh 19, đất rừng phòng hộ Lâm trường Sóc Sơn, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn do Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển Nông lâm nghiệp Sóc Sơn đang quản lý và giao khoán cho các hộ gia đình, cá nhân trông coi bảo vệ rừng; Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thuê diện tích 148.513m2 đất để kết hợp thực hiện dự án Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà theo dự án đầu tư được UBND Thành phố cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100927 ngày 28/5/2009. Trong tổng diện tích 148.513m^2 có: 141.851m^2 thuê để kết hợp thực hiện dự án Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà (trong đó có 7.346m^2 đất được xây dựng công trình).

Căn cứ Văn bản số 1566/TCQLĐĐ-CKSQLSDĐ ngày 22/7/2021 của Tổng cục Quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc chuyển tiếp thực hiện dự án đầu tư.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 547/KL-STNMT-TTr ngày 22/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chấp hành pháp luật đất đai đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại khu đất thuộc khoảnh 19, đất rừng Lâm trường Sóc Sơn, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn; Văn bản số 1460/BC-STNMT-TTr ngày 29/5/2019 và số 6672/STNMT-TTr ngày 06/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra, rà soát làm rõ sự phù hợp của nội dung đề xuất gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo quy định của Luật Đất đai đối với Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn; Văn bản số 9883/VP-ĐT ngày 16/9/2021 của UBND Thành phố và đề nghị của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà tại Văn bản số 20/CV-CTNH ngày 21/9/2021 về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo

quy định của Luật Đất đai đối với Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại khu đất thuộc khoảnh 19, đất rừng Lâm trường Sóc Sơn, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7275/TTr-STNMT-TTr ngày 04 tháng 10 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Gia hạn thời gian sử dụng đất 24 tháng đối với Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà là Chủ đầu tư được UBND Thành phố cho thuê đất tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 22/02/2012.

2. Lý do gia hạn: Theo quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 64, Luật Đất đai năm 2013.

3. Thời gian gia hạn: Kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ký Quyết định gia hạn.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà có trách nhiệm:

1. Nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền tương ứng với với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian được gia hạn 24 tháng (ngoài nghĩa vụ tài chính mà chủ đầu tư đã thực hiện theo quyết định phê duyệt giá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của cấp có thẩm quyền);

2. Sau 24 tháng tính từ ngày quyết định gia hạn, nếu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ trình UBND Thành phố thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.

Điều 3. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các ngành, các cấp có trách nhiệm:

1. Cục thuế Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội: Xác định nghĩa vụ tài chính về đất trong thời gian gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với diện tích đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà là Chủ đầu tư (ngoài nghĩa vụ tài chính mà chủ đầu tư đã thực hiện theo quyết định phê duyệt giá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của cấp có thẩm quyền) theo quy định. Sau 24 tháng tính từ ngày được gia hạn, nếu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ thu hồi đất trình UBND Thành phố quyết định.

2. Cục thuế Thành phố Hà Nội: Thu nghĩa vụ tài chính về đất trong thời gian gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với diện tích đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà là Chủ đầu tư (ngoài nghĩa vụ tài chính mà chủ đầu tư đã thực hiện theo quyết định phê duyệt giá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của cấp có thẩm quyền) theo quy định.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo thẩm quyền hướng dẫn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện thủ tục về giao rừng, cho thuê rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

4. Giao các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường; Tài chính, Xây dựng và Cục thuế thành phố Hà Nội hướng dẫn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà về đầu tư, đất đai, xây dựng và nghĩa vụ tài chính theo quy định; báo cáo UBND Thành phố nội dung vượt thẩm quyền.

5. UBND huyện Sóc Sơn thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương, đôn đốc, giám sát việc thực hiện dự án của chủ đầu tư. Trường hợp hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND Thành phố; (để b/c)
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: P.CVP, P.ĐT;
- Lưu: VT.

1610(5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 728 /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày 28 tháng 5 năm 2009)

(điều chỉnh lần thứ 2: ngày 24 tháng 02 năm 2022.)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100297 ngày 28/5/2009; điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/6/2015 của UBND Thành phố chứng nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện dự án đầu tư Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và văn bản số 35/BC-CTNH ngày 08/12/2021 về giải trình một số nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà;

Xét ý kiến thẩm định của các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại văn bản số 3179/SNN-KL ngày 08/10/2021, Sở Xây dựng tại văn bản số 8643/SXD-KHTH ngày 26/10/2021 và số 10123/SXD-KHTH ngày 08/12/2021, Sở Tài chính tại văn bản số 6713/STC-TCĐT ngày 16/10/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 8726/STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/11/2021; Cục Thuế thành phố Hà Nội tại văn bản số 46790/CT-QLĐ ngày 16/11/2021; Công an thành phố Hà Nội tại văn bản số 7610/CAHN-PC07 ngày 21/10/2021; Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội tại văn bản số 4546/BHXH-QLT ngày

08/10/2021 và UBND huyện Sóc Sơn tại văn bản số 2927/UBND-TCKH ngày 03/11/2021 và số 3261/UBND-TTXD ngày 01/12/2021; Báo cáo thẩm định số 13 /BC-KH&ĐT ngày 10-01-2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận tại Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100297 ngày 28/5/2009; điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/6/2015 như sau:

1. Ghi nhận việc cập nhật thông tin về Nhà đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0100957353 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/11/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20/01/2020 cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà như sau:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Phạm Thu Hà, chức vụ Giám đốc; sinh ngày: 18/08/1986; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số 001186001073 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/06/2014. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 36, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện tại: số 36, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Nội dung Tiến độ thực hiện dự án quy định tại Điều 1 Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100297 điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/6/2015 của UBND Thành phố được điều chỉnh như sau: "*Khởi công - Hoàn thành: Quý I/2022-Trước 15/10/2023*"

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ dự án đầu tư đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định của Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Lâm nghiệp và quy định pháp luật có liên quan; không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan. Khẩn trương thực hiện các công việc tiếp theo của Dự án đảm bảo đúng tiến độ được điều chỉnh và các nội dung lưu ý của các đơn vị, Sở ngành tại các văn bản tham gia ý kiến thẩm định các nội dung đề nghị điều chỉnh Dự án.

- Công trình phải đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy theo quy định Luật Phòng cháy chữa cháy và pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp thi công phù hợp, đảm bảo an toàn lao động. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thi công theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với Nhà nước và Thành phố theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thu xếp nguồn tài chính và xây dựng kế hoạch huy động vốn để thực hiện dự án đảm bảo quy định pháp luật, theo đúng tiến độ được chấp thuận và nội dung đã cam kết. Nghiêm cấm việc huy động vốn để triển khai dự án không đúng quy định của pháp luật dưới mọi hình thức.

- Thực hiện nghiêm túc công tác giám sát và chế độ báo cáo, giám sát đầu tư theo các quy định của Luật Đầu tư và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả, thực hiện trách nhiệm của người sử dụng đất theo quy định; tiếp tục xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được UBND Thành phố chấp thuận. Chấp hành nghiêm túc các Kết luận kiểm tra về quản lý, sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND Thành phố gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Dự án.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

- Giao Cục Thuế thành phố Hà Nội đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước khoản tiền thuê đất phải nộp trong thời gian gia hạn 24 tháng;

- Giao Sở Xây dựng và UBND huyện Sóc Sơn kiểm tra, đôn đốc Công ty thực hiện Dự án đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về quản lý trật tự xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt; xử lý dứt điểm vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật, báo cáo UBND Thành phố những nội dung vượt thẩm quyền.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Cục Thuế thành phố Hà Nội; Công an thành phố Hà Nội và UBND huyện Sóc Sơn căn cứ chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho nhà đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội; thực hiện nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đầu tư số 0112100297 ngày 28/5/2009; điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội.

2. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Cục Thuế thành phố Hà Nội; Công an thành phố Hà Nội và UBND huyện Sóc Sơn; Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà một bản và một bản được lưu tại UBND thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T.Huyền, các phòng: KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX, Sở KH&ĐT(03 bản).

9(127)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Chử Xuân Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3107 /QĐ-UBND	*Hà nội, ngày 24 tháng 6 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng
Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500
(Địa điểm: xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 108/1998/QĐ-TTg ngày 20/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/2001/QĐ-UB ngày 09/05/2001 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ công văn số 869/SNN-TTr ngày 28/7/2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thông báo ý kiến thoả thuận đối với dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, với các yêu cầu kèm theo;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 ngày 28/5/2009 UBND Thành phố chứng nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện dự án đầu tư Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi Ngọc Hà (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Thông báo số 75/TB-UBND ngày 23/4/2009 của UBND huyện Sóc Sơn về chủ trương thu hồi đất chuẩn bị GPMB dự án và Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của UBND huyện Sóc Sơn phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

Căn cứ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung huyện Sóc Sơn tỷ lệ 1/10.000 do Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn (Bộ Xây dựng) lập, Sở Quy hoạch Kiến trúc đang thẩm định trình Thành phố phê duyệt.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội tại Tờ trình số 853/TTr-QHKT ngày 26/3/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500, do Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng CDCC lập, hoàn thành tháng 9/2009 với các nội dung như sau:

1/. Vị trí, ranh giới và quy mô:

a) Vị trí: Khu đất nghiên cứu Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà (tỷ lệ 1/500) thuộc địa bàn xã Quang Tiến (giáp ranh giới xã Hiền Ninh), huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

b) Giới hạn khu đất lập quy hoạch:

- Phía Đông Nam giáp đường ven hồ Đồng Quan;
- Các phía còn lại giáp đất núi đồi - gò (rừng).

c) Quy mô: Khoảng 15,0Ha.

2/. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn tỷ lệ 1/10.000 đã được phê duyệt, nhằm quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và Thành phố. Tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng gắn với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch xây dựng,... để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép sử dụng đất và xây dựng công trình. Tuân thủ: Luật Đất đai, Luật Xây dựng (2003), Luật bảo vệ và phát triển rừng (2004), Luật Đầu tư (2005); Luật Quy hoạch Đô thị (2009).

- Xây dựng khu chăm sóc và nghỉ dưỡng thường xuyên cho khoảng 500 người già kết hợp các dịch vụ vui chơi, nghỉ dưỡng sinh thái trên cơ sở duy trì, bảo vệ và phát triển rừng, hình thành khu sinh thái vườn rừng. Tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan tại khu vực ven hồ Đồng Quan phù hợp Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng và quy hoạch được duyệt, khớp nối hoàn chỉnh giữa khu vực xây dựng mới và khu vực cải tạo.

- Xác định chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật cho từng ô đất phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy hoạch được duyệt có liên quan; Đề xuất giải pháp cải tạo, bảo tồn và tôn tạo cảnh quan rừng và địa hình tự nhiên, xác định đầy đủ các công trình phúc lợi công cộng phù hợp để phục vụ người cao tuổi; Tổ chức không gian kiến trúc đô thị, cảnh quan; đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và phát triển bền vững;

- Xây dựng Điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng và là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3/. Nội dung quy hoạch chi tiết:

3.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu đất nghiên cứu quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 có tổng diện tích khoảng 15Ha, có cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng tổng hợp cơ cấu đất đai quy hoạch

STT	Hạng mục chức năng sử dụng đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình dự án	0,75	5
2	Đất lâm nghiệp - đồi núi rừng (trong đó bao gồm: cây xanh, sân vườn, đường dạo, đường giao thông)	14,25	95
	Tổng cộng: (Đất lâm nghiệp kết hợp thực hiện dự án đầu tư xây dựng)	**15,00**	**100**

Trong phạm vi Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà - tỷ lệ 1/500 có tổng diện tích 15ha, được phân bổ thành các ô đất xây dựng công trình và hạ tầng kỹ thuật, cụ thể như sau:

Bảng chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc

STT	Chức năng sử dụng	Ký hiệu	Diện tích đất (m2)	Tầng cao CT (tầng)	Mật độ XD (%)
1	Khu Trung tâm chăm sóc người cao tuổi:		13.000	2	31
	- Đất xây dựng công trình	*DV.1*	*4.000*	*2*	
	- Đất xây dựng sân chơi, hồ nước nhân tạo, vườn hoa, sân bãi	*CX.1*	*9.000*	-	-
2	Khu Chăm sóc đặc biệt:		2.500	2	40
	- Đất xây dựng công trình	*DV.2*	*1.000*	*2*	
	- Đất xây dựng sân vườn, lối đi bộ	*CX.2*	*1.500*	-	-
3	Khu Câu lạc bộ người cao tuổi		2.870	1-2	35
	- Đất xây dựng công trình	*DV.3*	*1.000*	*1-2*	
	- Đất xây dựng sân vườn, chòi nghỉ	*CX.3*	*1.870*	-	-
4	Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên		4.450	1-3	34
	- Đất xây dựng công trình	*DV.4*	*1.500*	*1-3*	
	- Đất xây dựng sân vườn, bãi xe, công trình hạ tầng kỹ thuật	*CX.4*	*2.950*	-	-
5	Đất đồi rừng	ĐR	12.000	-	-
6	Đất đường giao thông	Đ	7.180	-	-
	- Đất đường trục chính	*Đ1*	*3.550*	-	-
	- Đất đường mòn, đường dạo	*Đ2*	*3.630*	-	-
	Tổng cộng:		150.000	1-3	5

Để đảm bảo cơ sở pháp lý trong quá trình lập dự án đầu tư trình cấp thẩm quyền phê duyệt, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà cần thực hiện tiếp theo các yêu cầu sau:

- Phần đất thuộc ranh giới hành lang an toàn đường bộ ở phía Đông Nam: giao cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà quản lý chống lấn chiếm theo các quy định hiện hành, tuyệt đối không xây dựng công trình - khi nhà nước và thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định. Việc di chuyển, đấu nối hạ tầng kỹ thuật công trình với hệ thống chung cần khảo sát kỹ đối với các công trình ngầm trong khu vực (nếu có) và cần có ý kiến của các Cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định. Tại khu vực giáp ranh, đất rừng và đất lâm nghiệp cần liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) và chính quyền địa phương

(UBND các xã: Quang Tiến và Hiền Ninh) để kiểm tra, rà soát và hướng dẫn theo các quy định hiện hành.

- Với các chỉ tiêu đề xuất nói trên, chủ đầu tư cần liên hệ với các Cơ quan liên quan để được hướng dẫn hoàn chỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng và gắn với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, an ninh - quốc phòng,...để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép sử dụng đất và xây dựng công trình. Tuân thủ: Luật Đất đai năm 2003, Luật Xây dựng năm 2003, Luật bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Luật Đầu tư năm 2005.

3.2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan:

- Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc tại Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà: tổ chức đảm bảo hài hoà với cảnh quan thiên nhiên, gắn kết với các dự án xung quanh (tuyến đường du lịch Quốc lộ 3 - Đền Sóc - Hồ Đồng Quan, khu du lịch văn hoá, nghỉ ngơi cuối tuần khu vực Đền Sóc,...) và hoàn chỉnh về không gian Khu du lịch văn hoá, nghỉ ngơi cuối tuần khu vực Đền Sóc. Công trình kiến trúc cao từ 1÷2 tầng và tối đa là 3 tầng đối với công trình dịch vụ, tạo không gian kiến trúc gắn kết hài hoà với khu vực cảnh quan tự nhiên (đồi núi, rừng cây xanh, hồ nước). Bố trí các công trình gắn kết với điều kiện tự nhiên (tận dụng ưu thế về địa hình, cảnh quan, hồ nước lớn), không bố trí công trình tại: các đường tụ thuỷ, các khu vực có khả năng trượt lở đất và các khu vực có cây rừng trồng phát triển.

+ Khu trung tâm: bố trí thành cụm tại vị trí trung tâm tạo thuận lợi trong quản lý giao dịch, tạo điểm nhấn kiến trúc với hình thức kiến trúc hiện đại, tạo không gian mở về phía hồ Đồng Quan. Đây là nơi bố trí Nhà trung tâm chính đa năng (cao 2 tầng), đón tiếp, điều hành và phục vụ chăm sóc người cao tuổi.

+ Các Khu: Chăm sóc đặc biệt: tổ chức xây dựng thành cụm 03 khối nhà cao 2 tầng, bố trí về phía Tây Nam khu trung tâm; Nhà câu lạc bộ cao 1÷2 tầng, bố trí về phía Tây Bắc khu trung tâm; Dịch vụ tổng hợp và nhà nghỉ nhân viên cao 1÷3 tầng, bố trí phía Đông Bắc khu trung tâm và gần trục đường giao thông khu vực để thuận tiện cho tiếp nhận vật phẩm phục vụ người cao tuổi. Các Khu chức năng này có hình khối bố cục và giải pháp kết cấu phù hợp với đường đồng mức ven triền núi và đường dạo, kết hợp với hệ thống sân vườn, cây xanh, mặt nước hài hoà với cảnh quan tự nhiên tại khu vực - hướng tầm nhìn về phía hồ Đồng Quan.

- Tổ chức hệ thống cây xanh, gồm: Cây xanh đồi rừng tự nhiên được bảo vệ theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Cây xanh trồng mới được tổ chức thành hệ thống liên hoàn tạo cảnh quan và môi trường sinh thái cho khu Trung tâm chăm sóc người cao tuổi: Cây xanh đồi rừng tự nhiên, thảm thực vật và vườn hoa phân tán gắn với các cụm công trình là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí và TDTT cho người cao tuổi. Cây xanh trồng theo dải tuyến dọc các trục đường giao thông và đường dạo ven hồ, kết hợp với các vườn hoa cây xanh trong các nhóm công trình và theo chủ đề. Các trục đường mòn, đường dạo được tổ chức đi trong các khu đồi rừng, đảm bảo liên hệ, kết nối các khu chức năng của dự án, đồng thời là trục đường phục vụ cho thể thao leo núi, rèn luyện sức khoẻ cho người cao tuổi và hài hoà với thiên nhiên, tạo lập môi trường thích hợp cho phát triển các loài thực vật tự nhiên,...Trên các tuyến đường dạo có bố trí một số điểm dừng chân.

- Căn cứ yêu cầu quy mô, tính chất và tiêu chuẩn quy phạm, các lô đất xây dựng trong phần diện tích đất lâm nghiệp phải đảm bảo tỷ lệ diện tích xây dựng công trình, đường mòn, điểm dừng chân và bãi đỗ xe theo văn bản thoả thuận của Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn trong giai đoạn lập Dự án đầu tư xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3.3. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật:

3.3.1. Giao thông:

a) Các tuyến đường xung quanh khu quy hoạch:

Giáp phía Đông Nam khu đất nghiên cứu là tuyến đường liên xã, quy mô xác định phù hợp với Quy hoạch Chung huyện Sóc Sơn, tỷ lệ 1/1000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số số 24/2001/QĐ-UB ngày 09/05/2001: B= 12m (lòng đường 2 làn xe rộng 7m, lề hai bên 2,5mx2).

b) Giao thông nội bộ:

- Cổng vào khu dự án tổ chức thành quảng trường với quy mô nhỏ, kết hợp xây dựng tuyến đường với bề rộng là 9,0m (lòng đường hai làn xe rộng 7,0m, lề mỗi bên 1,0m).

- Trục Trung tâm khu dự án: có mặt cắt ngang rộng 12,0m gồm phần đường xe chạy 2 làn rộng 4x2=8m, giải phân cách giữa rộng 2m; lề mỗi bên rộng 1,0m.

- Các đường nội bộ trong khu vực quy hoạch chủ yếu là các tuyến đường dạo xây dựng bám sát theo điều kiện nền hiện trạng để hạn chế khối lượng đào đắp và tạo cảnh quan tự nhiên. Quy mô các tuyến đường : chiều rộng nền đường 3,5 m; tại những đoạn tuyến có độ dốc lớn được xây dựng thành bậc thang kết hợp với bố trí các chòi nghỉ chân ở cạnh tuyến đường.

- Các bãi đỗ xe: bố trí một bãi đỗ xe với diện tích 200m2 tại cổng vào khu dự án phục vụ cho nhu cầu đỗ xe thời gian ngắn cho các hoạt động hàng ngày của trung tâm.

Đối với nhu cầu đỗ xe thời gian dài, đỗ xe qua đêm bố trí tại hai bãi đỗ xe phía sau khu Trung tâm chăm sóc đặc biệt kết hợp với đất sân vườn, cây xanh của khu quy hoạch.

3.3.2. San nền, thoát nước mưa:

a) Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước: hướng thoát nước chính của khu quy hoạch về phía hồ Đồng Quan ở phía Đông Nam.

- Hệ thống thoát nước : xây dựng các tuyến rãnh có nắp đan (B=0,4m; H=0,6) và cống thoát nước mưa thu gom thoát vào tuyến mương hiện có chạy dọc tuyến đường phía Đông khu quy hoạch (sẽ được cải tạo mở rộng để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực).

- Xây dựng tuyến rãnh thoát nước hở dọc theo các tuyến đường để đón nước mặt, tránh xói mòn đường, có kích thước Bm = 1,5-1,9; Bđ = 0,5m; H = 0,5-0,7m dạng hình thang bám theo địa hình để thu nước mặt, thoát vào hệ thống cống chính hoặc mương thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước mưa cho cả lưu vực là triền Đông Nam của núi Dem (lưu vực thoát vào các tuyến rãnh này khoảng 10ha). Trong quá trình lập dự án cần khảo sát cụ thể hiện trạng, xác định chính xác diện tích lưu vực để kiểm tra tính toán lựa chọn kích thước rãnh cho phù hợp.

- Xây dựng hồ nước tạo cảnh quan phía Tây Bắc khu Trung tâm để lưu giữ nước và tạo không gian kiến trúc. Tại vị trí hồ đấu nối với tuyến cống điều tiết nước, xây dựng đập chắn nước hoặc cống tràn có phai đóng mở để kiểm soát mực nước theo yêu cầu.

b) San nền:

- Những khu vực dự kiến xây dựng công trình và đường giao thông nội bộ yêu cầu đối với san nền cần đảm bảo nguyên tắc tận dụng tối đa địa hình tự nhiên đồi gò, chỉ san gạt

nền cục bộ để tạo mặt bằng thuận lợi cho xây dựng công trình (Trong quá trình lập Dự án đầu tư xây dựng cần nghiên cứu kỹ giải pháp xử lý cụ thể về san nền và thoát nước).

- Cao độ san nền Khu trung tâm: H_{TK}=+31,0÷+41,0m.
- Cao độ san nền Khu câu lạc bộ: H_{TK}=+69,0÷+74,0m.
- Cao độ san nền Khu dịch vụ: H_{TK}=+31,0÷+36,0m.

3.3.3. Cấp nước:

a) Nguồn cấp: xây dựng trạm cấp nước cục bộ khai thác nguồn nước ngầm (công suất khoảng 275m3/ngày đêm) để cấp nước cho khu vực quy hoạch. Trong quá trình nghiên cứu lập dự án Chủ đầu tư liên hệ với cơ quan quản tài nguyên nước để được hướng dẫn và cấp phép khoan thăm dò và khai thác sử dụng nguồn nước ngầm theo quy định.

b) Mạng lưới đường ống: Xây dựng mạng tuyến ống cấp nước có có kích thước D63-100mm dọc theo các tuyến đường trong khu vực lập quy hoạch để cấp nước cho các công trình trong khu quy hoạch.

c) Cấp nước chữa cháy: Dọc theo các tuyến ống cấp nước có kích thước D = 100mm lắp đặt các trụ cấp nước phục vụ cứu hoả đảm bảo khoảng cách đảm bảo theo yêu cầu quy chuẩn, quy phạm.

3.3.4. Cấp điện:

a) Nguồn cấp: từ trạm biến áp Sóc Sơn 110/22KV 2x63MVA ở phía Bắc khu quy hoạch. Trước mắt sẽ được cấp điện thông qua tuyến điện 6KV hiện có ở phía Nam, cách khu đất khoảng 1km. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, Chủ đầu tư liên hệ với điện lực huyện Sóc Sơn để được thỏa thuận nguồn cấp và điểm đấu

b) Mạng trung thế và trạm biến áp:

- Xây dựng tuyến cáp ngầm 22KV dọc theo tuyến đường quy hoạch B = 9m để cấp điện cho trạm biến áp 22/0,4KV trong khu quy hoạch.
- Xây dựng một trạm biến áp với công suất 1000KVA để cấp điện cho khu quy hoạch.

c) Mạng hạ thế và chiếu sáng đèn đường:

- Mạng cáp hạ thế 0,4KVsẽ được xác định cụ thể phù hợp với quy hoạch tổng mặt bằng bố trí các công trình trong khu quy hoạch.
- Xây dựng mạng cáp ngầm chiếu sáng đèn đường, vị trí và khoảng cách các đèn chiếu sáng đường đảm bảo quy định của quy chuẩn xây dựng.

3.3.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Nước thải được thu gom bởi mạng cống thoát nước D300 được xây dựng dọc theo một số tuyến đường trong khu quy hoạch, sau đó được đưa về trạm xử lý cục bộ có công suất 200m3/ngày đêm, sử dụng công nghệ tiên tiến, được xây dựng ngầm ở khu vực phía Tây Nam khu quy hoạch. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn VSMT và được cơ quan quản lý môi trường kiểm tra, cho phép mới được thoát vào hệ thống thoát nước mưa.
- Đối với một số tuyến cống có độ dốc lớn, cần xây dựng giếng tiêu năng để giảm vận tốc (sẽ được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật).
- Dọc theo các tuyến cống thoát nước bản bố trí giếng thăm tại các vị trí: thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo

dưỡng định kỳ và sửa chữa cống; khoảng cách giữa các giếng thăm khoảng 20 - 25m (đối với cống D300).

b) Vệ sinh môi trường: Rác thải của khu vực được thu gom tập kết trong các thùng kín và vận chuyển đến khu xử lý rác tập trung của thành phố; Tại các điểm dịch vụ công cộng cần bố trí thùng rác công cộng với khoảng cách theo quy định.

Điều 2.

- Giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội chịu trách nhiệm: kiểm tra xác nhận hồ sơ bản vẽ Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500 phù hợp Quyết định này theo quy định; Chủ trì phối hợp với UBND huyện Sóc Sơn và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân được biết để thực hiện.

- Chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo giám sát xây dựng đồng bộ Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà theo Quy hoạch chi tiết và Dự án đầu tư được duyệt và xử lý các trường hợp xây dựng không đúng với quy hoạch theo thẩm quyền và qui định của pháp luật.

- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà có trách nhiệm lập đánh giá tác động môi trường và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chi tiết theo quy định; Quá trình triển khai dự án đầu tư cần liên hệ với: Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn các thủ tục về đất đai, về thủ tục lập, thẩm định và phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn thực hiện đảm bảo tỷ lệ diện tích xây dựng công trình, đường mòn, điểm dừng chân và bãi đỗ xe trong phần diện tích đất lâm nghiệp; Sở Y tế để được hướng dẫn theo quy định của ngành đối với Trung tâm chăm sóc người cao tuổi - Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Văn hoá Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Y Tế; Chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn; Chủ tịch UBND xã Quang Tiến; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà; Thủ trưởng các Sở, Ngành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Thảo

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Thành uỷ; TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- VPUB TP: CVP, phó VP Ng.Văn Thịnh; các phòng: TH, XD, GTn;
- Lưu: VT. XD$_{L(02)}$ 32

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3108 /QĐ-UBND	*Hà nội, ngày 24 tháng 6 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Điều lệ quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà - Hà Nội, tỷ lệ 1/500

Địa điểm: xã Quang Tiến - huyện Sóc Sơn - Hà Nội

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số: 3107 /QĐ-UBND ngày 24 / 6 /2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500 tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Điều lệ quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500", tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Văn hoá Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Y Tế; Chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn; Chủ tịch UBND xã Quang Tiến; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà; Thủ trưởng các Sở, Ngành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Thảo

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Thành uỷ; TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- VPUB TP:CVP, phó VP Ng. Văn Thịnh, các phòng: TH, XD, GTn;
- Lưu: VT. XD L(02) 32

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ XÂY DỰNG

THEO QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ, TỶ LỆ 1/500
(Ban hành theo Quyết định số: 3108 /QĐ-UBND ngày 24 / 6 /2010
của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Điều lệ này hướng dẫn việc quản lý xây dựng, sử dụng các công trình theo đúng đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500. Địa điểm tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội đã được phê duyệt theo Quyết định số 3107 /QĐ-UBND ngày 24 / 6 /2010 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ngoài những quy định nêu trong bản Điều lệ này, việc quản lý xây dựng trong "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà" còn phải tuân thủ các quy định khác của Pháp luật.

Điều 3. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi Điều lệ phải được Uỷ ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Giám đốc các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Văn hoá Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Y tế; Chủ tịch UBND huyện Sóc Sơn; Chủ tịch UBND xã Quang Tiến; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thành phố về việc quản lý xây dựng tại Khu "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà" tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn theo đúng Quy hoạch chi tiết được duyệt và quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Vị trí, ranh giới và quy mô:

a) Vị trí: Khu đất nghiên cứu Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà (tỷ lệ 1/500) thuộc địa bàn xã Quang Tiến (giáp ranh giới xã Hiền Ninh), huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

b) Giới hạn khu đất lập quy hoạch:

- Phía Đông Nam giáp đường ven hồ Đồng Quan;
- Các phía còn lại giáp đất núi đồi - gò (rừng).

c) Quy mô: Khoảng 15,0Ha.

Điều 6. Khu đất nghiên cứu quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 có tổng diện tích 15,0Ha có cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng tổng hợp cơ cấu đất đai quy hoạch

STT	Hạng mục chức năng sử dụng đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình dự án	0,75	5
2	Đất lâm nghiệp - đồi núi rừng (trong đó bao gồm: cây xanh, sân vườn, đường dạo, đường giao thông)	14,25	95
	Tổng cộng (Đất lâm nghiệp kết hợp thực hiện dự án đầu tư xây dựng)	**15,00**	**100**

Phần đất thuộc ranh giới hành lang an toàn đường bộ ở phía Đông Nam: giao cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà quản lý chống lấn chiếm theo các quy định hiện hành, tuyệt đối không xây dựng công trình, khi Nhà nước và Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định. Cần khảo sát kỹ đối với các công trình ngầm trong khu vực (nếu có); việc di chuyển các công trình ngầm, đấu nối hạ tầng kỹ thuật công trình với hệ thống chung và cần có ý kiến của các Cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định. Tại khu vực giáp ranh, đất rừng và đất lâm nghiệp cần liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) và chính quyền địa phương (UBND các xã: Quang Tiến và Hiền Ninh) để kiểm tra, rà soát và hướng dẫn theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Đất xây dựng công trình dự án Trung tâm chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi có tổng diện tích 7.500m2, gồm 04 ô đất (ký hiệu từ DV.1 đến DV.4). Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc quy định cụ thể cho từng ô đất như sau:

TT	Hạng mục đất	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m2)	Tầngcao (tầng)
1	Đất xây dựng các công trình:	DV	7.500	1-3
	- Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	*DV.1*	*4.000*	*2*
	- Khu chăm sóc đặc biệt	*DV.2*	*1.000*	*2*
	- Câu lạc bộ người cao tuổi	*DV.3*	*1.000*	*1-2*
	- Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên	*DV.4*	*1.500*	*1-3*

<u>*. Các yêu cầu về kiến trúc quy hoạch và HTKT:</u>

- Thiết kế công trình hiện đại, tuân thủ các chỉ tiêu đã khống chế về tầng cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất. Trong khuôn viên đất xây dựng công trình cần nghiên cứu theo điều kiện địa hình để bố trí chỗ đỗ xe, sân bãi phục vụ cho công trình theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế.

- Công trình thiết kế có chiều cao 1 đến 3 tầng; khi thiết kế cần nghiên cứu tổng thể cả cụm (nhóm) công trình theo chủ đề phục vụ người cao tuổi, đồng bộ về kiến trúc cảnh quan gắn với điều kiện địa hình thực tế, có giải pháp nhằm đảm bảo an toàn cho thi công và sử dụng công trình; hạn chế tối đa việc san lấp chặt phá cây rừng, gây sụt lở hoặc ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên tại khu vực đồi núi.

- Đảm bảo tỷ lệ diện tích xây dựng công trình, đường mòn, điểm dừng chân và bãi đỗ xe và các nội dung khác có liên quan theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, các

yêu cầu về PCCC và vệ sinh môi trường theo quy định. Căn cứ yêu cầu quy mô, tính chất và tiêu chuẩn quy phạm, các lô đất xây dựng trong phần diện tích đất lâm nghiệp phải có ý kiến thoả thuận của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trong giai đoạn lập Dự án đầu tư xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Quá trình triển khai dự án cần liên hệ với Sở Y tế để được hướng dẫn theo quy định của ngành đối với Trung tâm chăm sóc người cao tuổi. Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 8. Đất cây xanh, sân chơi, đường dạo, hồ nước nhân tạo và hạ tầng kỹ thuật có tổng diện tích 15.320m2, gồm 04 ô đất (ký hiệu từ CX.1 đến CX.4).

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc quy định cụ thể cho từng ô đất như sau:

TT	Hạng mục đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m2)	Tầng cao (tầng)
1	Đất cây xanh, sân chơi, đường dạo, hồ nước nhân tạo và hạ tầng kỹ thuật	CX	15.320	-
	- Đất sân chơi, hồ nước, vườn hoa, sân bãi khu Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	*CX.1*	*9.000*	-
	- Đất xây dựng sân vườn, lối đi bộ Khu chăm sóc đặc biệt	*CX.2*	*1.500*	-
	- Đất xây dựng sân vườn, chòi nghỉ khu Câu lạc bộ người cao tuổi	*CX.3*	*1.870*	-
	- Đất xây dựng sân vườn, bãi xe, công trình hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ công cộng	*CX.4*	*2.950*	-

Điều 9. Đất đồi rừng có tổng diện tích khoảng 12.000m2 (ký hiệu ĐR). Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc quy định cụ thể cho từng ô đất như sau:

TT	Hạng mục đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tầng cao (tầng)
1	Đất đồi rừng	ĐR	12.000	-

*. Các yêu cầu về kiến trúc quy hoạch và HTKT:

- Tại các khu đất đồi rừng có thể bố trí một số công trình kiến trúc quy mô nhỏ phục vụ du lịch (chòi nghỉ, ghế đá, lều trại, tổ chức đường dạo, điểm dừng chân ...); việc tác động cần tuân thủ: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, các yêu cầu về PCCC, vệ sinh môi trường và phải được cấp thẩm quyền cho phép theo quy định; hạn chế tối đa việc san lấp, thay đổi hiện trạng rừng (cao độ đồi, núi, mật độ cây xanh…), nếu có thay đổi, phải có ý kiến của cơ quan quản lý lâm nghiệp có thẩm quyền cho phép.

- Quá trình triển khai dự án cần liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để được hướng dẫn thực hiện đảm bảo tỷ lệ diện tích xây dựng công trình, đường mòn, điểm dừng chân và bãi đỗ xe trong phần diện tích đất lâm nghiệp - Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 10. Hệ thống giao thông:

a) Các tuyến đường xung quanh khu quy hoạch:

Tuyến đường liên xã phía Đông Nam xác định phù hợp với Quy hoạch Chung huyện Sóc Sơn, tỷ lệ 1/1000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số số 24/2001/QĐ-UB ngày 09/05/2001: quy mô B= 12m (lòng đường 2 làn xe rộng 7m, lề hai bên 2,5mx2).

b) Giao thông nội bộ:

- Cổng vào khu dự án: tạo quảng trường nhỏ kết hợp tuyến đường bao quanh với bề rộng là 9,0m (lòng đường hai làn xe rộng 7,0m, lề mỗi bên 1,0m).

- Trục Trung tâm khu dự án: có mặt cắt ngang rộng 12,0m gồm phần đường xe chạy 2 làn rộng 4x2=8m, giải phân cách giữa rộng 2m; lề mỗi bên rộng 1,0m.

- Các đường nội bộ : tổ chức thành các đường dạo đi bộ trong khu vực là các tuyến đường đi bộ bám sát nền hiện trạng. Quy mô chiều rộng nền đường 3,5 m mặt đường lát đá tự nhiên, tại những đoạn tuyến có độ dốc lớn được xây dựng thành bậc thang kết hợp với bố trí các chòi nghỉ chân ở cạnh tuyến đường.

- Các bãi đỗ xe: bố trí một bãi đỗ xe với diện tích 200m2 tại khu vực cổng ra vào phục vụ cho nhu cầu đỗ xe thời gian ngắn và các hoạt động của trung tâm. Đối với nhu cầu đỗ xe thời gian dài, đỗ xe qua đêm bố trí vào hai khu đất phía sau khu Trung tâm chăm sóc đặc biệt kết hợp đất sân vườn, đất cây xanh .

Điều 11. Hệ thống thoát nước mưa - san nền:

a) Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước: hướng thoát nước chính của khu quy hoạch về phía hồ Đồng Quan ở phía Đông Nam.

- Hệ thống thoát nước : xây dựng các tuyến rãnh có nắp đan (B=0,4m; H=0,6) và cống thoát nước mưa thu gom thoát vào tuyến mương hiện có chạy dọc tuyến đường phía Đông khu quy hoạch (sẽ được cải tạo mở rộng để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực).

- Xây dựng tuyến rãnh thoát nước thiết kế dọc theo các tuyến đường để đón nước mặt, tránh xói mòn đường, có kích thước Bm = 1,5-1,9; Bđ = 0,5m; H = 0,5-0,7m dạng hình thang bám theo địa hình, để hở, tạo điều kiện thu nước mặt được triệt để, thoát vào hệ thống cống chính hoặc mương thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước mưa cho cả lưu vực là triền Đông Nam của núi Dem (lưu vực thoát vào các tuyến rãnh này khoảng 10ha). Trong quá trình lập dự án cần kiểm tra tính toán lại để lựa chọn kích thước rãnh cho phù hợp.

- Xây dựng hồ nước tạo cảnh quan phía Tây Bắc khu Trung tâm để lưu giữ nước và tạo không gian kiến trúc. Tại vị trí hồ đấu nối với tuyến cống điều tiết nước, xây dựng đập chắn nước hoặc cống tràn có phai đóng mở để kiểm soát mực nước theo yêu cầu.

b) San nền:

- Những khu vực dự kiến xây dựng công trình và đường giao thông nội bộ yêu cầu đối với san nền cần đảm bảo nguyên tắc tận dụng tối đa địa hình tự nhiên đồi gò, chỉ san gạt nền cục bộ để tạo mặt bằng thuận lợi cho xây dựng công trình (Trong quá trình lập Dự án đầu tư xây dựng cần nghiên cứu kỹ giải pháp xử lý cụ thể về san nền và thoát nước).

- Cao độ san nền Khu trung tâm: H_{TK}=+31,0÷+41,0m.

- Cao độ san nền Khu câu lạc bộ: H_{TK}=+69,0÷+74,0m.

- Cao độ san nền Khu dịch vụ: H_{TK}=+31,0÷+36,0m.

Điều 12. Quy hoạch cấp nước:

a) Nguồn cấp: xây dựng trạm cấp nước cục bộ khai thác nguồn nước ngầm có công suất khoảng 275m3/ngày đêm để cấp nước cho khu vực quy hoạch. Trong quá trình nghiên cứu lập dự án, Chủ đầu tư liên hệ với cơ quan quản tài nguyên nước để được cho phép khoan thăm dò và khai thác sử dụng nguồn nước ngầm theo quy định.

b) Mạng lưới đường ống: Xây dựng mạng tuyến ống cấp nước có có kích thước D63-100mm dọc theo các tuyến đường trong khu vực lập quy hoạch để cấp nước cho các công trình trong khu quy hoạch.

c) Cấp nước chữa cháy: Dọc theo các tuyến ống cấp nước có kích thước D = 100mm lắp đặt các trụ cấp nước phục vụ cứu hoả đảm bảo khoảng cách đảm bảo theo yêu cầu quy chuẩn, quy phạm.

Điều 13. Cấp điện:

a) Nguồn cấp: từ trạm biến áp Sóc Sơn 110/22KV 2x63MVA ở phía Bắc khu quy hoạch. Trước mắt sẽ được cấp điện thông qua tuyến điện 6KV hiện có ở phía Nam, cách khu đất khoảng 1km. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, Chủ đầu tư liên hệ với điện lực huyện Sóc Sơn để được thỏa thuận nguồn cấp và điểm đấu.

b) Mạng trung thế và trạm biến áp:

- Xây dựng tuyến cáp ngầm 22KV dọc theo tuyến đường quy hoạch B = 9m để cấp điện cho trạm biến áp 22/0,4KV trong khu quy hoạch.

- Xây dựng một trạm biến áp với công suất 1000KVA để cấp điện cho khu quy hoạch.

c) Mạng hạ thế và chiếu sáng đèn đường:

- Mạng cáp hạ thế 0,4KVsẽ được xác định cụ thể phù hợp với quy hoạch tổng mặt bằng bố trí các công trình trong khu quy hoạch.

- Xây dựng mạng cáp ngầm chiếu sáng đèn đường, vị trí và khoảng cách các đèn chiếu sáng đường đảm bảo quy định của quy chuẩn xây dựng.

Điều 14. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Nước thải được thu gom bởi mạng cống thoát nước D300 được xây dựng dọc theo một số tuyến đường trong khu quy hoạch, sau đó được đưa về trạm xử lý cục bộ có công suất 200m3/ngày đêm, sử dụng công nghệ tiên tiến, được xây dựng ngầm ở khu vực phía Tây Nam khu quy hoạch. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn VSMT và được cơ quan quản lý môi trường kiểm tra, cho phép mới được thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với một số tuyến cống có độ dốc lớn cần xây dựng giếng tiêu năng để giảm vận tốc (sẽ được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật);

- Dọc theo các tuyến cống thoát nước bẩn bố trí giếng thăm tại các vị trí: thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống; khoảng cách giữa các giếng thăm khoảng 20 - 25m (đối với cống D300).

b) Vệ sinh môi trường: Rác thải của khu vực được thu gom tập kết trong các thùng kín và vận chuyển đến khu xử lý rác tập trung của thành phố; Tại các điểm dịch vụ công cộng cần bố trí thùng rác công cộng với khoảng cách theo quy định.

Chương II

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Điều lệ này tuỳ theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà (tỷ lệ 1/500), thuộc xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội được duyệt và quy định cụ thể của Điều lệ này để hướng dẫn thực hiện xây dựng.

Điều 17. Đồ án "Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà (tỷ lệ 1/500)" và Điều lệ này được ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- UBND thành phố Hà Nội.
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội.
- Sở Xây dựng Hà Nội.
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.
- UBND huyện Sóc Sơn.
- UBND xã Quang Tiến.
- Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Thảo

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1714 /SXD-QLXD V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà	*Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022*

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 04/TTr-CTNH ngày 25/02/2022 của Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Ngọc Hà trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 728/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND Thành phố;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, với các nội dung thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

(Theo nội dung tại tờ trình số 04/TTr-CTNH ngày 25/02/2022 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà)

1. Tên dự án: Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B, công trình dân dụng, cấp III.

3. Cấp quyết định đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

4. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

5. Địa điểm xây dựng: xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ đầu tư.

7. Thời gian thực hiện: Hoàn thành đưa vào sử dụng quý IV/2023.

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Thiết kế áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam theo quy định hiện hành.

9. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Kiến Việt.

10. Nhà thầu khảo sát địa chất công trình: Trung tâm Nghiên cứu đô thị Đại học Quốc gia.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000297 ngày 25/5/2009 của UBND Thành phố Hà Nội chứng nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01121000297 ngày 29/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND Thành phố về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

- Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với dự án ĐTXD Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500 (địa điểm xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội);

- Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500;

- Văn bản số 251/ĐLSS-4 ngày 24/6/2009 của Điện lực Sóc Sơn về việc thỏa thuận cung cấp nguồn điện cho dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Văn bản số 46/CV-QLĐT ngày 26/6/2009 của Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc SơnCông ty TNHH Nhà nước một thành viên thoát nước Hà Nội về việc thỏa thuận công tác thoát nước dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Văn bản số 197/KDNS2 ngày 24/6/2009 của Công ty Kinh doanh nước sạch số 2 Hà Nội về việc thỏa thuận cấp nước dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Văn bản số 312CVDA/PC23(TH) ngày 22/6/2009 của Phòng Cảnh sát

phòng cháy, chữa cháy - Công an Thành phố Hà Nội về việc phòng cháy chữa cháy dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết Bảo vệ môi trường của dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Quyết định số 04/QĐ-CTNH ngày 25/02/2022 của Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Ngọc Hà về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ thiết kế dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được Sở Quy hoạch – Kiến trúc xác nhận;

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế

- Hồ sơ khảo sát khảo sát địa chất phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Kiến Việt lập năm 2022.

- Báo cáo kỹ thuật đo vẽ Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Kiến Việt lập năm 2022.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

- Đơn vị tư vấn lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án là Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Kiến Việt có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00024165 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp, thời hạn đến ngày 06/6/2029.

- Chủ nhiệm đồ án, Chủ trì thiết kế kiến trúc: Bà Hoàng Thị Chung Thùy có chứng chỉ hành nghề số BXD-00000895 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, thời hạn đến ngày 26/4/2022;

- Chủ trì thiết kế kết cấu: ông Vũ Dương Tuấn có chứng chỉ hành nghề số BXD-00025088 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, thời hạn đến ngày 03/5/2023;

- Chủ trì thiết kế hệ thống điện: ông Nguyễn Duy Quyết có chứng chỉ hành nghề số BXD-00063075 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, thời hạn đến ngày 09/7/2024;

- Chủ trì thiết kế cấp thoát nước: ông Lê Quang Huy có chứng chỉ hành nghề số BXD-0009115 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, thời hạn đến ngày 8/9/2022;

- Chủ trì khảo sát là ông Nguyễn Công Kiên có chứng chỉ hành nghề số BXD-00010794 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, thời hạn đến ngày 25/10/2022.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Về quy hoạch xây dựng: Dự án được xây dựng trên khu đất khoảng 15ha tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn. Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được Sở Quy hoạch và Kiến trúc xác nhận có các chỉ tiêu chủ yếu sau :

- Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất :

+ Đất xây dựng công trình dự án : 7.500 m2

+ Đất làm đường giao thông, sân vườn, đường dạo : 22.500m2

+ Đất đồi rừng : 120.000 m2

Tổng cộng : 150.000 m2

- Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc

TT	Chức năng sử dụng	Diện tích đất (m2)	Tầng cao	Mật độ (%)
1	Khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi	13.000	2	31
	- Đất xây dựng công trình	*4.000*	*2*	
	- Đất xây dựng sân chơi, hồ nước, vườn hoa, sân bãi	*9.000*		
2	Khu chăm sóc đặc biệt	2.500	2	40
	- Đất xây dựng công trình	*1.000*	*2*	
	- Đất xây dựng sân vườn, lối đi	*1.500*		
3	Khu câu lạc bộ người cao tuổi	2.870	1-2	35
	- Đất xây dựng công trình	*1.000*	*1-2*	
	- Đất xây dựng sân vườn, chòi nghỉ	*1.870*		
4	Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên	4.450	1-3	34
	- Đất xây dựng công trình	*1.500*	*1-3*	
	- Đất xây dựng sân vườn	*2.950*		

2. Các công trình kiến trúc

a. Thiết kế kiến trúc công trình:

- Công trình tại Khu trung tâm: Quy mô 2 tầng và tum thang. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 7.984m2. Chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến mái 14,75m. Bố trí mặt bằng gồm sảnh - lễ tân, bếp ăn, các phòng nghỉ, phòng trực. Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang và 07 thang bộ, 04 thang máy. Trong đó:

+ Khu vực tiền sảnh, lê tân: diện tích khoảng 336m2.

+ Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng 3.730 m2, chiều cao 3,6m.

+ Tầng 2: Diện tích xây dựng khoảng 3.874 m2, chiều cao 3,6m.

+ Tầng tum: Diện tích xây dựng khoảng 44 m2,

- Công trình tại Khu chăm sóc đặc biệt: Quy mô 2 tầng và tum thang, gồm 3 đơn nguyên. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.999m2, chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến mái 10,2m. Bố trí mặt bằng gồm các phỏng nghỉ, phòng trực. Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang và 03 thang bộ, 01 thang máy. Trong đó:

+ Khu vực tiền sảnh, lê tân: diện tích khoảng 30m2.

+ Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng 994 m2, chiều cao 3,6m.

+ Tầng 2: Diện tích xây dựng khoảng 975 m2, chiều cao 3,6m.

- Công trình tại Khu Câu lạc bộ: quy mô 2 tầng và 1 tum thang. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.816m2. Tổng chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến mái 13,45m. Bố trí mặt bằng gồm lễ tân, phòng khiêu vũ, phòng karaoke, nhà hàng ăn, bếp... Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang, 3 thang bộ và 1 thang máy. Trong đó:

+ Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng 863 m2, chiều cao 5,25m.

+ Tầng 2: Diện tích xây dựng khoảng 953 m2, chiều cao 5,25m..

- Công trình tại Khu Dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên: quy mô 1- 3 tầng, gồm 3 đơn nguyên. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 2.924 m2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến mái 13,8m. Bố trí mặt bằng gồm các phòng nghỉ khép kín. Giao thông đi lại gồm sảnh, hành lang, 3 thang bộ và 1 thang máy.

+ Tầng 1: Diện tích xây dựng khoảng 1.407m2, chiều cao 3,6m.

+ Tầng 2: Diện tích sàn xây dựng khoảng 953 m2, chiều cao 3,6m.

+ Tầng 3: Diện tích sàn xây dựng khoảng 564 m2 chiều cao 3,6m.

b. Thiết kế kết cấu công trình: Kết cấu móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT; Hệ thống đài, giằng móng bằng BTCT; Kết cấu thân sử dụng giải pháp khung BTCT chịu lực, sàn bằng BTCT đổ toàn khối.

c. Thiết kế hệ thống kỹ thuật công trình: hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, hệ thống PCCC, hệ thống điều hòa thông gió, thông tin liên lạc ...

3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông nội bộ:

- Cổng vào dự án kết hợp xây dựng tuyến đường rộng 9m, lòng đường rộng 7m, lề 2 bên 1,0m. Kết cấu mặt đường bê tông asphal, hè lát gạch, bó vỉa đan rãnh bằng tấm bê tông xi măng đúc sẵn.

- Trục trung tâm rộng 12 m gồm mặt đường rộng 8m, giải phân cách giữa rộng 2m, lề mỗi bên rộng 1,0m. Kết cấu mặt đường bê tông asphal, hè lát gạch, bó vỉa đan rãnh bằng tấm bê tông xi măng đúc sẵn.

- Các đường nội bộ: chủ yếu là đường dạo, xây dựng bám sát nền hiện trạng, chiều rộng 3,5m, tại những đoạn tuyến có độ dốc lớn được xây dựng thành bậc thang kết hợp với chòi nghỉ. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Bãi đỗ xe: tại cổng chính bố trí bãi đỗ xe rộng 200m2, phía sau khu trung tâm bố trí 2 bãi đỗ xe kết hợp với sân vườn, cây xanh.

b. Hệ thống điện, chiếu sáng: Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ nguồn trung thế hiện có ở khu vực cung cấp điện cho trạm biến áp riêng của dự án. Ngoài ra dự án được lắp máy phát điện dự phòng cung cấp cho các thiết bị ưu tiên. Chiếu sáng sân đường nội bộ bằng các loại đèn tiết kiệm điện năng.

c. Hệ thống cấp nước: Nước cấp vào công trình được lấy từ nguồn nước sạch khu vực cấp vào bể chứa nước, qua hệ thống trạm bơm, bơm lên bể chứa nước trên mái, sau đó cấp đến các thiết bị vệ sinh và các điểm dùng nước.

d. Hệ thống thoát nước: Nước mưa, nước thải sinh hoạt được thu gom dau khi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường được đấu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở có thành phần, nội dung cơ bản đầy đủ theo những quy định của Luật Xây dựng 2014, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn có liên quan.

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án và các chức danh chủ trì khảo sát, chủ trì thiết kế các hạng mục có các chứng chỉ hành nghề phù hợp theo quy định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Dự án có các chỉ tiêu quy hoạch cơ bản phù hợp với quy hoạch tỷ lệ 1/500 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/6/2010; Vị trí, hình dáng kiến trúc các công trình cơ bản phù hợp với với bản vẽ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được Sở Quy hoạch và Kiến trúc thành phố xác nhận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có):

Các nội dung thuộc hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cơ bản phù

hợp với nội dung Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000217 ngày 25/5/2009, số 01121000297 ngày 29/6/2015 và Quyết định điều chỉnh số 728/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND Thành phố.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

- Các nội dung đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án đã được: Phòng quản lý đô thị huyện Sóc Sơn, Công ty nước sạch số 2 Hà Nội, Điện lực Sóc Sơn, thỏa thuận đấu nối thoát nước, cấp nước, cấp điện, tại các văn bản số 46/CV-QLĐT ngày 26/6/2009, số 197/KDNS2 ngày 24/6/2009, số 251/ĐLSS-4 ngày 24/6/2009,

- Các giải pháp đấu nối trong hồ sơ thiết kế thuộc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án về cơ bản đã được thể hiện theo các nội dung thỏa thuận. Trong giai đoạn thiết tiếp theo, Chủ đầu tư khảo sát hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đề xuất giải pháp đấu nối phù hợp với hiện trạng và quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về đảm bảo an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

- Các giải pháp thiết kế cơ sở cơ bản đảm bảo an toàn xây dựng.

- Về phòng cháy chữa cháy: Dự án đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy - Công an thành phố Hà Nội có ý kiến về phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 312CVDA/PC23(TH) ngày 22/6/2009. Đề nghị Chủ đầu tư tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ theo đúng nội dung đã được tham gia ý kiến và triển khai các bước tiếp theo đảm bảo các quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định có liên quan.

- Về môi trường: Dự án đã được UBND huyện Sóc Sơn cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết Bảo vệ môi trường số 05/201/GXNCK-UBND ngày 31/3/2011. Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019. Trong các bước triển khai tiếp theo, Chủ đầu tư phải đảm bảo vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành có liên quan.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Thiết kế cơ sở áp dụng các Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành là phù hợp.

V. KẾT LUẬN

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cơ bản đủ điều kiện để chủ đầu tư tổng hợp tổ chức thẩm định và triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

2. Kiến nghị: Một số yêu cầu khác với chủ đầu tư

- Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn khảo sát, tư vấn lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ trình thẩm định.

- Một số nội dung công văn đã được chủ đầu tư thực hiện từ năm 2009, trước khi triển khai bước tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư rà soát đầy đủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, thỏa thuận đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở đề xuất, cập nhật cho phù hợp.

- Nghiên cứu việc lựa chọn vật liệu xây dựng, thiết bị công trình đảm bảo phù hợp theo những quy định tại Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả và những yêu cầu tại Điều 3 Thông tư số 13/2017/TT–BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng.

- Đối với chi phí thẩm định dự án, Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn đang tạm xác định theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính và chưa có văn bản hướng dẫn thay thế cho phù hợp Luật Xây dựng Sửa đổi. Vì vậy Sở Xây dựng đang tạm dừng thu phí thẩm định dự án và sẽ có văn bản đề nghị Chủ đầu tư nộp phí thẩm định dự án sau khi có hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính. Giá trị phí thẩm định dự án sẽ được cập nhật trong tổng mức đầu tư theo quy định.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bản scan định dạng file *. Pdf tài liệu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã đóng dấu thẩm định về Sở Xây dựng theo quy định tại khoản 7, Điều 15, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 để lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Trên đây là Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà của Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở XD (để b/c);
- Lưu: VT, QLXD (Phương6b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Cao Thắng

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
000.00.71.H26-220913-0001	*Sóc Sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2022*

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 38 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

- Địa chỉ: Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện: Bà Phạm Thị Thu Hà – Chức danh: Giám đốc.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

- Theo hồ sơ thiết kế *(có hồ sơ kèm theo)*:
- Do: Công ty TNHH Plan ADD Việt Nam lập.
- Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở: Sở Xây dựng Hà Nội.
- Đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công: Viện Khoa học công nghệ xây dựng – Bộ Xây dựng.
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Khoảng 19, đất rừng phòng hộ lâm trường Sóc Sơn, thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

+ Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, nhóm B, cấp III;

+ Tổng diện tích khu đất: 148.513m^2, trong đó: Đất xây dựng công trình dự án 7.360 m^2, đất lâm nghiệp – đồi núi rừng 141.153m^2 (trong đó bao gồm: cây xanh, sân vườn, đường dạo, đường giao thông);

+ Mật độ xây dựng: 4,95%;

+ Hệ số sử dụng đất: 0,099 lần;

+ Diện tích xây dựng: 7.360 m^2;

+ Diện tích sàn xây dựng: 14.723 m^2;

+ Tầng cao: 1-3 tầng;

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Trong ranh giới dự án (theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tỷ lệ 1/500 được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/6/2010).
- Tổng số 04 công trình, cụ thể:

+ Công trình tại Khu Trung tâm: Quy mô 02 tầng và 01 tum thang; diện tích xây dựng tầng 1: 3.730m^2 + tiền sảnh lễ tân: 336m^2, tầng 2: 3.874m^2; tầng tum: 44m^2; tổng diện tích sàn xây dựng: 7.984m^2; chiều cao tầng 1: 3,6m, tầng 2: 3,6m; chiều cao công trình so với cốt nền hiện trạng: +14,75m; cốt nền xây dựng công trình: từ + 0,8m đến + 3,65m; số tầng: 02 tầng + tum thang.

+ Công trình tại Khu Chăm sóc đặc biệt: Quy mô 02 tầng và 01 tum thang gồm 03 đơn nguyên; diện tích xây dựng tầng 1: 994m^2 + tiền sảnh, lễ tân: 30m^2, tầng 2: 975m^2; tổng diện tích sàn xây dựng: 1999m^2; chiều cao tầng 1: 3,6m, tầng 2: 3,6m; chiều cao công trình so với cốt nền hiện trạng: +10,2m; cốt nền xây dựng công trình: từ +1,45m đến +3,75m; số tầng: 02 tầng + tum thang.

+ Công trình tại Khu Câu lạc bộ: Quy mô 02 tầng và 01 tum thang; diện tích xây dựng tầng 1: 863m^2, tầng 2: 953m^2; tổng diện tích sàn xây dựng: 1.816m^2; chiều cao tầng 1: 5,25m, tầng 2: 5,25m; chiều cao công trình so với cốt nền hiện trạng: +13,45m; cốt nền xây dựng công trình: +0,45m; số tầng: 02 tầng + tum thang

+ Công trình tại Khu dịch vụ và nhà nghỉ cho nhân viên: Quy mô 1-3 tầng gồm 03 đơn nguyên; diện tích xây dựng tầng 1: 1.407m^2, tầng 2: 953m^2, tầng 3: 564m^2; tổng diện tích sàn xây dựng: 2.924m^2; chiều cao tầng 1: 3,6m, tầng 2,3: 3,6m; chiều cao công trình so với cốt nền hiện trạng: +13,8m; cốt nền xây dựng công trình: từ +1,45m đến +4,35m; số tầng: 1-3 tầng.

3. Một số giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 888615 vào sổ số CT 02445 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/04/2016, cấp cho Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Ngọc Hà 148.513m^2, trong đó: 141.851m2 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà; 6.662m2 nằm trong hàng lang bảo vệ đường bộ giao quản lý, chống lấn chiếm theo quy hoạch;

- Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 148.513m2 thuộc khoảnh 19, đất rừng phòng hộ Lâm trường Sóc Sơn, xã Quang Tiến huyện Sóc Sơn; Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thuê để kết hợp thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

- Quyết định số 4448/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

- Hợp đồng thuê đất số 234/HĐTĐ ngày 09/10/2012 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 403/HĐTĐ-PL1-STNMT-PC ngày 02/10/2015 giữa UBND Thành phố và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

- Biên bản bàn giao mốc giới ngày 05/6/2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sóc Sơn, UBND xã Quang Tiến, Công ty TNHH MTV ĐT&PT Nông lâm nghiệp Sóc Sơn, Công ty CP khảo sát và địa chính.

4. Công trình được phép tồn tại tối đa đến ngày 28/5/2059 (thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); Chủ đầu tư phải tự dỡ bỏ công trình, không được yêu cầu bồi thường phần công trình xây dựng ghi trong giấy phép được cấp; trường hợp không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế thì chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình; công trình chỉ được tồn tại khi được cấp có thẩm quyền gia hạn thời gian thuê đất và được chấp thuận cho phép tồn tại công trình.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Lưu ý: *Quá trình tổ chức thực hiện, Chủ đầu tư phải tuân thủ các nội dung được ghi tại trang sau của giấy phép xây dựng này.*

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Đội QLTTXDĐT huyện;
- UBND xã Quang Tiến;
- Lưu.

(bản sao để kiểm tra, giám sát)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Ngọc

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số: 38 /GPXD ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Sóc Sơn)

1. Phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.
2. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
3. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
4. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng và chính quyền sở tại đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm.
5. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại khi xây dựng và treo biển báo tại điểm xây dựng theo quy định.
6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
7. Các điều kiện khác:

- Chủ đầu tư cần thực hiện theo đúng các nội dung tại Bản cam kết trách nhiệm ngày 25/8/2022 gửi UBND huyện Sóc Sơn.
- Liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về thuê môi trường rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.
- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn công trình khi thi công và khi đưa vào khai thác sử dụng sau này, không làm ảnh hưởng đến các công trình xung quanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực. Nếu gây ra hư hỏng phải đền bù thiệt hại theo luật định.
- Phải nghiên cứu kỹ điều kiện cụ thể kết cấu công trình, về tình trạng nền móng công trình để có giải pháp thiết kế kỹ thuật thi công phù hợp. Chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn lao động trong quá trình thi công và sử dụng.
- Thực hiện các quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng theo quy định. Phải liên hệ với đơn vị có đủ năng lực và tư cách pháp nhân theo quy định để ký hợp đồng thu dọn vận chuyển đất thải, phế thải xây dựng, đảm bảo vệ sinh khi xây dựng công trình.
- Trong quá trình xây dựng, chịu sự kiểm tra giám sát của UBND xã Quang Tiến, Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Sóc Sơn, Cơ quan cấp phép xây dựng. Nếu có vi phạm trật tự xây dựng sẽ bị xử lý theo quy định.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung Điều chỉnh/gia hạn: ……..

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: …….

……, ngày ……. tháng …… năm ……

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng

(Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN SÓC SƠN **PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/CV- QLĐT Về việc thoả thuận công tác thoát nước phục vụ triển khai dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.	*Sóc Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2009*

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Ngọc Hà.

Phòng Quản lý Đô thị huyện Sóc Sơn nhận được Công văn số 151/CV-CTNH ngày 18/6/2009 của Quý Công ty về việc thoả thuận công tác thoát nước phục vụ triển khai dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, tại khu vực hồ Đồng Quan - xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, kèm theo bộ hồ sơ của dự án.

Căn cứ quy mô, giải pháp về công nghệ, căn cứ theo hiện trạng vị trí khu đất dự kiến xây dựng, chỉ tiêu kỹ thuật chính của dự án. Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn có ý kiến như sau:

- Khu đất hiện trạng đang là đất đồi rừng, phần thoát nước của dự án gồm hai loại chính là nước mưa và nước thải sinh hoạt.
- Nước mưa của khu đất sau khi lắng cặn được thoát vào rãnh nước xây dựng dọc theo tuyến đường 131 - Đồng Quan - Đường 35.
- Nước thải của khu đất sau khi xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, được cơ quan quản lý môi trường cho phép, sẽ được thoát vào hệ thống thoát nước mưa.
- Đồng ý theo nguyên tắc với đề xuất của Công ty về vấn đề thoát nước phục vụ triển khai dự án.
- Việc sử dụng nguồn cấp, thoát nước của hồ Đồng Quan thì phải được sự đồng ý của đơn vị được giao trực tiếp quản lý và ý kiến các ngành liên quan.
- Đề nghị Công ty liên hệ với đơn vị quản lý tuyến đường để giải quyết các điểm đấu nối.
- Trong quá trình thực hiện dự án đề nghị Công ty phải thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn hiện hành về bảo vệ môi trường.

Trên đây là một số ý kiến của phòng Quản lý Đô thị huyện Sóc Sơn trả lời để Quý Công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện (Để báo cáo);
- Lưu.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
H. SÓC SƠN - TP HÀ NỘI

Nguyễn Trọng Đạt

SỞ NN VÀ PTNT HÀ NỘI **CHI CỤC KIỂM LÂM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 336 /KL-SD&PTR V/v Phúc đáp Văn bản số 11/CV-CTNH ngày 08/6/2023 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà	*Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2023*

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

Chi cục Kiểm lâm nhận được Văn bản số 11/CV-CTNH ngày 08/6/2023 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà (Sau đây gọi tắt là Công ty Ngọc Hà) về việc: đề nghị hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Về việc này, Chi cục Kiểm lâm có ý kiến như sau:

1. Dự án xây dựng trung tâm chăm sóc NCT Ngọc Hà nằm trên địa bàn xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn là dự án được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Đối với dự án này nằm hoàn toàn trên diện tích quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường. Theo quy định của Pháp luật thì Nhà nước chỉ giao rừng phòng hộ nằm xen kẽ với rừng sản xuất cho tổ chức và cá nhân. Trên địa bàn huyện Sóc Sơn không có rừng sản xuất (Chi cục đã có Văn bản xin ý kiến Tổng cục Lâm nghiệp và đã tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT trả lời Công ty tại Văn bản số 3859/SNN-KL ngày 16/12/2022), do vậy việc đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Công ty không đủ căn cứ pháp lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017. Chi cục Kiểm lâm đề nghị Công ty Ngọc Hà nghiên cứu Văn bản số 3859/SNN-KL ngày 16/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo hướng thuê môi trường rừng.

2. Đối với việc xin khai thác số cây đang mọc trên đất để triển khai xây dựng công trình: đề nghị Công ty Ngọc Hà không được thực hiện, chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án mới được triển khai theo quy định pháp luật đồng thời phải thực hiện tốt công tác Quản lý bảo vệ rừng và PCCCR.

Chi cục Kiểm lâm phúc đáp để Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà biết và triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận: - Như đề gửi; - Sở NNPTNT; (b/c) - Đ/c Nguyễn Mạnh Phương, PGĐ Sở; (b/c) - Lưu VT-SD&PTR.	**CHI CỤC TRƯỞNG** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM CHI CỤC KIỂM LÂM T.P HÀ NỘI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT T.P HÀ NỘI **Lê Minh Tuyên**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1737/SNNMT-QLMT V/v hướng dẫn thủ tục môi trường của dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà".	*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025*

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội nhận được Văn bản số 10/CV-NH ngày 10/4/2025 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà về việc đề nghị phản hồi xin hướng thủ tục lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường trường của Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà". Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Các căn cứ pháp lý triển khai dự án

- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01121000297 của UBND thành phố Hà Nội chứng nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thực hiện dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà" chứng nhận lần đầu ngày 28/5/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 29/6/2015.

- Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà", tỷ lệ 1/500.

- Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 05/2011/GXNCK-UBND ngày 31/3/2011 của UBND huyện Sóc Sơn cho dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà"

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

- Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà".

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 728/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/5/2009, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 24/02/2022.

- Văn bản số 1714/SXD-QLXD ngày 17/3/2022 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà".

- Giấy phép xây dựng số 38/GPXD của Sở Xây dựng ngày 23/9/2022 cấp cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà được phép xây dựng công trình thuộc dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà"

Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà đã xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà".

2. Thông tin về dự án

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01121000297 của UBND thành phố

Hà Nội và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 728/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/5/2009, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 24/02/2022:

- Tên dự án: Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà

- Địa điểm thực hiện: Xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng khu chăm sóc và nghỉ dưỡng thường xuyên cho người già kết hợp các dịch vụ vui chơi giải trí cho người cao tuổi, trên cơ sở duy trì, bảo vệ và phát triển rừng, hình thành khu sinh thái rừng.

- Quy mô diện tích sử dụng đất (dự kiến) 15ha, trong đó diện tích đất được phép xây dựng 7.500m^2, diện tích rừng phòng hộ giữ nguyên, tổ chức trồng thêm, chăm sóc, quản lý và bảo vệ hơn 14ha.

- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 65 tỷ đồng; Dự án nhóm B

2. Thủ tục cấp Giấy phép môi trường:

Dự án đã được UBND huyện Sóc Sơn cấp Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 05/2011/GXNCK-UBND ngày 31/3/2011 đối với dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà", tuy nhiên Dự án không triển khai thực hiện.

Ngày 15/10/2021, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 4461/QĐ-UBND về việc gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà"

Ngày 17/3/2022, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 1714/SXD-QLXD về thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà". Trong đó yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà rà soát thủ tục về môi trường.

Căn cứ tại điểm b khoản 4 Điều 35 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường: Dự án không triển khai thực hiện trong thời gian hai mươi bốn tháng, kể từ ngày bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký thì phải lập lại bản cam kết môi trường cho dự án.

Tại thời điểm xin cấp Giấy phép xây dựng, Dự án thuộc số thứ tự số 2 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, căn cứ khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án nêu trên thuộc đối tượng phải Giấy phép môi trường; thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND huyện Sóc Sơn; Giấy phép môi trường phải được cấp trước khi được cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, tại thời này Dự án chưa có Giấy phép môi trường theo quy định.

Thủ tục môi trường đối với Dự án hiện tại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được bổ sung tại điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì Dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 cua Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND huyện Sóc Sơn.

Việc lập giấy phép môi trường đối với Dự án thời điểm này được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 55 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như trên gửi Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- PGĐ Sở Nguyễn Anh Quân;
- UBND huyện Sóc Sơn (để giám sát, t/hiện);
- Lưu: VT, QLMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Anh Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1451 /UBND-NNMT V/v hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan	*Sóc Sơn, ngày 23 tháng 6 năm 2025*

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.
Địa chỉ: Xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Ngày 16/5/2025, UBND huyện nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà, địa chỉ tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà làm chủ đầu tư.

Sau khi tiến hành kiểm tra hiện trạng khu vực, đối chiếu với báo cáo cấp giấy phép môi trường và các hồ sơ liên quan, UBND huyện có ý kiến như sau:

Hiện trạng của Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà đúng với báo cáo cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà. Tuy nhiên, căn cứ Văn bản số 1737/STNMT-QLMT ngày 28/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường của Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà". Theo đó, căn cứ Khoản 1 Điều 39, Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Khoản 5 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được bổ sung tại Điểm d Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Căn cứ Khoản 15 Điều 168 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Điểm d Khoản 55 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định:

"Dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà chưa xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ môi trường tương đương theo quy định thì thực hiện như sau:

a) Đối với dự án đầu tư, cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương đối tượng phải cấp giấy phép môi trường thị bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường…".

Như vậy, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trước khi UBND huyện Sóc Sơn xem xét cấp giấy phép môi trường cho Công ty theo quy định của pháp luật.

UBND huyện thông tin để Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (để b.cáo);
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Ngọc

UBND HUYỆN SÓC SƠN **Đoàn kiểm tra THEO QĐ** **SỐ 4507/QĐ-UBND**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Sơn, ngày 16 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN

Khảo sát thực tế khu vực thực hiện Cơ sở "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà" tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn

Đoàn kiểm tra được thành lập theo quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND huyện Sóc Sơn tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm thực hiện **Cơ sở "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà"**.

- Chủ cơ sở: Bà Phạm Thị Thu Hà – Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

- Thời gian: 8 giờ 00 phút ngày 16/6/2025.

- Địa điểm: xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn.

I. Thành viên Đoàn kiểm tra:

- Ông Nguyễn Văn Toàn – Trưởng phòng NNMT, Trưởng đoàn (vắng mặt).
- Bà Phạm Thị Thu Hà – Phó trưởng phòng NNMT huyện, Phó Trưởng đoàn.
- Ông Lê Sơn Tùng – PCT UBND xã Quang Tiến, Thành viên.
- Bà Hà Thị Thu Thủy – Chuyên viên phòng NNMT, Thư ký.

II. Đại diện Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà:

- Bà Phạm Thị Thu Hà – Giám đốc Công ty.
- Ông Vũ Văn Hà – Trưởng ban QLDA.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà thống nhất các nội dung sau:

1. Các hạng mục của cơ sở đã được xây dựng

- *Loại hình hoạt động*: Khu chăm sóc và nghỉ dưỡng cho người cao tuổi.

- *Quy mô công suất của cơ sở*: Cơ sở phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng cho 500 người cao tuổi.

- *Quy mô diện tích của Dự án:* Khu đất cơ sở có diện tích 148.513 m^2 (đất xây dựng công trình của cơ sở 7.360 m^2, đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đường nội bộ, cảnh quan, sân vườn là 22.486m^2. Đất lâm nghiệp - đồi núi rừng 118.667m^2). Trong đó các công trình đã xây dựng gồm: Khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi, khu chăm sóc đặc biệt, khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên và hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.

2. Công trình xử lý nước thải

- Cơ sở đã xây dựng bố trí 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m^3/ngày.đêm. Vị trí xả thải ra hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường 35 xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn.

Diện tích của hệ thống xử lý nước thải khoảng 62m^2, phía Đông Nam của Cơ sở. Tại thời điểm kiểm tra hệ thống chưa hoạt động.

3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Cơ sở không lắp đặt công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

5. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Cơ sở tập kết tại khu vực diện tích khoảng 30 m^2 nền bê tông, ngoài trời.

Hiện Trung tâm đang bố trí khu vực lưu chứa chung chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường. Đơn vị đang tiến hành thương thảo hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Đô thị Sóc Sơn thực hiện thu gom rác sinh hoạt với tần suất 1-2 lần/ngày.

6. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Kho lưu chứa chất thải nguy hại khoảng 5 m^2 tại tầng 1 khu trung tâm. Nền bê tông, xung quanh có bố trí vật liệu phòng cháy chữa cháy (04 bình cứu hỏa). Hiện trạng ghi nhận có 05 thùng phân loại chất thải màu vàng ghi tên từng loại CTNH (có dấu hiệu cảnh báo).

7. Các nội dung đề nghị cấp phép của chủ dự án đầu tư

7.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ và người cao tuổi.

- Lưu lượng xả thải tối đa: **120 m^3/ngày.đêm**.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 xả thải vào mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường 35 xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: pH: 5-9, BOD5: 50 mg/l, TSS: 100 mg/l, TDS: 1.000 mg/l, Sunfua: 4 mg/l, Amoni: 10 mg/l, Nitrat: 50 mg/l, Dầu mỡ động, thực vật: 20 mg/l, Tổng các chất hoạt động bề mặt: 10 mg/l, Phosphat: 10 mg/l: Tổng Coliform: 5.000 MNP/100ml

- Vị trí xả thải:

+ Vị trí xả nước thải sau xử lý: Mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường 35 xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực trên tuyến đường 35 xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn.

7.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không đề xuất.

7.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh:

Nguồn số 1: Khu vực đặt máy thổi khí của trạm XLNT.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nguồn số 1: Khu vực đặt máy thổi khí của trạm XLNT.

- *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung*: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ *Tiếng ồn (Khu vực thông thường):*

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ 6-21 giờ: 70 dBA

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ 21-6 giờ: 55 dBA

+ *Độ rung (Khu vực thông thường):*

Mức gia tốc rung cho phép từ 6-21 giờ: 70 dBA

Mức gia tốc rung cho phép từ 21-6 giờ: 60 dBA

7.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Không đề xuất.

7.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Không đề xuất.

III. Ý kiến của các thành viên tham gia:

Các thành viên nhất trí với biên bản kiểm tra hiện trạng.

IV. Ý kiến của Chủ cơ sở:

Bà Phạm Thị Thu Hà – Giám đốc công ty: Cơ sở sẽ có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung Đoàn kiểm tra đã chỉ ra trong quá trình kiểm tra hiện trạng.

V. Bà Phạm Thị Thu Hà - Phó Trưởng đoàn kết luận:

Trên cơ sở khảo sát thực tế và tổng hợp ý kiến của các thành viên Đoàn kiểm tra, Bà Phạm Thị Thu Hà yêu cầu Chủ đầu tư nghiêm túc chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và đảm bảo tính chính xác, đảm bảo thực hiện đúng nội dung cơ sở cam kết trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án.

Tuy nhiên, căn cứ Văn bản số 1737/STNMT-QLMT ngày 28/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường của Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà". Theo đó, căn cứ Khoản 1 Điều 39, Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Khoản 5 Điều 74 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được bổ sung tại Điểm d Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Như vậy, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trước khi UBND huyện Sóc Sơn xem xét cấp giấy phép môi trường cho Công ty theo quy định của pháp luật.

Căn cứ kết quả kiểm tra hiện trạng, báo cáo đề xuất cấp GPMT và trách nhiệm liên quan đến pháp lý của Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà và các quy định khác liên quan, Đoàn kiểm tra sẽ xem xét quyết định.

Biên bản được lập vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày được đọc cho những người tham dự nghe và nhất trí ký tên. Biên bản được thành lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, Chủ cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN **Công ty TNHH XD và TM Ngọc Hà** CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ GIÁM ĐỐC Phạm Thị Thu Hà	**TM. HĐ THẨM ĐỊNH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Phạm Thị Thu Hà**
THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA Lê Sơn Tùng	**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN** **Hà Thị Thu Thủy**

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4507 /QĐ-UBND	*Sóc Sơn, ngày 13 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà có địa chỉ tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện về việc ban hành quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện về việc phân công công tác của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc bổ sung Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện về phân công công tác của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 về việc phân công công tác của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà tại Văn bản số 26/CV-NH ngày 15/5/2025;

Xét đề nghị của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Sóc Sơn tại Tờ trình số 1056/TTr-NNMT ngày 23/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà có địa chỉ tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn gồm các ông, bà có tên sau:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Chức danh trong Đoàn kiểm tra
1	Ông Nguyễn Văn Toàn	Kỹ sư	Trưởng phòng NN&MT	Trưởng đoàn
2	Bà Phạm Thị Thu Hà	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng NN&MT	Phó trưởng đoàn
3	Bà Hà Thị Thu Thủy	Thạc sỹ	Chuyên viên phòng NN&MT	Thành viên thư ký
4	Đại diện Lãnh đạo UBND xã Quang Tiến			Thành viên

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra thực tế, tổ chức thực hiện quan trắc chất thải theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra trong quá trình cấp giấy phép môi trường của Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (báo cáo);
- Công ty TNHH XD&TM Ngọc Hà;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN T.P HÀ NỘI

Phạm Quang Ngọc

Sao y: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội; 16/12/2022 16:17:34

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 3859/SNN-KL
V/v Phúc đáp Văn bản số 28/CV-CTNH ngày 12/12/2022 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội nhận được Văn bản số 28/CV-CTNH ngày 12/12/2022 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà (Sau đây gọi tắt là Công ty Ngọc Hà) về việc: Giao rừng cho thuê rừng đối với dự án Trung tâm CSNCT Ngọc Hà theo quy định tại K3 Đ3 Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội v/v gia hạn SD đất 24 tháng đối với Dự án…

Sau khi xem xét nội dung Văn bản và các tài liệu do Công ty Ngọc Hà gửi, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Trong văn bản số Văn bản số 28/CV-CTNH ngày 12/12/2022 của Công ty Ngọc Hà có nêu: *"... trồng bổ sung hàng vạn cây trên khắp diện tích 14,9 ha đất được giao (trừ 0,75 ha dự kiến xây dựng công trình)...đặc biệt đối với 2,15 ha (trong số 2,9 ha dự kiến đầu tư xây dựng dự án) là khu vực rừng " tình trạng sinh trưởng phát triển: Rất kém, đại bộ phận cây cong queo, mục ruỗng, sâu bệnh..."* Công ty Ngọc Hà căn cứ định nghĩa rừng sản xuất quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017 cho rằng diện tích nói trên là rừng sản xuất và khẳng định: *"Diện tích rừng sản xuất này là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Ngọc Hà"*. Căn cứ Quyết định 2100/QĐ-UBND ngày 29/5/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Dự án "điều chỉnh Quy hoạch rừng huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội" thì toàn bộ diện tích 4.557 ha rừng và đất lâm nghệp huyện Sóc Sơn là **rừng phòng hộ bảo vệ môi trường** trong đó bao gồm cả diện tích của Công ty Ngọc Hà đã được giao đất (Không có diện tích rừng sản xuất trên địa bàn huyện Sóc Sơn). Do vậy đề nghị trên của Công ty Ngọc Hà không đúng với Quyết định của UBND thành phố Hà Nội và quy định của pháp luật.

2. Công ty Ngọc Hà đề nghị: *"Giao toàn bộ diện tích rừng thuộc dự án trung tâm chăm sóc NCT Ngọc Hà cho chủ đầu tư tiếp tục quản lý, chăm sóc và phát triển bền vững..."*. Tuy nhiên, căn cứ ý kiến hướng dẫn tại Văn bản số 1212/TCLN ngày 28/8/2020 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc hướng dẫn giao rừng cho thuê rừng: *"Nhà nước chỉ thực hiện giao rừng phòng hộ cho tổ chức kinh tế theo quy định tại Khoản 2 điều 16 của Luật Lâm nghiệp, rừng phòng hộ không thuộc đối tượng cho thuê"*. Như vậy đối chiếu Khoản 2 điều 16 của Luật Lâm nghiệp thì diện tích rừng của dự án Trung tâm chăm sóc Sức khỏe người

cao tuổi Ngọc Hà tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn không thuộc diện tích rừng được giao và cho thuê rừng phòng hộ theo quy định.Tại Văn bản số 802/TCLN-KL ngày 18/6/2021 của Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn: *"Trường hợp cần thiết, xem xét áp dụng chính sách cho thuê dịch vụ môi trường rừng theo quy định của pháp luật hiện hành"*. Vì vậy Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Công ty Ngọc Hà thực hiện theo đúng hướng dẫn của Tổng cục Lâm nghiệp.

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phúc đáp để Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà biết và triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- UBND TP Hà Nội; (b/c)
- Đ/c GĐ Sở ; (b/c)
- Lưu VT- KL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Mạnh Phương

Năm 2012 + 2013

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☑ Chuyển khoản ☐

(Đánh dấu v vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1-02/NS
(TT số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: HNO3160213
Số: 1199648

Người nộp thuế: **Cong ty TNHH Xay dung & thuong mai Ngoc Ha**
Mã số thuế: **0100957353**
Địa chỉ: **So 46 duong Nguy Nhu Kon Tum, p.Nhan Chinh**
Huyện: Tỉnh, TP:
Người nộp thay: Mã số thuế:
Địa chỉ:
Đề nghị Ngân hàng: **NHNo&PTNT CN Soc Son** Trích TK số:
(hoặc) nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN: **KBNN Soc Son - Ha Noi** Tỉnh, TP: **Thanh Pho Ha Noi**
Để ghi thu NSNN vào TK: **7111** hoặc nộp vào TK tạm thu số: ...
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền:

TK 3521 (Kiểm toán NN) ☐ TK 3523 (Thanh tra CP) ☐
TK 3522 (Thanh tra TC) ☐ TK 3529 (CQ có thẩm quyền khác) ☐

Cơ quan quản lý thu: **Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn - Cục thuế Thành phố Hà Nội** Mã CQ thu: **1054741**
Tờ khai HQ, QĐ số: ngày: Loại hình XNK:
(hoặc) Bảng kê Biên lai số: ngày:

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã NDKT	Mã chương	Kỳ thuế	Số tiền
1	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1603	754	09/2013	17 505 100
				Tổng cộng	**17 505 100**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Mười bảy triệu năm trăm linh năm nghìn một trăm đồng./.**

PHẦN NGÂN HÀNG GHI

Mã CQ thu: **1054741** Nợ TK: **101101**
Mã ĐBHC: **016HH** Có TK: **3160010000001**
Mã nguồn NSNN:

NGÂN HÀNG NN & PTNT SÓC SƠN
ĐÃ THU TIỀN

NHNo&PTNT CN Soc Son
Ngày 25 tháng 09 năm 2013

Người nộp tiền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Pham Thị Dung

Thanh toán viên

Nguyễn Thị Vĩnh Hà

Kiểm soát viên

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ H.SÓC SƠN
Số: 02/2013/TB-CCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Sơn, ngày 25 tháng 9 năm 2013

THÔNG BÁO NỘP THUẾ
Lần 01Năm 2013

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2013 như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Họ và tên: **Công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc Hà.**
- **Mã số thuế** (nếu có): 0100957353.
- Địa chỉ nhận thông báo: Số 46 - Đường Ngụy như Kon Tum - Phường nhân chính - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội..

2. Địa chỉ thửa đất: xã Quang Tiến - huyện Sóc Sơn – TP Hà Nội.
3. Vị trí thửa đất chịu thuế:
   3.1. Loại đất : Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.
   3.2. Tên đường/vùng: Đường địa phương
   3.3. Đoạn đường/khu vực: Đường đền sóc đi hồ Đồng Quan.
   3.4. Vị trí/hạng: Vị trí 1
   3.5. Giá 1 m^2 đất: 1.234.772 đồng.
4. Diện tích chịu thuế: 29.846 m2 4.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN: ..... m2.
5. Hạn mức: .....
6. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm: 17.505.100 đồng.
6.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: 17.505.100 m2.
7. Thông tin chi tiết các khoản thuế:

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ 2013	Thuế miễn giảm	Số thuế thừa thiếu của kỳ trước 2012	Thuế phải nộp
1	Thuế đất SX, KD	1603	11.055.900		6.449.200	17.505.176
2	Thuế đất PNN khác	1649				
	Cộng:		**11.055.900**		**6.449.200**	**17.505.100**

Số tiền phải nộp bằng chữ: Mười bảy triệu, năm trăm linh năm ngàn, một trăm đồng.
8. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ***ngày 30/9/2013.***
9. Địa điểm nộp thuế: Kho bạc nhà nước huyện Sóc Sơn (Nộp theo chương 757).

Chi cục thuế Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc liên hệ theo số điện thoại: 04.38843439 để giải đáp kịp thời./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Ký, ghi rõ họ tên

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

Đương Văn thành

Năm 2014

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☑ Chuyển khoản ☐

(Đánh dấu v vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1-02/NS
(TT số 08/2013/TT-BTC
ngày 10/01/2013 của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: **HNO191014**
Số: **5599422**

Người nộp thuế: **Công ty TNHH Xây dựng & thương mại Ngọc Hà**
Mã số thuế: **0100957353**
Địa chỉ: **Số 46 đường Nguy Như Kon Tum, p.Nhân Chính**
Huyện: Tỉnh, TP:
Người nộp thay: **Phạm Thị Dung** Mã số thuế:
Địa chỉ:
Đề nghị Ngân hàng: **NHNo&PTNT CN Soc Son** Trích TK số:
(hoặc) nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN: **KBNN Soc Son - Ha Noi** Tỉnh, TP: **Thanh Pho Ha Noi**
Để ghi thu NSNN vào TK: **7111** hoặc nộp vào TK tạm thu số: ...
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền:

TK 3521 (Kiểm toán NN) ☐ TK 3523 (Thanh tra CP) ☐
TK 3522 (Thanh tra TC) ☐ TK 3529 (CQ có thẩm quyền khác) ☐

Cơ quan quản lý thu: **Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn - Cục thuế Thành phố Hà Nội** Mã CQ thu: **1054741**
Tờ khai HQ, QĐ số: ngày: Loại hình XNK:
(hoặc) Bảng kê Biên lai số: ngày:

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã NDKT	Mã chương	Kỳ thuế	Số tiền
1	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1603	754	07/2014	4 607 000
				Tổng cộng	**4 607 000**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng./.**

PHẦN NGÂN HÀNG GHI

Mã CQ thu: **1054741** Nợ TK: **101101**
Mã ĐBHC: **00409** Có TK: **3160010000001**
Mã nguồn NSNN:

NHNo&PTNT CN Soc Son
Ngày 10 tháng 07 năm 2014

Người nộp tiền	Thanh toán viên	Kiểm soát viên
(Ký và ghi rõ họ tên)	NGÂN HÀNG No&PTNT SÓC SƠN ĐÃ THU TIỀN	
Phạm Thị Dung	**Trần Thị Bích Phương**	

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ H. SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/CCT-TB&TK

Sóc Sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2014

THÔNG BÁO NỘP THUẾ

Lần1 - Năm 2014

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: Công ty TNHH XD và TM Ngọc Hà
- Mã số thuế: 0100957353
- Địa chỉ nhận thông báo: Thôn Đông Lai - Quang Tiến - Sóc Sơn - Hà Nội

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
.....
- Mã số thuế:
.....
- Địa chỉ nhận thông báo:
.....

3. Địa chỉ thửa đất:
.....

4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
4.1. Loại đất: Đất ven trục giao thông
4.2. Tên đường/vùng:
4.3. Đoạn đường/khu vực:
4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng: Vị trí 1
4.6. Hệ số (đường/hẻm): 4.7. Giá 1 m^2 đất: 1 234 772

5. Diện tích chịu thuế: 29 846 m2 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:

6. Hạn mức: .....

7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:.....

7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....

8. Thông tin chi tiết các khoản thuế:

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế thừa thiếu của kỳ trước	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất, kinh doanh	1603	11 056 000		- 6 449 000	4 607 000
	Cộng					

Số tiền phải nộp bằng chữ: Bốn triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày 31/5/2014

10. Địa điểm nộp thuế: CN ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Sóc Sơn

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục thuế Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO *Ngày ……. tháng ……. năm ……..* *Ký, ghi rõ họ tên*	**KT. CHI CỤC TRƯỞNG** **PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG** **Dương Văn Thành**

gritax: In Chứng từ theo mẫu C1-02

Năm 2015

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☑ Chuyển khoản ☐

(Đánh dấu v vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1-02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: **HAN191015**
Số: **2077198**

Người nộp thuế: **Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Ngọc Hà**
Mã số thuế: **0100957353**
Địa chỉ: **Số nhà 46, đường Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính**
Huyện: **Quan Thanh Xuan** Tỉnh, TP: **Thanh Pho Ha Noi**
Người nộp thay: - Mã số thuế:
Địa chỉ:
Đề nghị Ngân hàng: **NHNo&PTNT CN Soc Son** Trích TK số:
hoặc thu tiền mặt để:
Nộp vào NSNN ☑ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐
Tại KBNN: **KBNN Soc Son - Ha Noi:** Tỉnh, TP: **Thanh Pho Ha Noi**
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: **NHNo&PTNT CN Soc Son**
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền:
Kiểm toán NN ☐ Thanh tra TC ☐
Thanh tra CP ☐ CQ có thẩm quyền khác ☐
Tên cơ quan quản lý thu: **Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn - Cục thuế Thành phố Hà Nội**
Tờ khai HQ, QĐ số: ngày: Loại hình XNK:
(hoặc) Bảng kê Biên lai số: ngày:

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vàoNSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	**Nội dung các khoản nộp NS**	**Số tiền**	**Mã NDKT**	**Mã chương**
1	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; Kỳ thuế: 07/2015	11 055 902	1603	754
2	Tien cham nop do nganh thue quan ly; Kỳ thuế: 07/2015	165 839	4911	754
	Tổng cộng	**11 221 741**		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Mười một triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng./.**

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:
Mã CQ thu: **1054741** Nợ TK: **101101**
Mã ĐBHC: **016HH** Có TK: **3160010000001**
Mã nguồn NSNN:
NGÂN HÀNG NN & PTNT SÓC SƠN
ĐÃ THU TIỀN

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			**NHNo&PTNT CN Soc Son**	
Ngày 17 tháng 07 năm 2015			Ngày 17 tháng 07 năm 2015	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Giao dịch viên	Kiểm soát viên
Phạm Văn Yến			Trần Hoàng Minh	

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 972.69/TB- CCT-TB&TK

Sóc Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2016

THÔNG BÁO NỘP THUẾ
Về việc nộp thuế SDĐPNN năm 2016

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Ngọc Hà**
- Mã số thuế: 0100957353
- Địa chỉ nhận thông báo: Số 46 đường Nguy Như Kon Tum, p.Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất:

4. Vị trí thửa đất chịu thuế: **Thôn Quảng Hội**

4.1. Loại đất: 4.2. Tên đường/vùng:
4.3. Đoạn đường/khu vực: 4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng:
4.6. Hệ số (đường/hẻm): 4.7. Giá 1 m^2 đất:
5. Diện tích chịu thuế: 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức: .....

7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:.....

7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....

8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế thừa thiếu của kỳ trước	Số thuế đã nộp	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất, kinh doanh	1603	11,055,902				11,055,902

Số tiền phải nộp bằng chữ: Mười một triệu không trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm lẻ hai đồng.

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày 31/5/2016

10. Địa điểm nộp thuế: CN ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Sóc Sơn

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày .01.. tháng .05.. năm 2016..
Ký, ghi rõ họ tên

Phạm Thị Dung

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

Đỗ Tiến Đỡ

Năm 2016

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☑ Chuyển khoản ☐
(Đánh dấu v vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1-02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: HAN191016
Số: 2764690

Người nộp thuế: **Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Ngọc Hà**
Mã số thuế: **0100957353**
Địa chỉ: **Số nhà 46, đường Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính**
Huyện: **Quan Thanh Xuan** Tỉnh, TP: **Thành phố Hà Nội**
Người nộp thay: **Phạm Thị Dung** Mã số thuế:
Địa chỉ:
Đề nghị Ngân hàng: **NHNo&PTNT CN Sóc Sơn** Trích TK số:
hoặc thu tiền mặt để:
Nộp vào NSNN ☑ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐
Tại KBNN: **KBNN Sóc Sơn - Hà Nội:** Tỉnh, TP: **Thành phố Hà Nội**
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: **NHNo&PTNT CN Sóc Sơn**
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền:
Kiểm toán NN ☐ Thanh tra TC ☐
Thanh tra CP ☐ CQ có thẩm quyền khác ☐
Tên cơ quan quản lý thu: **Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn - Cục thuế Thành phố Hà Nội**
Tờ khai HQ, QĐ số: ngày: Loại hình XNK:
(hoặc) Bảng kê Biên lai số: ngày:

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vàoNSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp - 2016 ; Kỳ thuế: 05/2016	11 055 902	1603	754
	Tổng cộng	**11 055 902**		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Mười một triệu không trăm năm mươi năm nghìn chín trăm linh hai đồng./.**

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: **1054741** Nợ TK: **101101**
Mã DBHC: **00409** Có TK: **3160010000001**
Mã nguồn NSNN:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NHNo&PTNT CN Sóc Sơn	
Ngày 09 tháng 05 năm 2016			Ngày 09 tháng 05 năm 2016	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng/TP Kế toán
Phạm Thị Dung				Nguyễn Đức Anh

NGÂN HÀNG No & PTNT SÓC SƠN
ĐÃ THU TIỀN

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 972.69/TB- CCT-TB&TK

Sóc Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2016

THÔNG BÁO NỘP THUẾ
Về việc nộp thuế SDĐPNN năm 2016

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Ngọc Hà**
- Mã số thuế: 0100957353
- Địa chỉ nhận thông báo: Số 46 đường Nguy Như Kon Tum, p.Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất:
4. Vị trí thửa đất chịu thuế: **Thôn Quảng Hội**

4.1. Loại đất: 4.2. Tên đường/vùng:
4.3. Đoạn đường/khu vực: 4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng:
4.6. Hệ số (đường/hẻm): 4.7. Giá 1 m^2 đất:
5. Diện tích chịu thuế: 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức: .....

7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:.....
7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế thừa thiếu của kỳ trước	Số thuế đã nộp	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất, kinh doanh	1603	**11,055,902**				**11,055,902**

Số tiền phải nộp bằng chữ: Mười một triệu không trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm lẻ hai đồng.

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày 31/5/2016
10. Địa điểm nộp thuế: CN ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Sóc Sơn

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày .04.. tháng 05.. năm 2016..
Ký, ghi rõ họ tên

Phạm Thị Dung

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Đỗ Tiến Đỡ

Năm 2017

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: .....
Số: 1096702

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Người nộp thuế: CôNG TY TNHH XâY DựNG Và THươNG Mại NGọC Hà Mã số thuế: 0100957353
Địa chỉ: Thôn Đông Lai - Xã Quang Tiến
Huyện: Huyện Sóc Sơn Tỉnh, TP: Hà Nội
Người nộp thay: Mã số thuế:
Địa chỉ:
Huyện: Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trích TK số: 215555666
hoặc thu tiền mặt để:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu(1) [ ] TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2) [ ]
Tại KBNN: KBNN Sóc Sơn - Hà Nội Tỉnh, TP: Thành phố Hà Nội
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):
Kiểm toán NN [ ] Thanh tra TC [ ]
Thanh tra CP [ ] CQ có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn Mã CQ thu: 1054741
Tờ khai HQ số(1): ngày: Loại hình XNK(1):

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; Kỳ: 05/2017; Ghi chú:Nộp thuế PNN năm 2017.	26.440.571	1603	754
	Tổng tiền	26.440.571		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ*
Ngày ký: 29/05/2017 21:00:38.
Ký điện tử bởi: *Tổng Cục Thuế*
Ngày ký: 29/05/2017 21:00:17. Không thể kiểm tra tình trạng thu hồi của chứng thư số (ocsp.fis.com.vn).
Ký điện tử bởi: *Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng*
Ngày ký: 29/05/2017 21:04:20.

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331 /TB- CCT-TB&TK
57

Sóc Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Căn cứ hồ sơ khai tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH XÂYDỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ**
- Mã số thuế: **0100957353**
- Địa chỉ nhận thông báo: **Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội**

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất: **Thôn Quảng Hội**
4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
4.1. Loại đất: **Đất ven trục giao thông** 4.2. Tên đường/vùng: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan**
4.3. Đoạn đường/khu vực: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan - từ: xã Phù Linh, Tiên Dược - đến:**
4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng: **Vị trí 1**
4.6. Hệ số (đường/hẻm): 1 4.7. Giá 1 m^2 đất: **2,953,000 đồng**
5. Diện tích chịu thuế: **29,846.00m2** 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:**26,440,571**
7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế đã nộp	Số thuế thiếu của kỳ trước	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất kinh doanh	1603	26,440,571	0	0		26,440,571
	Tổng cộng		**26,440,571**				**26,440,571**

Số tiền phải nộp bằng chữ: (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi mốt đồng.).

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất trước ngày 31/05/2018

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439, 097.860.5636; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Ký, ghi rõ họ tên

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

Đỗ Tiến Đỡ

VPBank

ỦY NHIỆM CHI

PAYMENT ORDER

Năm 2018

Liên

Số bút toán (Trans. No.)

Mã KH (CIF)

Ngày (date) 30/05/2018

Đơn vị/ Người trả tiền (Customer's name): Trần Thị Yến

Địa chỉ (Address): Công ty Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

Số tài khoản (A/C No.): 02 Tại VPBank (With Branch): Phạm Văn Đồng

Đơn vị/Người nhận tiền (Beneficiary): Cục thuế huyện Sóc Sơn

Địa chỉ (Address):

Số tài khoản (A/C No): 7111

Tại ngân hàng (With bank): Kho bạc nhà nước huyện Sóc Sơn

Chi nhánh (Branch): Tỉnh/ TP (Province/City):

Số tiền bằng chữ VND (Amount in words): Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, năm trăm bảy mươi đồng

Số tiền bằng số (Amount in figures): 26.440.571 đ

Nội dung (Details of Payment): Công ty TNHH XD và TM Ngọc Hà nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 MST: 0100957353

ĐÃ CHUYỂN KHOẢN

ĐƠN VỊ/ NGƯỜI YÊU CẦU (CUSTOMER)

Kế toán trưởng (Chief Accountant)	Chủ tài khoản (A/C holder)
	Trần Thị Yến

VPBANK

Giờ nhận (Receipt time):

Ghi sổ ngày (Accounting date): 30/05/2018

Giao dịch viên (Teller)	Kiểm soát (Supervisor)	Giám đốc/Trưởng PGD (Branch manager)

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331 /TB- CCT-TB&TK
57

Sóc Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Căn cứ hồ sơ khai tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH XÂYDỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ**
- Mã số thuế: **0100957353**
- Địa chỉ nhận thông báo: **Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội**

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất: **Thôn Quảng Hội**
4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
4.1. Loại đất: **Đất ven trục giao thông** 4.2. Tên đường/vùng: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan**
4.3. Đoạn đường/khu vực: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan - từ: xã Phù Linh, Tiên Dược - đến:**
4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng: **Vị trí 1**
4.6. Hệ số (đường/hẻm): **1** 4.7. Giá 1 m^2 đất: **2,953,000 đồng**
5. Diện tích chịu thuế: **29,846.00m2** 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:**26,440,571**
7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế đã nộp	Số thuế thiếu của kỳ trước	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất kinh doanh	1603	26,440,571	0	0		26,440,571
	Tổng cộng		**26,440,571**				**26,440,571**

Số tiền phải nộp bằng chữ: (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi mốt đồng.).

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất trước ngày 31/05/2018

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439, 097.860.5636; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Ký, ghi rõ họ tên

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN
CỤC THUẾ T.P HÀ NỘI

Đỗ Tiến Đỡ

Năm 2019

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: .....
Số: 3205551

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ — Mã số thuế: 0100957353
Địa chỉ: Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến
Huyện: Huyện Sóc Sơn — Tỉnh, TP: Hà Nội
Người nộp thay: — Mã số thuế:
Địa chỉ:
Huyện: — Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng — trích TK số: 215555666
hoặc thu tiền mặt để:
Nộp vào cho NSNN [X] — TK tạm thu(1) [ ] — TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2) [ ]
Tại KBNN: KBNN Sóc Sơn - Hà Nội — Tỉnh, TP: Thành phố Hà Nội
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):
Kiểm toán NN [ ] — Thanh tra TC [ ]
Thanh tra CP [ ] — CQ có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn — Mã CQ thu: 1054741
Tờ khai HQ số(1): — ngày: — Loại hình XNK(1):

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; Kỳ: 04/2019.	26.440.571	1603	754
	Tổng tiền	26.440.571		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ*
Ngày ký: 17/05/2019 08:12:13.
Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế*
Ngày ký: 17/05/2019 08:12:39. Không thể kiểm tra tình trạng thu hồi của chứng thư số (ocsp.fis.com.vn).
Ký điện tử bởi: *tcsvpbank.vpbank.com.vn*
Ngày ký: 17/05/2019 08:09:52.

Đơn giá cho chu kỳ ổn định 5 năm

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331 /TB- CCT-TB&TK
57

Sóc Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Căn cứ hồ sơ khai tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH XÂYDỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ**
- Mã số thuế: **0100957353**
- Địa chỉ nhận thông báo: **Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội**

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất: **Thôn Quảng Hội**
4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
4.1. Loại đất: **Đất ven trục giao thông** 4.2. Tên đường/vùng: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan**
4.3. Đoạn đường/khu vực: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan - từ: xã Phù Linh, Tiên Dược - đến:**
4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng: **Vị trí 1**
4.6. Hệ số (đường/hẻm): **1** 4.7. Giá 1 m^2 đất: **2,953,000 đồng**
5. Diện tích chịu thuế: **29,846.00m2** 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:**26,440,571**
7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế đã nộp	Số thuế thiếu của kỳ trước	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất kinh doanh	1603	26,440,571	0	0		26,440,571
	Tổng cộng		**26,440,571**				**26,440,571**

Số tiền phải nộp bằng chữ:(Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi mốt đồng.).

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất trước ngày 31/05/2018

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439, 097.860.5636; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Ký, ghi rõ họ tên

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

Đỗ Tiến Đỡ

Năm 2020

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: .....
Số: 4587256

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]
Loại tiền: VND [X] USD [ ] Khác:....
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Số tham chiếu: 11220200031262733

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ Mã số thuế: 0100957353
Địa chỉ: Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến
Quận/Huyện: Huyện Sóc Sơn Tỉnh, TP: Hà Nội
Người nộp thay: Mã số thuế:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trích TK số: 215555666
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu [ ] TK thu hồi hoàn thuế GTGT [ ]
Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Sóc Sơn - Hà Nội Tỉnh, TP: Thành phố Hà Nội
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: NH No&PTNT Huyện Sóc sơn
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước [ ] Thanh tra tài chính [ ]
Thanh tra Chính phủ [ ] Cơ quan có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Huyện Sóc Sơn - Chi cục Thuế khu vực Sóc Sơn - Mê Linh Mã CQ thu: 1054741

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1		00/CN/2020	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp ;Ghi chú : Nộp thuế sd đất phi nông nghiệp năm 2020		26.440.571	754	1603
			Tổng tiền		26.440.571		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ*
Ngày ký: 30/03/2020 15:39:53.

Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế*
Ngày ký: 30/03/2020 15:39:48.

Ký điện tử bởi: *TCSVPBANK.VPBANK.COM.VN*
Ngày ký: 30/03/2020 15:39:07.

Đơn Chu kỳ ổn định 5 năm

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331 /TB- CCT-TB&TK
57

Sóc Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Căn cứ hồ sơ khai tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH XÂYDỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ**
- Mã số thuế: **0100957353**
- Địa chỉ nhận thông báo: **Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội**

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất: **Thôn Quảng Hội**
4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
4.1. Loại đất: **Đất ven trục giao thông** 4.2. Tên đường/vùng: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan**
4.3. Đoạn đường/khu vực: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan - từ: xã Phù Linh, Tiên Dược - đến:**
4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng: **Vị trí 1**
4.6. Hệ số (đường/hẻm): **1** 4.7. Giá 1 m^2 đất: **2,953,000 đồng**
5. Diện tích chịu thuế: **29,846.00m2** 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:**26,440,571**
7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế đã nộp	Số thuế thiếu của kỳ trước	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất kinh doanh	1603	26,440,571	0	0		26,440,571
	Tổng cộng		**26,440,571**				**26,440,571**

Số tiền phải nộp bằng chữ: (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi mốt đồng.).

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất trước ngày 31/05/2018

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439, 097.860.5636; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Ký, ghi rõ họ tên

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

Đỗ Tiến Đỡ

Năm 2021

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: .....
Số: 5399002

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]
Loại tiền: VND [X] USD [ ] Khác:....
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Số tham chiếu: 11220210078309914

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ Mã số thuế: 0100957353
Địa chỉ: Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến
Quận/Huyện: Huyện Sóc Sơn Tỉnh, TP: Hà Nội
Người nộp thay: Mã số thuế:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trích TK số: 215555666
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu [ ] TK thu hồi hoàn thuế GTGT [ ]
Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Sóc Sơn - Hà Nội Tỉnh, TP: Thành phố Hà Nội
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: NH No&PTNT Huyện Sóc sơn
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước [ ] Thanh tra tài chính [ ]
Thanh tra Chính phủ [ ] Cơ quan có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Huyện Sóc Sơn - Chi cục Thuế khu vực Sóc Sơn - Mê Linh Mã CQ thu: 1054741

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VNĐ	Mã chương	Mã tiểu Mục
1		00/CN/2021	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp ;Ghi chú : Nộp thuế Đất phi Nông nghiệp Năm 2021		26.440.571	754	1603
			Tổng tiền		26.440.571		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ*
Ngày ký: 31/03/2021 11:56:12.

Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế*
Ngày ký: 31/03/2021 11:56:21.

Ký điện tử bởi: *TCSVPBANK.VPBANK.COM.VN*
Ngày ký: 31/03/2021 12:02:07.

Đoh Chu kỳ ổn định 5 năm

CỤC THUẾ TP. HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331 /TB- CCT-TB&TK
57

Sóc Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Căn cứ hồ sơ khai tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 như sau:

1. **Người nộp thuế:**
- Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH XÂYDỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ**
- Mã số thuế: **0100957353**
- Địa chỉ nhận thông báo: **Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội**

2. **Tên Đại lý thuế** (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất: **Thôn Quảng Hội**
4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
4.1. Loại đất: **Đất ven trục giao thông** 4.2. Tên đường/vùng: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan**
4.3. Đoạn đường/khu vực: **Đường đền Sóc đi hồ Đông Quan - từ: xã Phù Linh, Tiên Dược - đến:**
4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng: **Vị trí 1**
4.6. Hệ số (đường/hẻm): **1** 4.7. Giá 1 m^2 đất: **2,953,000 đồng**
5. Diện tích chịu thuế: **29,846.00m2** 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên GCN:
6. Hạn mức
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:**26,440,571**
7.1. Trong đó: Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên GCN: .....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế đã nộp	Số thuế thiếu của kỳ trước	Thuế phải nộp
1	Thuế đất sản xuất kinh doanh	1603	26,440,571	0	0		26,440,571
	Tổng cộng		**26,440,571**				**26,440,571**

Số tiền phải nộp bằng chữ: (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi mốt đồng.).

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất trước ngày 31/05/2018

Nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Chi cục thuế Sóc Sơn theo số điện thoại: 043 884 3439, 097.860.5636; Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.

Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày ..... tháng ..... năm .....
Ký, ghi rõ họ tên

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC THUẾ HUYỆN SÓC SƠN
CỤC THUẾ T.P HÀ NỘI

Đỗ Tiến Đỡ

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: 3024848

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250323108652

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

Mã số thuế: 0100957353

Địa chỉ: Thôn Đông Lai, Xã Quang Tiến

Quận/Huyện: Huyện Sóc Sơn

Tỉnh, TP: Hà Nội

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

trích TK số: 215555666

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I

Tỉnh, TP: Thành phố Hà Nội

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Vietinbank - CN Quang Minh

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Huyện Sóc Sơn - Đội thuế liên huyện Sóc Sơn - Mê Linh

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo**	**Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT**
1		00/CN/2025	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Ghi chú: Thuế SD đất PNN Sóc Sơn.		104,705,736	754	1603
			Tổng tiền		104,705,736		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MỘT TRĂM LẺ BỐN TRIỆU BẢY TRĂM LẺ NĂM NGHÌN BẢY TRĂM BA MƯƠI SÁU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....

	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN **NGÂN HÀNG (KBNN)**

Ngày.....Tháng.....Năm..... Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng Kế toán Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ
Ngày ký : 22/05/2025 16:29:17

Người ký : CỤC THUẾ
Ngày ký : 22/05/2025 16:29:05

Người ký : Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng
Ngày ký : 22/05/2025 16:40:37

Quay lại In GNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI RẮN SINH HOẠT

`Số: 688 /2025/HĐKT

Căn cứ vào Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố Hà nội về việc Ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của của UBND Thành phố Hà nội về việc Sửa đổi Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hà nội về việc Ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà nội;

Căn cứ nhu cầu sử dụng dịch vụ vệ sinh môi trường của Quý khách hàng;

Hôm nay, ngày 20 tháng 08 năm 2025.

Tại : Trụ sở công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc Hà

Chúng tôi đại diện cho các bên gồm có:

1.BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

- Địa chỉ: Thôn Đông Lai, Xã Nội Bài, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Đại diện: **Bà Phạm Thị Thu Hà** Chức vụ: **Giám đốc**
- Điện thoại: 0243.266.9669
- Số tài khoản: 215555666
- Mã số thuế: 0100957353

2.BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÓC SƠN

- Trụ sở: Số 47, tổ dân phố số 4, Xã Sóc Sơn, Tp Hà Nội
- Đại diện: **Bà Nguyễn Thị Minh Tâm** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**
- Điện thoại: 0979.448.774.
- Số tài khoản: 1166.023.88999 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh – PGD Cảng hàng không Nội Bài.

- Mã số thuế: 0107461250

-Giấy đăng ký kinh doanh: 0107461250 thay đổi lần thứ 2 ngày 20/5/2023

Sau khi bàn bạc, trao đổi, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt với các điều khoản và các nội dung sau đây:

Điều 1. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý thuê Bên B cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

1.2. Thời gian, địa điểm thực hiện công việc:

- Tần suất thực hiện: 2 lần/ tuần vào các ngày thứ 2 và thứ 6

- Địa điểm thực hiện: *Trung tâm Chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà- Thôn Đông Lai, Xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, Việt Nam.(Đối diện nhà hàng Hương Tràm).*

- Hình thức thực hiện: Cẩu gắp

- Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dụng ngành vệ sinh môi trường

- Địa điểm xử lý: Khu LHXLCTR Nam Sơn và Nhà máy điện rác Sóc Sơn.

Điều 2. KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)	Số tháng	Giá trị hợp đồng(VNĐ)
1	Cẩu gắp, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt	Tháng	1.200.000	4	4.800.000

Giá trị hợp đồng: 4.800.000 đồng (Đã gồm VAT)

Bằng chữ: Bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn (Đã gồm VAT)

Giá trị hợp đồng trên được áp dụng cho khối lượng rác thải sinh hoạt <=6M3/ tháng, Khi khối lượng >=6M3/ Tháng, hai bên thống nhất trao đổi bằng phụ lục hợp đồng (Nếu có)

Điều 3: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Thời hạn hợp đồng kể từ ngày 01/09/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Đơn giá, khối lượng thu gom, vận chuyển và các dịch vụ khác sẽ được hai bên trao đổi và thống nhất bằng Hợp đồng này;

- Hai bên lập biên bản giao nhận khối lượng rác thải rắn sinh hoạt hàng tháng, quý làm cơ sở để tiến hành nghiệm thu khối lượng, thanh quyết toán theo các nội dung trong hợp đồng (nếu có);

- Thanh toán: ***Thanh toán theo quý (Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12)***

- Trong trường hợp phát sinh khối lượng rác thải rắn sinh hoạt và các hạng mục khác thì hai bên sẽ trao đổi thống nhất, điều chỉnh khối lượng rác thải rắn sinh hoạt và các hạng mục khác phát sinh bằng phụ lục hợp đồng

- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán số toàn bộ số tiền bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên B chậm nhất trong 07 (bảy) ngày, kể từ ngày bên B cung cấp biên bản nghiệm thu khối lượng và hoá đơn tài chính hợp lệ cho bên A. (Bên A chịu mọi loại phí chuyển khoản)

- Hồ sơ thanh toán:

+ Biên bản nghiệm thu (nếu có)

+ Biên bản giao nhận chất thải (nếu có)

+ Biên bản đối chiếu công nợ;

+ Hóa đơn GTGT

Điều 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

5.1. Trách nhiệm của bên A

- Có trách nhiệm thu gom, bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào túi kín và tập kết tập trung tại một điểm cố định thuộc phạm vi bên A quản lý.

- Có trách nhiệm chuẩn bị dụng cụ chứa rác thải theo đúng quy định như: Xe gom rác, thùng rác, túi kín.... không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Có trách nhiệm phân loại rác thải theo đúng quy định, cam kết không để lẫn chất thải rắn sinh hoạt với các loại chất thải khác như: Chất thải nguy hại, y tế, lây nhiễm, phế thải xây dựng...(Theo quy định của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ và các quy định liên quan khác của Nhà nước đã quy định) và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc rác thải không phải là rác thải rắn sinh hoạt.

- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng và có quyền giám sát quá trình thu gom, vận chuyển rác thải của mình với điều kiện việc kiểm tra, giám sát này không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của bên B.(Nếu có)

- Thanh toán theo đúng quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

5.2. Trách nhiệm của bên B

- Có trách nhiệm vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết rác thải: của bên A lên phương tiện chuyên dùng và vận chuyển về Khu LHXLCTR Nam Sơn hoặc Nhà máy điện rác Sóc Sơn;

- Bên B tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quá trình thu gom, vận chuyển rác thải theo quy định;

- Thống nhất với Bên A thời gian tác nghiệp trước tối thiểu 01 ngày;

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng rác thải trước khi cẩu gắp, vận chuyển hoặc theo khối lượng thu gom vận chuyển thực tế từng lần vận chuyển (Nếu có);

- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động đối với người và tài sản của mình trong quá trình thực hiện công việc;

- Trong trường hợp bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ rác thải không phù hợp với hợp đồng thì hai bên sẽ cùng nhau thoả thuận giải quyết số rác thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục thu gom phần rác thải phát sinh trên thực hiện theo thoả thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và bên A phải chịu hoàn toàn chi phí;

- Trong trường hợp bên A không phân loại rác thải theo đúng quy định, để lẫn các loại chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng…(Theo quy định cuả Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ và các quy định liên quan khác của Nhà nước đã quy định) bên B có quyền ngừng công tác thu gom vận chuyển rác thải.

- Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi bên A không có người bàn giao, xác nhận khối lượng hoặc bên A không thực hiện việc thanh toán đúng khối lượng, đơn giá và thời gian thanh toán;

- Bên B có trách nhiệm cung cấp biên bản nghiệm thu và hoá đơn tài chính hợp lệ cho bên A. Bên B có quyền ngừng công tác thu gom, vận chuyển rác thải trong trường hợp bên A không đảm bảo công tác thanh toán cho bên B theo đúng quy định tại Điều 4 Hợp đồng này;

Điều 6. BẢO MẬT

- Các bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt hời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này;

- Mỗi bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia;

Điều 7: SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của hợp đồng này có thể sửa đổi theo thoả thuận bằng văn bản của các bên;

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;

- Nếu một trong hai bên vì lý do nào đó muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo bằng văn bản cho bên kia ít nhất trước 30 ngày dự tính chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, bên B có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận từ bên kia sau khi đã khấu trừ các khoản phí phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có);

Điều 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hoà giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và hợp tác;

- Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hoà giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán xét của toà án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán án phí;

Điều 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các thảm hoạ khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do dự kiện bất khả kháng gây ra;

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình;

Điều 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Khi có sự thay đổi về giá dịch vụ môi trường thì hai bên thỏa thuận điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định.

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì mặc nhiên hợp đồng được hoàn thành và tự động thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng việt có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÓC SƠN
GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Thị Thu Hà	Nguyễn Thị Minh Tâm

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

HỢP ĐỒNG

MUA BÁN ĐIỆN

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

Ủy quyền thực hiện CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN

(Bên bán điện)

và

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

Lộ 477E1.19-1600kVA-22/0,4kV-TI:2500/5A-PD09931

PD09000349997

(Bên mua điện)

Số hợp đồng

2	1	0	9	1	0	0	9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (TP) 0 1 Mã huyện (quận) 0 1 6 Mã loại HĐ 2 Số Hợp đồng 2 1 / 0 9 1 0 0 9

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Mục đích sử dụng điện: Thi công xây dựng.

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện và khả năng cung cấp điện của Bên bán điện,

Hôm nay, ngày **20** tháng **5** năm **2021**, chúng tôi gồm:

Bên bán điện (Bên A): Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội

Địa chỉ: Số 69 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Đại diện là ông (bà): Nguyễn Hữu Bình Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực Sóc Sơn

Ủy quyền thực hiện: Công ty Điện lực Sóc Sơn

Địa chỉ giao dịch: **Số 36 đường Đa Phúc, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội**

Số điện thoại: 024.19001288 Số Fax: **024.38850754**

Email: ..... Website: .....

Tài khoản số: **3160211-000013** Tại Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam-Chi nhánh Sóc Sơn

Mã số thuế: **0100101114-011** Số điện thoại CSKH: 19001288-024.22222000

Theo văn bản uỷ quyền số: 8027/UQ-EVN HANOI ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội

Bên mua điện (Bên B): Công ty TNHH xây dựng và thương mại ngọc Hà

Địa chỉ giao dịch: **Thôn Đông Lai, xã Quang Tiên, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc doanh nghiệp số: .....do .....cấp ngày.....

Số điện thoại: **02433335577** Số Fax:

Email nhận hoá đơn: **ngocha2013@gmail.com**

Số điện thoại tin nhắn: **0913091291**

Mã số thuế: **0100957353**

Tài khoản số: Tại Ngân hàng:

Đại diện là ông: **Phạm Thị Thu Hà**

Chức vụ: **Giám đốc**

Theo văn bản uỷ quyền:

Số CMT/ hộ chiếu: **001186001073** cấp ngày: **09/6/2014** tại: **Cục cảnh sát**

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện với những nội dung sau:

Điều 1. Nội dung cụ thể

1. Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng này và áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ, CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo Hợp đồng này. Các Phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

2. Mua bán điện năng:

Địa điểm sử dụng điện, mục đích sử dụng điện, điểm đấu nối cấp điện, điểm đo đếm điện, ngày ghi chỉ số công tơ, giá điện, chế độ sử dụng điện và các nội dung khác được ghi chi tiết tại phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

a) Không bảo đảm thực hiện hợp đồng ☒

b) Có bảo đảm thực hiện hợp đồng ☐

- Bảo lãnh ngân hàng ☐ Số tiền ..... đồng.

- Đặt cọc ☐ Số tiền ..... đồng.

Trường hợp Bên B phải bảo đảm thực hiện hợp đồng, thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này.

4. Hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng:

a) Hình thức thanh toán:

☒ Chuyển khoản ☐ Tiền mặt ☒ Hình thức khác: Ủy nhiệm chi, điện tử.

b) Thời hạn thanh toán: Không quá 07 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu.

5. Hình thức thông báo

a) Thanh toán tiền điện, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí đóng cắt … một trong các hình thức: văn bản, fax, điện thoại, thư điện tử, tin nhắn SMS hoặc khách hàng tự truy cập trên trang Web: http://cskh.evnhanoi.com.vn và các ứng dụng chăm sóc khách hàng.

b) Tạm ngừng, giảm cung cấp điện, một trong các hình thức: văn bản, fax, điện thoại, thư điện tử, tin nhắn SMS, phương tiện thông tin đại chúng hoặc khách hàng tự truy cập trên trang Web: http://cskh.evnhanoi.com.vn và các ứng dụng chăm sóc khách hàng.

c) Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp đồng:

☐ Số ĐT nhận tin nhắn: Theo thông tin đăng ký của khách hàng

☐ Email: Theo thông tin đăng ký của khách hàng

☒ Hình thức khác: Như điểm a khoản 5 của điều này hoặc do hai bên thỏa thuận.

Điều 2. Những thỏa thuận khác

1. Trường hợp bên B mua điện trạm biến áp là tài sản của bên B: Nếu bên B sử dụng điện nhỏ hơn 30% công suất định mức của máy biến áp trong 6 tháng liên tục thì bên B có trách nhiệm thay máy biến áp phù hợp với công suất sử dụng điện.

2. Bên A được phép đơn phương chấm dứt HĐMBĐ trong các trường hợp bên B đã sang tên đổi chủ nhà ở hoặc đất ở theo quy định của pháp luật, đã thanh toán hết các khoản nợ cho bên A và bên B không có ý kiến gì khác bằng văn bản sau 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết nợ.

3. Bên B tự chịu trách nhiệm sử dụng đất đúng quy định. Trường hợp vi phạm, bên A được phép ngừng cấp điện và chấm dứt HĐMBĐ theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B chịu trách nhiệm về an toàn dây sau công tơ và tài sản của bên B tại nơi sử dụng điện đồng thời thực hiện đúng quy định về Phòng cháy chữa cháy. Trường hợp vi phạm, bên A được phép ngừng cấp điện đến khi đảm bảo an toàn theo quy định.

5. Tại Khoản 2 điều 11 phần Các điều khoản chung, hai bên thống nhất khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Điều 3. Thời hạn và hiệu lực của Hợp đồng:

1. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng, thời hạn của Hợp đồng này trong thời gian ***05 năm*** bắt đầu từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được thực hiện bằng cách ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung. Phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng là một bộ phận không tách rời với Hợp đồng này. Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong Hợp đồng này thì điều khoản đó trong Hợp đồng này đã được sửa đổi.

3. Hợp đồng có hiệu lực: HĐMBĐ có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản./.

BÊN B	**BÊN A**
(ký tên và đóng dấu)	*(ký tên và đóng dấu)*
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu Hà	Nguyễn Hữu Bình

CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện số 21/091009)

1. Địa điểm sử dụng điện: xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

2. Mục đích sử dụng điện: Thi công xây dựng

3. Điểm đấu nối cấp điện: TBA Ngọc Hà lộ 477E1.19

4. Công suất sử dụng cực đại: 1.390 kW

5. Mua công suất phản kháng (CSPK) Có ☒ Không ☐

Trường hợp Bên B mua CSPK thực theo hiện quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

6. Thời gian bắt đầu cấp điện: Kể từ ngày treo tháo công tơ lần đầu tiên.

Điện áp: 22/0.4 kV

7. Thiết bị đo đếm điện: Số điểm đo: PD09000349997001

Điểm đo	Thiết bị đo đếm điện	Loại/ Tỷ số	Cấp chính xác	Hệ số nhân	Sở hữu	T.nhiệm Q.Lý
1	Công tơ	3x5(10)A 3x58/415V	0.5	500	Bên A	Bên A
	Tu					
	Ti	2500/5A	0.5		BÊN B	BÊN B
2	Công tơ					
	Tu					
	Ti					

Vị trí xác định chất lượng điện: Trong điều kiện bình thường được xác định tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện năng.

8. Ghi chỉ số công tơ: **03** kỳ/tháng

- Kỳ 1 ghi ngày; **07** Kỳ 2 ghi ngày; **17** Kỳ 3 ghi ngày; **29**

- Hình thức ghi chỉ số công tơ: ghi chỉ số công tơ từ xa: ***Bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp qua hệ thống thu thập số liệu đo đếm từ xa.***

9. Giá bán điện: Với hệ thống đo đếm đặt tại cấp điện áp 22/0.4kV giá bán điện được thống nhất theo biểu sau:

Điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế GTGT (đ/kWh)			
			Không theo thời gian	Theo thời gian		
				Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
01	Thi công xây dựng	100%		1685	3076	1100

10. Ranh giới sở hữu tài sản công trình cấp điện: Điểm đấu cao thế tại Lộ 477E1.19 trở về nơi sử dụng điện là tài sản của bên mua điện (trừ công tơ).

Kể cả MBA: 1600kVA-22/0,4kV

11. Ranh giới quản lý vận hành công trình cấp điện cho Bên B: Bên A và Bên B tự chịu trách nhiệm quản lý an toàn phần công trình điện thuộc sở hữu tài sản của mình. Trường hợp có thỏa thuận khác về quản lý vận hành công trình điện, hai bên sẽ ký kết hợp đồng riêng.

12. Hồ sơ kỹ thuật liên quan được kèm theo là Phụ lục của Hợp đồng này:

a) Bản vẽ sơ đồ cấp điện từ điểm đấu nối vào lưới điện hạ thế về đến nơi sử dụng điện của Bên B;

b) Bản vẽ sơ đồ 1 sợi lưới điện từ điểm đấu nối vào lưới điện của Bên A về đến máy biến áp cấp điện cho Bên B, bao gồm: Sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị; Sơ đồ nối điện chính;

c) Bảng kê thiết bị sử dụng điện;

Phụ lục 1

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện số 21/091009)

CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

1. Bên B mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại Hợp đồng này từ 40 kW trở lên và có hệ số công suất cosφ< 0,9 phải mua công suất phản kháng theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BCT ngày 28/5/2014 của Bộ Công Thương quy định về mua, bán công suất phản kháng.

2. Chế độ sử dụng điện của Bên B theo biểu đồ phụ tải với các thông số cơ bản sau:

a) Công suất và sản lượng điện sử dụng:

- Công suất sử dụng trung bình ngày (Ptb): 800 kW
- Công suất sử dụng lớn nhất trong ngày (Pmax): 1.390 kW
- Công suất sử dụng nhỏ nhất trong ngày (Pmin): 200 kW
- Sản lượng điện sử dụng trung bình một tháng (Atb) ≤ 252.342 kWh/tháng
- Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm:

+ Từ 09h30 đến 11h30: 1.390 kW

+ Từ 17h00 đến 20h00: 200 kW

Biểu đồ phụ tải điển hình, hoặc các biên bản thoả thuận: Công suất sử dụng giờ cao điểm sáng (từ 09h30 đến 11h30) và công suất sử dụng giờ cao điểm tối (17h00 đến 20h00), các phương án giảm mức sử dụng điện; chế độ ca vận hành thiết bị điện theo từng thời gian được kèm theo và là Phụ lục của Hợp đồng này.

b) Chế độ sử dụng điện theo thời gian

- Giờ hành chính: .....
- Theo ca: .....

Ca 1: Từ ..... đến .....

Ca 2: Từ ..... đến .....

Ca 3: Từ ..... đến .....

Ngày nghỉ trong tuần:

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Sơn, *ngày 20 tháng 5 năm 2021*

Số: .....

BIÊN BẢN
Về việc thỏa thuận tỷ lệ giá bán điện

Căn cứ:
- Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;
- Nghị định 137/2013/NĐ-CP, ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;
- Thông tư giá bán điện và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Mục đích sử dụng điện thực tế của khách hàng.

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện: Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội.
Địa chỉ: Số 69 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Đại diện là Ông (Bà): Nguyễn Hữu Bình Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực Sóc Sơn
Theo giấy uỷ quyền số: 8027 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công Điện lực TP Hà Nội
Địa chỉ: Số 36 đường Đa Phúc, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội
Số điện thoại: 024.38847999

Bên mua điện: Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Ngọc Hà
Địa chỉ: Thôn Đồng Lai xã Quang Tiến Huyện Sóc Sơn Hà Nội
Đại diện là Ông (Bà): Phạm Thị Thu Hà Chức vụ: Giám đốc
Số CMND: 001186000175 Nơi cấp: Bộ Công An Ngày cấp: 9/6/2014
Theo giấy uỷ quyền số:..... ngày .... tháng .... năm ..... của .....
Địa chỉ dùng điện: Đồng Lai Quang Tiến - Sóc Sơn Số điện thoại: 0913091291

Cùng nhau thoả thuận và thống nhất xác định tỷ lệ điện năng (lượng điện năng) theo từng mục đích sử dụng điện, cụ thể như sau:

Số công tơ	Mã ghi chỉ số	Áp dụng từ chỉ số	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ % hoặc kWh	Giá bán điện chưa có thuế GTGT(đ/kWh)			
					Không theo thời gian	Theo thời gian		
						Giờ BT	Giờ CĐ	Giờ TĐ
15016354			Sản xuất thi công	100 %		1685	3076	1100.
			xây dựng					

Biên bản này được lập thành hai bản như nhau, có hiệu lực kể từ ngày ký và được lưu làm phụ lục hồ sơ hợp đồng mua bán điện.
- Bên Bán điện giữ 01 bản.
- Bên Mua điện giữ 01 bản.

BÊN MUA ĐIỆN	**BÊN BÁN ĐIỆN**	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký tên, đóng dấu)	(Ký và ghi rõ họ tên)
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	
Phạm Thị Thu Hà	Nguyễn Hữu Bình	Phạm Ngọc Thanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ
Thiết bị sử dụng điện

Tên khách hàng mua điện: ..Công ty TNHH XD và TM Ngọc Hà.....
Địa chỉ nơi sử dụng điện: ..Thôn Đồng Lai xã Quang Tiến Huyện Sóc Sơn HN
Tổng công suất lắp đặt: ..1390.. kW; Cấp điện áp sử dụng: ..22/0,4...kV
Công suất sử dụng cao nhất: 1210..... kW; Công suất sử dụng trung bình: ..810..kW.

Mục đích sử dụng điện *(sản xuất, KDDV, sinh hoạt....)*	Loại thiết bị	Công suất (kW)	Số lượng	Tổng cộng (kW)
Sản xuất thi công xây dựng	Các thiết bị phục vụ thi công xây dựng	1390	01	1390
				E = 1390 kW

Sóc Sơn , ngày 20 tháng 5 năm 2021

KHÁCH HÀNG MUA ĐIỆN
(ký tiện và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ
M.S.D.N: 0100957353 C.T.T.N.H.H THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu Hà

NGƯỜI THỐNG KÊ
(ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Thuần

BIỂU ĐỒ ĐĂNG KÝ CÔNG SUẤT SỬ DỤNG TRONG NGÀY

Tên Khách hàng: Công ty TNHH XD và TM, Ngọc Hà
Địa chỉ dùng điện: Thôn Đồng Lai - Quang Tiến - Sóc Sơn - Hà Nội.
Trạm biến áp:

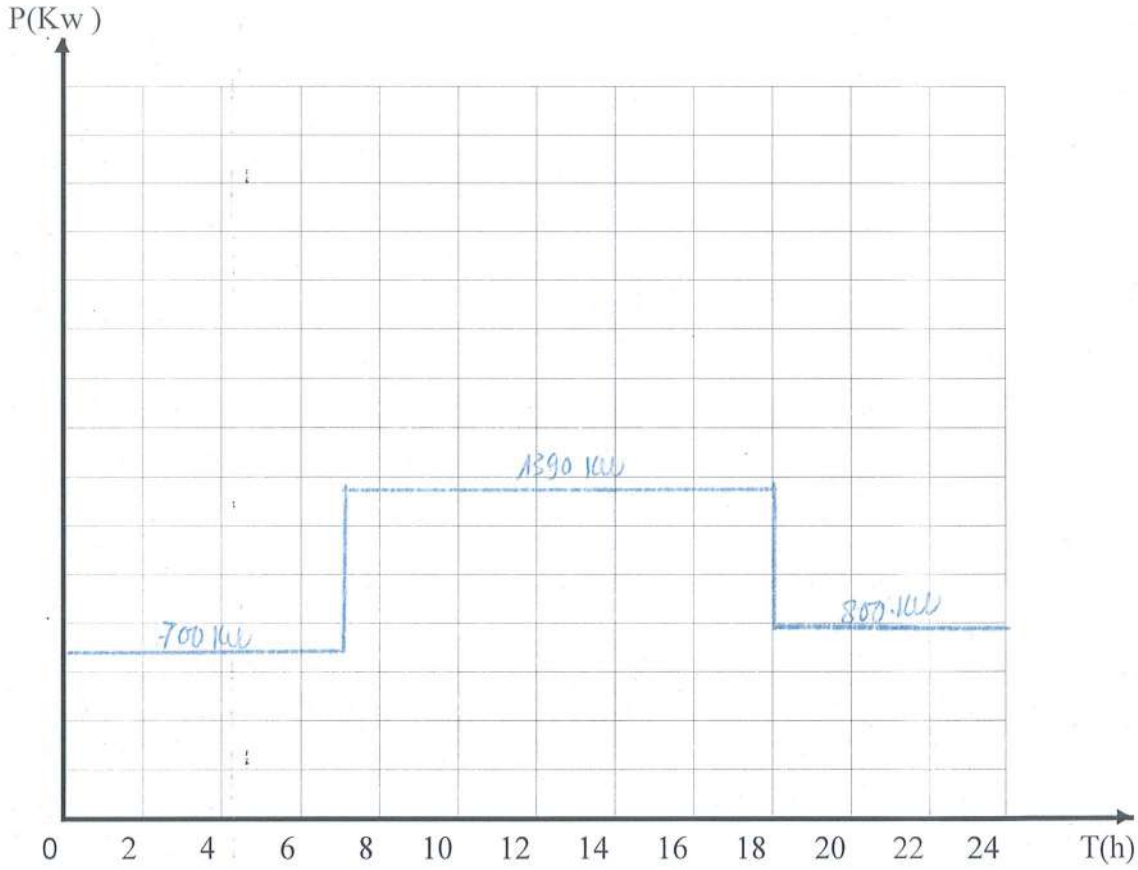

Công suất sử dụng trung bình ngày Ptb: 800 kW
Công suất sử dụng lớn nhất trong ngày Pmax: 1390 kW
Công suất sử dụng nhỏ nhất trong ngày Pmin: 700 kW
Lượng điện năng sử dụng trung bình tháng Atbt kWh/tháng
Lượng điện năng sử dụng trung bình ngày Atbn kWh/ngày
Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm ngày Pcđn (9h30÷11h30): kW
Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm tối Pcđt(17h00÷20h00): kW

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Khách hàng mua điện

(Ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ
M.S.D.N: 0100957353 - C.T.T.N.H.H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu Hà

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Kèm theo Hợp đồng

Số | | | | | | | | |

Điều 1. Chất lượng điện năng

Điện áp và tần số phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

Điều 2. Đo đếm điện năng

1. Điện năng sử dụng được xác định qua chỉ số công tơ điện và hệ số nhân của thiết bị đo đếm điện. Hệ số nhân được thống nhất trong biên bản treo tháo thiết bị đo đếm điện.

2. Khi treo, tháo thiết bị đo đếm điện Bên A và Bên B phải cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của thiết bị đo đếm điện và chỉ số công tơ điện; Biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm là Phụ lục của Hợp đồng này.

3. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ thiết bị đo đếm điện đặt trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện thiết bị đo đếm bị mất hoặc bị hỏng thì hai Bên lập biên bản xác định nguyên nhân và trách nhiệm sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường.

4. Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của Bên A và phải chịu chi phí di chuyển.

Điều 3. Ghi chỉ số công tơ

Trường hợp ngày ghi chỉ số công tơ thay đổi so với quy định tại Mục 8 Các điều khoản cụ thể của Hợp đồng; Bên A thông báo cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp đồng.

Điều 4. Giá điện

1. Giá điện thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên B đăng ký, Bên A áp dụng mức giá tương ứng với đối tượng theo quy định được ghi tại Mục 9 Các điều khoản cụ thể của Hợp đồng.

2.Trong quá trình sử dụng điện Bên B có thay đổi mục đích sử dụng điện hoặc mức sử dụng điện của từng mục đích làm thay đổi giá bán điện, Bên B phải thông báo cho Bên A trước 15 ngày để điều chỉnh đối tượng áp dụng giá điện. Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện là Phụ lục Hợp đồng.

3. Khi giá điện thay đổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì giá mới được áp dụng và hai bên không phải ký lại Hợp đồng.

Điều 5. Mua công suất phản kháng

Bên B mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại Hợp đồng này từ 40kW trở lên và có hệ số công suất $\cos\phi<0,9$ phải mua công suất phản kháng theo quy định tại Thông tư số15/2014/TT-BCT ngày 28/5/2014 của Bộ Công Thương quy định về mua, bán công suất phản kháng.

Điều 6.Thanh toán

1. Bên B phải thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền bồi thường và tiền phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên A bằng tiền Việt Nam theo hình thức và trong thời hạn theo thỏa thuận tại Khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng. Số lần thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng tương ứng với số lần ghi chỉ số công tơ trong tháng.

2. Bên B có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền ghi trong hóa đơn. Quá thời hạn theo thỏa thuận mà chưa thanh toán thì:

a)Trường hợp Bên B thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận tại Điểm b Khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng: Bên A có quyền khấu trừ tiền đặt cọc hoặc yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nếu số tiền đặt cọc hoặc số tiền được bảo lãnh chưa thanh toán đủ. Bên B phảithanh toán nốt số tiền còn thiếu và phải trả thêm cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên A.

Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày phải thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Sau15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên nếu Bên B chưa thanh toán đủ, Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện. Bên A sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, nộp đủ tiền đặt cọc hoặc nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Ngân hàng phát hành và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

b) Các trường hợp khác: Khi Bên A đã thông báo 02 lần mà Bên B vẫn không thanh toán thì sau 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, Bên A có quyền ngừng cấp điện. Bên A sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên A và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày Bên B phải thanh toán đến ngày Bên B thanh toán.

3.Trường hợp Bên B được bồi thường và phạt: Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền bồi thường và tiền phạt (nếu có) trong thời hạn 15 ngày. Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán đủ thì Bên B có quyền chậm trả tiền mua điện các tháng kế tiếp cho đến khi đủ số tiền được bồi thường, tiền phạt và Bên B không phải chịu xử lý do chậm trả tiền điện. Khi Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ số tiền phải bồi thường, tiền phạt (nếu có), thì Bên B phải thanh toán ngay cho Bên A số tiền điện đã giữ lại, quá thời hạn theo thỏa thuận tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng mà Bên B chưa thanh toán, Bên B phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả cho Bên A và Bên A được ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

a) Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác; bảo dưỡng; sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra; ghi chỉ số công tơ và liên hệ với Bên B;

b) Bên A được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Thông tư số

30/2013/TT-BCTngày14/11/2013 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm cung cấp điện;

c) Được Bên B cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện (áp dụng đối với khách hàng là đơn vị bán lẻ điện);

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp điện năng đảm bảo chất lượng điện theo quy định, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của cơ quan điều tiết điện lực;

b)Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện sau 02 giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên B về sự cố lưới điện do Bên A quản lý; trường hợp không thực hiện được trong thời hạn trên thì phải thông báo cho Bên B về nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;

c) Bồi thường thiệt hại cho Bên B những thiệt hại trực tiếp do lỗi chủ quan của BênAgây ra, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

a)Được cung cấp đủ công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng;

b)Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;

c)Được bồi thường thiệt hại do Bên A gây ra theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

d)Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;

e) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động điện lực của BênA;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Sử dụng điện đúng mục đích, đúng công suất, điện năng đã thoả thuận tại Hợp đồng này;

b)Thanh toán tiền điện đầyđủ, đúng thời hạn và các khoản thu phát sinh khác theo thoả thuận trong Hợp đồng;

c)Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên A trong các trường hợp Bên A ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Hợp đồng này;

d)Thông báo cho Bên A biết chậm nhất 05 ngày trước thời điểm ngừng sử dụng điện khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện, chậm nhất 15 ngày trước thời điểm chấm dứt hợp đồng khi có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng;

e)Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

f)Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng, ghi chỉ số công tơ;

g) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện; thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện;

h) Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm

1. Bên A cam kết bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 31 Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Mức phạt bằng 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị hoàn trả, được xác định theo hành vi vi phạm.

2. Bên B cam kết bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 28, Điều 30, Điều 32 Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Mức phạt bằng 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị bồi thường, được xác định theo hành vi vi phạm.

Điều 10. Bất khả kháng và miễn trách nhiệm

1. Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm khi xảy ra các trường hợp quy định tại Điều 294 Luật Thương mại; Bên vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm và chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm.

2. Bất khả kháng

a) Bất khả kháng là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của bên bị ảnh hưởng, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 156 Bộ Luật dân sự.

b)Thông báo Bất khả kháng: Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn một (01) ngày kể từ khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng. Thông báo phải bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của bên bị ảnh hưởng và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

Bên bị ảnh hưởng phải cung cấp các báo cáo thường xuyên cho bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

c) Hậu quả của Bất khả kháng: Không bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi xảy ra Bất khả kháng.

d) Nếu một bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng trong vòng 180 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, Các bên sau đó có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn phải gửi văn bản thông báo cho bên kia trước ít nhất 60 ngày thời điểm muốn chấm dứt Hợp đồng.

e) Các nghĩa vụ phát sinh trước khi xảy ra Bất khả kháng đều không được miễn trừ.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì có thể đề nghị Sở Công Thương nơi CTĐL/ĐL đặt trụ sở giao dịch hoặc Cục Điều tiết Điện lực tổ chức hòa giải.

2. Trong trường hợp không đề nghị hòa giải hoặc hòa giải không thành, một trong hai bên hoặc các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Trong thời gian chờ giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán tiền điện và Bên A không được ngừng cấp điện.

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

1.Trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

a)Theo thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn của hai bên.

b) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp:

- Bên B không sử dụng điện liên tục quá 06 tháng mà không thông báo trước cho Bên A.

- Bên B không có ý kiến khác sau 15 ngày kể từ ngày BênAcóđề nghị chấm dứt HĐMBĐ.

- Bên B không còn quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với địa điểm mua điện nêu tại Hợp đồng này.

- Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh cá thể bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc phá sản,... theo quy định pháp luật; Bên mua điện là cá nhân mất quyền công dân hoặc chết không có người thay thế hợp pháp.

Bên A phải thông báo bằng văn bản tới Bên B chậm nhất là 15 ngày trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

2. Khi Hợp đồng này còn trong thời hạn hiệu lực mà Bên B có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thì: Bên A thực hiện ngừng cung cấp điện cho Bên B từ thời điểm theo yêu cầu của Bên B, đồng thời hai bên tiến hành các thủ tục chấm dứt Hợp đồng trong thời hạn 02 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng theo yêu cầu của Bên B.

3. Bên A thông báo cho Bên B chậm nhất trước 30 ngày Hợp đồng này hết thời hạn hiệu lực hoặc thời hạn đã gia hạn của Hợp đồng về việc hết thời hạn Hợp đồng, để hai bên tiến hành chấm dứt Hợp đồng. Bên A thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên không có thoả thuận ký lại Hợp đồng hoặc gia hạn Hợp đồng này.

Điều 13. Nguyên tắc áp dụng luật

1. Luật điều chỉnh Hợp đồng này là pháp luật Việt Nam.

2. Các nội dung không quy định trong Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong Hợp đồng này, mọi dẫn chiếu liên quan đến bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào sẽ bao gồm những văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế văn bản đó.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG &THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41 /CV-CTNH *V/v:Giải trình việc chấp hành xử phạt HC về môi trường theo CV số 1451/UBND-NNMT ngày 23/6/2025 của UBND huyện Sóc Sơn.*	Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2025

Kính gửi: **Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội**

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp & Môi trường Hà Nội tại Thông báo về việc bổ sung hồ sơ số 1347/TB-SNNMT ngày 28/8/2025, Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Ngọc Hà là chủ đầu tư Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà tại Thôn Đông Lai, xã Nội Bài TP Hà Nội, xin được giải trình về việc chấp hành xử phạt hành chính về lĩnh vực môi trường theo CV số 1451/UBND-NNMT ngày 23/6/2025 của UBND huyện Sóc Sơn như sau:

Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà" thuộc đối tượng phải xin cấp Giấy phép môi trường. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cho Dự án là UBND huyện Sóc Sơn (cũ).

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Dự án nhận được văn bản số 1451/UBND-NNMT ngày 23/6/2025 của UBND huyện Sóc Sơn thông báo về việc sẽ bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường trước khi UBND huyện Sóc Sơn xem xét cấp Giấy phép môi trường cho công ty theo quy định của pháp luật. Ngay tại thời điểm đó chủ đầu tư đã tuân thủ việc chấp hành. Tuy nhiên, trong bối cảnh bộ máy chính quyền địa phương sắp xếp lại từ ba cấp chuyển thành hai cấp, chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025. Chính quyền mới không còn cấp huyện, nên cách thức thực hiện các thủ tục hành chính, cũng như các hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tới doanh nghiệp bị gián đoạn tới nay.

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà kính đề nghị Sở Nông nghiệp & Môi trường TP Hà Nội hướng dẫn để Chủ đầu tư sớm được thực hiện trách nhiệm trong việc tuân thủ pháp luật xử phạt hành chính về lĩnh vực môi trường theo CV số 1451/UBND-NNMT ngày 23/6/2025 của UBND huyện Sóc Sơn.

Kính mong sự quan tâm giúp đỡ của Quý Sở!

Công ty Ngọc Hà trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi: - *Như kính gửi;* - *Lưu VP Cty*	**CÔNG TY TNHH XD & TM NGỌC HÀ** **GIÁM ĐỐC** CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ **PHẠM THỊ THU HÀ**

PHỤ LỤC 1.2
BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

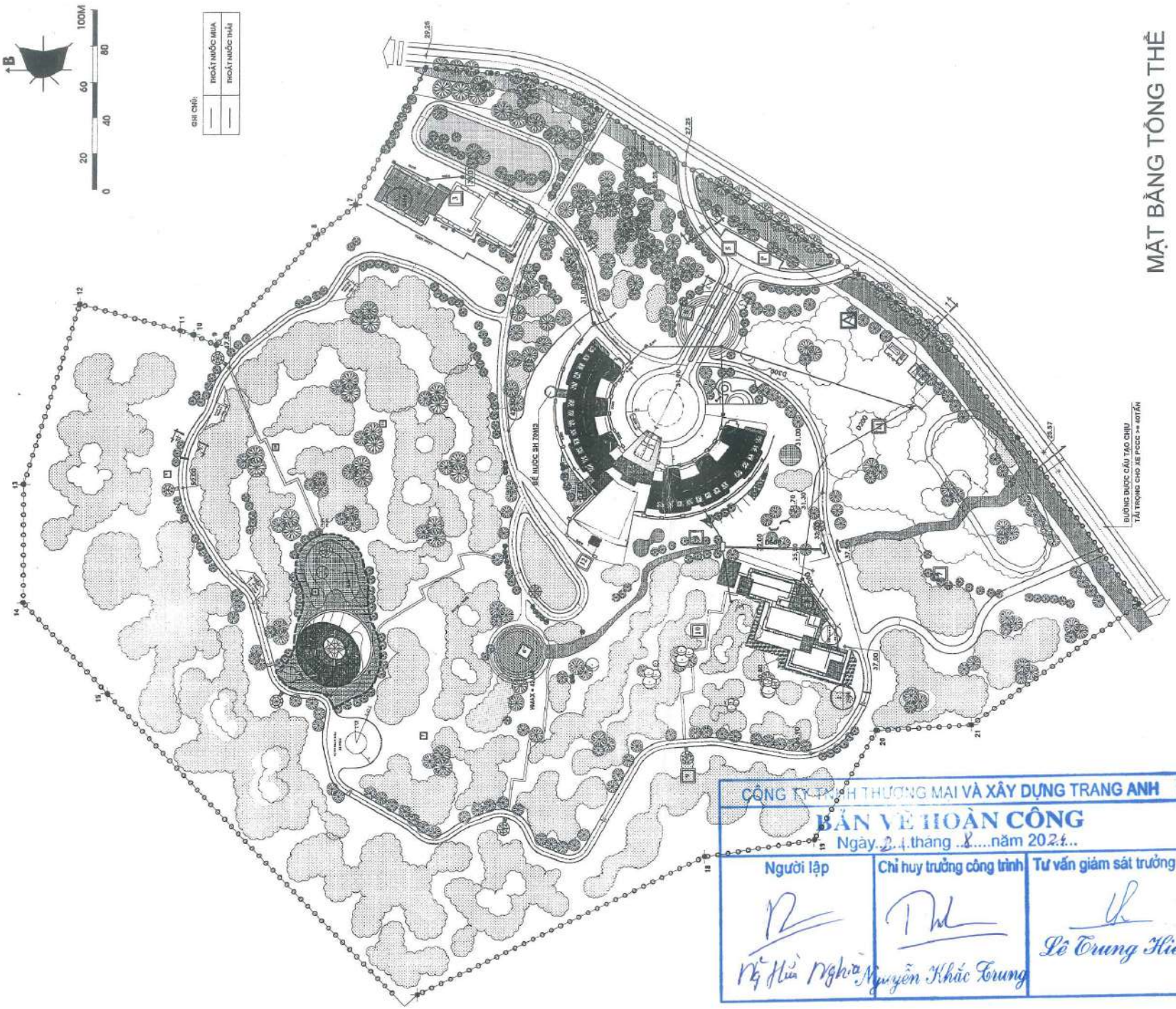

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TRANG ANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 24 tháng 8 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Nguyễn Hữu Nghĩa	Nguyễn Khắc Trung	Lê Trung Hiếu

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ - CIENT

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGỌC HÀ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

ĐỊA CHỈ: THÔN ĐỒNG LƯƠNG, XÃ ĐỒNG TIẾN - H. ĐỐC SỞN - TP. HÀ NỘI

DỰ ÁN

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

GÓI THẦU

THI CÔNG HẠ TẦNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ DỰ ÁN

MÃ BẢN VẼ ĐỒ ÁN

TỈ TRỌNG (A1 : 1/2)

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TRANG ANH

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TRANG ANH

ĐỊA CHỈ: P. TRUNG VĂN - Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC	LÊ THẾ HẢI
KIỂM TRA	NGUYỄN KHẮC TRUNG
NGƯỜI LẬP	NGUYỄN HỮU NGHĨA
HOÀN THÀNH	
NGÀY	

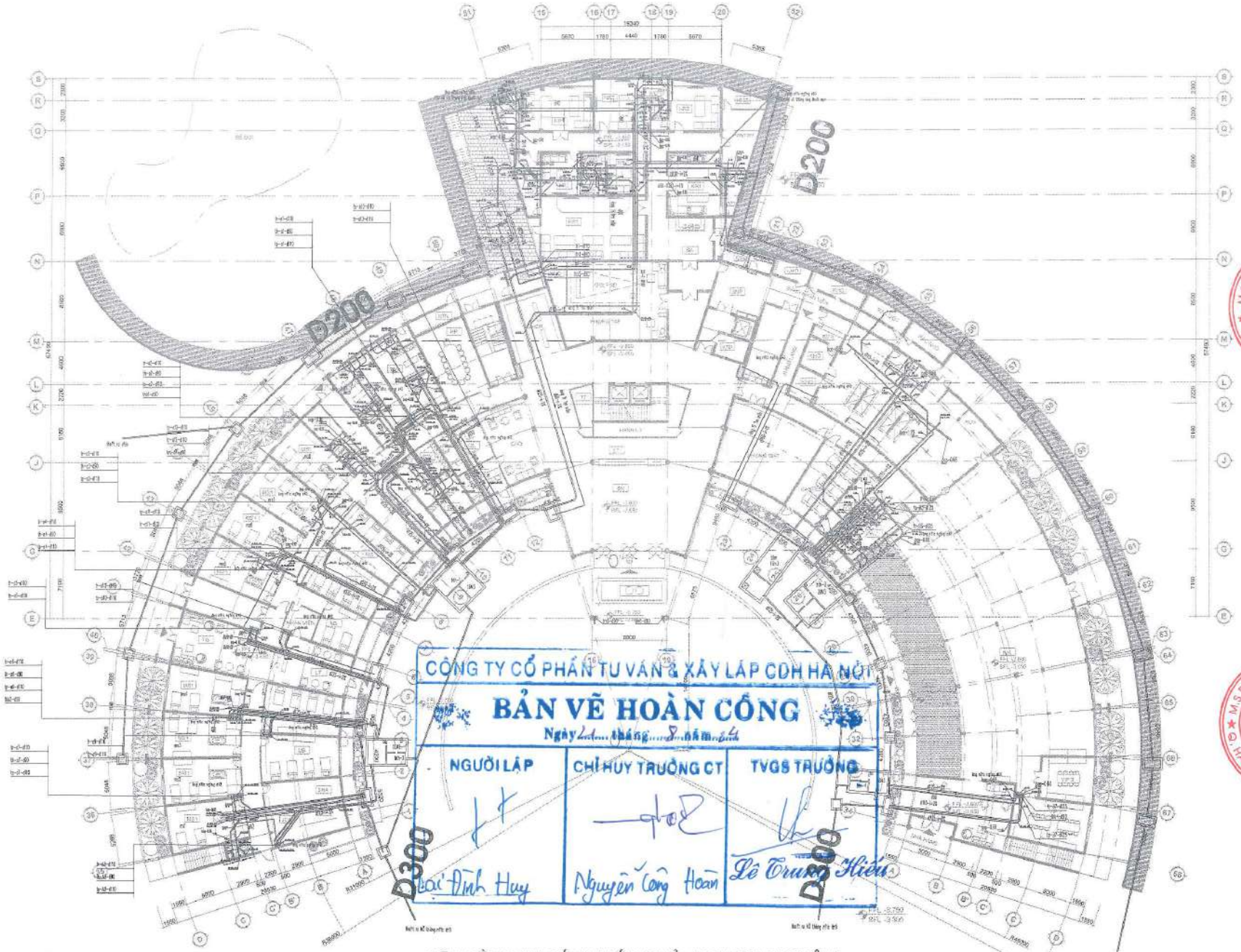

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 24 tháng 8 năm 24

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CT	TVGS TRƯỞNG
Lại Đình Huy	Nguyễn Công Hoàn	Lê Trung Hiếu

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI KHU TRUNG TÂM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ĐỒNG LAI, GIANG TIÊN, SÓC SƠN - HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

CẤP THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOCHA

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CP TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

M&E CONTRACTOR

ĐỊA CHỈ: TẦNG 5, TA MAC THỊ SƯỞI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI

GHI CHÚ:

NGƯỜI DUYỆT

NGUYỄN CÔNG HOÀN

NGƯỜI VẼ

LẠI ĐÌNH HUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI KHU TRUNG TÂM

TỶ LỆ:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH:	CTN/TT-01

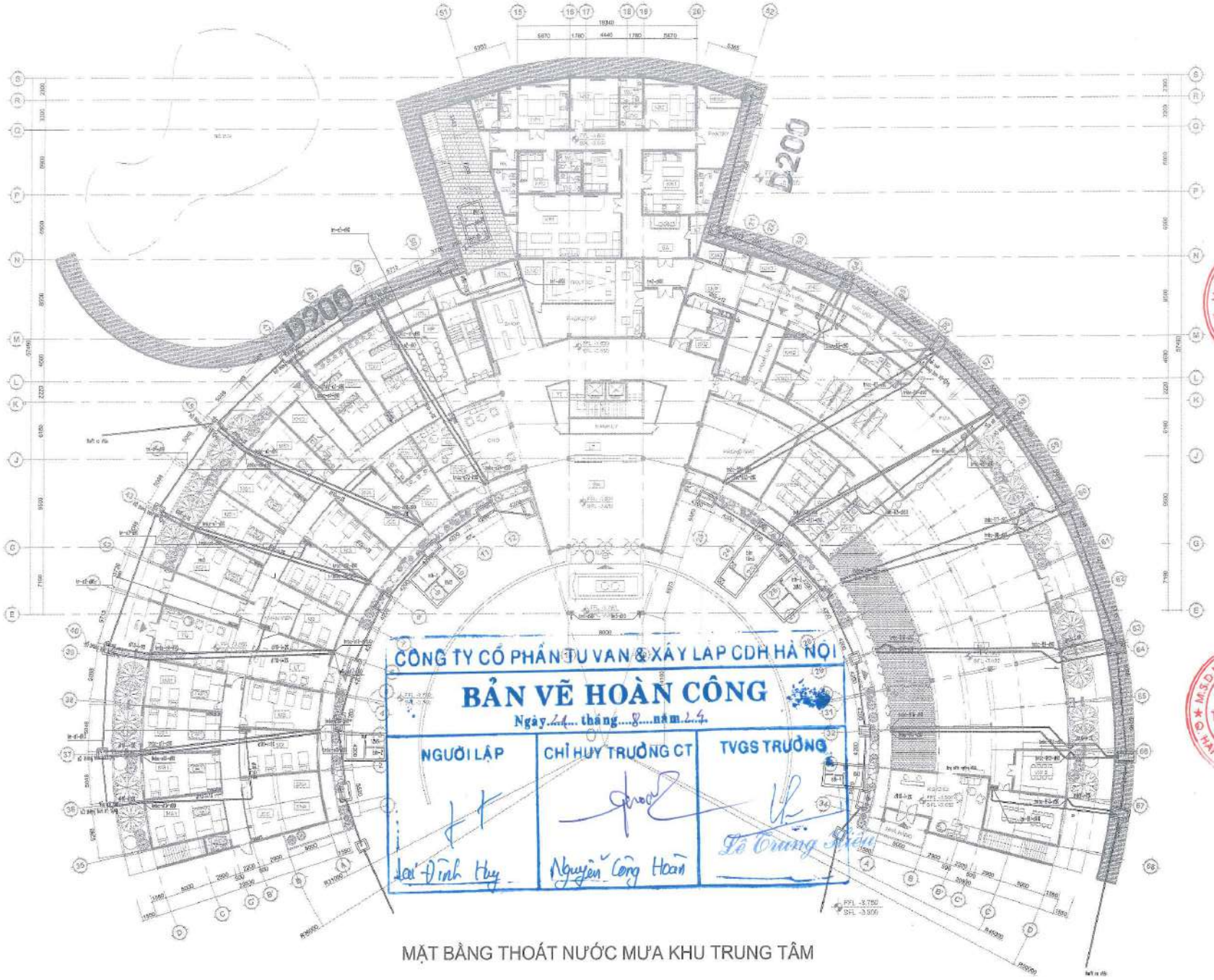

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA KHU TRUNG TÂM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ĐÔNG LẠI, QUANG TIẾN, SÓC SƠN - HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

CẤP THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ
M.S.D.N: 0100957353 - C.T.C.P - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGOCHA

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CP TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

CDH M&E CONTRACTOR

ĐỊA CHỈ: TẦNG 5, 7A MẠC THỊ BƯỞI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI

GHI CHÚ:

NGƯỜI DUYỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI
M.S.D.N: 0104174577 - C.T.C.P - HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN CÔNG HOÀN

NGƯỜI VẼ:

LẠI ĐÌNH HUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA KHU TRUNG TÂM

TỶ LỆ:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH:	CTN/TT-02

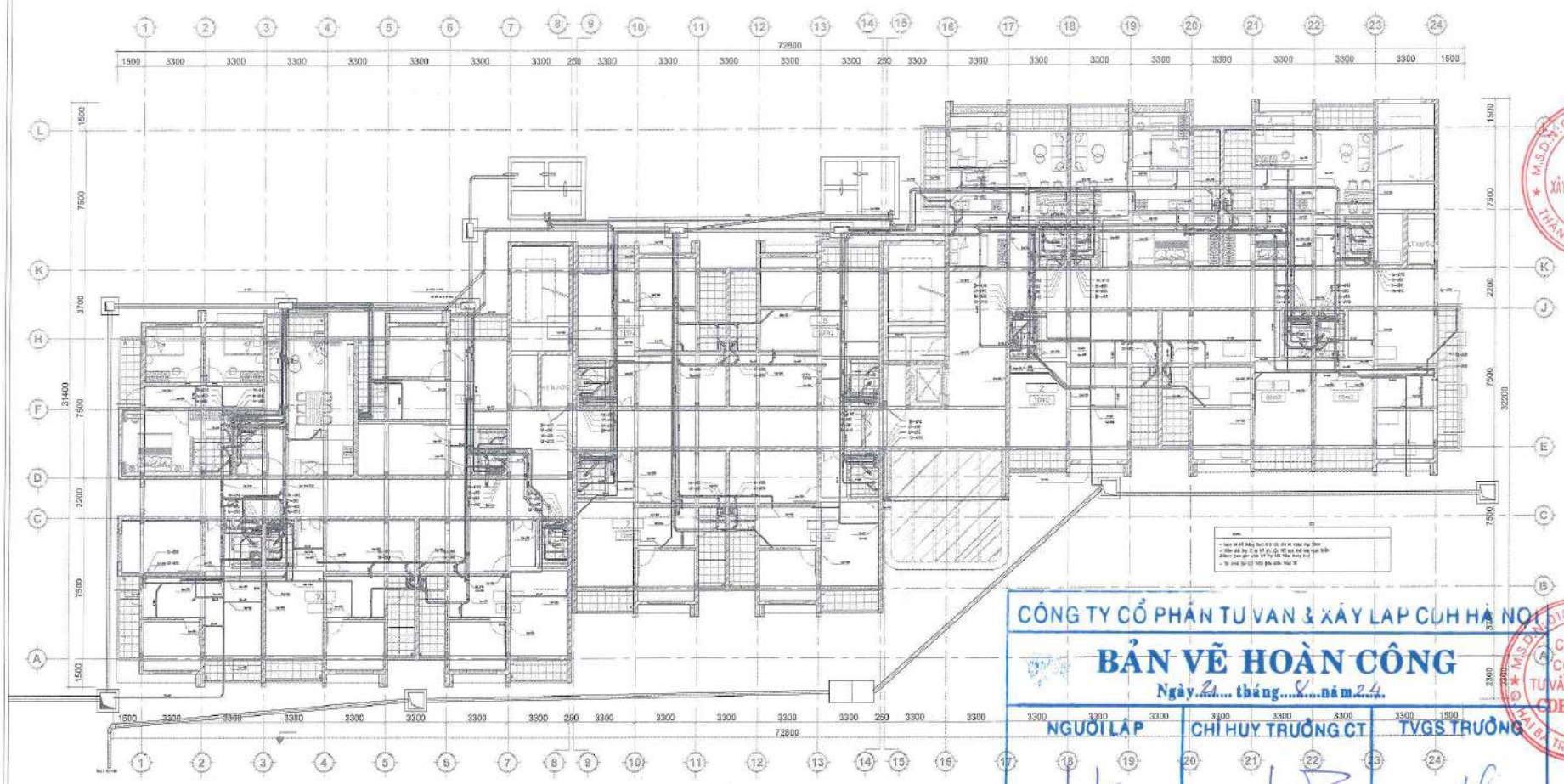

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21 tháng 8 năm 24

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CT	TVGS TRƯỞNG
Lại Đình Huy	Nguyễn Công Hoàn	Lê Trung Hiếu

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
KHU DỊCH VỤ VÀ NHÀ NGHỈ CHO NHÂN VIÊN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ĐỒNG LAI, QUANG TIẾN, SÓC SƠN - HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
CẤP THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA:
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NHÀ THẦU:
CÔNG TY CP TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

M&E CONTRACTOR

ĐỊA CHỈ: TẦNG 6, 2A MAC THỊ BƯỞI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI

GHI CHÚ:

NGƯỜI DUYỆT

NGUYỄN CÔNG HOÀN

NGƯỜI VẼ

LẠI ĐÌNH HUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI KHU DỊCH VỤ

TỶ LỆ:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH:	CTN/DV-01

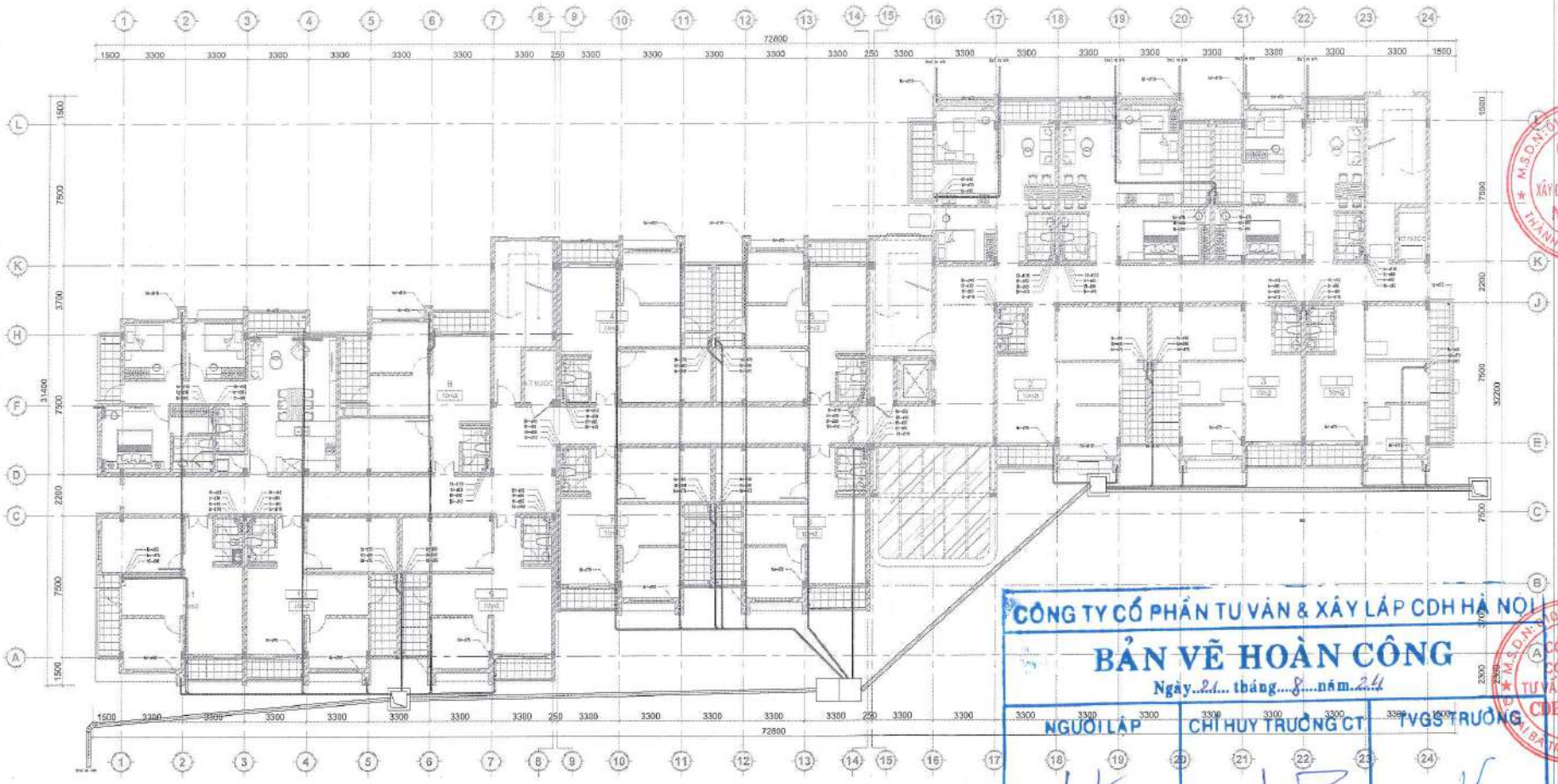

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 24 tháng 8 năm 24

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CT	TVGS TRƯỞNG
Lại Đình Huy	Nguyễn Công Hoàn	Lê Trung Hiếu

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
KHU DỊCH VỤ VÀ NHÀ NGHỈ CHO NHÂN VIÊN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
ĐÔNG LAI, QUANG TIẾN, SÓC SƠN - HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

CẤP THOÁT NƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NHÀ THẦU:

CÔNG TY CP TƯ VẤN & XÂY LẮP CDH HÀ NỘI

M&E CONTRACTOR

ĐỊA CHỈ: TẦNG 5, 7A MẠC THỊ BƯỞI, HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI

GHI CHÚ:

NGƯỜI DUYỆT

NGUYỄN CÔNG HOÀN

NGƯỜI VẼ:

LẠI ĐÌNH HUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA KHU DỊCH VỤ

TỶ LỆ:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH:	CTN/DV-02

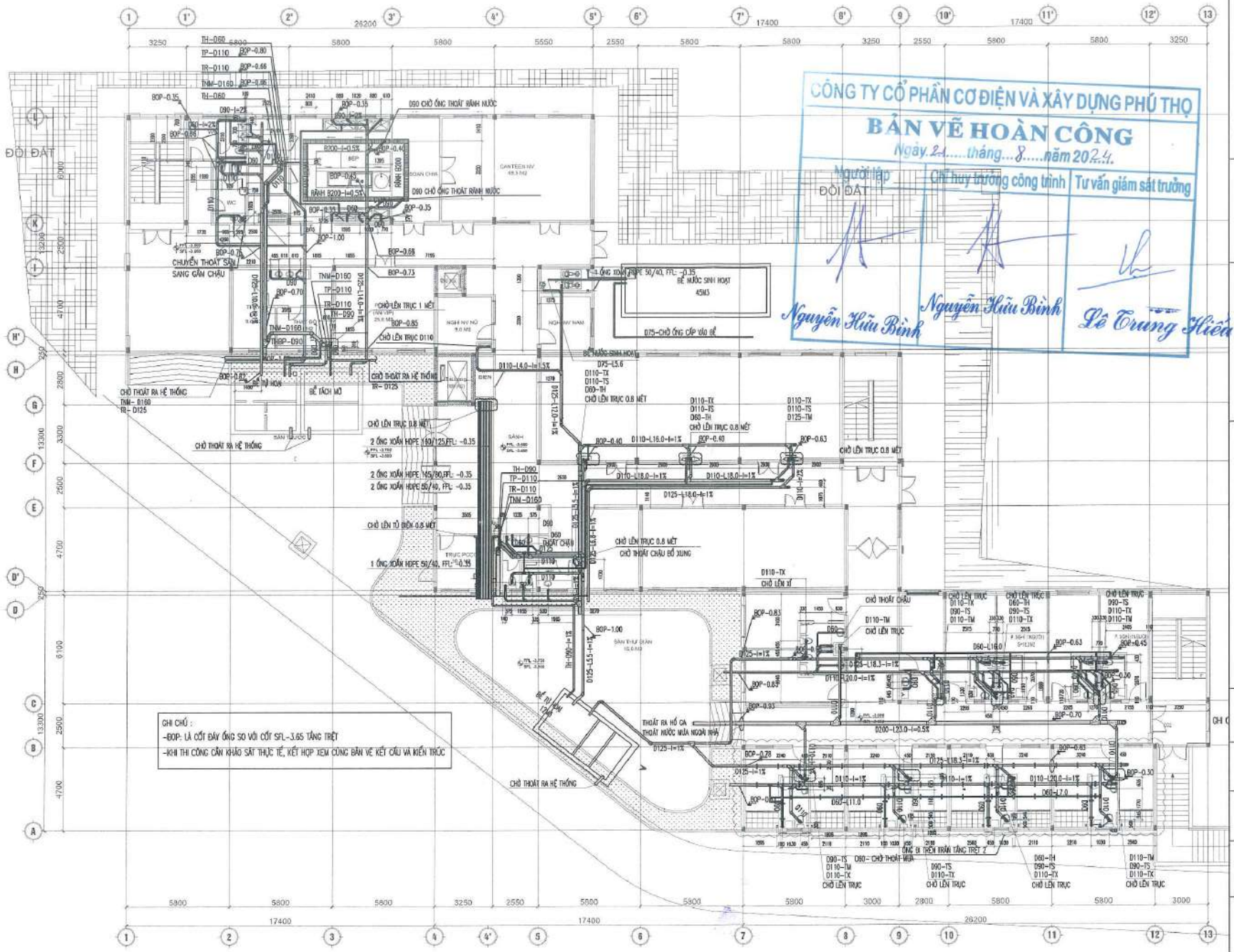

MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC PHẦN NGẦM KHU CHĂM SÓC ĐẶC BIỆT

NGỌC HÀ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

ĐC: ĐỒNG LAI, QUANG TIẾN - SÓC SƠN - HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐC: ĐỒNG LAI, QUANG TIẾN - SÓC SƠN - HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CHỦ ĐẦU TƯ CHẤP THUẬN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NHÀ THẦU THI CÔNG:

PHUTHOMEC., JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG PHÚ THỌ

ĐC: SỐ NHÀ 95, NGÕ 53, ĐƯỜNG CHÂU PHONG, P TÂN DÂN, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

CHỈ HUY TRƯỞNG: NGUYỄN HỮU BÌNH

KIỂM TRA: HOÀNG THẠCH HUÂN

NGƯỜI VẼ: NGUYỄN HỮU BÌNH

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC KHU CHĂM SÓC ĐẶC BIỆT

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC PHẦN NGẦM KHU CHĂM SÓC ĐẶC BIỆT

TỶ LỆ: | NGÀY GIAO:

TÊN FILE | HIỆU CHỈNH:

BẢN VẼ SỐ:

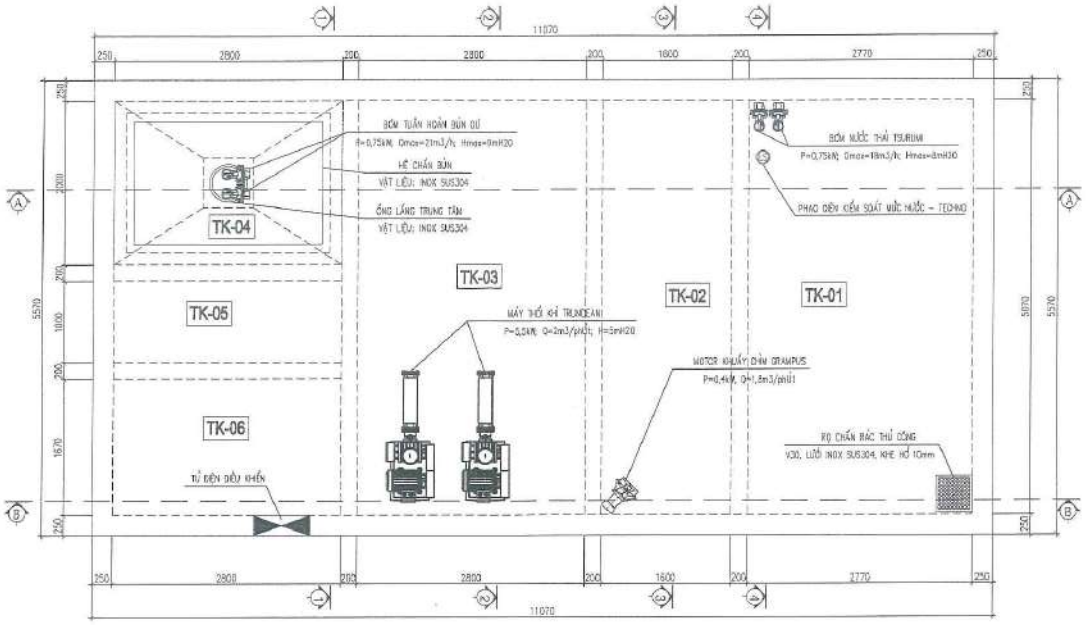

MẶT BẰNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

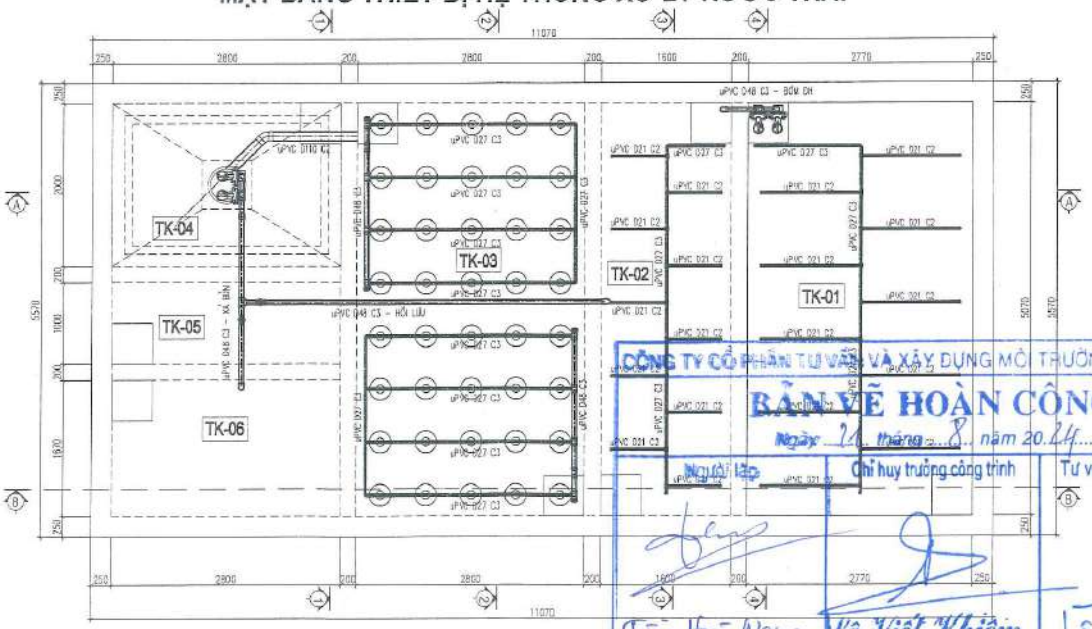

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA
02	TK-02	BỂ THIẾU KHÍ
03	TK-03	BỂ HIẾU KHÍ
04	TK-04	BỂ LẮNG
05	TK-05	BỂ KHỬ TRÙNG
06	TK-06	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Trần Hoài Nam	Vũ Việt Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHÚ THÍCH:

DỰ ÁN: TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGỌC HÀ

ĐỊA CHỈ: THÔN ĐỒNG LÁ - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 230/1 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU: CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY THÁNG: .../2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-01

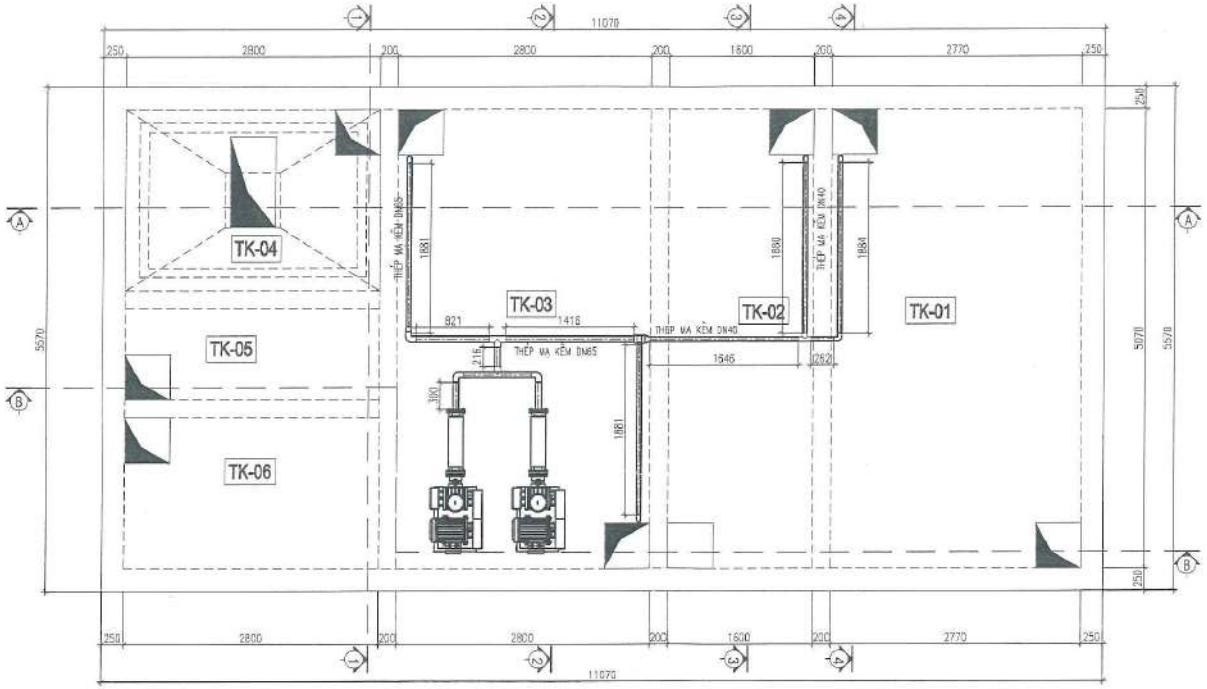

MẶT BẰNG CẤP KHÍ TƯƠI BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA
02	TK-02	BỂ THIẾU KHÍ
03	TK-03	BỂ HIẾU KHÍ
04	TK-04	BỂ LẮNG
05	TK-05	BỂ KHỬ TRÙNG
06	TK-06	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ...21. tháng .....8 năm 20.24...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Trần Hoài Nam	Lê Viết Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHÚ THÍCH:

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM:
XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOC HA

ĐỊA CHỈ: THÔN ĐỒNG LA - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT VÀ THẨM ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: SỐ 29 NGÕ 258/1 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẤP KHÍ TƯƠI BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NĂM: ...2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-02

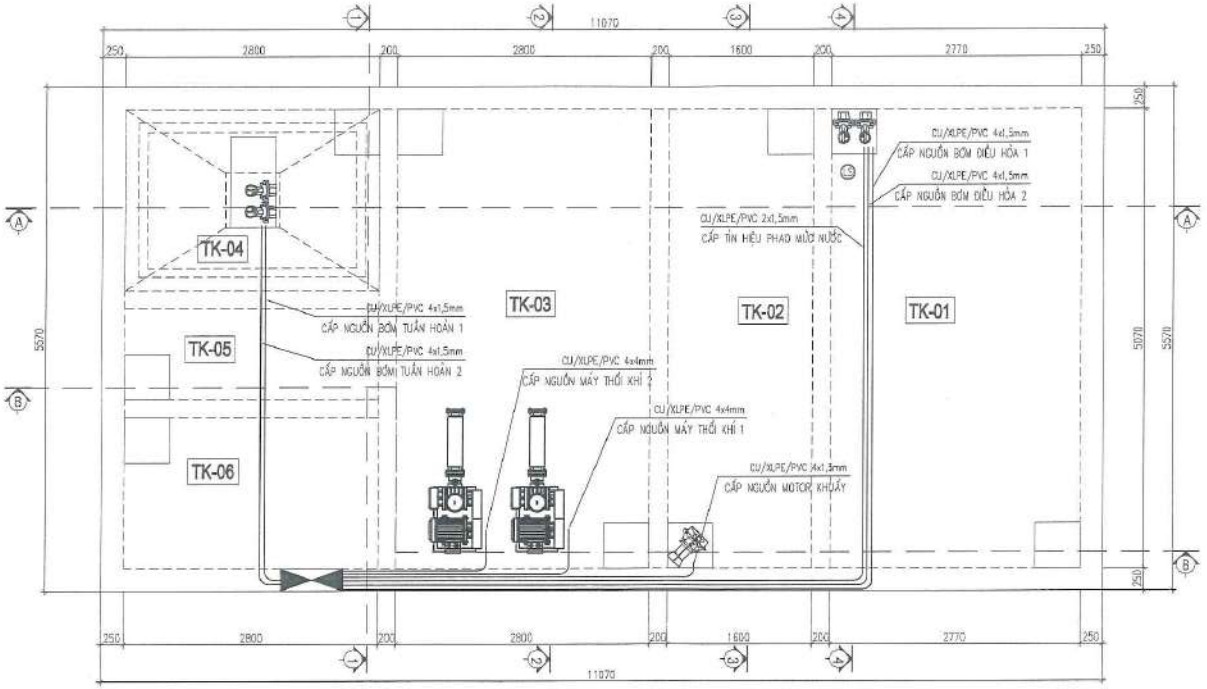

MẶT BẰNG TUYẾN CẤP ĐIỆN TỚI MÁY MÓC, THIẾT BỊ

GHI CHÚ:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA
02	TK-02	BỂ THIẾU KHÍ
03	TK-03	BỂ HIẾU KHÍ
04	TK-04	BỂ LẮNG
05	TK-05	BỂ KHỬ TRÙNG
06	TK-06	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ...21.. tháng ....8.. năm 20..24..

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Trần Hoài Nam	Vũ Viết Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHÚ THÍCH

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOC HA

ĐỊA CHỈ: THÔN ĐỒNG LA - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP DA VÀ TKBVTC: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 2 ĐÌNH NGUYỄN PHÚC LAI Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU: CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN: BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TUYẾN CẤP ĐIỆN TỚI MÁY MÓC, THIẾT BỊ

NĂM THÁNG: .../2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-03

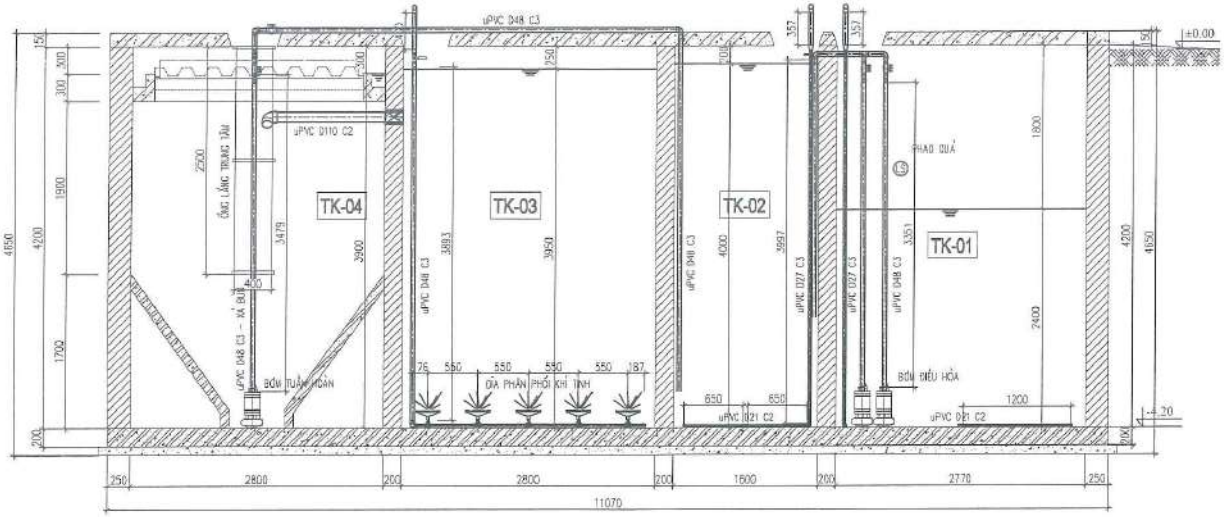

Mặt cắt A-A

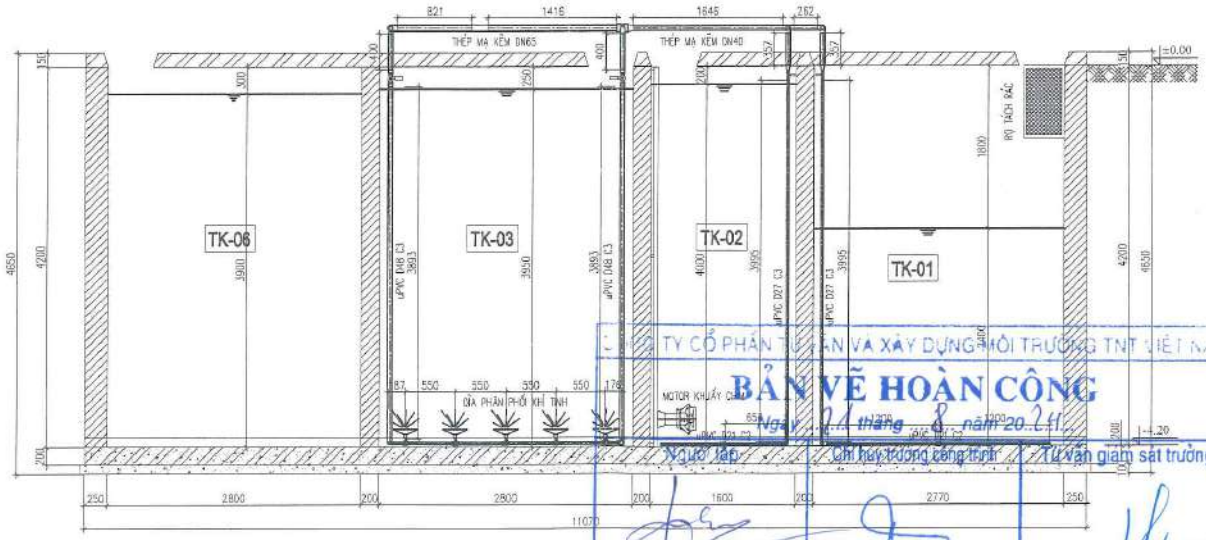

Mặt cắt B-B

GHI CHÚ:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA	04	TK-04	BỂ LẮNG
02	TK-02	BỂ THIẾU KHÍ	05	TK-05	BỂ KHỬ TRÙNG
03	TK-03	BỂ HIẾU KHÍ	06	TK-06	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21 tháng 8 năm 2021

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Trần Hoài Nam	Vũ Viết Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOC HA

ĐỊA CHỈ: THÔN CỔNG LÀ - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 29 NGÕ 2341 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT A - A
MẶT CẮT B - B

NGÀY THÁNG: .../2021

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-04

CHI CHÚ:

TÊN DỰ ÁN:
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM
XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

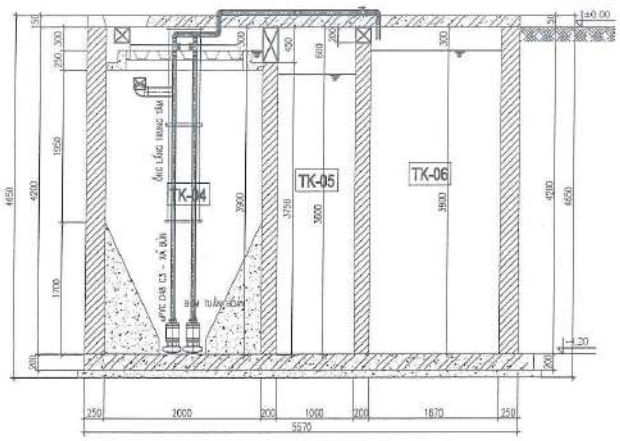

MẶT CẮT 1-1

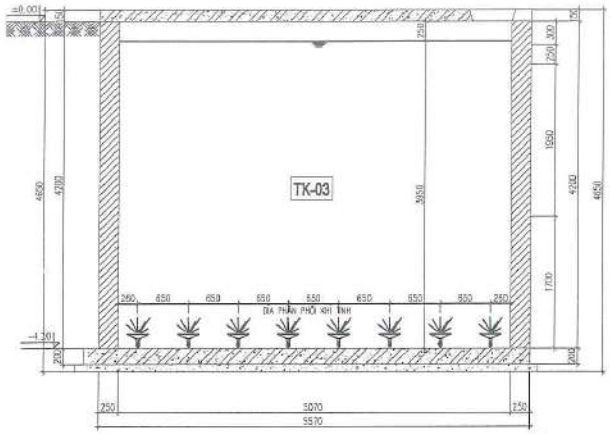

MẶT CẮT 2-2

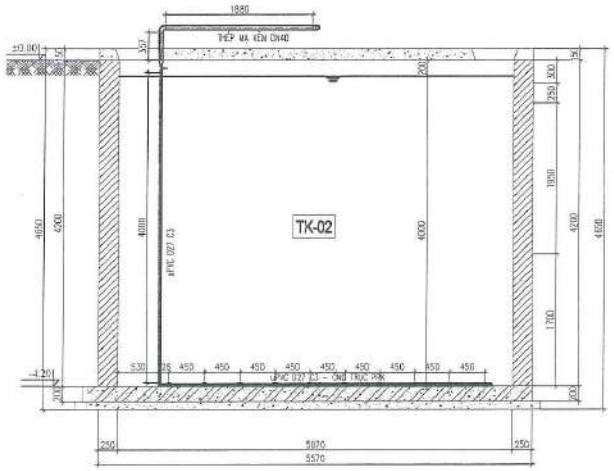

MẶT CẮT 3-3

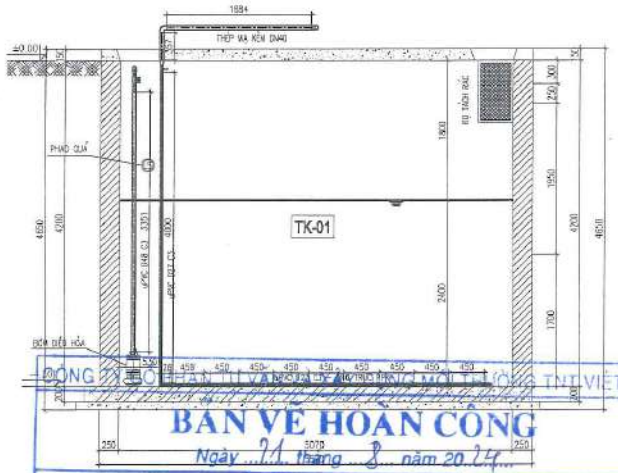

MẶT CẮT 4-4

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Trần Hữu Nam	Tô Viết Khiêm	Lê Trung Hiếu

GHI CHÚ:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA	04	TK-04	BỂ LẮNG
02	TK-02	BỂ HIẾU KHÍ	05	TK-05	BỂ KHỬ TRÙNG
03	TK-03	BỂ HIẾU KHÍ	06	TK-06	BỂ CHỨA BÙN

CHÚ THÍCH:

DỰ ÁN:
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM
XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOC HÀ

ĐỊA CHỈ: THÔN CỔNG LÀ - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT TNGS
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG
ĐỊA CHỈ .....

NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 230/1 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT 1 - 1; 2 - 2
MẶT CẮT 3 - 3; 4 - 4

NGÀY BAN HÀNH: .../2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-05

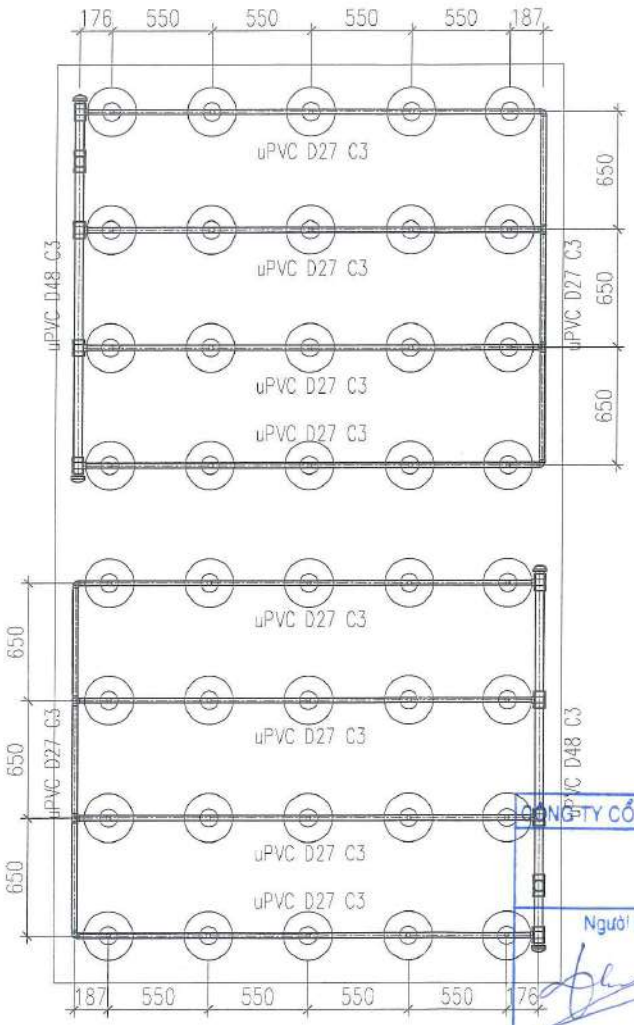

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ...21... tháng ....8... năm 20..24...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Phạm Hoài Nam	Lê Viết Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHÚ THÍCH:

TÊN DỰ ÁN:
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM
XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOC HA

ĐỊA CHỈ: THÔN ĐỒNG LA - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - P. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 2341 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ

NGÀY BẢN VẼ: .../2024

SỐ HIỆU BẢN VẼ: CN-06

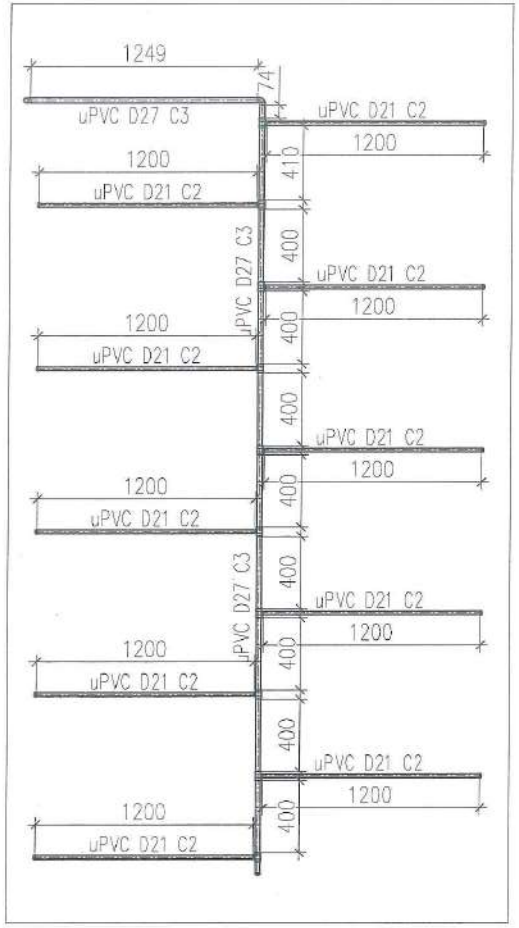

CHI TIẾT LẮP HỆ KHÍ THÔ BỂ ĐIỀU HÒA

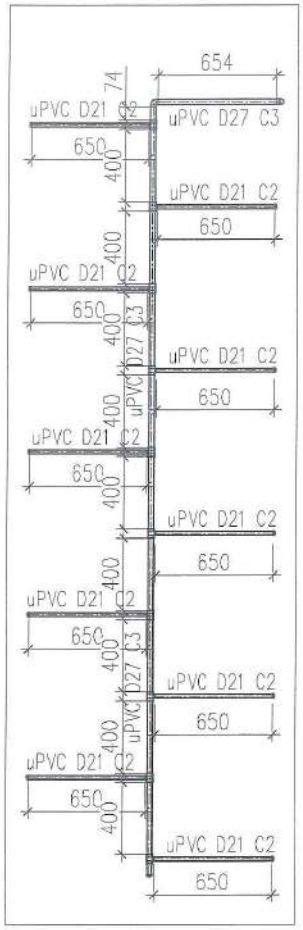

CHI TIẾT LẮP HỆ KHÍ THÔ BỂ THIẾU KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

Đơn vị thi công	Đơn vị giám sát thi công	Đại diện chủ đầu tư
Trần Hữu Nam	Lê Việt Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHÚ THÍCH:

DỰ ÁN:
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM
XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGOC HA

ĐỊA CHỈ: THÔN ĐỒNG LAI - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN KHẢO SÁT VÀ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: SỐ 28 NGÕ 2A31 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT LẮP ĐẶT HỆ KHÍ THÔ

NĂM HOÀN THÀNH: .../2024

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CM-07

CHI TIẾT BỐ TRÍ TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

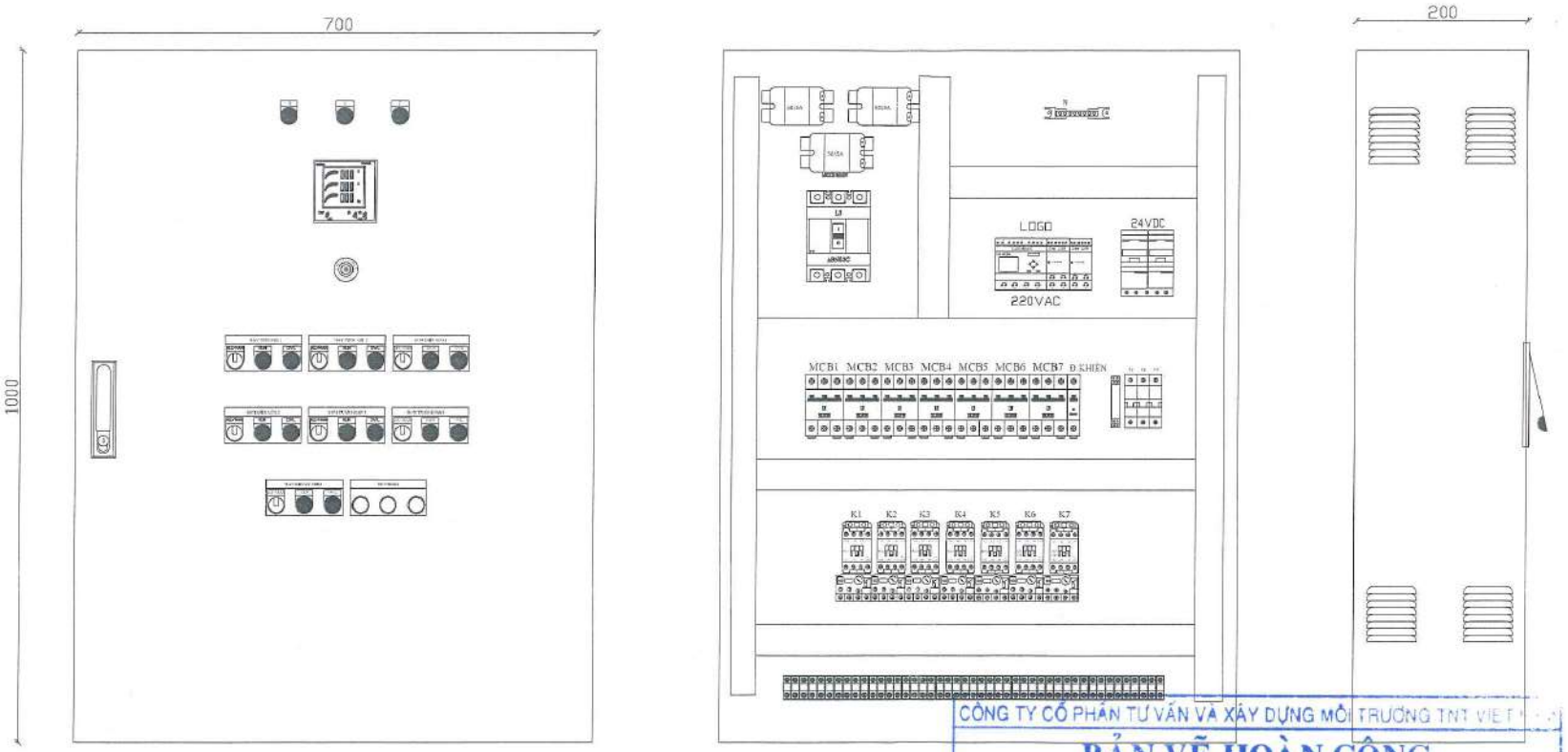

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ....11. tháng .....8. năm 20.24...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Trần Hoài Nam	Lê Việt Khiêm	Lê Trung Hiếu

CHÚ THÍCH:

CHỦ ĐẦU TƯ:
TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI NGỌC HÀ

ĐỊA ĐIỂM:
XÃ QUANG TIẾN, HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ

NGỌC HÀ

ĐỊA CHỈ: THÔN CÔNG LA - XÃ QUANG TIẾN - H. SÓC SƠN - TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: .....

NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 20 NGÕ 2211 NGUYỄN PHÚC LAI, Ô CHỢ DỪA, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

GÓI THẦU

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT VÀ TƯ VẤN, LẬP HỒ SƠ ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT BỐ TRÍ TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

NĂM SỐNG: 2024

SỐ BẢN VẼ: TD-01

PHỤ LỤC 1.3

CÁC CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN, CÔNG NHẬN CỦA CÁC CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ XỬ LÝ

1. Ro rắc

CÔNG TY TNHH GIA ANH HƯNG YÊN
Địa chỉ: QL39, Xã Trung Hưng, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: +84-3213960899 Fax: +84-3213960900

CHỨNG CHỈ XUẤT XƯỞNG

Tên khách hàng: **Công ty CP tư vấn và xây dựng môi trường TNT Việt Nam**
Địa chỉ: Số 20, ngõ 23/11 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Loại số: OHCN3042023

Ngày cấp: 19/07/2024
Số chứng nhận: 12VN024QM

Loại hàng: Ống, hộp, tấm công nghiệp SUS 304							Bản ghi: TC/2024 GAHY					
STT	Kích Cỡ	Chiều Dài	ĐVT	Số Lượng	Kiểu	Mảnh	Độ Bóng	Nhiệt Độ Nung (độ C)	Độ Mát	Bề Mặt Cuối Cùng	Kiểm Tra Thủy Tinh (PSI)	ET
1	V thép không rỉ V30x30x2mm	6m	cây	2	SUS 304	CR	-	No	No	No1	No	Tốt
2	Hộp thép không rỉ 50x50x2mm	6m	cây	1	SUS 304	CR	-	No	No	No1	No	Tốt
2	Tấm thép không rỉ 1200x2500x1,5mm		tấm	4	SUS 304	CR	-	No	No	No1	No	Tốt

Thành phần hóa học (%)									Kiểm tra cơ học				
	C	Mn	P	S	Si	Ni	Cr	Mo	T.S (Ksi)	Y.S(Ksi)	Độ giãn (%)	Dát mỏng	Độ cứng
Thấp nhất						8.00	18.00	-	>= 75	>= 30	>= 35	=< H Tốt	HRB=<90
Cao nhất	0.08	2.00	0.045	0.03	1.00	10.00	20.00	-					

Ghi chú:
1. Kiểm tra bào mòn theo kiểu ASTM-A312, thực hành E: Chấp nhận.
2. Kích thước và bề ngoài: Tốt.
3. Nguyên liệu không bị nhiễm thủy ngân.

CÔNG TY TNHH GIA ANH HƯNG YÊN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIA ANH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Lượng

BỘ PHẬN KIỂM TRA

Công ty TNHH Gia Anh Hưng Yên chúng tôi cam kết rằng những sản phẩm được mô tả trong tài liệu được sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn và chỉ số kỹ thuật đã nêu ra trên đây là đáp ứng những yêu cầu đặt ra.

2. Tủ điện

1. Exporter (Name, address, country) LS ELECTRIC Co., Ltd. LS TOWER,127,LS-RO,DONGAN-GU, ANYANG-SI,GYEONGGI-DO,14119,KOREA	Reference No. K010-23-0609545 Reference Code. 92c9-4e94 **ORIGINAL** **CERTIFICATE OF ORIGIN** issued by THE ANYANG GWACHEON CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY Anyang Gwacheon, Republic of Korea
2. Consignee (Name, address, country) LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD. NGUYEN KHE WARD, DONG ANH DIS., HA NOI CITY, VIET NAM.	**3. Country of Origin** THE REPUBLIC OF KOREA
4. Transport details FROM : BUSAN, KOREA TO : HAIPHONG, VIETNAM BY : SENDAI TRADER 2317S ON : 27 AUG, 2023	**5. Remarks** Invoice number & date : SLEO-23070265-1 & 2023-07-25 *DISTRIBUTOR THAI SON BAC ELECTRIC EQUIPMENT TRADING CO., LTD ADDRESS: 60 NGUYEN TRUONG TO STREET, BA DINH DISTRICT, HANOI, VIETNAM.

6. Marks & numbers; number and kind of packages; description of goods		**7. Quantity**
TSB	ELECTRO MAGNETICS 40EA	69,122EA
SHIP TO HAIPHONG	MAGNETIC CONTACTORS 22,852EA	
COMMODITY : ELECTRIC E	AUXILIARY CONTACTORS 40EA	
QUIPMENT	LOCK ASS'Y 1EA	
CI NO. : SLEO-23070265	RELAYS 9,220EA	
-1	AUTOMATIC CIRCUIT BREAKERS 26,134EA	
EXPORTER : LS ELECTRIC	MAGNETIC CONTACTORS 2,676EA	
CO., LTD.	AUXILIARY CONTACTORS 20EA	
IMPORTER : LS ELECTRIC	RELAYS 3,160EA	
VIETNAM CO., LTD.	AUTOMATIC CIRCUIT BREAKERS 4,989EA	
	End Of Page...	

8. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 3. (Signature) LS ELECTRIC CO., LTD J. K. KOO / Chairman (Name) Chairman J.K.KOO	**9. Certification** The undersigned authority hereby certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3 to the best of its knowledge and belief. Staff Ju-Hyeon Lee 27 Aug 2023 Authorized Signatory

1/1

※Identify the authenticity of certificate for verification with the website.(http://cert.korcham.net/search)

LS ELECTRIC

QUALITY AND QUANTITY CERTIFICATE

DATE: AUG.25.2023

WE HEREBY CERTIFY THAT ;

COMMODITY:
AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (ACB)
AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCB)
AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCCB)
AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PART
CONTACTOR RELAY
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER (ELCB)
MAGNETIC CONTACTOR (MC)
MAGNETIC CONTACTOR PART
RESIDUAL CURRENT CIRCUIT BREAKER (RCCB)
THERMAL OVERLOAD RELAY (TH RY)

PACKING LIST No : SLEO-23070265-1 DATE: JUL.25,2023

QUANTITY : 69,122 EA

CONSIGNEE : LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
NGUYEN KHE, DONG ANH, HANOI, VIETNAM
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220

DISTRIBUTOR : THAI SON BAC ELECTRIC EQUIPMENT TRADING CO., LTD
ADDRESS: 60 NGUYEN TRUONG TO STREET, BA DINH DISTRICT, HANOI, VIETNAM.

QUALITY : THE ABOVE MENTIONED GOODS HAS BEEN PRODUCED WITH THE EXPORT QUALITY STANDARD AND STANDARD SPECIFICATION.

LS ELECTRIC CO., LTD

SIGNED BY J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

LS ELECTRIC

PACKING LIST

Shipper/Exporter
LS ELECTRIC CO., LTD.
LS TOWER, 127, LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI,
GYEONGGI-DO, 14119, KOREA

No. & Date of Invoice, Packing list
SLEO-23070265-1 DATED JUL.25,2023

No. & Date of L/C
N/A DATED

For account & risk of Messers.
LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
Nguyen Khe Ward, Dong Anh Dis., Ha Noi City, Viet Nam.
TAX ID: 0100148923
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220
Email : thinhnt@ls-electric.com.vn / eip@ls-electric.com.vn

L/C Issuing bank
N/A

Remarks
FREIGHT PREPAID

Notify Party
Thai Son Bac Electric Equipment Trading Co., LTD
60 Nguyen Truong To Street, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam.
(TAX ID 0102050659)
TEL. 84-24-37622698 / FAX. 84-24-37622697
Email : nguyenthibichngoc@thaisonbac.com.vn

Port of Loading
BUSAN, KOREA

Final Destination
HANOI, VIET NAM

Carrier
SENDAI TRADER 2317S

Sailing on or about
AUG.27.2023

Marks and number of PKGS	Description of Goods	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
TSB SHIP TO HAIPHONG COMMODITY : ELECTRIC EQUIPMENT CI NO. : SLEO-23070265-1 EXPORTER : LS ELECTRIC CO., LTD. IMPORTER : LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	DDP HANOI, VIET NAM AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (ACB)/853620#32EA; AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCB)/853620#8400EA; AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCCB)/853620#20752EA;AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PART/830140#1EA; AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PART/853890#60EA;CONTACTOR RELAY/853649#20EA; EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER (ELCB)/853650#919EA; MAGNETIC CONTACTOR (MC)/853641#190EA; MAGNETIC CONTACTOR (MC)/853649#25338EA; MAGNETIC CONTACTOR PART/853890#40EA; RESIDUAL CURRENT CIRCUIT BREAKER (RCCB)/853650#1020EA; THERMAL OVERLOAD RELAY (TH RY)/853649#12350EA				
TOTAL 318 BOXES ONLY		69,122 EA	49,335.00 KGS	58,388.00 KGS	194.7762 CBM

- DETAILS ARE AS ATTACHED -

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

LS ELECTRIC

Marks and number of PKGS	Description of Goods	PO No	HS Code	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
			Sub Total	200 EA	151.00 KGS	181.00 KGS	0.6521 CBM
77	MC-22b AC220V	04-8/2023/TSB		540 EA	189.00 KGS		
			Sub Total	540 EA	189.00 KGS	219.00 KGS	0.6521 CBM
78	MC-12b AC48V	04-8/2023/TSB		30 EA	10.52 KGS		
	MT-32 3.3A	04-8/2023/TSB		300 EA	52.92 KGS		
	MT-63 42A	04-8/2023/TSB		220 EA	70.56 KGS		
			Sub Total	550 EA	134.00 KGS	164.00 KGS	0.6521 CBM
79	ABN103c 100A	04-8/2023/TSB		200 EA	151.00 KGS		
			Sub Total	200 EA	151.00 KGS	181.00 KGS	0.6521 CBM
80	MC-9b AC220V	04-8/2023/TSB		540 EA	189.00 KGS		
			Sub Total	540 EA	189.00 KGS	219.00 KGS	0.6521 CBM
81	MC-22b AC220V	04-8/2023/TSB		540 EA	189.00 KGS		
			Sub Total	540 EA	189.00 KGS	219.00 KGS	0.6521 CBM
82	ABN53c 40A	04-8/2023/TSB		200 EA	151.00 KGS		
			Sub Total	200 EA	151.00 KGS	181.00 KGS	0.6521 CBM
83	MC-40a AC380V	04-8/2023/TSB		300 EA	180.00 KGS		
			Sub Total	300 EA	180.00 KGS	210.00 KGS	0.6521 CBM

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

LS ELECTRIC

Marks and number of PKGS	Description of Goods	PO No	HS Code	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
229	ABN403c 400A	04-8/2023/TSB		40 EA	236.00 KGS		
			Sub Total	40 EA	236.00 KGS	266.00 KGS	0.6521 CBM
230	EBN404c 400A 100/200/500mA	04-8/2023/TSB		5 EA	41.81 KGS		
	MC-85a AC220V	04-8/2023/TSB		60 EA	95.01 KGS		
	MT-12 11A	04-8/2023/TSB		50 EA	6.42 KGS		
	MT-12 15A	04-8/2023/TSB		50 EA	10.03 KGS		
	MT-12 3.3A	04-8/2023/TSB		50 EA	6.22 KGS		
	MT-12 5A	04-8/2023/TSB		50 EA	10.03 KGS		
	MT-12 6.5A	04-8/2023/TSB		50 EA	6.42 KGS		
	MT-12 7.5A	04-8/2023/TSB		50 EA	10.03 KGS		
	MT-12 8.5A	04-8/2023/TSB		50 EA	10.03 KGS		
			Sub Total	415 EA	196.00 KGS	226.00 KGS	0.6521 CBM
231	ABN54c 30A	04-8/2023/TSB		150 EA	140.00 KGS		
			Sub Total	150 EA	140.00 KGS	170.00 KGS	0.6521 CBM
232	AN-16D3-16H 1600A	04-8/2023/TSB		1 EA	43.00 KGS		
			Sub Total	1 EA	43.00 KGS	58.00 KGS	0.2560 CBM
233	AN-16D3-16H 1600A	04-8/2023/TSB		1 EA	43.00 KGS		
			Sub Total	1 EA	43.00 KGS	58.00 KGS	0.2550 CBM
234	AN-16D3-16H 1600A	04-8/2023/TSB		1 EA	43.00 KGS		
			Sub Total	1 EA	43.00 KGS	58.00 KGS	0.2550 CBM
235	AN-16D3-16H 1600A	04-8/2023/TSB		1 EA	43.00 KGS		

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

Reference No. K010-23-0696346
Reference Code. d553-4daf

ORIGINAL

CERTIFICATE OF ORIGIN

issued by

THE ANYANG GWACHEON CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY
Anyang Gwacheon, Republic of Korea

1. Exporter (Name, address, country)

LS ELECTRIC Co., Ltd.
LS TOWER, 127, LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI, GYEONGGI-DO,
14119, KOREA

2. Consignee (Name, address, country)

LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
NGUYEN KHE WARD, DONG ANH DIS., HA NOI CITY, VIET NAM.
TAX ID: 0100148923
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220
EMAIL : THINHNT@LS-ELECTRIC.COM.VN / EIP@LS-ELECTRIC.COM.VN

3. Country of Origin

PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

4. Transport details

FROM : SHANGHAI,CHINA
TO : HOCHIMINH,VIET NAM
BY : HOCHIMINH VOYAGER 2309S
ON : 21 SEP, 2023

5. Remarks

Invoice number & date :
SLE-23090065-1 & 2023-09-07
*DISTRIBUTOR
THAI SON NAM TRADING COMPANY LTD.
116 D1 Street, Him Lam Urban, Tan Hung Ward, District. 7,
HCM City, Vietnam.

6. Marks & numbers; number and kind of packages; description of goods	**7. Quantity**
LS ELECTRIC-VIETNAM RESIDUAL CURRENT CIRCUIT BREAKERS(RCCB) 7,502EA	92,697EA
C/NO. AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCB) 85,195EA	
M01Y-015-503231287	
M01Y-015-503231298	
M01Y-015-503231360A	
M01Y-015-503231380	
End Of Page...	

8. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 3.

LS ELECTRIC CO., LTD

(Signature)

J. K. KOO / Chairman

(Name) Chairman J.K.KOO

9. Certification

The undersigned authority hereby certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3 to the best of its knowledge and belief.

THE ANYANG GWACHEON CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY

Staff
Ju-Hyeon Lee

International Chamber of Commerce ICC World Chambers Federation
Certificate of Origin
Accredited Chamber KR1301001

21 Sep 2023

Authorized Signatory

※Identify the authenticity of certificate for verification with the website.(http://cert.korcham.net/search)

LS ELECTRIC

QUALITY AND QUANTITY CERTIFICATE

DATE : 21/Sep/2023

WE HEREBY CERTIFY THAT ;

DISTRIBUTOR : THAI SON NAM TRADING CO.,LTD
ADDRESS : 116 D1 STREET, HIM LAM URBAN, TAN HUNG WARD, DISTRICT 7, HCM CITY, VIET NAM

COMMODITY: ELECTRIC EQUIPMENT

PACKING LIST No : SLE-23090065-1 DATE: 7/Sep/2023

QUANTITY : 92,697 PCS

CONSIGNEE : LS ELECTRIC VIET NAM

QUALITY : THE ABOVE MENTIONED GOODS HAS BEEN PRODUCED WITH THE EXPORT QUALITY STANDARD AND STANDARD SPECIFICATION.

LS ELECTRIC CO., LTD

J. K. KOO / Chairman

SIGNED BY

LS ELECTRIC Co., Ltd.

LS ELECTRIC

PACKING LIST

Shipper/Exporter
LS ELECTRIC Co., LTD.
LS TOWER, 127, LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI,
GYEONGGI-DO, 14119, KOREA

No. & Date of Invoice, Packing list
SLE-23090065-1 DATED SEP.07,2023

No. & Date of L/C
DATED

For account & risk of Messers.
LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
Nguyen Khe Ward, Dong Anh Dis., Ha Noi City, Viet Nam.
TAX ID: 0100148923
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220
Email : thinhnt@ls-electric.com.vn / eip@ls-electric.com.vn

L/C Issuing bank

Remarks
FREIGHT PREPAID

Notify Party
THAI SON NAM TRADING COMPANY LTD.
116 D1 Street, Him Lam Urban, Tan Hung Ward, District. 7,
HCM City, Vietnam.
TAX ID : 0303127291
Tel: +84-28-62.63.84.85

Port of Loading
SHANGHAI, CHINA

Final Destination
HOCHIMINH, VIET NAM

Carrier
HOCHIMINH VOYAGER 2309S

Sailing on or about
SEP.21,2023

Marks and number of PKGS	Description of Goods	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
LS ELECTRIC - VIETNAM					CIF HOCHIMINH IN US DOLLARS
C/NO. :	AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCB) HS 853620#85,195CS				
M01Y-015-503231287	RESIDUAL CURRENT CIRCUIT BREAKERS (RCCB) HS 853650#7,502PCS				
M01Y-015-503231298					
M01Y-015-503231360A	CI NO. : SLE-23090065-1				
M01Y-015-503231380					
TOTAL 90 PALLETS ONLY		92,697 PCS	20,833.80 KGS	22,633.80 KGS	58.5900 CBM

- DETAILS ARE AS ATTACHED -

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

PACKING LIST

SLE-23090065-1

C/NO.	BOX NO.		Description	Qty	Net Weight	Box Weight	Gross Weight	CBM	Outer box Qty
	1	BKJ63N	1P C6 (CN)	600	72.00	20	279.20	0.651	5
		BKJ63N	1P C32 (CN)	600	72.00				5
		BKJ63N	2P C6 (CN)	480	115.20				8
	2	BKJ63N	1P C10 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	3	BKJ63N	1P C10 (CN)	240	28.80	20	279.20	0.651	2
		BKJ63N	1P C16 (CN)	1920	230.40				16
	4	BKJ63N	1P C16 (CN)	1680	201.60	20	279.20	0.651	14
		BKJ63N	1P C20 (CN)	480	57.60				4
	5	BKJ63N	1P C20 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	6	BKJ63N	1P C20 (CN)	960	115.20	20	274.40	0.651	8
		BKJ63N	2P C10 (CN)	360	86.40				6
		BKJ63N	2P C10 (CN)	40	9.60				1
		BKJ63N	2P C40 (CN)	180	43.20				3
	7	BKJ63N	2P C40 (CN)	20	4.80	20	269.60	0.651	1
		BKJ63N	2P C50 (CN)	600	144.00				10
		BKJ63N	3P C32 (CN)	280	100.80				7
	8	BKJ63N	3P C10 (CN)	400	144.00	20	279.20	0.651	10
		BKJ63N	3P C32 (CN)	320	115.20				8
	9	BKJ63N	3P C16 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
M01Y-015-503231287	10	BKJ63N	3P C16 (CN)	80	28.80	20	279.20	0.651	2
		BKJ63N	3P C40 (CN)	200	72.00				5
		BKJ63N	3P C63 (CN)	400	144.00				10
		BKJ63N	4P C25 (CN)	30	14.40				1
	11	BKH	1P C125A (CN)	36	8.64	20	179.84	0.651	1
		BKH	3P C125A (CN)	12	6.00				
		BKH	2P C80A (CN)	36	12.24				1
		BKH	2P C100A (CN)	144	48.96				4
		BKH	3P C80A (CN)	144	72.00				6
		BKH	3P C125A (CN)	24	12.00				1
	12	RKN	1P+N 25A 30mA AC-TYPE (CN)	60	12.60	20	89.30	0.651	1
		RKN	1P+N 25A 30mA AC-TYPE (CN)	30	6.30				1
		RKN	1P+N 32A 30mA AC-TYPE (CN)	120	25.20				2
		RKN	3P+N 32A 30mA AC-TYPE (CN)	30	12.60				1
		RKN	3P+N 40A 30mA AC-TYPE (CN)	30	12.60				1
	13	BKN-b	2P C40 (CN)	240	50.40	20	164.90	0.651	4
		BKN-b	3P C10 (CN)	40	12.60				1
		BKN-b	3P C25 (CN)	80	25.20				2
		BKN-b	3P C40 (CN)	40	12.60				1
		BKN-b	3P C50 (CN)	40	12.60				1
		RKC	1P+N C16 30mA AC-TYPE 6kA (CN)	120	12.60				1
		RKC	1P+N C25 30mA AC-TYPE 6kA (CN)	60	6.30				1
		RKN-b	3P+N 100A 300mA 100AF AC-TYPE (C	30	12.60				1
	1	BKJ63N	1P C6 (CN)	600	72.00	20	279.20	0.651	5
		BKJ63N	1P C10 (CN)	1200	144.00				10
		BKJ63N	1P C50 (CN)	240	28.80				2
		BKJ63N	1P C50 (CN)	60	7.20				1
		BKJ63N	3P C6 (CN)	20	7.20				
	2	BKJ63N	2P C10 (CN)	180	43.20	20	279.20	0.651	3
		BKJ63N	2P C20 (CN)	900	216.00				15
	3	BKJ63N	2P C20 (CN)	60	14.40	20	274.40	0.651	1
		BKJ63N	2P C10 (CN)	20	4.80				1
		BKJ63N	2P C63 (CN)	20	4.80				
		BKJ63N	2P C25 (CN)	960	230.40				16
	4	BKJ63N	2P C20 (CN)	40	9.60	20	269.60	0.651	1
		BKJ63N	2P C25 (CN)	40	9.60				1
		BKJ63N	2P C32 (CN)	960	230.40				16
	5	BKJ63N	2P C32 (CN)	40	9.60	20	274.40	0.651	1
		BKJ63N	2P C63 (CN)	780	187.20				13
		BKJ63N	3P C6 (CN)	160	57.60				4
		BKJ63N	3P C6 (CN)	120	43.20				3

PACKING LIST

SLE-23090065-1

C/NO.	BOX NO.		Description	Qty	Net Weight	Box Weight	Gross Weight	CBM	Outer box Qty
M01Y-015-503231298	6	BKJ63N	3P C16 (CN)	280	100.80	20	279.20	0.651	7
		BKJ63N	3P C16 (CN)	20	7.20				1
		BKJ63N	3P C50 (CN)	20	7.20				
		BKJ63N	3P C32 (CN)	280	100.80				7
	7	BKJ63N	3P C32 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	8	BKJ63N	3P C63 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	9	BKJ63N	3P C63 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	10	BKJ63N	3P C32 (CN)	200	72.00	20	236.00	0.651	5
		BKJ63N	3P C50 (CN)	80	28.80				2
		BKJ63N	3P C63 (CN)	160	57.60				4
		BKJ63N	4P C63 (CN)	120	57.60				4
	11	BKH	1P C125A (CN)	72	17.28	20	266.24	0.651	1
		BKH	2P C100A (CN)	144	48.96				4
		BKH	3P C100A (CN)	360	180.00				15
	12	BKH	2P C125A (CN)	72	24.48	20	179.48	0.651	2
		BKH	3P C80A (CN)	144	72.00				6
		RKN	3P+N 40A 30mA AC-TYPE (CN)	150	63.00				5
	13	RKN	3P+N 63A 30mA AC-TYPE (CN)	30	12.60	20	196.40	0.651	1
		RKP	1P+N C20 30mA AC-TYPE (CN)	300	63.00				5
		BKN-b	1P C10 (CN)	360	37.80				3
		BKN-b	1P C50 (CN)	600	63.00				5
	14	BKN-b	1P C50 (CN)	600	63.00	20	209.00	0.651	5
		BKN-b	1P C63 (CN)	1200	126.00				10
	15	BKN-b	2P C20 (CN)	120	25.20	20	118.70	0.651	2
		BKN-b	2P C20 (CN)	40	8.40				1
		BKN-b	2P C25 (CN)	120	25.20				2
		BKN-b	2P C25 (CN)	40	8.40				1
		BKN-b	3P C25 (CN)	80	25.20				2
		RKC	1P+N C10 30mA AC-TYPE 6kA (CN)	60	6.30				1
	1	BKJ63N	1P C6 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	2	BKJ63N	1P C6 (CN)	240	28.80	20	279.20	0.651	2
		BKJ63N	1P C10 (CN)	240	28.80				2
		BKJ63N	1P C16 (CN)	240	28.80				2
		BKJ63N	1P C20 (CN)	240	28.80				2
		BKJ63N	2P C6 (CN)	600	144.00				10
	3	BKJ63N	1P C10 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	4	BKJ63N	1P C16 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	5	BKJ63N	1P C20 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	6	BKJ63N	1P C25 (CN)	1800	216.00	20	279.20	0.651	15
		BKJ63N	1P C32 (CN)	240	28.80				2
		BKJ63N	1P C40 (CN)	120	14.40				1
	7	BKJ63N	1P C32 (CN)	2160	259.20	20	279.20	0.651	18
	8	BKJ63N	1P C40 (CN)	1680	201.60	20	279.20	0.651	14
		BKJ63N	1P C50 (CN)	480	57.60				4
	9	BKJ63N	1P C50 (CN)	120	14.40	20	279.20	0.651	1
		BKJ63N	1P C63 (CN)	1800	216.00				15
		BKJ63N	2P C10 (CN)	120	28.80				2
	10	BKJ63N	2P C10 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	11	BKJ63N	2P C10 (CN)	600	144.00	20	279.20	0.651	10
		BKJ63N	2P C20 (CN)	240	57.60				4
		BKJ63N	2P C32 (CN)	240	57.60				4
	12	BKJ63N	2P C16 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	13	BKJ63N	2P C16 (CN)	720	172.80	20	279.20	0.651	12
		BKJ63N	2P C25 (CN)	360	86.40				6
	14	BKJ63N	2P C20 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	15	BKJ63N	2P C20 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	16	BKJ63N	2P C25 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	17	BKJ63N	2P C25 (CN)	360	86.40	20	279.20	0.651	6
		BKJ63N	2P C40 (CN)	720	172.80				12
	18	BKJ63N	2P C32 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18

PACKING LIST

SLE-23090065-1

C/NO.	BOX NO.		Description	Qty	Net Weight	Box Weight	Gross Weight	CBM	Outer box Qty
	19	BKJ63N	2P C32 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	20	BKJ63N	2P C40 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	21	BKJ63N	2P C50 (CN)	600	144.00	20	279.20	0.651	10
		BKJ63N	2P C63 (CN)	240	57.60				4
		BKJ63N	3P C6 (CN)	160	57.60				4
	22	BKJ63N	2P C63 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	23	BKJ63N	2P C63 (CN)	1080	259.20	20	279.20	0.651	18
	24	BKJ63N	3P C6 (CN)	440	158.40	20	279.20	0.651	11
		BKJ63N	3P C10 (CN)	280	100.80				7
	25	BKJ63N	3P C10 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	26	BKJ63N	3P C16 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	27	BKJ63N	3P C16 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	28	BKJ63N	3P C16 (CN)	360	129.60	20	279.20	0.651	9
		BKJ63N	3P C20 (CN)	360	129.60				9
	29	BKJ63N	3P C20 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	30	BKJ63N	3P C20 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	31	BKJ63N	3P C25 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	32	BKJ63N	3P C10 (CN)	200	72.00	20	236.00	0.651	5
		BKJ63N	4P C32 (CN)	300	144.00				10
	33	BKJ63N	3P C25 (CN)	480	172.80	20	236.00	0.651	12
		BKJ63N	4P C16 (CN)	30	14.40				1
		BKJ63N	4P C20 (CN)	60	28.80				2
	34	BKJ63N	3P C32 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	35	BKJ63N	3P C32 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	36	BKJ63N	3P C32 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
M01Y-015-503231360A	37	BKJ63N	3P C32 (CN)	240	86.40	20	236.00	0.651	6
		BKJ63N	3P C40 (CN)	360	129.60				9
	38	BKJ63N	3P C40 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	39	BKJ63N	3P C40 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	40	BKJ63N	3P C50 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	41	BKJ63N	3P C50 (CN)	480	172.80	20	221.60	0.651	12
		BKJ63N	4P C25 (CN)	60	28.80				2
	42	BKJ63N	3P C63 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	43	BKJ63N	3P C63 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	44	BKJ63N	3P C63 (CN)	720	259.20	20	279.20	0.651	18
	45	BKJ63N	3P C63 (CN)	240	86.40	20	221.60	0.651	6
		BKJ63N	4P C40 (CN)	60	28.80				2
		BKJ63N	4P C50 (CN)	60	28.80				2
		BKJ63N	4P C63 (CN)	120	57.60				4
	46	RKN	1P+N 25A 30mA AC-TYPE (CN)	240	50.40	20	171.20	0.651	4
		RKN	3P+N 25A 30mA AC-TYPE (CN)	240	100.80				8
	47	RKN	1P+N 32A 30mA AC-TYPE (CN)	120	25.20	20	171.20	0.651	2
		RKN	1P+N 40A 30mA AC-TYPE (CN)	120	25.20				2
		RKN	3P+N 32A 30mA AC-TYPE (CN)	240	100.80				8
	48	RKN	3P+N 40A 30mA AC-TYPE (CN)	180	75.60	20	171.20	0.651	6
		RKN	3P+N 63A 30mA AC-TYPE (CN)	180	75.60				6
	49	RKN	1P+N 63A 30mA AC-TYPE (CN)	240	50.40	20	196.40	0.651	4
		RKP	1P+N C6 30mA AC-TYPE (CN)	300	63.00				5
		RKP	1P+N C32 30mA AC-TYPE (CN)	300	63.00				5
	50	RKP	1P+N C20 30mA AC-TYPE (CN)	900	189.00	20	209.00	0.651	15
	51	RKP	1P+N C20 30mA AC-TYPE (CN)	900	189.00	20	209.00	0.651	15
	52	RKP	1P+N C20 30mA AC-TYPE (CN)	600	126.00	20	209.00	0.651	10
		RKP	1P+N C25 30mA AC-TYPE (CN)	300	63.00				5
	53	RKP	1P+N C32 30mA AC-TYPE (CN)	900	189.00	20	209.00	0.651	15
	54	RKP	1P+N C10 30mA AC-TYPE (CN)	120	25.20	20	209.00	0.651	2
		RKP	1P+N C16 30mA AC-TYPE (CN)	600	126.00				10
		BKN-b	1P C6 (CN)	120	12.60				1
		BKN-b	1P C16 (CN)	240	25.20				2
		BKN-b	1P C20 (CN)	120	12.60				1
		BKN-b	1P C25 (CN)	120	12.60				1

PACKING LIST

SLE-23090065-1

C/NO.	BOX NO.		Description	Qty	Net Weight	Box Weight	Gross Weight	CBM	Outer box Qty
	55	BKN-b	1P C32 (CN)	240	25.20	20	209.00	0.651	2
		BKN-b	1P C50 (CN)	600	63.00				5
		BKN-b	2P C6 (CN)	120	25.20				2
		BKN-b	2P C10 (CN)	120	25.20				2
		BKN-b	2P C16 (CN)	120	25.20				2
	56	BKN-b	1P C63 (CN)	600	63.00	20	209.00	0.651	5
		BKN-b	2P C20 (CN)	240	50.40				4
		BKN-b	2P C25 (CN)	240	50.40				4
		BKN-b	2P C32 (CN)	120	25.20				2
	57	BKN-b	2P C40 (CN)	600	126.00	20	209.00	0.651	10
		BKN-b	2P C50 (CN)	300	63.00				5
	58	BKN-b	2P C63 (CN)	300	63.00	20	209.00	0.651	5
		BKN-b	3P C10 (CN)	120	37.80				3
		BKN-b	3P C16 (CN)	240	75.60				6
		BKN-b	4P C32 (CN)	30	12.60				1
	59	BKN-b	3P C20 (CN)	240	75.60	20	221.60	0.651	6
		BKN-b	3P C32 (CN)	400	126.00				10
	60	BKN-b	3P C25 (CN)	240	75.60	20	221.60	0.651	6
		BKN-b	3P C40 (CN)	400	126.00				10
	61	BKN-b	3P C50 (CN)	400	126.00	20	221.60	0.651	10
		BKN-b	3P C63 (CN)	120	37.80				3
		BKN-b	4P C40 (CN)	60	25.20				2
		BKN-b	4P C63 (CN)	30	12.60				1
M01Y-015-503231380	1	BKJ63N	1P D16 (CN)	5	0.60	20	147.74	0.651	1
		BKJ63N	3P D16 (CN)	2	0.72				
		RKS	1P+N C32 30mA AC-TYPE (CN)	2	0.42				1
		BKN-b	2P C63 (CN)	600	126.00				10
				92697	20833.80		22633.80	58.59	

LS ELECTRIC CO., LTD

J. K. KOO / Chairman

Reference No. K010-23-0678600
Reference Code. 1175-59d5

ORIGINAL

CERTIFICATE OF ORIGIN

issued by

THE ANYANG GWACHEON CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY
Anyang Gwacheon, Republic of Korea

1. Exporter (Name, address, country)

LS ELECTRIC Co., Ltd.
LS TOWER, 127, LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI, GYEONGGI-DO, 14119, KOREA

2. Consignee (Name, address, country)

LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
NGUYEN KHE WARD, DONG ANH DIS., HA NOI CITY, VIET NAM.

3. Country of Origin

THE REPUBLIC OF KOREA

4. Transport details

FROM : BUSAN, KOREA
TO : HAIPHONG, VIETNAM
BY : KHARIS HERITAGE 2319S
ON : 23 SEP., 2023

5. Remarks

Invoice number & date :
SLEO-23090129-1 & 2023-09-13
*DISTRIBUTOR
THAI SON BAC ELECTRIC EQUIPMENT TRADING CO., LTD
ADDRESS: 60 NGUYEN TRUONG TO STREET, BA DINH DISTRICT, HANOI, VIETNAM.

6. Marks & numbers; number and kind of packages; description of goods	7. Quantity
TSB SHIP TO HAIPHONG COMMODITY : ELECTRIC E QUIPMENT CI NO. : SLEO-23090129 -1 EXPORTER : LS ELECTRIC CO., LTD. IMPORTER : LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD. MAGNETIC CONTACTORS 2,040EA LOCK ASS'Y 1EA TOTAL ASS'Y.COUNTER,VL,SUSOL VCB 2EA RELAYS 5,100EA AUTOMATIC CIRCUIT BREAKERS 12,353EA End Of Page...	19,496EA

8. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 3.

LS ELECTRIC CO., LTD

(Signature)

J. K. KOO / Chairman

(Name) Chairman J.K.KOO

9. Certification

The undersigned authority hereby certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3 to the best of its knowledge and belief.

Staff
Ju-Hyeon Lee

23 Sep 2023

Authorized Signatory

1/1

※Identify the authenticity of certificate for verification with the website.(http://cert.korcham.net/search)

LS ELECTRIC

QUALITY AND QUANTITY

DATE: SEP.21,2023

WE HEREBY CERTIFY THAT ;

COMMODITY: AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCB)
AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCCB)
AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PART
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER (ELCB)
MAGNETIC CONTACTOR (MC)
THERMAL OVERLOAD RELAY (TH RY)
VACUUM CIRCUIT BREAKER PART

PACKING LIST No : SLEO-23090129-1 DATE: SEP.13,2023

QUANTITY : 19,496 EA

CONSIGNEE : LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
NGUYEN KHE, DONG ANH, HANOI, VIETNAM
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220

DISTRIBUTOR : THAI SON BAC ELECTRIC EQUIPMENT TRADING CO., LTD
ADDRESS: 60 NGUYEN TRUONG TO STREET, BA DINH DISTRICT, HANOI, VIETNAM.

QUALITY : THE ABOVE MENTIONED GOODS HAS BEEN PRODUCED WITH THE EXPORT QUALITY STANDARD AND STANDARD SPECIFICATION.

LS ELECTRIC Co., LTD.

J. K. KOO / Chairman

SIGNED BY

LS ELECTRIC Co., Ltd.

LS ELECTRIC

PACKING LIST

Shipper/Exporter
LS ELECTRIC CO., LTD.
LS TOWER, 127, LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI,
GYEONGGI-DO, 14119, KOREA

No. & date of Invoice
SLEO-23090129-1 DATED SEP.13,2023

No. & date of L/C
N/A DATED

For account & risk of Messers.
LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
Nguyen Khe Ward, Dong Anh Dis., Ha Noi City, Viet Nam.
TAX ID: 0100148923
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220
Email : thinhnt@ls-electric.com.vn / eip@ls-electric.com.vn

L/C issuing bank
N/A

Notify Party
Thai Son Bac Electric Equipment Trading Co., LTD
60 Nguyen Truong To Street, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam.
(TAX ID 0102050659)
TEL. 84-24-37622698 / FAX. 84-24-37622697
Email : nguyenthibichngoc@thaisonbac.com.vn

Remarks
FREIGHT PREPAID

Port of Loading	Final Destination
BUSAN, KOREA	HANOI, VIET NAM

Carrier	Sailing on or about
KHARIS HERITAGE 2319S	SEP.22.2023

Marks and number of PKGS	Description of Goods	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
TSB SHIP TO HAIPHONG COMMODITY : ELECTRIC EQUIPMENT CI NO. : SLEO-23090129-1 EXPORTER : LS ELECTRIC CO., LTD. IMPORTER : LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	DDP HANOI, VIET NAM AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCB)/853620#5520EA; AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCCB)/853620#6733EA; AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PART/830140#1EA; EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER (ELCB)/853650#100EA; MAGNETIC CONTACTOR (MC)/853649#2040EA; THERMAL OVERLOAD RELAY (TH RY)/853649#5100EA; VACUUM CIRCUIT BREAKER PART/853890#2EA				
	TOTAL 83 BOXES ONLY	19,496 EA	14011.00 KGS	16501.00 KGS	54.1243 CBM

- DETAILS ARE AS ATTACHED -

LS ELECTRIC CO., LTD

J. K. KOO / Chairman

Signed by

LS ELECTRIC

Marks and number of PKGS	Description of Goods	HS Code	Quantity	Net-weight		Gross-weight		Measurement	
1	ABS104c FMU 125A		3 EA	4.24	KGS				
	ABN203c 250A		20 EA	28.04	KGS				
	ABN403c 250A		10 EA	59.08	KGS				
	COUNTER,VL,SUSOL VCB		2 EA	0.42	KGS				
	0172000700 TS1250N AG6 1250A 3P EXP (F.O.C.) - REPLACEMENT		1 EA	15.22	KGS				
		Sub Total	35	107.00	KGS	137.00	KGS	0.6521	CBM
2	ABS1003b 1000A		1 EA	22.00	KGS				
	ABH203c 150A		20 EA	28.01	KGS				
	EBS32c 5A 30mA		5 EA	3.47	KGS				
	ABS403c 350A		10 EA	65.02	KGS				
	KEY LOCK,DOUBLE,AN,AS,AH-D,E,F,G		1 EA	0.50	KGS				
		Sub Total	37	119.00	KGS	149.00	KGS	0.6521	CBM
3	ABN103c 75A		200 EA	151.00	KGS				
		Sub Total	200	151.00	KGS	181.00	KGS	0.6521	CBM
4	ABN203c 200A		20 EA	28.00	KGS				
	EBN53c 40A 30mA		40 EA	31.01	KGS				
	EBN53c 40A 100/200/500mA		20 EA	15.51	KGS				
	MC-9a AC220V		90 EA	32.42	KGS				
	MC-9a AC380V		30 EA	10.81	KGS				
	MC-12a AC220V		120 EA	43.22	KGS				
	MC-12a AC380V		30 EA	10.81	KGS				
	MC-6a AC220V		120 EA	43.22	KGS				
		Sub Total	470	215.00	KGS	245.00	KGS	0.6521	CBM
5	ABN103c 75A		200 EA	151.00	KGS				
		Sub Total	200	151.00	KGS	181.00	KGS	0.6521	CBM
6	MC-50a AC220V		200 EA	194.00	KGS				
		Sub Total	200	194.00	KGS	224.00	KGS	0.6521	CBM
7	ABN103c 100A		200 EA	151.00	KGS				
		Sub Total	200	151.00	KGS	181.00	KGS	0.6521	CBM
8	ABN103c 100A		200 EA	151.00	KGS				

- To Be Continued -

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC

Marks and number of PKGS	Description of Goods	HS Code	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
20	ABS53c 50A		100 EA	73.38 KGS		
	MC-65a AC110V		20 EA	18.69 KGS		
		Sub Total	130	135.00 KGS	165.00 KGS	0.6521 CBM
21	MT-32 11A		300 EA	54.10 KGS		
	MT-32 15A		300 EA	52.90 KGS		
		Sub Total	600	107.00 KGS	137.00 KGS	0.6521 CBM
22	ABN403c 300A		40 EA	236.00 KGS		
		Sub Total	40	236.00 KGS	266.00 KGS	0.6521 CBM
23	ABN53c 50A		200 EA	151.00 KGS		
		Sub Total	200	151.00 KGS	181.00 KGS	0.6521 CBM
24	ABN53c 50A		200 EA	151.00 KGS		
		Sub Total	200	151.00 KGS	181.00 KGS	0.6521 CBM
25	BS32c w/case 30A		240 EA	38.35 KGS		
	MT-32 7.5A		300 EA	50.93 KGS		
	MC-6a AC380V		30 EA	10.79 KGS		
	MC-18a AC220V		120 EA	43.14 KGS		
	MC-18a AC380V		30 EA	10.79 KGS		
		Sub Total	720	154.00 KGS	184.00 KGS	0.6521 CBM
26	MC-65a AC380V		150 EA	146.00 KGS		
		Sub Total	150	146.00 KGS	176.00 KGS	0.6521 CBM
27	ABN403c 300A		40 EA	236.00 KGS		
		Sub Total	40	236.00 KGS	266.00 KGS	0.6521 CBM
28	MC-65a AC220V		200 EA	194.00 KGS		
		Sub Total	200	194.00 KGS	224.00 KGS	0.6521 CBM
29	ABN103c 100A		200 EA	151.00 KGS		
		Sub Total	200	151.00 KGS	181.00 KGS	0.6521 CBM

- To Be Continued -

LS ELECTRIC CO., LTD

J. K. KOO / Chairman

Signed by

1. Exporter (Name, address, country) LS ELECTRIC Co., Ltd. LS TOWER, 127,LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI,GYEONGGI-DO,14119,KOREA	Reference No. K010-23-0121864 Reference Code. 2abc-3a22 **ORIGINAL** **CERTIFICATE OF ORIGIN** issued by THE ANYANG GWACHEON CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY Anyang Gwacheon, Republic of Korea
2. Consignee (Name, address, country) LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD. NGUYEN KHE DONG ANH DIS, HA NOI CITY, VIET NAM.	**3. Country of Origin** THE REPUBLIC OF KOREA
4. Transport details FROM : BUSAN, KOREA TO : HOCHIMINH, VIETNAM BY : SAWASDEE SHANCHAI 23045 ON : 18 FEB, 2023	**5. Remarks** Invoice number & date : SLEO-23010270-1 & 2023-01-31 *DISTRIBUTOR THAI SON NAM TRADING COMPANY LTD. 118 D1 Street, Him Lam Urban, Tan Hung Ward, District. 7, HCM City, Vietnam

6. Marks & numbers; number and kind of packages; description of goods	**7. Quantity**
THAI SON NAM SHIP TO HOCHIMINH COMMODITY ELECTRIC EQUIPMENT CI : SLEO-23010270-1 EXPORTER LS ELECTRIC C O .LTD. IMPORTER LS ELECTRIC V IENTNAM CO.,LTD.	SURGE PROTECTORS 5PCS MAGNETIC CONTACTORS 15,955PCS MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER HANDLE 60PCS ELECTRO MAGNETICS 265PCS INTERLOCK ASS'Y 1PCS AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PARTS 9PCS AUXILIARY CONTACTORS 150PCS VACUUM CIRCUIT SWITCH 6PCS RELAYS 7,937PCS FUSES 8PCS AUTOMATIC CONTROL PANELS 24PCS INTERLOCK ASS'Y 9PCS AUTOMATIC CIRCUIT BREAKERS 8,933PCS // End Of Page...	93,363PCS

8. Declaration by the Exporter The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 3. (Signature) LS ELECTRIC CO., LTD J. K. KOO / Chairman (Name) Chairman J.K.KOO	**9. Certification** The undersigned authority hereby certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3 to the best of its knowledge and belief. Assistant Manager Yoo-Mi Park 19 Feb 2023 Authorized Signatory

1/1

※Identify the authenticity of certificate for verification with the website.(http://cert.korcham.net/search)

Reference No. K010-23-0121874
Reference Code. 39cc-26d7

ORIGINAL

CERTIFICATE OF ORIGIN

issued by

THE ANYANG GWACHEON CHAMBER OF COMMERCE & INDUSTRY
Anyang Gwacheon, Republic of Korea

1. Exporter (Name, address, country)

LS ELECTRIC Co., Ltd.
LS TOWER, 127,LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI,GYEONGGI-DO,14119,KOREA

2. Consignee (Name, address, country)

LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
NGUYEN KHE DONG ANH DIS, HA NOI CITY, VIET NAM.

3. Country of Origin

PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

4. Transport details

FROM : BUSAN, KOREA
TO : HOCHIMINH, VIETNAM
BY : SAWASDEE SHANGHAI 2304S
ON : 18 FEB, 2023

5. Remarks

Invoice number & date :
SLEO-23010270-1 & 2023-01-31
*DISTRIBUTOR
THAI SON NAM TRADING COMPANY LTD
116 D1 Street, Hiep Lam Urban, Tan Hung Ward, District. 7, HCM City, Vietnam

6. Marks & numbers; number and kind of packages; description of goods

THAI SON NAM
SHIP TO HOCHIMINH
COMMODITY:ELECTRIC EQUIPMENT
CI : SLEO-23010270-1
EXPORTER:LS ELECTRIC CO.,LTD
IMPORTER:LS ELECTRIC VIENTNAM CO.,LTD

SURGE PROTECTORS

7. Quantity

53PCS

End Of Page...

8. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 3.

(Signature) LS ELECTRIC CO., LTD

J. K. KOO / Chairman

(Name) Chairman J.K.KOO

9. Certification

The undersigned authority hereby certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3 to the best of its knowledge and belief.

Assistant Manager
Yoo-Mi Park

19 Feb 2023

Authorized Signatory

1/1

※Identify the authenticity of certificate for verification with the website.(http://cert.korcham.net/search)

LS ELECTRIC

QUALITY AND QUANTITY CERTIFICATE

DATE : 19-Feb-2023

WE HEREBY CERTIFY THAT ;

DISTRIBUTOR : THAI SON NAM TRADING CO.,LTD
ADDRESS : 116 D1 STREET, HIM LAM URBAN, TAN HUNG WARD, DISTRICT 7, HCM CITY, VIET NAM

COMMODITY: ELECTRIC EQUIPMENT

PACKING LIST No : SLEO-23010270-1 DATE: 31-Jan-2023

QUANTITY : 33,416 PCS

CONSIGNEE : LS ELECTRIC VIET NAM

QUALITY : THE ABOVE MENTIONED GOODS HAS BEEN PRODUCED WITH THE EXPORT QUALITY STANDARD AND STANDARD SPECIFICATION.

LS ELECTRIC CO., LTD

J. K. KOO / Chairman

SIGNED BY

LS ELECTRIC Co., Ltd.

PACKING LIST

Shipper/Exporter
LS ELECTRIC Co., LTD.
LS TOWER, 127, LS-RO, DONGAN-GU, ANYANG-SI,
GYEONGGI-DO, 14119, KOREA

No. & date of invoice
SLEO-23010270-1 DATED JAN.31,2023

No. & date of L/C
DATED

For account & risk of Messers.
LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.
Nguyen Khe Ward, Dong Anh Dis., Ha Noi City, Viet Nam.
TAX ID: 0100148923
TEL. 84-024-3882-0222, FAX. 84-024-3882-0220
Email : thinhnt@ls-electric.com.vn / eip@ls-electric.com.vn

L/C issuing bank

Notify Party
THAI SON NAM TRADING COMPANY LTD.
116 D1 Street, Him Lam Urban, Tan Hung Ward, District. 7,
HCM City, Vietnam.
TAX ID : 0303127291
Tel: +84-28-62.63.84.85
Email : hoangmanhhung@thaisonnam.vn

Remarks
FREIGHT PREPAID

Port of Loading	Final Destination
BUSAN, KOREA	HOCHIMINH, VIET NAM

Carrier	Sailing on or about
SAWASDEE SHANGHAI 2304S	FEB.19.2023

Marks and number of PKGS	Description of Goods	Quantity	Net-weight	Gross-weight	Measurement
THAI SON NAM SHIP TO HOCHIMINH COMMODITY : ELECTRIC EQUIPMENT CI NO. : SLEO-23010270-1 EXPORTER : LS ELECTRIC CO., LTD. IMPORTER : LS ELECTRIC VIETNAM CO., LTD.	CIF HOCHIMINH IN US DOLLARS AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER (MCCB) HS CODE 853620 #6856 PCS AUTOMATIC CIRCUIT BREAKER PART HS CODE 830150 #9 PCS; 853890 #284 PCS CONTACTOR RELAY HS CODE 853649 #122 PCS EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER (ELCB) HS CODE 853650 #571 PCS ELECTRONIC MOTOR PROTECTION RELAY (EMPR) HS CODE 853649 #60 PCS FUSE(POWER) HS CODE 853510 #9 PCS MAGNETIC CONTACTOR (MC) HS CODE 853641 #280 PCS; 853649 #15605 PCS MAGNETIC CONTACTOR PART HS CODE 853229 #70 PCS; 853890 #201 PCS MANUAL MOTOR STARTER (MMS) HS CODE 853650 #24 PCS RESIDUAL CURRENT CIRCUIT BREAKER (RCCB) HS CODE 853650 #1506 PCS SURGE PROTECTIVE DEVICE (SPD) HS CODE 853630 #58 PCS THERMAL OVERLOAD RELAY (TH RY) HS CODE 853649 #7755 PCS VACUUM CIRCUIT SWITCH (VCS) HS CODE 853530 #6 PCS				
TOTAL 126 BOXES ONLY		33,416 PCS	20056.00 KGS	23729.00 KGS	80.9456 CBM

- DETAILS ARE AS ATTACHED -

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

34	MT-12 2.1A		50 PCS	6.19	KGS				
	HANDLE: N-70S		10 PCS	17.98	KGS				
	HANDLE: DH250-S		50 PCS	22.48	KGS				
	CAPACITOR UNIT: AC-50		20 PCS	2.56	KGS				
	CAPACITOR UNIT: AC-75		50 PCS	6.79	KGS				
		Sub Total	180	56.00	KGS	86.00	KGS	0.6521	CBM
35	ABS1203b 1200A		3 PCS	63.16	KGS				
	MT-32 19A		60 PCS	10.95	KGS				
	MC-32a 32A (AC24V)		20 PCS	12.03	KGS				
	MC-32a 32A		20 PCS	11.43	KGS				
	MC-32a 32A		100 PCS	60.16	KGS				
	AX for ABN403c~803c		50 PCS	2.01	KGS				
	SHT for ABS1003~1204b		10 PCS	4.27	KGS				
	UVT for ABN403c~803c		10 PCS	0.90	KGS				
	UVT for ABN100c~ABH250c		20 PCS	2.09	KGS				
		Sub Total	293	167.00	KGS	197.00	KGS	0.6521	CBM
36	MT-32 7.5A		600 PCS	102.00	KGS				
		Sub Total	600	102.00	KGS	132.00	KGS	0.6521	CBM
37	BK10S-T2 2P 385V 20kA		12 PCS	3.99	KGS				
	BK20S-T2 2P 385V 40kA		5 PCS	1.66	KGS				
	BK20S-T2 4P 385V 40kA		2 PCS	1.16	KGS				
	BK30S-T2 4P 385V 60kA		12 PCS	7.82	KGS				
	MT-95 65A		150 PCS	73.20	KGS				
	MC-9b 9A (AC24V)		30 PCS	10.46	KGS				
	MC-22b 22A (DC24V)		10 PCS	4.78	KGS				
	INTERLOCK UNIT: AR-600		1 PCS	14.93	KGS				
		Sub Total	222	118.00	KGS	148.00	KGS	0.6521	CBM
38	M/I KIT,WIRE_2WAY,AN,AS,AH-D,F,A/S		4 PCS	23.22	KGS				

		Sub Total	120	190.00	KGS	220.00	KGS	0.6521	CBM
126	MC-9b 9A		480 PCS	168.00	KGS				
		Sub Total	480	168.00	KGS	198.00	KGS	0.6521	CBM
127	MC-100a 100A		120 PCS	190.00	KGS				
		Sub Total	120	190.00	KGS	220.00	KGS	0.6521	CBM
		TOTAL 126 BOXES ONLY	33,416	20056.00	KGS	23729.00	KGS	80.9456	CBM

//

LS ELECTRIC CO., LTD

Signed by J. K. KOO / Chairman

LS ELECTRIC Co., Ltd.

ORIGINAL

1. Exporter
DONGGUAN FOOKMAN IMPORT & EXPORT CO.,LTD
DONGGUAN CHINA
VIA DELTA ELECTRONICS INT'L (SINGAPORE) PTE. LTD.
17 KALLANG JUNCTION, #01-01, TRION,SINGAPORE 339274
***

Serial No. CCPIT623 2303984485
Certificate No. 23C4419A0005/00345

International Chamber of Commerce ICC World Chambers Federation Certificate of Origin Accessing Chambers CN1300101

CERTIFICATE OF ORIGIN
OF
THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

2. Consignee
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
6/293 TAN MAI STREET,TAN MAI,HOANG MAI DISTRICT HA NOI CITY,VIETNAM

3. Means of transport and route
FROM DONGGUAN TO HONGKONG BY TRUCK
THENCE TRANSHIPPED TO VIETNAM BY SEA

5. For certifying authority use only

4. Country / region of destination
VIETNAM

VERIFY URL:HTTP://CHECK.CCPITECO.NET/

6. Marks and numbers	7. Number and kind of packages; description of goods	8. H.S.Code	9. Quantity	10. Number and date of invoices
	SWITCHING POWER SUPPLY P/L: 9201464677	8504401400	700PCS G. WEIGHT 246.12KGS	9201464677/9201464561 AUG.24,2023
	AC MOTOR DRIVES P/L: 9201464561	85044099	15PCS G. WEIGHT 51.3KGS	
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT HA NOI,VIETNAM C/NO:1-2 P/NO:1 P/NO:1-2,C/NO:22-25 MADE IN CHINA PLYWOOD PALLET	TEMPERATURE CONTROL P/L: 9201464560	90328990	5PCS G. WEIGHT 1.2KGS	
	TOTAL:TWENTY SEVEN (27) CTNS IN THREE (3) PLTS AND SIX (6) CTNS ONLY ***			

11. Declaration by the exporter
The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct, that all the goods were produced in China and that they comply with the Rules of Origin of the People's Republic of China.

DONGGUAN FOOKMAN IMPORT & EXPORT CO.,LTD 东莞市福民进出口有限公司 (中国) (CHINA)

DONGGUAN ,CHINA AUG.29.2023

Place and date, signature and stamp of authorized signatory

12. Certification
It is hereby certified that the declaration by the exporter is correct.

中国国际贸易促进委员会 广东省分会 (粤3) CHINA COUNCIL FOR THE PROMOTION OF INTERNATIONAL TRADE (GUANGDONG)
ADDRESS:NO.11,YUNNE WEST 2ND ROAD,GUANCHENG DISTRICT,DONGGUAN,GUANGDONG
FAX:0769-22118715 TEL:0769-22113276

DONGGUAN ,CHINA AUG.29.2023

Place and date, signature and stamp of certifying authority

DELTA ELECTRONICS INC.
4 KAKI BUKIT AVENUE 1, #05-04
SINGAPORE 417939
Tel: (02)87972088
Fax: (02) 87972088

TO WHOM IT MAY CONCERN

Distributor:	***HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY*** *No 6, Lane 293, Tan Mai Street, Tan Mai Ward, Hoang Mai District, Hanoi.*
Purchase Oder No.:	*PO2308040028, PO2308080016, PO2307180049, PO2302220115, PO2209200113 /DELTA - HOPLONGTECH*
Invoice No.:	*9201464560*
Date:	*22-August-2023*

Certification of Quality

WE HEREWITH CERTIFICATE THAT THE QUALITY OF GOODS FOR PURCHASE ODER MENTIONED HAVE ALL SPECIFICATIONS ACCORDING TO QUALITY CONTROL SYSTEM OF DELTA ELECTRONICS

(This certificate of conformity is provide by computer and without signature valid)

DELTA ELECTRONICS INC., 4 KAKI BUKIT AVENUE 1, #05-04 SINGAPORE 417939

PACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to: H0105709
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Address: NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM

Ship to: H0105710
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Address: WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM

Price Term: FOB HONGKONG

Invoice No.: **9201464560**
Delivery : 8131949787
Invoice Date:08/22/2023
Shipped per: SEA

From: HONG KONG
TO: HA NOI,VIETNAM
Sailing on or about: 08/22/2023
Country of Origin: CHINA

Payment Term: O/A 60 Days

C/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W.(KGS)	G.W.(KGS)
TEMPERATURE CONTROL					
1	PO2308040028				
	(5125332392)	(DTC2000V)	2 PCE	0.22	0.62
	TEMPERATURE CONTROLLER C DIN2000 V 20				
2	PO2308080016				
	(5125335402)	(DTE20V)	3 PCE	0.18	0.58
	PWB ASSEMBLY OF TEMPERATURE CONTROLLER				
2CTNS			5PCE	0.40	1.20
VVVVVVVVVVV		VVVVVVVVVVVVVV		VVVVVVVVVVV	VVVVVVVVVVV

CTN#1(@CTN/2PCS),DIM:33*21*15(CMS)
CTN#2(@CTN/3PCS),DIM:33*21*15(CMS)

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte Ltd

Alan Chan

AUTHORIZED SIGNATURE

SHIPPING MARKS:

HOP LONG TECHNOLOGY JOINT
HA NOI,VIETNAM
C/NO:1-2
MADE IN CHINA
INV#9201464560

'ACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to:	H0105709 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	Invoice No.:	9201464560
		Delivery :	8131949787
Address:	NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM	Invoice Date:	08/22/2023
		Shipped per:	SEA
Ship to:	H0105710 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	From:	HONG KONG
		TO:	HA NOI,VIETNAM
Address:	WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM	Sailing on or about:	08/22/2023
		Country of Origin:	CHINA
		Payment Term:	O/A 60 Days
Price Term:	FOB HONGKONG		

C/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W.(KGS)	G.W.(KGS)

lta's supply of product is subject to Customer's warranties below and compliance of applicable Export Regulation id End-Use Certification for Export Compliance, including Customer's compliance, at its own expense, with th port and import laws, sanctions laws, and national security laws and regulations of the United States and the law all other jurisdictions relating to export control and international trade activities (individually an llectively "Laws").

istomer warrants that it is not designated or otherwise subject to economic sanctions or other restriction irsuant to any Laws, and that no individual or entity designated or otherwise subject to economic sanctions unde ly Laws owns a 50% or more interest in Customer, and does not control the Customer, directly or indirectly istomer shall notify Delta immediately of any possible change of the foregoing.

istomer shall not sell, transfer, import, export or re-export, ship, transship, release, disclose, export o -export of, the software, Delta products or any other product, technology, or information that it obtain reunder, in violation of any Laws or without any license or approval required thereunder. Customer or any party i ntrol or possession of Delta product or any other product, technology, or information provided hereunder shall b lely responsible to ensure that its action is conducted in accordance with such Laws.

Sales: VANTI Plant: DSG1

E.&.O.E.

PACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to: H0105709
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Address: NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM

Ship to: H0105710
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Address: WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM

Price Term: FOB HONGKONG

Invoice No.: 9201464561
Delivery : 8131949803
Invoice Date:08/22/2023
Shipped per: SEA

From: HONG KONG
TO: HA NOI,VIETNAM
Sailing on or about: 08/22/2023
Country of Origin: CHINA

Payment Term: O/A 60 Days

P/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W.(KGS)	G.W.(KGS)
AC MOTOR DRIVES					
1	PO2307180049				
	(5125320985)	(VFD015EL21A)	10 PCE	20.50	43.10
	AC MOTOR DRIVES 2HP 230S EL-B 3				
1	PO2307180049				
	(5125320985)	(VFD5A5ME43ANNAA)	5 PCE	7.50	8.20
	AC MOTOR DRIVES 3PH 460V 3HP C 4				
1PLT(6CTNS)			15PCE	28.00	51.30
VVVVVVVVVVV		VVVVVVVVVVVVVV		VVVVVVVVVVV	VVVVVVVVVVV

PLT#1=CTN#1-3(3CTNS;@CTN/3PCS),DIM:122*102*98(CMS)
+CTN#4(1CTN;@CTN/1PCE)
+CTN#5(1CTN;@CTN/4PCS)
+CTN#6(1CTN;@CTN/1PCE)

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte Ltd

Alan Chan

AUTHORIZED SIGNATURE

SHIPPING MARKS:

HOP LONG TECHNOLOGY JOINT
HA NOI,VIETNAM
P/NO:1
MADE IN CHINA
INV#9201464561
PALLET PLYWOOD

E.&.O.E.

'ACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore)
Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to:	H0105709 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	Invoice No.:	9201464561
		Delivery :	8131949803
Address:	NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM	Invoice Date:	08/22/2023
		Shipped per:	SEA
Ship to:	H0105710 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	From:	HONG KONG
		TO:	HA NOI,VIETNAM
Address:	WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM	Sailing on or about:	08/22/2023
		Country of Origin:	CHINA
		Payment Term:	O/A 60 Days
Price Term:	FOB HONGKONG		

P/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W.(KGS)	G.W.(KGS)

elta's supply of product is subject to Customer's warranties below and compliance of applicable Export Regulation id End-Use Certification for Export Compliance, including Customer's compliance, at its own expense, with th port and import laws, sanctions laws, and national security laws and regulations of the United States and the law all other jurisdictions relating to export control and international trade activities (individually an llectively "Laws").

istomer warrants that it is not designated or otherwise subject to economic sanctions or other restriction irsuant to any Laws, and that no individual or entity designated or otherwise subject to economic sanctions unde ly Laws owns a 50% or more interest in Customer, and does not control the Customer, directly or indirectly istomer shall notify Delta immediately of any possible change of the foregoing.

istomer shall not sell, transfer, import, export or re-export, ship, transship, release, disclose, export o -export of, the software, Delta products or any other product, technology, or information that it obtain reunder, in violation of any Laws or without any license or approval required thereunder. Customer or any party i ntrol or possession of Delta product or any other product, technology, or information provided hereunder shall b lely responsible to ensure that its action is conducted in accordance with such Laws.

Sales: VANTI Plant: DSG1

E.&.O.E.

PACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to: H0105709
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Address: NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM
Ship to: H0105710
HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Address: WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM

Price Term: FOB HONGKONG

Invoice No.: 9201464677
Delivery : 8131949812
Invoice Date:08/22/2023
Shipped per: SEA

From: HONG KONG
TO: HA NOI,VIETNAM
Sailing on or about: 08/22/2023
Country of Origin: CHINA

Payment Term: O/A 60 Days

P/NO	C/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W.(KGS)	G.W.(KGS)
SWITCHING POWER SUPPLY						
1		PO2302220115 (5125229520) DINRAIL PS 24V/120W/5A	(DRL-24V120W1EN)	100 PCE	44.50	79.30
2		PO2209200113 (5125138379) PANEL MOUNT PS 24V/2.2A	(PMT-24V50W2BA)	400 PCE	68.00	111.80
2		PO2302220115 (5125229520) PANEL MOUNT PS 24V/2.2A	(PMT-24V50W2BA)	100 PCE	17.00	21.20
	22	PO2302220115 (5125229520) DINRAIL PS 24V/3.125A	(DRL-24V75W1AZ)	28 PCE	5.49	6.90
	23	PO2302220115 (5125229520) DINRAIL PS 24V/3.125A	(DRL-24V75W1AZ)	22 PCE	4.31	5.72
	24	PO2302220115 (5125229520) PANEL MOUNT PS 24V/6.25A	(PMT-24V150W2BA)	28 PCE	10.42	11.72
	25	PO2302220115 (5125229520) PANEL MOUNT PS 24V/6.25A	(PMT-24V150W2BA)	22 PCE	8.18	9.48
2PLTS(21CTNS)				700PCE	157.90	246.12
4CTNS				VVVVVVVVVVVVVV	VVVVVVVVVVV	VVVVVVVVVVV
VVVVVVVVVV						

PLT#1=CTN#1-5(5CTNS;@CTN/17PCS),DIM:122*102*33(CMS)
+CTN#6(1CTN;@CTN/15PCS)
PLT#2=CTN#7-20(14CTNS;@CTN/35PCS),DIM:122*102*51(CMS)
+CTN#21(1CTN;@CTN/10PCS)
CTN#22(@CTN/28PCS),DIM:51*31*18(CMS)
CTN#23(@CTN/22PCS),DIM:51*31*18(CMS)
CTN#24(@CTN/28PCS),DIM:51*31*26(CMS)
CTN#25(@CTN/22PCS),DIM:51*31*26(CMS)

E.&.O.E.

PACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to:	H0105709 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	Invoice No.:	9201464677
		Delivery :	8131949812
Address:	NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM	Invoice Date:	08/22/2023
		Shipped per:	SEA
Ship to:	H0105710 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	From:	HONG KONG
		TO:	HA NOI, VIETNAM
Address:	WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM	Sailing on or about:	08/22/2023
		Country of Origin:	CHINA
		Payment Term:	O/A 60 Days
Price Term:	FOB HONGKONG		

P/NO	C/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W. (KGS)	G.W. (KGS)

SHIPPING MARKS:

HOP LONG TECHNOLOGY JOINT
HA NOI, VIETNAM
P/NO:1-2, C/NO:22-25
MADE IN CHINA
INV#9201464677
PALLET PLYWOOD

Delta Electronics Int'l (Singapore) Pte Ltd

Alan Chan
.....
AUTHORIZED SIGNATURE

'ACKING LIST

Delta Electronics Int'l (Singapore)
Pte. Ltd
17 Kallang Junction, #01-01, TRION
Singapore 339274
Tel: (+65) 6747 5155 Fax: 6744 9228
CO/GST Reg No: 201016894N

DELTA

Invoice to:	H0105709 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	Invoice No.:	9201464677
		Delivery :	8131949812
Address:	NO.6, LANE 293, TAN MAI STREET, TAN MAI WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI VIETNAM	Invoice Date:	08/22/2023
		Shipped per:	SEA
Ship to:	H0105710 HOP LONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	From:	HONG KONG
		TO:	HA NOI,VIETNAM
Address:	WAREHOUSE G1- NO.946 BACH DANG, THANH LUONG, HAI BA TRUNG, HA NOI VIETNAM	Sailing on or about:	08/22/2023
		Country of Origin:	CHINA
		Payment Term:	O/A 60 Days
Price Term:	FOB HONGKONG		

P/NO	C/NO	P.O. NO	PART NO.	QTY	N.W.(KGS)	G.W.(KGS)

:lta's supply of product is subject to Customer's warranties below and compliance of applicable Export Regulation ıd End-Use Certification for Export Compliance, including Customer's compliance, at its own expense, with th :port and import laws, sanctions laws, and national security laws and regulations of the United States and the law ' all other jurisdictions relating to export control and international trade activities (individually an)llectively "Laws").

ıstomer warrants that it is not designated or otherwise subject to economic sanctions or other restriction ırsuant to any Laws, and that no individual or entity designated or otherwise subject to economic sanctions unde ıy Laws owns a 50% or more interest in Customer, and does not control the Customer, directly or indirectly ıstomer shall notify Delta immediately of any possible change of the foregoing.

ıstomer shall not sell, transfer, import, export or re-export, ship, transship, release, disclose, export o :-export of, the software, Delta products or any other product, technology, or information that it obtain :reunder, in violation of any Laws or without any license or approval required thereunder. Customer or any party i)ntrol or possession of Delta product or any other product, technology, or information provided hereunder shall b)lely responsible to ensure that its action is conducted in accordance with such Laws.

Sales: VANTI Plant: DSG1

E.&.O.E.

3. Bơm chìm, đĩa Phi

1. Exporter (Name, address, country) TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD. 16-40, 4-CHOME, TSURUMI, TSURUMI-KU OSAKA 538-8585, JAPAN PHONE :+81-6-6911-7271 / FAX :+81-6-6911-0100 E-mail:intsales@tsurumipump.co.jp	**CERTIFICATE OF ORIGIN** issued by The Osaka Chamber of Commerce & Industry Osaka, Japan
2. Consignee (Name, address, country) TSURUMI PUMP VIET NAM CO.,LTD. LOT HT-D6E, ROAD 14A, HIEP PHUOC INDUSTRIAL PARK, (PHASE 2), HIEP PHUOC COMMUNE, NHA BE DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM MR.SUWA PHONE:84-28-3620-8621 TAX ID:0314226417	*print ORIGINAL or COPY ORIGINAL 3. No.and date of Invoice 730969 November 16, 2023 4. Country of Origin JAPAN
5. Transport details From : OSAKA, JAPAN To : HOCHIMINH, VIETNAM By : SITC SHENGDE 2322S On or about : November 28, 2023	6. Remarks

7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods

TSURUMI BRAND SUBMERSIBLE PUMPS, ROTARY BLOWERS, SUBMERSIBLE MIXERS, ACCESSORIES AND SPARE PARTS

		8. Quantity
1);	RSR-80 FOR 1,570RPM/5.5KW	5 SETS
2);	RSR-80 FOR 1,570RPM/5.5KW	5 SETS
3);	RSR-100 FOR 1,240RPM/5.5KW	5 SETS
4);	RSR-100 FOR 1,240RPM/5.5KW	5 SETS
5);	RSR-50 FOR 1560RPM/2.2KW	4 SETS
6);	MR21NF750-51 380/400/415V-50	10 SETS
7);	50PU2.4-53 380/400/415V-50	30 SETS
8);	50PU2.75-53 380/400/415V-50	50 SETS
9);	50TM2.4-53 380/400/415V-50	2 SETS
10);	80C23.7-CR-52 380/400/415V-50	4 SETS
11);	50SF2.75-53 380/400/415V-50	10 SETS
12);	50SF21.5-53 380/400/415V-50	10 SETS
13);	40PSF2.4-53 380/400/415V-50	2 SETS
14);	80C22.2-CR-52 380/400/415V-50	2 SETS

- To be continued -

9. Declaration by the Exporter

The undersigned,as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.

Place and Date: OSAKA, JAPAN November 29, 2023

(Signature)

(Name)
Toru Miwa

10. Certification

The undersigned hereby certifies,on the basis of relative invoice and other supporting documents,that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.

The Osaka Chamber of Commerce & Industry

Masako Iwa
November 29, 2023

Certificate No. 2701-0823-0492691

Identify the authenticity or certificate for verification with the website (https://ref.jcci.or.jp/) or the right QR Code.

Access Code. 65wZ-9729-m59B-hL8b
Number. 1／2
Certificate Date. November 29, 2023

7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods		8. Quantity
15) ;	50PUA2.75S-53 220/230V-50	5 SETS
16) ;	250BZ445H-51 380/400/415V-50	1 SET
17) ;	80C25.5-CR-52 CT10 380/400/415V-50	2 SETS
18) ;	50SF23.7-53 380/400/415V-50	5 SETS
19) ;	TOSH-80	10 SETS
20) ;	100C47.5-54 380/400/415V-50	1 SET
21) ;	100C47.5-54 380/400/415V-50	1 SET
22) ;	50SF23.7-53 380/400/415V-50	15 SETS
23) ;	100B43.7H-E1 380/400/415V-50	5 SETS
24) ;	MINI-FLOAT MF-3A W/6M CABLE	100 SETS
25) ;	IMPELLER T0350B637-53	3 PCS
26) ;	PACKING	4 PCS
27) ;	BEARING	2 PCS
28) ;	BEARING	2 PCS
29) ;	PACKING	2 PCS
30) ;	PACKING	2 PCS
31) ;	PACKING	5 PCS
32) ;	PACKING	2 PCS
33) ;	O-RING	17 PCS
34) ;	TRUSS SCREW	12 PCS
35) ;	IMPELLER	4 PCS
36) ;	IMPELLER	2 PCS
		Total 289 SETS AND 57 PCS

Marks and numbers: TPV 730969 C/NO.1-32

Number and kind of packages: 32 PACKAGES
//

9. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.

Place and Date: OSAKA, JAPAN November 29, 2023

(Signature)

(Name)
Toru Miwa

10. Certification

The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.

The Osaka Chamber of Commerce & Industry

Masako Iwa
November 29, 2023

Certificate No. 2701-0823-0492691

Identify the authenticity or certificate for verification with the website (https://ref.jcci.or.jp/) or the right QR Code.

Access Code. 65wZ-9729-m59B-hL8b
Number. 2／2
Certificate Date. November 29, 2023

CERTIFICATE OF ORIGIN

issued by
The Osaka Chamber of Commerce & Industry
Osaka, Japan

1. Exporter (Name, address, country)
TSURUMI MANUFACTURING CO., LTD.
16-40, 4-CHOME, TSURUMI, TSURUMI-KU OSAKA 538-8585, JAPAN
PHONE :+81-6-6911-7271 / FAX :+81-6-6911-0100 E-mail:intsales@tsurumipump.co.jp

*print ORIGINAL or COPY
ORIGINAL

2. Consignee (Name, address, country)
TSURUMI PUMP VIET NAM CO.,LTD.
LOT HT-D6E, ROAD 14A, HIEP PHUOC INDUSTRIAL PARK, (PHASE 2), HIEP PHUOC COMMUNE, NHA BE DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM MR.SUWA PHONE:84-28-3620-8621 TAX ID:0314226417

3. No.and date of Invoice
740032
April 17, 2024

4. Country of Origin
JAPAN

5. Transport details
From : OSAKA, JAPAN
To : HOCHIMINH, VIETNAM
By : TIGER LIANYUNGANG 2410S
On or about : April 27, 2024

6. Remarks

7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods

8. Quantity

TSURUMI BRAND SUBMERSIBLE PUMPS, ROTARY BLOWERS, SUBMERSIBLE MIXERS, ACCESSORIES AND SPARE PARTS

1);	RSR-50 for 1,560RPM/2.2KW	6 SETS
2);	RSR-65 for 1,670RPM/3.7KW	6 SETS
3);	RSR-80 for 1,570RPM/5.5KW	4 SETS
4);	RSR-100 for 1,480RPM/7.5KW	4 SETS
5);	50U2.75-56 380/400/415V-50	25 SETS
6);	50B2.75-53 380/400/415V-50	20 SETS
7);	MR21NF750-51 380/400/415V-50	4 SETS
8);	4-FSP2 380/400/415V-50	1 SETS
9);	8-FSP3 380/400/415V-50	2 SETS
10);	LH837-50 380V-50	2 SETS
11);	MR21NF400-51 380/400/415V-50	5 SETS
12);	40PU2.25-53 380/400/415V-50	30 SETS
13);	50PU2.75-53 380/400/415V-50	30 SETS
14);	50SF2.75-53 380/400/415V-50	10 SETS

- To be continued -

9. Declaration by the Exporter
The undersigned,as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.

Place and Date: OSAKA, JAPAN May 7, 2024

(Signature)

(Name)
Toru Miwa

10. Certification
The undersigned hereby certifies,on the basis of relative invoice and other supporting documents,that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.

The Osaka Chamber of Commerce & Industry

Tanaka Masatoshi
May 7, 2024

Certificate No. 2701-6424-0095601

Identify the authenticity or certificate for verification with the website (https://ref.jcci.or.jp/) or the right QR Code.

Access Code. 9rb8-Uss5-8F3s-t583
Number. 1／2
Certificate Date. May 7, 2024

7. Marks, numbers, number and kind of packages; description of goods		8. Quantity
15);	50SFQ2.75-52 380/400/415V-50	2 SETS
16);	50B2.75-53 380/400/415V-50	10 SETS
17);	100B43.7-E1 380/400/415V-50	20 SETS
18);	150B411-54 380/400/415V-50	6 SETS
19);	150B47.5H-54 380/400/415V-50	2 SETS
20);	4-FSP2 380/400/415V-50	5 SETS
21);	MR21NF400-51 380/400/415V-50	10 SETS
22);	40PU2.25-53 380/400/415V-50	40 SETS
23);	50PU2.75-53 380/400/415V-50	20 SETS
24);	50B2.75H-53 CT10 380/400/415V-50	2 SETS
25);	MINI-FLOAT MF-3A W/6M CABLE	50 PCS
26);	IMPELLER	2 PCS
27);	IMPELLER	2 PCS
28);	SUCTION COVER	1 PCE
29);	PUMP CASING	1 PCE
30);	MECHANICAL SEAL	2 PCS
31);	OIL SEAL	5 PCS
32);	PACKING O-RING SET	4 PCS
		Total 316 SETS AND 17 PCS

Marks and numbers: TPV 740032 C/NO.1-33

Number and kind of packages: 33 PACKAGES
//

9. Declaration by the Exporter

The undersigned, as an authorized signatory, hereby declares that the above-mentioned goods were produced or manufactured in the country shown in box 4.

Place and Date: OSAKA, JAPAN May 7, 2024

(Signature)

(Name)
Toru Miwa

10. Certification

The undersigned hereby certifies, on the basis of relative invoice and other supporting documents, that the above-mentioned goods originate in the country shown in box 4 to the best of its knowledge and belief.

The Osaka Chamber of Commerce & Industry

Tanaka Masatoshi
May 7, 2024

Certificate No. 2701-6424-0095601

Identify the authenticity or certificate for verification with the website (https://ref.jcci.or.jp/) or the right QR Code.

Access Code. 9rb8-Uss5-8F3s-t583
Number. 2/2
Certificate Date. May 7, 2024

4.1 Máy khuấy

1.Exporter HENG LONG ELECTRIC CO., LTD NO. 288-2, SEC., 3, JYUNGUANG RD., HEX 852 JIADING DIST., KAOHSIUNG CITY, TAIWAN	CERTIFICATE NO. EJ24FA02813 Page 1 of 2 **CERTIFICATE OF ORIGIN** (Issued in Taiwan) **ORIGINAL**
2. Importer THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD NO.52, LANE 116, MIEU DAM STREET, ME TRI COMMUNE, NAM TU LIEM DIST., HANOI, VIETNAM	
3. Port of Loading KAOHSIUNG PORT, TAIWAN	4. Port of Discharge HAIPHONG PORT, TAIWAN 5. Country of Destination VIET NAM

6. Description of Goods		7. Quantity/Unit
Thang Long Investment Green Technology Co., Ltd. HAI PHONG PORT, VIETNAM PKG NO.1-10 MADE IN TAIWAN	1. COMMODITY: SUBMERSIBLE PUMP AND SUBMERSIBLE MIXER, DETAILS AS ARTICLE 1 OF CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024 2. QUALITY: 100PCT BRAND NEW 3. ORIGIN: TAIWAN 4. PACKING: STANDARD EXPORT PACKING 5. TOTAL QUANTITY: 336 PCS 6. TOTAL AMOUNT: USD52,884.00 7. TRADE TERMS: FOB ANY PORT IN TAIWAN, INCOTERMS 2010. 8. OTHER TERMS AND CONDITIONS AS PER CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024	
	B Series: Non-Clog Sewage Submersible Pump	
	B-3052 0.5HP 2" 3PH/380V/50Hz	50 PCS
	B-1052 0.5 HP 2" 1PH/220V/50HZ	50 PCS
	B-312 1HP 2" 3PH/380V/50Hz	40 PCS
	B-323 2HP 3" 3PH/380V/50Hz	20 PCS
	B-333 3HP 3" 3PH/380V/50Hz	10 PCS
	B-353 5HP 3" 3PH/380V/50Hz	5 PCS
	FS Series: Scum Skimmer	
	FS-3052 0.5HP 2" 3PH/380V/50Hz	10 PCS
	L Series: Portable Sump Pump	
	L-10315 1/3HP 1.5" 1PH/220V/50Hz	100 PCS
	P Series: Non-clog Stainless Steel Sewage Pump	
	P-312 1HP 2" 3PH/380V/50Hz	15 PCS
	P-323J	6 PCS

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

Certification

It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.

Kaohsiung City New Chamber of Commerce

MAY 03 2024 Certificate of Origin Kaohsiung City New Chamber of Commerce

Chou Yu Chen

Authorized signature

No.33, Siehe Rd., Fongshan District, Kaohsiung City , Taiwan

Tel: 886-7-7424151 Fax: 886-7-7466688

Date of Certification : MAY 3 2024

COMMODITY DESCRIPTION SUPPLEMENT	CERTIFICATE NO. EJ24FA02813	Page 2 of 2

6. Description of Goods	7. Quantity/Unit
2HP 3" 3PH/380V/50Hz w/elbow RM Series: Submersible Mixer RM-3052 0.5HP 3PH/380V/50Hz RM-313 1HP 3PH/380V/50Hz	20 PCS 10 PCS 336 PCS
SAY TOTAL NINE (9) PALLETS AND ONE (1) CRATE ONLY.	
Sales Contract No. HLP-24030502-R1	
QUALITY: 100PCT BRAND NEW ORIGIN: TAIWAN PACKING: STANDARD EXPORT PACKING TOTAL QUANTITY: 336 PCS. TRADE TERMS: FOB ANY PORT IN TAIWAN, INCOTERMS 2010. OTHER TERMS AND CONDITIONS AS PER CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024	
L/C No.: 0264IL2400031	
L/C Date: 240425	

MAY 03 2024
Certificate of Origin
Kaohsiung City New Chamber of Commerce

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

Grampus PUMPS	**HENG LONG ELECTRIC CO., LTD** No. 288-2, Sec., 3, Jyunguang Rd., Jiading Dist., Kaohsiung City 852. Taiwan	Certificate No.20240505001 Date: 5/5/2024

HENG LONG ELECTRIC CO., LTD.
PROFESSIONAL MANUFACTURER
OF SUBMERSIBLE PUMP

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

We, HENG LONG ELECTRIC CO., LTD offer one year of warranty against B/L on board date of 5/5/2024, detect on all GRAMPUS PUMPS.
(Not included the damage caused by the natural accident and consumption and abnormally operation.)
Quality:100% Brand new made in 2024.

Description of goods: Package Marks and Serial Numbers			Quantity/ Unit
Sales Contract No. HLP-24030502-R1			
B Series: Non-Clog Sewage Submersible Pump			
B-3052	0.5HP 2" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240315003001~050)	50 PCS
B-1052	0.5 HP 2" 1PH/220V/50HZ	(S/N: 20240320012001~050)	50 PCS
B-312	1HP 2" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240315005001~040)	40 PCS
B-323	2HP 3" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240314009001~020)	20 PCS
B-333	3HP 3" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240314010001~010)	10 PCS
B-353	5HP 3" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240315006001~005)	5 PCS
FS Series: Scum Skimmer			
FS-3052	0.5HP 2" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240315007001~010)	10 PCS
P Series: Non-Clog Stainless Steel Sewage Pump			
P-312	1HP 2" 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240314005001~015)	15 PCS
P-323J	2HP 3" 3PH/380V/50Hz w/elbow	(S/N: 20240314006001~006)	6 PCS
L Series: Portable Sump Pump			
L-10315	1/3HP 1.5" 1PH/220V/50Hz	(S/N: 20240315008001~100)	100 PCS
RM Series: Submersible Mixer			
RM-3052	0.5HP 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240318005001~020)	20 PCS
RM-313	1HP 3PH/380V/50Hz	(S/N: 20240329002001~010)	10 PCS

HENG LONG ELECTRIC CO., LTD.

亨龍電機股份有限公司

陳政男

HENG LONG ELECTRIC CO., LTD
NO. 288-2, SEC., 3, JYUNGUANG RD., HEX 852 JIADING DIST., KAOHSIUNG CITY, TAIWAN
TEL: 07-6904567 FAX: 07-6907689

R-QMP-024-03

Grampus PUMPS

PACKING LIST

Sales Contract No. HLP-24030502-R1

No. HLP-24030502-R1 Dated: 2024/4/26

PACKING LIST of - SEE BELOW -

For account and risk of Messrs. THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD

ADD: NO. 52, LANE 116, MIEU DAM STREET, ME TRI COMMUNE, NAM TU LIEM DIST., HANOI, VIETNAM

TEL 84 (4) 237856122 FAX 84 (4) 237856122 ATTEN : MR. NGUYEN TRUNG DUNG

Shipped by HENG LONG ELECTRIC CO., LTD

Per MARGARET RIVER BRIDGE V 025S Sailing on or about 2024/5/3

From KAOHSIUNG PORT, TAIWAN to HAI PHONG PORT, VIETNAM

LC NO. 0264IL2400031 L/C Issue Date 240425

MARKS & NOS:
Thang Long Investment Green Technology Co., Ltd.
HAI PHONG PORT, VIETNAM
PKG NO.1-10
MADE IN TAIWAN

Packing No.	Description	Quantity	Net Weight	Gross Weight	Measurement
	1. COMMODITY: SUBMERSIBLE PUMP AND SUBMERSIBLE MIXER. DETAILS AS ARTICLE 1 OF CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024 2. QUALITY: 100PCT BRAND NEW 3. ORIGIN: TAIWAN 4. PACKING: STANDARD EXPORT PACKING 5. TOTAL QUANTITY: 336 PCS 6. TRADE TERMS: FOB ANY PORT IN TAIWAN, INCOTERMS 2010. 7. OTHER TERMS AND CONDITIONS AS PER CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024				
B-1052	0.5 HP 2" 1PH/220V/50HZ	50 PCS	900.00 KGS	930.00 KGS	
L-10315	1/3HP 1.5" 1PH/220V/50Hz	100 PCS	800.00 KGS	830.00 KGS	
B-333	3HP 3" 3PH/380V/50Hz w/elbow	10 PCS	370.00 KGS	635.00 KGS	
B-353	5HP 3" 3PH/380V/50Hz w/elbow	5 PCS	225.00 KGS		
B-323	2HP 3" 3PH/380V/50Hz w/elbow	20 PCS	680.00 KGS	710.00 KGS	
B-3052	0.5HP 2" 3PH/380V/50Hz	50 PCS	850.00 KGS	880.00 KGS	
B-312	1HP 2" 3PH/380V/50Hz	40 PCS	800.00 KGS	1,100.00 KGS	
P-312	1HP 2" 3PH/380V/50Hz	15 PCS	270.00 KGS		
P-323J	2HP 3" 3PH/380V/50Hz w/elbow	6 PCS	210.00 KGS	230.00 KGS	
FS-3052	0.5HP 2" 3PH/380V/50Hz	10 PCS	250.00 KGS	290.00 KGS	
RM-3052	0.5HP 3PH/380V/50Hz	20 PCS	692.00 KGS	1,132.00 KGS	
RM-313	1HP 3PH/380V/50Hz	10 PCS	380.00 KGS		
		336 PCS	6427.00 KGS	6,737.00 KGS	

SAY TOTAL NINE (9) PALLETS AND ONE (1) CRATE ONLY
(LOADED IN ONE 20' CONTAINER)

ORIGIN: TAIWAN
QUALITY: 100PCT BRAND NEW
PACKING: STANDARD EXPORT PACKING
TRADE TERMS: FOB ANY PORT IN TAIWAN

亨龍電機股份有限公司 陳政男

HENG LONG ELECTRIC CO., LTD.

Shipper

HENG LONG ELECTRIC CO., LTD
NO. 288-2, SEC., 3, JYUNGUANG RD.,
HEX 852 JIADING DIST., KAOHSIUNG CITY, TAIWAN

B/L No. KHHPH240500

SO NO . 3022

BEELOGISTICS®

BEE LOGISTICS CORPORATION

WWW.BEELOGISTICS.COM

Bill of Lading

Consignee

TO ORDER OF VIETINBANK QUANG MINH BRANCH

Notify Party

THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD
NO. 52 LANE 116, MIEU DAM STREET, ME TRI WARD,
NAM TU LIEM DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM.

Received in apparent good order and condition, unless otherwise indicar herein, from the Shipper named in this Bill of Lading for carriage, inter alia, the case may be, on board of the ocean vessel named herein or substitute. goods or packages of merchandise stated to be marked, numbered, a described (weight, measure, brand, contents, quantity, quality, and va unknown) to be conveyed via any port or ports and as otherwise provid herein and delivered to the order of or the Consignee named herein, at t port of discharge named (or as near thereto as she may safely get).

In accepting this Bill of Lading the Shipper, Consignee and the Owner of t goods, and the holder of this Bill of Lading, agree to be bound by all conditions, exceptions and provisions, whether printed, stamped or written, otherwise incorporated either on the front or the reverse side hereof.

One of these Combined Transport Bills of Lading must be surrendered d endorsed in exchange for the goods. In Witness whereof the original Combin Transport Bills of Lading all of this tenor and date have been signed in t number stated below, one of which being accomplished the other(s) to be vc

Pre - Carriage by	Place of Receipt
	KAOHSIUNG PORT IN TAIWAN
Vessel and Voy.No	**Port of Loading**
MARGARET RIVER BRIDGE V.025S	KAOHSIUNG PORT IN TAIWAN
Port of Discharge	**Destination**
HAIPHONG PORT, VIETNAM	HAIPHONG PORT, VIETNAM

CARRIER'S RECEIPT — **PARTICULARS FURNISHED BY SHIPPER**

Marks and Numbers	No. of Pkgs	Description of Goods	Gross Weight	Measureme
	1x20'CY VVVVVV	SAID TO CONTAIN : 10PKGS SHIPPER'S LOAD & COUNT	6,737.00 (KGS)	25.0 (CBI
TCKU3175045/20'CY/TW06417AC/CY/CY/10PKGS/25.000CBM/6737.00KGS THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD. HAI PHONG PORT, VIETNAM PKG NO.1-10 MADE IN TAIWAN		SEE ATTACHMENT "FREIGHT COLLECT"	LOAD ON BOARD DATE : MAY.05.2024 VSL/VOY : MARGARET RIVER BRIDGE V.025S PORT OF LOADING: KAOHSIUNG PORT IN TAIWAN	

ORIGINAL

SAY TOTAL ONE (1) 20'CY CONTAINER ONLY

Total No of Containers or Packages (in words)

Freight and Charges etc.	Prepaid	Collect		
			Type of service	CY/CY
			Number of Original B(s)/L	THREE (3)
			Freight Payable	DESTINATION
			Place and Date of Issue	MAY.05.2024

Delivery to be Effective Through
BEE LOGISTICS CORP - HANOI BRANCH
6TH FLOOR, HANOI GROUP BUILDING, 442 DOI CAN,
CONG VI, BA DINH, HA NOI, VIETNAM
TAX ID: 0303482440-002
EMAIL: IMPORT.VNHAN@BEELOGISTICS.COM
TEL: +84-24-37623748 FAX: +84-24-37623750

BEE LOGISTICS (TAIWAN) CO., LTD.

AS CARRIER

** ATTACHED LIST **

VESSEL:MARGARET RIVER BRIDGE

VOY.: 025S

S/O No.:3022

B/L No.:KHHPH2405007

Marks:

Description of Goods:

1. COMMODITY: SUBMERSIBLE PUMP AND SUBMERSIBLE MIXER, DETAILS AS ARTICLE 1 OF CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024
2. QUALITY: 100PCT BRAND NEW
3. ORIGIN: TAIWAN
4. PACKING: STANDARD EXPORT PACKING
5. TOTAL QUANTITY: 336 PCS
6. TRADE TERMS: FOB ANY PORT IN TAIWAN, INCOTERMS 2010.
7. OTHER TERMS AND CONDITIONS AS PER CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024

QUALITY: 100PCT BRAND NEW
ORIGIN: TAIWAN
PACKING: STANDARD EXPORT PACKING
TOTAL QUANTITY: 336 PCS.
TRADE TERMS: FOB ANY PORT IN TAIWAN, INCOTERMS 2010.
OTHER TERMS AND CONDITIONS AS PER CONTRACT NO. HLP-24030502-R1 DATED 12/04/2024

SALES CONTRACT NO. HLP-24030502-R1
L/C NO.: 0264IL2400031
L/C DATE: 240425

10 PKG = 9 PLT + 1 CRT

4.2. Máy thổi khí

1.Exporter TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD. NO.101, LANE 861, FU-KUO ROAD TAOYUAN CITY, TAIWAN, R.O.C	CERTIFICATE NO. EM24BC00319 Page 1 of 2 CERTIFICATE OF ORIGIN (Issued in Taiwan) ORIGINAL
2. Importer THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD NO. 52, LANE 116, MIEU DAM STREET, ME TRI WARD, NAM TU LIEM DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM.	
3. Port of Loading KEELUNG, TAIWAN	4. Port of Discharge HAI PHONG, VIETNAM 5. Country of Destination VIET NAM

6. Description of Goods		7. Quantity/Unit
NO MARKS MADE IN TAIWAN	1/ COMMODITY: Roots Blower details as Article 1 of contract No.: TD-1130301 Date : 2024. March 14 2/ QUALITY: 100% BRAND NEW 3/ ORIGIN: TAIWAN 4/ PACKING: 20 FEET CONTAINER 5/ TOTAL QUANTITY: 98 SETS, 300 PCS	
	ROOTS BLOWER Model : TH- 40 (13030072~13030096)	25 SET
	Model : TH- 50 (13030097~13030126)	30 SET
	Model : TH- 65 (13030127~13030141)	15 SET
	Model : TH- 80 (13030142~13030151)	10 SET
	Model : TH- 100 (13030152~13030157)	6 SET
	Model : TH- 125A (13030158~13030161)	4 SET
	Model : TV- 50A (13032001~13032004)	4 SET
	Model : TV- 65 (13032005~13032006)	2 SET
	Model : TV- 80 (13032007~13032008)	2 SET
	Model : DIFFUSER (DISC-250)	300 PCE

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

Certification

It is hereby certified that the goods described in this certificate originate in Taiwan.

KEELUNG CHAMBER OF COMMERCE

Authorized signature

4F., No.83, Yi 2nd Rd., Jhongjheng District, Keelung City 202, Taiwan
Tel: 886-2-24291234 Fax: 886-2-24278226

基隆市商業會 產地證明 簽證章 MAR 25 2024 Certificate of Origin KEELUNG CHAMBER OF COMMERCE

Date of Certification : MAR 25 2024

COMMODITY DESCRIPTION SUPPLEMENT	CERTIFICATE NO. EM24BC00319	Page 2 of 2

6. Description of Goods	7. Quantity/Unit
SAY TOTAL ONE HUNDRED TWENTY SEVEN (127) PKGS ONLY.	98 SET 300 PCE vvvvvvvvvvvvvvv

商業會
(C/O)

This certificate shall be considered null and void in case of any alteration.

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.

ADD: NO.101, LANE 861, FU-KUO ROAD TAOYUAN CITY, TAIWAN, R.O.C
TEL : +886 3 323 8288 FAX : +886 3 323 8959
E-mail :info@trundean.com Website : www.trundean.com

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

NO. TD-1130301 Dated : 2024. March 25

Description of Goods and/or Service

1/ COMMODITY: Roots Blower details as Article 1 of contract No.: TD-1130301 Date : 2024. March 14
2/ QUALITY: 100% BRAND NEW
3/ ORIGIN: TAIWAN
4/ PACKING: 20 FEET CONTAINER
5/ TOTAL QUANTITY: 98 SETS, 300 PCS
6/ TRADE TERMS: EXW BENEFICIARY'S FACTORY IN TAIWAN

ROOTS BLOWER

	Model : TH- 40 (13030072~13030096)	25	SETS
	Model : TH- 50 (13030097~13030126)	30	SETS
	Model : TH- 65 (13030127~13030141)	15	SETS
	Model : TH- 80 (13030142~13030151)	10	SETS
	Model : TH- 100 (13030152~13030157)	6	SETS
	Model : TH- 125A (13030158~13030161)	4	SETS
	Model : TV- 50A (13032001~13032004)	4	SETS
	Model : TV- 65 (13032005~13032006)	2	SETS
	Model : TV- 80 (13032007~13032008)	2	SETS
	Model : DIFFUSER (DISC-250)	300	PCS
TOTAL QUANTITY:	98 SETS, 300 PCS		PACKED IN 1*20' CONTAINER
SHIPMENT:	SWAN RIVER BRIDGE V.0928		
FROM:	KEELUNG, TAIWAN		TO: HAI PHONG PORT, VIETNAM
SAILING ON /ABOUT:	2024. March 28		

WE HEREBY CERTIFY THAT THE QUALITY AND QUANTITY OF GOODS SHIPPED ARE ACCEPTABLE AND GOODS WERE MADE IN ACCORDANCE WITH BUYER'S SPECIFICATION.

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD

Huang Mei Li

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.
No.101 Lane 861,Fu-Kuo Rd.
Taoyuan, Taiwan
Tel:+886-3-323-8288
Fax:+886-3-323-8959

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.

ADD: NO.101, LANE 861, FU-KUO ROAD TAOYUAN CITY, TAIWAN, R.O.C
TEL : +886 3 323 8288 FAX : +886 3 323 8959
E-mail : mjo@trundean.com Website : www.trundean.com

DETAILED PACKING LIST

NO. : TD-1130301 Dated : 2024. March 25

INVOICE of AS BELOW
For account and risk of Messrs. THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD
NO. 52, LANE 116, MIEU DAM STREET, ME TRI WARD, NAM TU LIEM DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM.
TEL: +84 4 6325 7676 Mr. Nguyen Trung Dung

Per : SWAN RIVER BRIDGE V.092S Sailing on/about : 2024. March 28
From : KEELUNG, TAIWAN TO : HAI PHONG, VIETNAM

P'KG	Description	Quantity		N.W(kg)	G.W(kg)	MEAS
	ROOTS BLOWER					
1~25	*Model : TH- 40 (13030072~13030096)*	25	SETS	875 Kgs	895 Kgs	
1~30	*Model : TH- 50 (13030097~13030126)*	30	SETS	2,550 Kgs	2,570 Kgs	
1~15	*Model : TH- 65 (13030127~13030141)*	15	SETS	1,830 Kgs	1,850 Kgs	
1~10	*Model : TH- 80 (13030142~13030151)*	10	SETS	1,650 Kgs	1,670 Kgs	
1~6	*Model : TH- 100 (13030152~13030157)*	6	SETS	1,200 Kgs	1,220 Kgs	20'CY
1~4	*Model : TH- 125A (13030158~13030161)*	4	SETS	1,944 Kgs	1,964 Kgs	
1~4	*Model : TV- 50A (13032001~13032004)*	4	SETS	484 Kgs	504 Kgs	
1~2	*Model : TV- 65 (13032005~13032006)*	2	SETS	252 Kgs	272 Kgs	
1~2	*Model : TV- 80 (13032007~13032008)*	2	SETS	530 Kgs	550 Kgs	
1~8	*Model : DIFFUSER (DISC-250)*	300	PCS	180 Kgs	200 Kgs	
	TOTAL : 98 SETS, 300PCS			**11,495 Kgs**	**11,695 Kgs**	

TOTAL IN ONE (1) 20 FEET CONTAINER (127 P'KG = 98 BULKS + 1 PALLET (31 Cartons) + 8 CARTONS + 20 BUNDLES)

Description of Goods and/or Service
1/ COMMODITY: Roots Blower details as Article 1 of contract No.: TD-1130301
Date : 2024. March 14
2/ QUALITY: 100% BRAND NEW
3/ ORIGIN: TAIWAN
4/ PACKING: 20 FEET CONTAINER
5/ TOTAL QUANTITY: 98 SETS, 300 PCS
6/ TRADE TERMS: EXW BENEFICIARY'S FACTORY IN TAIWAN

SHIPPING MARKS
NO MARKS
MADE IN TAIWAN

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.

Huang Mei Li

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.
No.101 Lane 861,Fu-Kuo Rd,
Taoyuan, Taiwan
Tel:+886-3-323-8288
Fax:+886-3-323-8959

Shipper

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.
NO.101, LANE 861, FU-KUO ROAD TAOYUAN CITY,
TAIWAN, R.O.C
TEL: +886 3 323 8288 FAX: +886 3 323 8959

B/L No. KEHPH240400

SO NO . 2036

BEELOGISTICS®

BEE LOGISTICS CORPORATION

WWW.BEELOGISTICS.COM

Bill of Lading

Consignee

THANG LONG INVESTMENT GREEN TECHNOLOGY CO., LTD
NO. 52, LANE 116, MIEU DAM STREET, ME TRI WARD,
NAM TU LIEM DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM.
TEL: +84 4 6325 7676
ATTN: MR. NGUYEN TRUNG DUNG

Notify Party

SAME AS CONSIGNEE

Received in apparent good order and condition, unless otherwise indica herein, from the Shipper named in this Bill of Lading for carriage, inter alia, the case may be, on board of the ocean vessel named herein or substitute, goods or packages of merchandise stated to be marked, numbered, a described (weight, measure, brand, contents, quantity, quality, and va unknown) to be conveyed via any port or ports and as otherwise provic herein and delivered to the order of or the Consignee named herein, at port of discharge named (or as near thereto as she may safely get).

In accepting this Bill of Lading the Shipper, Consignee and the Owner of goods, and the holder of this Bill of Lading, agree to be bound by all conditions, exceptions and provisions, whether printed, stamped or written otherwise incorporated either on the front or the reverse side hereof.

One of these Combined Transport Bills of Lading must be surrendered c endorsed in exchange for the goods. In Witness whereof the original Combi Transport Bills of Lading all of this tenor and date have been signed in number stated below, one of which being accomplished the other(s) to be vo

Pre - Carriage by	Place of Receipt
	KEELUNG, TAIWAN
Vessel and Voy.No	Port of Loading
SWAN RIVER BRIDGE V.092S	KEELUNG, TAIWAN
Port of Discharge	Destination
HAI PHONG, VIETNAM	HAI PHONG, VIETNAM

CARRIER'S RECEIPT — PARTICULARS FURNISHED BY SHIPPER

Marks and Numbers	No. of Pkgs	Description of Goods	Gross Weight	Measureme
	1x20'CY VVVVVVV	SAID TO CONTAIN : 127PKGS SHIPPER'S LOAD & COUNT	11,695.00 (KGS)	25.0 (CB
TRHU3787331/20'CY/TW437746A/CY/CY/127PKGS/25.000CBM/11695.00KGS				
NO MARKS MADE IN TAIWAN		SEE ATTACHMENT		
			LOAD ON BOARD DATE : MAR.28.2024 VSL/VOY : SWAN RIVER BRIDGE V.092 PORT OF LOADING: KEELUNG, TAIWAN	
		"FREIGHT COLLECT"		
SAY TOTAL ONE (1) 20'CY CONTAINER ONLY.				

ORIGINAL

Total No of Containers or Packages (in words)

Freight and Charges etc.	Prepaid	Collect

Type of service: CY/CY

Number of Original B(s)/L: THREE (3)

Freight Payable: DESTINATION

Place and Date of Issue: MAR.28.2024

Delivery to be Effective Through
BEE LOGISTICS CORP - HANOI BRANCH
6TH FLOOR, HANOI GROUP BUILDING, 442 DOI CAN,
CONG VI, BA DINH, HA NOI, VIETNAM
TAX ID: 0303482440-002
EMAIL: IMPORT.VNHAN@BEELOGISTICS.COM
TEL: +84-24-37623748 FAX: +84-24-37623750

BEE LOGISTICS (TAIWAN) CO., LTD.

Alice

AS CARRIER

** ATTACHED LIST **

VESSEL:SWAN RIVER BRIDGE

VOY.: 092S

S/O No.:2036

B/L No.:KEHPH2404002

Marks:

Description of Goods:

ROOTS BLOWER

CONTRACT NO TD-1130301
DATE 2024. MARCH 14

127 P'KG =
(98 BULKS + 1 PALLET (31 CARTONS)
+ 8 CARTONS + 20 BUNDLES)

Letter of Certificate

TRUNDEAN MACHINERY

Dear All customers in Viet Nam,

Recently, we have received feedback from customers about the difference between the air blowers and the engines

We, **TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.** confirm that our company only produces air blowers, without engines.

Suppliers in Vietnam, after purchasing the blower, will assemble the engine in accordance with our technical instructions and deliver it to the customer.

Thanks for your trust and using our products.

Please contact us if you have any questions.

This letter will bi effected from August - 05, 2024.

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.

DIRECTOR

Huang Mei Li

TRUNDEAN MACHINERY CO., LTD.
No.101 Lane 861,Fu-Kuo Rd.
Taoyuan, Taiwan
Tel:+886-3-323-8288
Fax:+886-3-323-8959

5. ống

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
TIEN PHONG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

ISO 9001:2015
TIENPHONG : 2024

PHIẾU CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

PCN: 0133488

Số NP 1389/1 CNCL - 2024

1 Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ
2 Tên công trình : Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà
Địa điểm công trình: Đông Lai, Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội
3 Ngày xuất hàng: 27/07/2024

TT	Tên sản phẩm	Cỡ ống (mm)	PN (bar)	Số lượng (m)	Tiêu chuẩn sản phẩm	Kết quả kiểm tra		
						ĐK ngoài (mm)	Chiều dày (mm)	Chiều dài (m)
1	Ống uPVC	48	12.5	56	ISO 1452-2:2009	48,1-48,3	2,9-3,4	4
2	Ống uPVC	34	16	28	ISO 1452-2:2009	33,7-34	2,6-3,0	4
3	Ống uPVC	27	25	56	ISO 1452-2:2009	26,3-26,7	3,0-3,5	4
4	Ống uPVC	21	16	48	ISO 1452-2:2009	21-21,3	1,6-1,9	4

Ghi chú: Phiếu này thay thế cho phiếu chứng nhận xuất xưởng hàng hóa
Sản phẩm đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn sản phẩm công ty đã công bố

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Vũ Thị Diệu Thúy

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
M.S.D.N: 0200167782-C.T.C.P
Đ. NGÔ QUYỀN - TP. HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Chu Văn Phương

l. Phao

B0889344

1 Speditore - Expéditeur - Consigner - Expedidor	B / 0889441 C221M0012048	ORIGINALE
F.A.E.S. DI BERNACCHI S. & C. S.N.C. - VIA DAGNANO, 3 - 52036 PIEVE SANTO STEFANO (AR) - ITALY		

UNIONE EUROPEA
UNION EUROPÉENNE
EUROPEAN UNION UNIÓN EUROPEA

CERTIFICATO DI ORIGINE
CERTIFICAT D'ORIGINE
CERTIFICATE OF ORIGIN CERTIFICADO DE ORIGEN

2 Destinatario - Destinataire - Consignee - Destinatario

MATRA JSC CO.
238 NGUYEN XIEN STR.
HA DINH WARD
THANH XUAN DISTRICT
HA NOI - VIETNAM VIETNAM

3 Paese d'origine - Pays d'origine - Country of origin - País de origen

EUROPEAN UNION - ITALY

4 Informazioni riguardanti il trasporto (indicazione facoltativa)
Informations relatives au transport
Transport details - Expedicion

BY SEA

5 Osservazioni - Remarques - Remarks - Observaciones

INVOICE N. 87 DATE 23/02/2023

6 **N. d'ordine; marche, numeri, quantità e natura dei colli; denominazione delle merci** N° d'ordre; marques, numéros, nombre et nature des colis; désignation des marchandises Item number; marks, numbers, number and kind of packages; description of goods N° de orden; marcas, numeros, nombre y naturaleza de los bultos; designacion de las mercancias	7 Quantità Quantité Quantity Cantidad
Pcs 900 N. 2 PALLET CONTAINING FLOAT SWITCH WITH CABLE AND COUNTERWEIGHT <<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<	GROSS WEIGHT KG 745 NET WEIGHT KG 695 <<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<

8 La sottoscritta Autorità certifica che le merci sopra elencate sono originarie del paese menzionato nel riquadro 3
L'Autorité soussignée certifie que les marchandises designées ci-dessus sont originaires du pays figurant dans la case N° 3
The undersigned Authority certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3
La Autoridad infrascrita certifica que las mercancias designadas son originarias del país indicado en la casilla N° 3

For Italy Verification website visit:
https://co.camcom.infocamere.it (secure token E6219DEF0136)

For ICC Verification website visit https://certificates.iccwbo.org

CAMERA DI COMMERCIO AREZZO-SIENA
P. IL SEGRETARIO GENERALE F.F.
(Avv. Marco Randellini)
L'INCARICATO
(Alessio Sileì Seccchini)

ICC CERTIFICATE OF ORIGIN — INTERNATIONAL CHAMBER OF COMMERCE — WORLD CHAMBERS FEDERATION

Arezzo, 23/02/2023
N. Prot. 2102/2023
N. Prog. 355/2023

Luogo e data del rilascio; denominazione, firma e timbro dell'Autorità competente
Lieu et date de délivrance; désignation, signature et cachet de l'Autorité compétente
Place and date of issue; name, signature and stamp of competent Authority
Lugar y fecha de expedicion; designacion, firma y sello de la Autoridad competente

QUINTILY - ROMA
stampati a cura dell'UNIONCAMERE e distribuiti dalle Camere di Commercio

FAES
FLOATING SWITCHES

F.A.E.S. di Bernacchi S. & C. s.n.c.
Via Dagnano,3 - 52036 Pieve S.Stefano (Arezzo) - Italy
Ph. +39 0575 720104 - Fax +39 0575 720104
www.faes-italia.com - info@faes-italia.com
P. IVA: IT 00276200516

MATRA JSC CO.
238 NGUYEN XIEN STR
HA DINH WARD, THANH XUAN DISTRICT
HA NOI - VIETNAM

CERTIFICATE OF QUALITY AND QUANTITY

COMMODITY	FLOAT SWITCH TECNO
QUANTITY	2 PALLET
WEIGHT	KG 745
INVOICE NO.	87 DATE 23/02/2023

WE HEREBY CERTIFY THAT THE QUALITY OF CAPTIONED PRODUCTS IS IN CONFORMITY WITH OUR QUALITY STANDARD AND THAT TOTAL QUANTITY IS 900 PCS ON 2 PALLET FOR A TOTAL GROSS WEIGHT OF KG 745.

Yours faithfully

FAES S.r.l.
Via Dagnano, 3
52036 PIEVE SANTO STEFANO (AR) Italia
Tel. +39 0575 720104 - P. Iva: 00276200516

FAES
FLOATING SWITCHES
FAES srl
Via Dagnano,3 - 52036 Pieve S.Stefano (Arezzo) - Italy
Ph. +39 0575 720104 - Fax +39 0575 720104
www.faes-italia.com - info@faes-italia.com
P. IVA: IT 00276200516

MATRA JSC CO.
238 NGUYEN XIEN STR
HA DINH WARD, THANH XUAN DISTRICT
HA NOI - VIETNAM

PACKING LIST INVOICE N. 87 DATED 23/02/2023

PALLET N. 1/2

BOX N.	Q.TY/BOX	CODE	DESCRIPTION OF THE GOODS	PCS/BOX	TOT.PCS
1/18-6/18	6	T.3P.C	FLOAT SWITCH TECNO CABLE PVC 3MT COUNTERWEIGHT	60	360
7/18	1	T.3P.C	FLOAT SWITCH TECNO CABLE PVC 3MT COUNTERWEIGHT	40	40
		T.7P.C	FLOAT SWITCH TECNO CABLE PVC 7MT COUNTERWEIGHT	10	10
8/18 - 12/18	5	T.5P.C	FLOAT SWITCH TECNO CABLE PVC 5MT COUNTERWEIGHT	50	250

PALLET N. 2/2

BOX N.	Q.TY/BOX	CODE	DESCRIPTION OF THE GOODS	PCS/BOX	TOT.PCS
13/18	1	T.5P.C	FLOAT SWITCH TECNO CABLE PVC 5MT COUNTERWEIGHT	50	50
14/18 - 18/18	5	T.7P.C	FLOAT SWITCH TECNO CABLE PVC 7MT COUNTERWEIGHT	38	190

GENERAL TOTAL

PALLET	N. 2
CARTON BOX	N. 18
TOT. NET WEIGHT	KG. 695
TOT. GROSS WEIGKT	KG. 745
TOT. CUBAGE	MC. 2,16

FAES S.r.l.
Via Dagnano, 3
52036 PIEVE SANTO STEFANO (AR) Italia
Tel. +39 0575 720104 / P.I.v.a. 00276200516

EXPRESS BILL OF LADING (NOT NEGOTIABLE UNLESS CONSIGNED "TO ORDER")

B/L No. NA23900214H

Shipper

FAES SRL
VIA DAGNANO, 3
52036 PIEVE S. STEFANO (AREZZO)
ITALY

COMBI LINE
Global consolidation services

Sede legale e operativa: Via Fanin, 2 - 20090 Segrate (MI)
Tel. +39 02 213087.1 - Fax +39 02 26929442 - e.mail info@combiline.it - p.i 03973730967

Consigned to order of

MATRA JSC CO.-238 NGUYEN XIEN STR,
HA DINH WARD, THANH XUAN DISTRICT
HA NOI VIETNAM

For delivery please apply to

EVERICH LTD HAIPONG OFFICE
RM 814,8TH FL.,LOT 20A LE HONG
PHONG STREET, NGO QUYEN DIST
HAIPHONG CITY VN

Notify Party (No claim shall attach for failure to notify)

SAME AS ABOVE

RECEIVED by the Carrier the Goods as specified below in apparent good order and condition unless otherwis stated, to be transported to such place as agreed, authorised or permitted herein and subject to all the terms an conditions appearing on the front and reverse of this Bill of Lading to which the Merchant agrees by accepting thi Bill of Lading, any local privileges and customs notwithstanding. The particulars given below as stated by the shipper. Weight contents and value of the Good are unknow to the Carrier. In WITNESS, thereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwis stated hereafter, the same beind accomplished the other(s), if any, to the void. If required by the Carrier one (1 original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the Goods or delivery order.

Ocean Vessel	Place of Receipt			
ONE MACKINAC				
Voy	Port of Loading			
034E	GENOVA			
Port of discharge	Place of Delivery	Freight payable at	Numb. of origin B/L's	
HAIPHONG	HAIPHONG CFS	COLLECT	0 (NONE)	

Marks and Numbers	No of Pkgs. or Shipping Units	Description of goods (said to contain)	Gross weight	Measurement CBM
FDCU 064384/0 9116929+00252222 1/18-18/18 23120721	GOODS STOWED INTO CNTR 1X 40 H.C. 2 PALLET	FLOAT SWITCH TYPE TECNO CABLE AND COUNTERWEIGHT "FREIGHT COLLECT"	745.00	2.270

IF CARGO NOT MARKED, CARRIER IS NOT RESPONSIBLE FOR WRONG DELIVERY
SHIPPER'S STOW, LOAD AND COUNT
express bl

Loaded into container(s)

FDCU 064384 0 SEAL 9116929+00252222

Excess value declaration refer to clause 6 (4) (B) + (C) on reverse side

LCL/LCL

FREIGHT CHARGES:

Copy *Not Negotiable*

"Shipper is fully responsible for freight collect unpaid at destination"

DISBURSEMENT:

"The contract evidenced by or contained in this Bill of Lading is governed by the law of Italy, and any claim or dispute arising hereunder or in connection herewith shall be determined by Courts of Italy and no other Courts."
Unless Cargo insurance is covered through the undersigned, insurance must be arranged by the Merchant himself without recourse action against the undersigned.

Shipped on board above vessel

Date 05/04/2023

Signed by COMBI LINE INTERNATIONAL THE CARRIER

Signed on behalfed of the Carrier
COMBI LINE INTERNATIONAL
THE CARRIER
Place and date of issue
SEGRATE 05/04/2023

(terms continued onback hereof)

PHỤ LỤC 1.4

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Sơn, ngày 05 tháng 09 năm 2024

BIÊN BẢN SỐ: 01/NTCT/ĐĐKT/TNT
NGHIỆM THU CHẠY THỬ ĐƠN ĐỘNG KHÔNG TẢI

Dự án : Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.
Gói thầu : Cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và tư vấn, lập hồ sơ để cấp giấy phép môi trường.
Địa điểm XD : Xã Quang Tiến - Huyện Sóc Sơn - TP Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Nghiệm thu chạy thử đơn động không tải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thời gian chạy thử		Vị trí lắp đặt
				Bắt đầu	Kết thúc	
A	**THIẾT BỊ**					
I	**Bể điều hòa**					
1	**BƠM CHÌM NƯỚC THẢI** Model: **50PU2.75-53**. Qmax = **0.36m3/min** – Hmax = **12.5 m** - Vật liệu: thân S.S 304, cánh bơm Fiber-reinforced Plastic, Trục thép không rỉ 304.Bơm có tích hợp bộ phận nâng dầu (Oil Lifter) giúp tuổi thọ bơm cao hơn. Kiểu cánh bơm: Vortex. Cấp độ bảo vệ : IP68 .CTP bảo vệ quá nhiệt Điện áp:3 pha / 380V / 50 Hz / 0.75 kW Hãng sx: TSURUMI-JAPAN **(Không bao gồm AutoCoupling)**	Cái	02	08h30	08h45	Cuối bể điều hòa, vị trí bơm sang bể thiếu khí
2	**Hệ thống phân phối khí thô** Xuất xứ: Tiền Phong - Việt Nam Vật liệu: Nhựa uPVC - C2 Vật tư phụ: Đai ôm ống; tắc kê....	Hệ	01	08h45	09h00	Đáy bể điều hòa, kết nối với máy thổi khí
3	Phao mực nước Tecno (phao nổi báo cạn) **float switch, bằng PVC với dây phao dài 7m** Loại: Phao quả (phao nổi); Xuất xứ: F.A.E.S – Italy	Cái	01	09h00	09h15	Cuối bể điều hòa, vị trí bơm sang bể thiếu khí
II	**Bể thiếu khí**					

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thời gian chạy thử		Vị trí lắp đặt
				Bắt đầu	Kết thúc	
1	**Motor khuấy chìm** RM-3052 SN: 20240318005011 GRAMPUS TaiWan 3/380V/50Hz Motor 0,4kw TaiWan	Cái	01	09h15	09h30	Cuối bể thiếu khí, vị trí nước chảy tràn sang bể hiếu khí
2	**Hệ thống phân phối khí thô:** Xuất xứ: Tiền Phong - Việt Nam Vật liệu: Nhựa uPVC - C2 Vật tư phụ: Đai ôm ống; tắc kê....	Hệ	01	09h30	09h45	Đáy bể thiếu khí, kết nối với máy thổi khí
III	**Bể hiếu khí**					
1	**ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ** Model: ECD270-E (vành đĩa màu đen) * Đường kính đĩa: 9", Vật liệu màng: EPDM (Bằng cao su màu đen) * Kiểu kết nối: 3/4" MNPT Nipple. Dải lưu lượng 0 – 12 (Sm3/h) * Lưu lượng thiết kế: 2.5 – 5 (Sm3/h). Hãng sản xuất: SSI – USA Ống uPVC D27 C3, D21 C2 và các phụ kiện kèm theo,…	Hệ	01	09h45	10h00	Đáy bể hiếu khí, kết nối với máy thổi khí
2	**Máy thổi khí:** Model: TH-65 - SN: 13030137 – 13030138 Lưu lượng: 1-1,82 m3/phút Cột áp : 5mH2O **TRUNDEAN- TaiWan** 3/380V/50Hz Motor 5,5kw SN: C55244853 - C55244851 Toàn phát VN	Cái	02	08h30	10h30	Phòng kỹ thuật xử lý nước thải, kết nối với hệ thống phân phối khí thô, khí tinh
IV	**Bể lắng sinh học**					

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thời gian chạy thử		Vị trí lắp đặt
				Bắt đầu	Kết thúc	
1	**BƠM CHÌM NƯỚC THẢI** Model: **50PU2.75-53**. Qmax = **0.36m3/min** – Hmax = **12.5 m** - Vật liệu: thân S.S 304, cánh bơm Fiber-reinforced Plastic, Trục thép không rỉ 304.Bơm có tích hợp bộ phận nâng dầu (Oil Lifter) giúp tuổi thọ bơm cao hơn. Kiểu cánh bơm: Vortex. Cấp độ bảo vệ : IP68 .CTP bảo vệ quá nhiệt Điện áp:3 pha / 380V / 50 Hz / 0.75 kW Hãng sx: TSURUMI-JAPAN **(Không bao gồm AutoCoupling)**	Cái	02	10h00	10h15	Lắp đặt tại rốn thu bùn của bể lắng sinh học, đường ống kết nối về bể chứa bùn, bể thiếu khí (có van điều chỉnh lưu lượng)
VI	**Hệ thống điện và đường ống công nghệ**	Hệ	01	08h30	10h30	Kết nối hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà

Ông : Vũ Văn Hà — Chức vụ : Trưởng ban QLDA

Ông : Hoàng Văn Đức — Chức vụ : Cán bộ ban QLDA

b. Đơn vị Tư vấn QLDA và TVGS: Công ty CP tư vấn đầu tư Thái Bình Dương

Ông : Lê Trung Hiếu — Chức vụ : TVGS trưởng

Ông : Vũ Quốc Tiệp — Chức vụ : Cán bộ GS phần CTN

c. Nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Môi trường TNT Việt Nam

Ông : Lê Viết Khiêm — Chức vụ : Chỉ huy trưởng công trình

3. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: Lúc 08 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 09 năm 2024

Kết thúc: Lúc 10 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 09 năm 2024

Tại: Hiện trường xây dựng công trình.

4. Đánh giá công việc đã thực hiện:

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế số 2706/HĐKT/2024/NH-TNT ký ngày 27 tháng 06 năm 2024 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà với Công ty CP tư vấn và Xây dựng môi trường TNT Việt Nam;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.

- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng , thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:
  + TCVN 4055-2012: Tổ chức thi công.
  + TCVN 4516:1988 Thiết bị sản xuất. Yêu cầu chung
  + TCVN 5308-1992: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
  + TCVN 5639:1991 về nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - nguyên tắc cơ bản
  + TCVN 4091:1985. Nghiệm thu các công trình xây dựng;
  + Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.
- Biện pháp thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt
- Hồ sơ nghiệm thu vật tư đầu vào đã được chủ đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ nghiệm thu lắp đặt đã được chủ đầu tư phê duyệt;
- Nhật ký thi công;
- Bản vẽ hoàn công;
- Và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu số: 01/YCNT/ĐĐKT/TNT.

b. Chất lượng thiết bị chạy thử đơn động không tải:

- Đảm bảo chất lượng, động cơ thiết bị chạy ổn định và đúng chiều quay.

c. Các ý kiến khác nếu có:

.....

5. Kết luận :

- Đồng ý nghiệm thu, cho phép cho nhà thầu triển khai công việc tiếp theo

THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU KÝ TÊN:

BAN QLDA	TƯ VẤN QLDA VÀ TVGS	NHÀ THẦU THI CÔNG
Vũ Văn Hà	Lê Trung Hiếu	Lê Viết Khiêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Sơn, Ngày 13 tháng 09 năm 2024

BIÊN BẢN SỐ: 03/NTCT/LĐCT/TNT

NGHIỆM THU CHẠY THỬ LIÊN ĐỘNG CÓ TẢI

Dự án : Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

Gói thầu : Cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và tư vấn, lập hồ sơ để cấp giấy phép môi trường.

Địa điểm XD : Xã Quang Tiến - Huyện Sóc Sơn - TP Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu Công tác chạy thử liên động có tải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Thời gian chạy thử của hệ thống

- Thời gian bắt đầu: 08h30 ngày 10 tháng 09 năm 2024
- Thời gian kết thúc: 08h30 ngày 13 tháng 09 năm 2024

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà.

- Bà : Phạm Thị Thu Hà — Chức vụ: Giám đốc
- Ông : Vũ Văn Hà — Chức vụ: Trưởng ban QLDA
- Ông : Hoàng Văn Đức — Chức vụ: Cán bộ ban QLDA

b. Đơn vị Tư vấn QLDA và TVGS: Công ty CP Tư vấn đầu tư Thái Bình Dương.

- Ông: Trần Minh Hà — Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Lê Trung Hiếu — Chức vụ: TVGS Trưởng

c. Nhà thầu thi công: Công ty CP tư vấn và xây dựng Môi trường TNT Việt Nam.

- Ông: Ngô Thế Trang — Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông: Lê Viết Khiêm — Chức vụ: CHT công trình

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu : 08h30 ngày 10 tháng 09 năm 2024
- Kết thúc: 08h30 ngày 13 tháng 09 năm 2024
- Tại: Hiện trường xây dựng công trình.

4. Đánh giá công việc lắp đặt đã thực hiện:

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế số 2706/HĐKT/2024/NH-TNT ký ngày 27 tháng 06 năm 2024 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà với Công ty CP tư vấn và Xây dựng môi trường TNT Việt Nam;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng , thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:
  + TCVN 4055-2012: Tổ chức thi công.
  + TCVN 4516:1988 Thiết bị sản xuất. Yêu cầu chung

+ TCVN 5308-1992: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng

+ TCVN 5639:1991 về nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - nguyên tắc cơ bản

+ TCVN 4091:1985. Nghiệm thu các công trình xây dựng;

+ Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

- Biện pháp thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ nghiệm thu vật tư đầu vào đã được chủ đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ nghiệm thu lắp đặt đã được chủ đầu tư phê duyệt;
- Hồ sơ nghiệm thu chạy thử đơn động không tải được chủ đầu tư phê duyệt;
- Quy trình vận hành;
- Nhật ký thi công; nhật ký an toàn; Bản vẽ hoàn công;
- Và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu chạy thử liên động có tải của nhà thầu số: 03/YCNT/LĐCT/TNT.

b. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng;

- Đảm bảo an toàn

c. Về khối lượng:

- Theo thiết kế được phê duyệt

d. Về chất lượng chạy thử liên động có tải hạng mục:

- Hạng mục công trình chạy thử liên động có tải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật
- Các thiết bị được lắp đặt đúng kỹ thuật. Các thiết bị chạy đúng theo yêu cầu đề ra, không phát sinh lỗi trong quá trình chạy liên động

e. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Không.

f. Các ý kiến khác: Không.

5. Kết luận:

Chấp thuận nghiệm thu chạy thử liên động có tải hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

THÀNH PHẦN NGHIỆM THU KÝ TÊN:

CHỦ ĐẦU TƯ	TƯ VẤN QLDA VÀ TVGS	NHÀ THẦU THI CÔNG
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
	ThS. Trần Minh Hà	Ngô Thế Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Sơn, ngày 17 tháng 09 năm 2024

BIÊN BẢN SỐ: 01/BBNT/HTHM/TNT

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC THI CÔNG XÂY DỰNG

Dự án : Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

Gói thầu : Cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và tư vấn, lập hồ sơ để cấp giấy phép môi trường.

Địa điểm XD : Xã Quang Tiến - Huyện Sóc Sơn - TP Hà Nội.

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng công trình.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Ngọc Hà.

- Bà: Phạm Thị Thu Hà — Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Vũ Văn Hà — Chức vụ: Trưởng ban QLDA
- Ông: Hoàng Văn Đức — Chức vụ: Cán bộ ban QLDA

b. Đơn vị Tư vấn QLDA và TVGS: Công ty CP tư vấn đầu tư Thái Bình Dương.

- Ông: Trần Minh Hà — Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Lê Trung Hiếu — Chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng

c. Nhà thầu thi công: Công ty CP tư vấn và xây dựng môi trường TNT Việt Nam.

- Ông: Ngô Thế Trang — Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông: Lê Viết Khiêm — Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 08h30, ngày 17 tháng 09 năm 2024
- Kết thúc: 10h30, ngày 17 tháng 09 năm 2024
- Tại: Hiện trường hiện trường xây dựng công trình.

4. Đánh giá hạng mục công trình:

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế số 2706/HĐKT/2024/NH-TNT ký ngày 27 tháng 06 năm 2024 và các phụ lục hợp đồng đã ký giữa Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà với Công ty CP tư vấn và Xây dựng môi trường TNT Việt Nam;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng , thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Tiêu chuẩn quy phạm xây dựng được áp dụng:
  + TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công.
  + TCVN 5637:1991 Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng

+ TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong công trình xây dựng - Yêu cầu chung.

+ TCVN 5308:1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.

+ TCVN 3254:1989 An toàn cháy nổ. Yêu cầu chung.

+ TCVN 4086:1985 An toàn điện trong xây dựng.

+ TCVN 5639-1991: Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản

+ TCXD 7447-2005: Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà

+ TCXDVN 394 - 2007: Thiết kế lắp đặt trang thiết bị Điện trong các công trình xây dựng – Phần an toàn Điện

+ TCXD 51-1984: Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình

+ TCXDVN 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình

+ TCVN 6151-2:2002 - Ống và phụ kiện uPVC dùng để cấp nước - Yêu cầu kỹ thuật

+ QCVN 14:2008 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Các tiêu chuẩn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

- Hồ sơ thi công nghiệm thu bao gồm:

+ Biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành, hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng.

+ Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công giai đoạn thi công.

+ Biên bản nghiệm thu vật liệu/thiết bị/sản phẩm chế tạo sẵn trước khi đưa vào sử dụng.

+ Biên bản nghiệm thu các công việc lắp đặt thiết bị;

+ Kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm, đo lường, hiệu chỉnh, vận hành thử đồng bộ hệ thống thiết bị và kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có).

+ Báo cáo của đơn vị thi công xây dựng về chất lượng lắp đặt thiết bị.

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu số: 01/YCNT/HTHM/TNT.

b. *Về tiến độ thi công:*

- Ngày khởi công: 01/08/2024.

- Ngày hoàn thành chạy thử liên động có tải: 13/09/2024.

c. Về công suất đưa vào vận hành:

- Theo thiết kế (hoặc theo hồ sơ dự thầu): Theo hồ sơ thiết kế đã phê duyệt.

- Theo thực tế đạt được: Đạt yêu cầu.

- Công suất thực tế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 120m3/ngày.đêm

d. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Thi công đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ theo quy định.

e. Về khối lượng công việc lắp đặt thiết bị:

- Căn cứ theo hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu

- Theo bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành

f. Về chất lượng thi công:

- Thi công đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu hồ sơ thiết kế, thay đổi thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt .

g. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế đã được phê duyệt:

- Theo danh mục những sửa đổi thiết kế trong quá trình thi công đính kèm.

h. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

5. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục xây dựng công trình gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và tư vấn, lập hồ sơ để cấp giấy phép môi trường.

THÀNH PHẦN NGHIỆM THU KÝ TÊN:

CHỦ ĐẦU TƯ	TƯ VẤN QLDA VÀ TVGS	NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC HÀ	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH DƯƠNG	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TNT VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu Hà	ThS. Trần Minh Hà	Ngô Thế Trang

PHỤ LỤC 1.5

BẢN SAO GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/201 /GXNCK-UBND	*Sóc Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2011*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án "Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà".

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính Phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết môi trường;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế quản lý chất thải y tế;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận Bản cam kết Bảo vệ môi trường của Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN XÁC NHẬN:

Điều 1: Đại diện chủ đầu tư là Công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc Hà - Địa chỉ liên hệ: P201, Toà nhà A, Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội đã có Văn bản số: 316/CV-CT ngày 28 tháng 03 năm 2011 Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà - Địa điểm thực hiện tại Khu E, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn.

Điều 2: Chủ công trình có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong Bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam theo Quyết định số 35/2002-BKHCNMT ngày 25/06/2002 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường; Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006, 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản hiện hành. Cụ thể:

- Khí thải và bụi phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án phải đảm bảo đạt QCVN 05, 06:2009/BTNMT;

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn và rung động trong xây dựng và hoạt động của Dự án phải đảm bảo đạt TCVN 5949-1998.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định về quản lý rác thải ban hành theo Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án phải được quản lý và xử lý theo quyết định 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/07/1999 của Thủ tướng Chính Phủ về quy chế quản lý chất thải nguy hại; Thông tư 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên - Môi trường và Quyết định 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ y tế về ban hành quy chế quản lý chất thải y tế.

- Việc thi công, xây dựng Dự án phải tuân theo các Quyết định của UBND Thành phố Hà Nội là: Quyết định số 14/2007/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn và Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 ban hành các biện pháp giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Đăng ký khai thác tài nguyên nước và xả nước thải vào lưu vực nguồn nước theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 16/08/2010 của UBND Thành phố Hà Nội.

2. Khi có sự thay đổi về quy mô, mục đích sử dụng, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản gửi UBND huyện Sóc Sơn, phòng Tài nguyên Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi khi có văn bản chấp nhận của cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện chương trình giám sát môi trường 02 lần/năm và các cam kết khác như đã đăng ký trong Bản cam kết bảo vệ môi trường. Kết quả quan trắc môi trường gửi UBND huyện Sóc Sơn, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Quang Tiến để kiểm tra, giám sát.

Điều 3: Uỷ nhiệm Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa của Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và hoạt động của công trình.

Điều 4: Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH XD&TM Ngọc Hà;
- UBND xã Quang Tiến;
- Lưu TN&MT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Trí